

Tác Giả và Tác Phẩm

Phạm Thành Châu

Tiểu sử

(xem *Vài hàng về tác giả*)

Tác phẩm

(xem *Vài hàng về tác giả*)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Buổi Chiều ở Thị Trấn Sông Pha – 2

Cô Lành về Quảng Nam...- 7

Bí mật của một câu kinh Phật – 14

Phổ Hội của tôi – 20

Bí mật của ông thầy thọt – 30

Phụ đính :

Kén chồng cho con 34 – Nhất tiểu 41 - Xuân tha hương 46

Vợ chồng điệp viên 53 – Lời tỏ tình 60 - Hai con quỉ 65

Không có con rắn không có nhân loại 68

Chuyện vợ "Ông nhà thơ" 72 – Nhất chi mai 77

Chim đã bay 82 - Lá số tử vi 87

30 tháng tư: chuyện người nghĩa quân thờ hình của chính mình 94

Phở Xe Lửa, ông Toàn Bò và chợ Eden 99

Cà phê cà pháo 101

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vài hàng về tác giả

Tác giả sinh quán tại Hội An, Quảng Nam, tốt nghiệp Đốc sự 14 viện quốc gia hành chính, cựu tù nhân chính trị, hiện định cư tại Springfield, Virginia.

Nhà văn Phạm Thành Châu đã cộng tác với các báo Văn, Thế Kỷ 21 và có ba tập truyện ngắn đã xuất bản. “Nhân vật trong truyện của anh thật tuyệt vời! Họ chung tình quá sức”. Nhà văn, nhà biên khảo Võ Phiến khi đọc truyện của Phạm Thành Châu đã nhận xét như trên. Sau đây là ba tập truyện ngắn của ông.

Bức họa khoả thân
Nhớ Huế
Lý lẽ của trái tim

&&&

Buổi chiều ở Thị Trấn Sông Pha

Mưa càng lúc càng nặng hạt. Thị trấn Sông Pha với hai dãy phố trên quốc lộ 20 như chìm ngập trong mưa. Người đàn ông lom khom chạy, tay che đầu, cổ rụt xuống, tưởng như thế mưa sẽ không đổ xuống người. Khi đến một quán ăn, ông ta tạt vào hiên, đứng giữ giữ áo, phủi nước trên tóc rồi mới bước hẳn vào trong. Một cái quán bình thường, giống như bát cứt quán cơm, phở, mì nào trên quốc lộ, tỉnh lộ. Cũng mái tôle, vách ván, vài cái bàn gỗ mộc, trên để ống đũa, muỗng, mấy chai xì dầu, nước mắm...vài con ruồi bay lảng vảng. Mùi ẩm mốc, mùi đất lẫn với mùi thức ăn gọi cho ông ta cảm giác dễ chịu, tưởng như quen thuộc với nơi này rất lâu. Trong quán đã có vài ba người đang xì xụp ăn, mấy ly bia đã cạn. Có lẽ họ là thợ rừng vì bên lề đường có một xe be chở mấy súc gỗ to tướng, dài cỡ vài chục mét. Họ vừa ăn vừa nói chuyện nhát gừng với nhau. Người đàn ông tìm một góc, ngồi tránh gió lùa. Qua khung cửa sổ ông ta nhìn đăm đăm cái dốc cầu lỗ lói, rồi nghiêng người nhìn cho rõ cái cầu sắt, đen đũi, giống một con thú yên lặng chịu đựng cơn mưa lạnh. Mấy người đàn ông ăn xong, kêu lên “Tính tiền, bà chủ!” Một chị đàn bà, cỡ dưới bốn mươi, từ sau quầy đi ra. Họ đối đáp, cười nói xã giao vài câu trong lúc trả tiền, rồi toán đàn ông cũng lom khom chạy ra xe, nổ máy. Chiếc xe be ịch leo lên giốc cầu, chậm chạp như con khủng long trườn qua giòng nước chảy xiết phía dưới, mờ dần trong mưa.

Có tiếng lao xao ngoài đường. Mấy toán học sinh đi học về. Chúng đi từng bọn với nhau, trò chuyện. Những chiếc áo mưa đủ màu. Bọn con gái đi nép dưới hiên nhà, bọn con trai thì lội ngược giòng nước mưa, dùng chân tạt nước vào nhau, đuổi nhau...Buổi chiều mưa u ám bỗng như sống động hẳn lên vì lũ học sinh. Người đàn ông chợt nhớ lại, lần trước, cách đây vài mươi năm, ông cũng ngồi trong quán ăn nhìn ra đường và bọn học trò cũng đi học về. Cảnh vật, nhà cửa hai bên đường đã hoàn toàn đổi khác nhưng chiếc cầu sắt và lũ học trò vẫn thế, dù lần trước trời không mưa, các cô thì áo dài trắng, các cậu quần xanh áo trắng. Ông ngạc nhiên tưởng chừng những cô cậu học sinh ngoài kia vẫn cứ đi học từ lúc đó đến bây giờ. Đáng đi dịu dàng của các cô, vẻ nhanh nhẹn vô tư của các cậu vẫn thế. Và nếu không có cơn mưa, ông đã đứng trên dốc cầu ngắm các cô đi học về rồi lần xuống bờ sông, nhìn mê mải giòng nước như ông đã làm trước đây, khi ông còn trai trẻ.

“Thưa ông dùng chi?”

Chị chủ quán đứng bên ông tự lúc nào “Xin lỗi chị!..”

“Dạ, không sao. Ông có định ăn hay uống món gì? Hay ông chỉ ngồi trú mưa, cũng không sao!”

“Chị có cháo lòng không? Tôi nhớ lần trước, có ghé lại một quán ăn nào đó, hình như đằng kia kia, có món cháo lòng ngon lắm”

“Dạ tôi cũng có cháo lòng nhưng có lẽ không ngon như ở cái quán mà trước đây ông đã ăn”

“Thú thật tôi cũng không nhớ có ngon không, nhưng ở đó có một kỷ niệm nên tất cả thành ra đẹp và ngon. Lúc nãy tôi đi tìm quán cháo lòng thì người ta chỉ đến đây. Bây giờ sao không còn thấy cái quán đó nữa, chị?”

“Dạ, quán đó đã đóng cửa, bán nhà cho người khác rồi”

“Tiếc quá! Chị cho tô cháo” Trong lúc chị chủ quán cúi húi làm việc, ông ta để ý mới biết phía trước là quán ăn, phía sau làm nơi cư ngụ của cả gia đình. Lối đi vô nhà sau nằm ngay nơi bếp, cách biệt hẳn hai nơi rõ rệt.

Một cô học trò chạy ùa vào nhà “Thưa mẹ, con đi học về!” Nó xoay qua chào ông khách “Chào bác ạ!” “Vâng, chào cháu!” Nó chào xong là biến mất sau cửa.

“Hùng ơi! Nhớ nấu cơm kẻo ba con về không kịp” Tiếng con bé từ sau nhà vọng ra “Sao giờ này ba chưa về, mẹ?”

“Nghe ba con nói chiều nay ghé trường đón em con rồi ra xưởng họp hành gì đó” Chị chủ quán bưng tô cháo đến, ông ta hỏi “Con gái sao đặt tên Hùng như con trai?” Chị cười “Ở trường nó tên Hồng, ở nhà quen gọi Hùng từ lúc nhỏ, chúng tôi cắt tóc ngắn, cho mặc đồ con trai, chúng tôi thích con trai...”

“Tôi thấy tên Hùng đặt cho con gái có vẻ hợp lý. Nhiều ông tên Hùng mà chẳng hùng dũng gì cả, như tôi chẳng hạn”

Chị chủ quán đặt tô cháo trên bàn, không trả lời, chỉ liếc nhìn ông khách, xong chị quay về ngồi sau quầy, khuất sau mấy bó hành xanh, ớt chín đỏ treo tòn teng như những vật trang trí. Người đàn ông thong thả nhai những miếng lòng, miếng gan, mắt vẫn lơ đãng nhìn ra đường mưa. Chị chủ quán chăm chú nhìn ông khách ăn, rồi như chợt nhớ ra điều gì, chị lấy trái chanh, xắt mấy miếng, đặt trên cái đĩa nhỏ mang ra

“Tôi quên đem chanh. Ông có uống gì không? Nước ngọt hay bia?”

“Chị cho tôi xin trà nóng. Trời mưa uống trà thích lắm”

“Dạ, ông chờ cho chút, tôi có sau nhà, trà cho khách uống không được ngon”

“Cám ơn chị. Có lẽ tôi là khách đặc biệt mới được chị đãi trà ngon”

“Dạ, tôi đoán ông sành uống trà nên phải có trà thơm cho ông. Thường ngày khách chỉ uống cà phê, trà buổi sáng. Họ ngồi chuyện trò cả buổi nên chỉ dùng trà thường”

Chị chủ lại về ngồi chỗ cũ. Cô gái sau nhà đi ra, âu yếm ôm vai mẹ. Hai mẹ con chuyện trò nhỏ nhỏ gì đấy. Ông khách nhìn và cười.

“Ra đường người ta tưởng là hai chị em. Giống nhau quá!” Chị chủ quán cũng cười.

“Nó lớn rồi, lên trung học mà cứ làm nũng với mẹ như con nít” Chị nói với con gái.

“Nước sôi rồi, con lấy hộp trà trên bàn thờ ra đây cho mẹ. Xong rồi lo học bài, làm bài. Theo mẹ hoài, bác khách cười cho”.

Ông khách không dám nhìn lâu, sợ bắt nã, nhưng cũng nhận ra chị chủ quán có đôi mắt đẹp và buồn xa xăm như đắm chiêu về một nơi nào. Bỗng ông nhíu mày lại, đôi mắt đó, hình như ông đã gặp ở đâu? Ông ngược nhìn chị, bắt gặp chị ta cũng đang nhìn ông. Cả hai có vẻ bối rối.

Ông đành hỏi một câu cho bớt ngỡ ngàng

“Chị lập quán này lâu chưa?”

“Dạ, sau giải phóng độ vài năm”

“Chắc chị người vùng này? Tôi nhớ lần trước có thấy đâu đó mấy chữ Thị Trấn Sông Pha, hình như lúc vừa từ đèo đổ xuống, chữ lớn lắm”

“Nó còn đấy chứ, có lẽ trời mưa nên ông không thấy” Chị chủ quán bưng bình trà và một cái tách trên một khay nhỏ.

“Mời ông dùng trà”

“Cám ơn chị. Buôn bán có khá không chị?”

“Dạ, cũng đủ sống. Mọi khi trời không mưa thì giờ này cũng có lai rai khách đến nhậu”

“Chị cho tính tiền”

Sau khi trả tiền, ông khách nhìn ra đường

“Mưa lớn quá!”

“Mọi năm, tháng này đâu có mưa. Hôm qua trời còn nắng mà cũng không lạnh” Và như hiểu ý, chị nói “Trời còn mưa, nếu không vội, ông cứ ngồi đây tự nhiên”

“Cám ơn chị, tôi định đi loanh quanh đây, nhưng mưa quá!”

“Có lẽ ông muốn tìm ai?”

“Tôi tìm một người quen. Thú thật, tôi chỉ nhớ tên, chứ không nhớ rõ người, lâu quá!”

“Chắc ông biết nhà?”

“Thì cái quán đằng kia, nhưng đã đổi chủ rồi nên tôi chỉ đi lang thang cho đỡ buồn. Nói đúng ra, tôi tìm một kỷ niệm. Mà chị biết, kỷ niệm thì người thích thì giữ, người không thích không muốn nhớ đến. Nhiều khi chuyện không đâu, chẳng có gì đáng nhớ, lại nhớ suốt đời...”

Chị chủ quán về lại sau quày, có vẻ tò mò

“Người quen mà mình quên mặt! Thế làm sao ông tìm?”

“Giả như có tìm ra người, chắc gì người nhớ ra mình. Lâu quá! Cỡ vài mươi năm, cho nên tôi tìm cho biết thôi. Tôi nói thế này, chắc chị thông cảm với tôi liền. Bây giờ, tình cờ chị tìm thấy quyển vở, quyển sách thời còn đi học, hay rõ hơn, chị đọc lại quyển lưu bút chẳng hạn, chị sẽ bồi hồi nhớ lại tất cả, thương yêu tất cả. Mà những người bạn trước kia, nay đã khác rồi, từ gương mặt đến tâm hồn, suy nghĩ, cho nên trong những giây phút hồi tưởng đó, cách tốt nhất là chị đến trường cũ đứng nhìn, chị sẽ thấy lại cả một quãng đời thanh xuân với bạn bè ngày trước... Nghĩa là nó ở một thế giới khác, cách biệt hẳn với hiện tại. Tôi cũng thế, tôi muốn đến đây, ngồi lại cái quán ăn cách đây mấy chục năm, gọi một tô cháo, ăn xong, lang thang trên đường này, đứng ở dốc cầu kia, ngắm mấy cô nữ sinh đi học về, rồi xuống dưới bờ nhìn giòng sông. Cũng may, con đường còn nguyên, cây cầu còn nguyên, giòng nước thì vẫn thế, chỉ có cái quán ăn không còn mà thôi. Cái lạ là người tôi muốn tìm, tôi cũng ước ao cô ta vẫn chỉ độ mười sáu, mười bảy tuổi thôi. Không phải cho tôi bây giờ, mà để tôi tìm thấy tôi lần đầu tiên trong đời được cô ta ban cho cái hạnh phúc đẹp đẽ, thánh thiện của tình yêu. Cho nên tôi nói với chị là tôi đi tìm dĩ vãng, tìm người cũng có, nhưng lại không muốn gặp người”

Ông khách nói một hơi như sợ không còn dịp để thổ lộ ý nghĩ mình. Chị chủ quán có vẻ thông cảm.

“Coi bộ ông cũng lãng mạn dữ. Nhưng giả dụ, nay, ông gặp lại người cũ, dĩ nhiên bây giờ già rồi, xấu rồi, ông còn giữ tình cảm, đúng ra, tình yêu của ông đối với người đó không?”

“Chị với tôi đều lớn tuổi rồi, nên tôi nói chị sẽ hiểu ngay. Tình yêu lúc đầu là dáng người, ánh mắt, miệng cười, lời nói... Rồi theo thời gian nó không là hình bóng nữa mà là sự cảm thông, chấp nhận, hòa tan vào nhau. Ý tôi muốn nói ở đây là dù cô ta có thế nào tôi vẫn cứ yêu thương. Tôi yêu cái tình mà tôi tin rằng cô ta yêu tôi, yêu cả tình tôi yêu cô ta nữa. Thật khó giải thích! Nhưng chị còn nhớ một bài thơ của ông Phan Khôi có câu “Liếc đưa nhau đi rồi! Con mắt còn có đuôi”?

Qua bao năm dài nó còn lại là tấm lòng chứ không phải vì tuổi tác hay sắc diện bề ngoài” Bàn của ông khách cách quày của chị chủ quán độ năm mét, nhưng tiếng mưa nghe rào rào trên mái tôle, ông khách sợ người nghe không rõ, không thông cảm nên ông nói lớn tiếng. Chị chủ quán có vẻ bối rối, nhìn ra đường rồi chị lại cúi xuống lấy ấm nước đến rót vào bình trà cho ông khách “Ông bảo đi tìm người ta mà lại không muốn gặp, vậy ông đến đây làm gì?... Để tôi bỏ thêm ít trà nữa” “Cám ơn chị. Thật tâm, tôi muốn gặp nhưng sợ người ta quên nên không dám đối diện. Mà dù có còn nhớ, tôi cũng không nên xáo trộn cuộc sống của người ta. Chắc chắn cô ta đã lập gia đình, có con cái, sống với hạnh phúc bình thường của một người bình thường” Chị chủ quán đi lấy hộp trà, mở ra, nghiêng đổ một ít vào lòng bàn tay rồi mở nắp bình trà, cẩn thận bỏ vào. Ông khách ngược nhìn chị, hai khuôn mặt gần sát nhau, ông thấy rõ đôi mắt đen chăm

chú vào bình trà, chiếc mũi thon, hơi héch lên, vẻ nghịch ngợm, miệng mím lại nửa như làm nghiêm, nửa như cười, gò má hồng, da mịn.

Ông nghe cả hơi thở nặng nề từ đôi ngực căng phập phồng sức sống của tuổi sung mãn. Ông nói nhỏ “Cám ơn chị, trà thơm quá! Vị đậm và có hậu” Chị chủ vẫn cúi xuống, lắc nhẹ bình trà “Ông chờ một lát cho trà ngấm. Trà Blao ướp ngâu, chúng tôi thường uống trà này, quen rồi” Chị quay về quầy “Nghe ông kể tôi cũng tò mò, muốn biết câu chuyện ra sao và tên của người hôn hạnh được ông nhớ mãi, suốt mấy mươi năm. Tôi sẽ cố tìm giúp ông, biết đâu tôi sẽ tìm thấy. Tôi là người ở địa phương này” “Lúc này chị bảo tôi lãng mạn, có lẽ đúng. Chuyện chẳng có gì. Với người khác không đáng để nhớ, nhưng với tôi lại là một biến cố lớn trong đời. Đại khái như thế này. Năm đó, tôi học đại học sắp ra trường, ở Sài Gòn. Trong dịp tôi theo mấy người anh họ đi dự đám cưới của một người bà con trên Đa Lạt, lúc quay về chúng tôi đồng ý sẽ ghé Nha Trang chơi. Tôi nhớ đó là lần đầu tôi theo quốc lộ 20 nên tất cả đều mới lạ và đẹp. Đèo Ngoạn Mục, Đa Nhim, Sông Pha... Lúc vừa vào thị trấn Sông Pha thì xe bị trục trặc, người lái xe bảo phải chờ hơn hai tiếng đồng hồ để người phụ tải đi mua phụ tùng về thay. Chúng tôi rủ nhau vào quán đằng kia. Trong khi các người anh nhậu nhẹt, tôi chỉ kêu một tô cháo lòng. Cô con gái của chủ quán đem cháo ra. Tôi đoán thế vì tôi thấy cô đi học về, vào nhà thay đồ rồi ra phụ với gia đình ngay. Cô trông rất có duyên và vui. Bây giờ gặp lại, có lẽ tôi không nhận ra, chỉ còn ấn tượng là cô có đôi mắt đẹp, đen nhánh, như cười, môi hồng tự nhiên. Tôi bảo cô “Anh đi chiếc xe đồ kia kìa, nó bị hư ph i sửa, ít nhất vài tiếng nữa. Anh ra đằng dốc cầu kia đứng chơi, khi nào xe đó sửa xong, em bảo họ chờ một lát và cho người ra kêu anh, được không?” “Được chứ, nhưng nếu kêu anh, anh sẽ thưởng gì?” “Nếu là người phụ việc ở đây, anh sẽ biếu ít tiền để cám ơn” “Nếu em gọi?” Tôi đùa “Nếu là em, anh sẽ tặng em quả tim của anh, để em nấu cháo, khách sẽ khen ngon” Cô le lưỡi “Anh nói nghe mà ghê!”

Tính tôi vẫn thế, đến chỗ lạ là thích lang thang, nghiêng ngó cảnh vật, đường sá, nhất là nơi nào có chiếc cầu bắc qua sông là tôi có thể đứng ngắm nhà cửa bên kia bờ, ngắm giòng nước cả giờ không chán. Tôi nhớ rất rõ, khi tôi đứng dưới dốc cầu, mặt trời lặn sau dãy rừng cây âm u phía xa, màu mây trời làm đỏ rực mặt sông, tiếng chim về tổ gọi nhau...Chị có ra đó đứng ngắm cảnh chiều tà lần nào chưa? Đẹp lắm! Về êm đềm của thị trấn yên tĩnh, hiền hòa này cứ ở mãi trong trí tôi, biến thành ước ao ngày nào được về đây sống, và mỗi buổi chiều ra ngắm giòng sông... Trong lúc đang mơ màng thì tôi nghe tiếng kêu “Anh đó, về lẹ lên, xe sắp chạy rồi” Tôi ngẩng lên thấy cô học trò, con chủ quán, vừa chạy trên bờ vừa kêu. Cái bờ sông, tuy không cao lắm, nhưng có cỏ, nên cô bị trượt chân, gượng lại không được, cứ chạy chúi nhủi xuống phía tôi. Tôi giữ được tay cô nhưng cô cũng ngã nhào vào người tôi, khiến tôi cũng suýt ngã theo. Đôi mắt cô ngược nhìn tôi sáng long lanh. Cô mắc cỡ nên má cô hồng. Tóc cô dài và đen, vương đầy cánh tay tôi. Không hiểu sao tôi lại đủ can đảm hôn lên môi cô, chỉ hôn phớt thôi. Môi cô mềm, hơi thở cô thơm như của trẻ thơ. Đó là nụ hôn khiến tôi rung động, hạnh phúc nhất trong đời. Bao nhiêu năm rồi, tôi vẫn cảm tưởng như mới đây. Cô đẩy tôi ra, lùi lại, nhìn sửng tôi rồi cô cười và nói “Chạy tìm anh bắt mệt!” Tôi nói “Cám ơn em”. Có lẽ cô bị xúc động nên cứ lúng túng không lên được bờ dốc. Tôi nắm tay cô kéo đi “Anh tên Hùng, em tên gì?” “Phúc Lan” “Anh sẽ trở lại thăm em” Lên khỏi bờ sông, cô gỡ tay tôi ra và chạy trước. Cô mới lớn, hơi cao và ốm nhưng đáng đi đã uyển chuyển, tóc cô bay trong gió...” Chị chủ quán bỗng kêu lên “Thôi chết, trời mưa mà tôi quên đây mớ củi, ướt hết!” Chị khoác áo mưa, cứ để đầu trần chạy ra cửa, vòng ra sau hè. Người đàn ông không quan tâm, rót nước trà uống, ông ta như muốn kể cho riêng mình nghe. Một lát chị quay vào, cởi áo mưa treo trước hiên. Đầu tóc, mặt mũi ướt đẫm nước mưa. Chị phân bua “Mưa lớn quá, ướt hết cả!” Chị ra sau quầy, lấy khăn xoa đầu tóc, lau mặt, rồi hỉ mũi sụt suyết. Người đàn ông kêu lên “Chị bị cảm rồi đó!” “Cám ơn, tôi sẽ uống thuốc. Ông kể tới đâu rồi? Xin lỗi, tôi vội quá” “Chuyện đến đó là hết, chẳng có gì hay ho” “Ông hứa trở lại, rồi ông có trở lại không?” “Thú thật, đôi khi tôi cũng quên bẵng đi.

Chẳng phải tôi có người yêu khác, mà cuộc đời cứ bắt đầu óc mình quay cuồng với bao chuyện rắc rối, khi nhớ đến cô bé đó thì lại tự hẹn mình chờ dịp thuận tiện.

Rồi vụ đổi đời năm bảy lăm, tôi không thể đi đâu được. Bây giờ tôi ở xa lắm. Hơn nửa đời người, bao nhiêu biến chuyển, chỉ còn đọng lại trong tâm hồn tôi kỷ niệm nhỏ bé với cô Phúc Lan và buổi chiều Sông Pha năm nào. Tôi nhớ người cũ, cảnh cũ lắm mới tìm về đây. Tôi thấy thích ở đây, ở đến già đến chết cũng được” Chị chủ quán cười “Nếu ông về ở đây, hể đến quán này, tôi tính nửa giá thôi. Nhưng bây giờ ông định làm gì, có muốn gặp lại cô bé ngày xưa không? Theo ông kể, có lẽ tuổi cô ta cũng cỡ tôi, cũng đi học cùng trường với tôi, nhưng sao nghe cái tên lạ quá. Để tôi giúp ông, tôi sẽ hỏi các bạn tôi ở đây, dù cô ta có đi nơi khác cũng còn bà con, bạn bè biết cô ta. Nhưng hỏi ra thì báo cho ông cách nào. Ông có địa chỉ không? Ông có muốn nhắn gì với cô ta không?” “Ý kiến chị vậy mà hay. Tôi chỉ cần biết cô ta ở đâu để có dịp tôi chỉ đến nhìn thôi, chứ không gặp. E cô ta đã quên hẳn tôi rồi! Lại nữa tôi không muốn xáo trộn cuộc sống của cô ta. Tôi là kẻ ngoại cuộc rồi” “Ông cứ cho tôi địa chỉ, khi tìm ra, tôi sẽ báo cho ông” Rồi chị cười “Tôi cũng bắt chước cô bé ngày xưa của ông, hỏi ông, nếu tìm ra cô ta, ông thưởng gì cho tôi? Tôi không cần tiền cũng không cần quà tim của ông” “Chà, khó hề! Thôi thì như chị nói, tôi sẽ đến quán này hằng ngày, suốt quãng đời còn lại của tôi” “Đùa với ông thôi, bây giờ ông cho tôi địa chỉ, nhưng bà xã ông nổi ghen thì không phải lỗi của tôi đâu nghe” “Tôi chẳng có gia đình. Tôi đã là thanh niên râu ròi, lỡ thì rồi! Chị có giấy cho tôi xin tờ, cây viết nữa” Chị chủ quán gọi lớn “Hùng ơi, đem cho mẹ cây viết và tờ giấy” Cô bé chạy ra “Con đem cho bác đằng kia” Chị chủ quán ngồi nhìn con gái và ông khách, ngạc nhiên thấy hao hao như hai cha con. Ông khách hỏi ý kiến chị chủ quán “Có lẽ tôi nên viết mấy giòng cho cô ta để nhắc lại chuyện cũ xem cô có nhớ ra không. Tôi nên gọi cô ta là chị, là bà hay là cô?” “Tôi thấy ông nên viết là bà hợp lý hơn” “Phải rồi, gọi là bà đúng đắn hơn. Rủi người ta không nhớ ra mình cũng không bảo rằng mình thiếu lịch sự” Người đàn ông ngồi nép vào vách để tránh bụi mưa, chống cằm suy nghĩ một lúc rồi cầm cúi viết. Được độ nửa trang ông đọc lại rồi đem đến cho chị chủ quán “Chị xem tôi viết thế này có được không?”

“Kính gửi bà Phúc Lan,

“Tôi tên Hùng, cách đây gần hai mươi năm, tôi là người khách đến quán của gia đình bà ăn tô cháo. Xong, tôi ra bờ sông ngắm cảnh trong lúc chờ xe đồ hỏng phải sửa chữa. Bà có ra gọi tôi vì xe đã sửa xong, tôi được biết tên bà là Phúc Lan. Tuy chỉ có thể nhưng tôi vẫn nhớ đến bà mãi. Hôm nay tôi ghé lại Sông Pha thì quán của gia đình bà không còn nữa! Tôi chỉ mong được biết tin về bà bây giờ ra sao? Bà chắc đã có gia đình, tôi thì cũng lớn tuổi rồi, không còn như ngày xưa! Thế nên tôi chỉ ước mong bà xem tôi như một người bạn nếu bà còn nhớ ra tôi. Còn như bà đã quên hẳn tôi thì tôi xin lỗi bà về những giòng chữ vô duyên này. Tôi đã kể hết cho chị chủ quán, người đưa mảnh giấy này, nếu tò mò, xin bà cứ hỏi chị ta. Kính chúc bà và ông nhà và các cháu Khang an, vạn sự như ý. Kính thư . Hùng”

Chị chủ quán đọc xong “Ông viết thế này đủ rồi, nếu cô ta có hỏi gì về ông, tôi sẽ kể lại như ông đã kể cho tôi nghe” “Cám ơn chị. Tiếc quá, hôm nay trời mưa, tôi không thể đi lòng vòng thị trấn này” “Ở đây buồn lắm, trời mưa lại càng buồn hơn. Ông từng đi đây đi đó...mà lại thích ở đây cũng lạ! Nếu ông chờ, hy vọng ngày mai mưa sẽ tạnh” “Sáng sớm tôi phải đi rồi. Chào chị!” Nói xong ông ta lại xòe tay che đầu, rụt cổ lại đi nép vào hàng hiên. Chị chủ quán ngồi nhìn theo ông ta cho đến khi đi khuất. Chị bần thần đọc lại lá thư rồi xé, ném vào bếp lửa, chỉ giữ lại cái địa chỉ.

Sông Pha Ngày...tháng...năm...

“Anh thân yêu,

“Buổi chiều, lúc anh rời quán, em muốn chạy theo kêu anh, cho anh rõ rằng người anh muốn tìm là em, nhưng không hiểu sao, em chỉ biết ngồi chết lặng. Tối đó, em cứ thao thức mãi.

Tưởng tượng anh đang ở trong quán trọ đằng kia, ngay tại Sông Pha này...Anh gần đó mà sao

em thấy xa vời quá! Tình yêu của em, ước mơ của em, hạnh phúc của em...em tưởng là tuyệt vọng, bây giờ đã hiện ra, nhưng em không còn quyền quyết định nữa!

“Và giờ đây, em đang khóc khi viết cho anh. Khóc vì mừng và giận anh. Sao anh hẹn mà không trở lại? Chỉ một cái trượt chân định mệnh, em ngã vào vòng tay anh, em gỡ tay anh ra nhưng em không gỡ được linh hồn em, cuộc đời em ra khỏi anh. Đã bao buổi chiều em ra ngồi ở dốc cầu, âm thầm khóc vì nhớ anh. Em tưởng như anh còn đứng đấy. Dáng anh cao, mắt anh sáng, miệng tươi cười với em. Vì lời hứa của anh mà em hy vọng mãi. Nghe tiếng xe đồ ngừng trước đường là em hồi hộp, thầm nhủ rằng anh đang xuống xe và đến với em. Chỗ anh ngồi trong quán, không lúc nào là em không nhìn chùng. Em yêu thương cả đến chỗ ngồi của anh! Và tên anh, nghe người ta gọi nhau, em cũng rung động, nhớ anh.

“Với tuổi thơ ngây, em chỉ cầu mong được gặp anh, nhìn anh, chuyện trò cùng anh, thế thôi. Đến khi trưởng thành, nụ hôn của anh, vòng tay anh thành ước mơ được anh ấp ủ, được quán quít bên anh.

“Khi quyết định lấy chồng, em cũng ra dốc cầu ngồi khóc đến sưng cả mắt mà chẳng biết tâm sự với ai. Em chỉ biết kêu lên với giòng sông, với gió chiều “Xin hẹn anh kiếp sau” tưởng như gió sẽ đưa lời của em đến với anh. Nhưng biết anh nơi đâu? Chiều nay em cũng lại ra đấy, đứng nhìn giòng sông, lòng em vui khi anh đã quay lại nhưng không khỏi ngậm ngùi vì những ước mơ chẳng còn gì. Em cũng đành thì thầm với giòng sông, với gió chiều “Xin hẹn anh kiếp sau”. Anh bảo rằng đã quên em, chỉ nhớ đôi mắt em rất vui, rất đẹp. Bây giờ đôi mắt không còn vui, cũng chẳng còn đẹp đến độ anh đã gặp mà không nhận ra em! Em thì giây phút đầu đã biết ngay là anh, nhưng không hiểu anh có còn nghĩ đến em không? Đến khi nghe anh kể lại, khi anh nhắc đến tên anh, tên em, em phải chạy ra ngoài mưa đứng khóc vì xúc động và để khỏi mềm lòng ngã vào tay anh. Yêu anh, nhớ anh đã là một hạnh phúc. Được biết anh cũng nhớ đến em, hạnh phúc và lòng biết ơn anh tràn ngập lòng em. Bao nhiêu năm rồi, nụ hôn của anh, có bao giờ em quên! Dù sao cũng là một an ủi cho em, không bỏ công em lập quán bên đường để chờ anh. Đưa con gái đầu lòng, em đặt tên anh để mỗi ngày gọi anh cho đỡ nhớ, và em cũng không ngờ nó lại phảng phất giống anh... Từ hôm nay em lại nhìn chùng về phía bàn anh ngồi, lại hy vọng. Anh vẫn thế, nhưng em đã thay đổi. Em đã có chồng, có con. Em thương chồng, thương con. Em có một gia đình bình thường, một hạnh phúc bình thường như anh đã bảo. Lý trí em thì nghe theo lời anh “Không muốn xáo trộn cuộc sống của em” Nhưng tự tim em, tự tâm hồn em, cứ mong ngóng được gặp lại anh hằng ngày.

“Hay là thế này. Chúng ta thỏa thuận, cứ vào gần cuối mùa Xuân, mỗi năm anh về thăm em một lần, cũng vào buổi chiều như hôm trước. Anh như là khách lạ, ghé vào quán của em. Anh đừng chuyện trò, hỏi han gì em. Anh cứ ngồi đấy, để em được nhìn thấy anh trong chốc lát, là ban cho em hạnh phúc tuyệt vời rồi. Xin anh đừng liên lạc gì với em cả. Em không ghi địa chỉ của em là vì thế.

“Em van anh, đừng thực hiện ý định về sống suốt đời ở thị trấn này. Dốc cầu còn đó, giòng sông còn đó, ánh nắng chiều vẫn vậy. Nếu anh về ở hẳn nơi đây, mỗi chiều anh ra đứng đấy thì cái thảm cỏ kia sẽ làm trượt chân em. Lần này, em biết, sẽ không gỡ tay anh ra được nữa”

(Trích trong tập truyện ngắn “Nhớ Huế” của nhà văn Phạm thành Châu)

Cô Lành về Quảng Nam...

Cô Lành ở Mỹ về Việt Nam tìm thăm bạn cũ. Xuống máy bay ở Sài Gòn, cô đón xe ra Đà Nẵng, mấy hôm sau, cô đi Vĩnh Điện, một thị trấn nhỏ, cách Đà Nẵng vài chục cây số. Thực ra, trước đó vài ngày, cô có vô Vĩnh Điện, hỏi han vài người ở bến xe điều gì đó rồi cô lại về Đà Nẵng. Lần này, cô đi Vĩnh Điện sớm. Trời còn lất phất mưa nên cô Lành phải mặc áo đi mưa trước khi xuống xe. Khi xe vừa ngừng thì những người chạy xe ôm vây quanh mời mọc. Họ nhao nhao

lên với cô: “Đi mô cô? Tui đưa cô về nghe! Mời lên xe”. Cô Lành nói: “Tôi là khách quen của anh Hai Tí. Thấy ảnh đâu không?” Mọi người dẫn ra: “Phải Tí Kế Xuyên không? Hấn ngồi quán đằng kia kia”

Chữ “Kế Xuyên” dùng để chỉ những người nhà quê, bảo thủ, nhất là có giọng nói rặc Quảng Nam, giống như ta dùng chữ “Sịa” để chỉ dân Huế nhà quê. Tuy là Việt kiều nhưng cô Lành trông rất xập xụi. Cô mặc một bộ bà ba cũ, ngoài khoác áo đi mưa, mang đôi dép lẹp xẹp, tay cầm giỏ lác nhẹ tênh, giống các bà nội trợ, đi chợ buổi sáng về nấu ăn cho gia đình. Cô Lành theo hướng người xe thồ chỉ, đến một cái quán nhỏ, giống bất cứ quán nào ở bên xe thị trấn nghèo và vắng vẻ. Trước hiên quán là một chiếc bàn cũ với hai chiếc ghế dài. Một bình tích với bốn cái ly thủy tinh không được sạch lắm. Ngay bên trong là một cái kệ bày mấy thứ kẹo, bánh, chuối, ổi... Một người đàn ông, ngồi dựa lưng vào vách, tay cầm chiếc bánh ú, miệng nhóp nhép nhai, mắt nhìn tận đâu như đang suy nghĩ điều gì nên không thấy cô Lành bước vào. Anh ta khoảng trên 40, người cao, ốm nhưng rắn chắc, da đen thùi, xương gò má nhô cao, hai mắt sáng trưng thụt vào hốc mắt như mắt con khỉ. Anh mặc bộ đồ nhà binh của lính Cộng Hòa cũ, đã phai thành màu xám mốc. Một chiếc xe đạp thồ tựa vào vách quán. Cô Lành hỏi: “Anh chạy xe thồ phải không?” “Dạ. Cô đi mô?” “Tôi đi nhiều chỗ lắm. Anh biết Thanh Quít không?” “Nhà tui ở đó. Răng không biết?” “Thanh Quít, nhưng vô tuốt trong xa. Anh đi nổi không?” “Ăn thua chi! Lên Di Xiên tui cũng đi tới. Cô chờ cho chút nghe. Tui en xong cái bánh ni là đi liền” Anh xe thồ nhét phần còn lại của chiếc bánh ú vào mồm, trợn trợn nhai rồi trợn mắt nuốt. Anh lấy cái bình tích rót một thứ nước vàng vàng vào ly, bưng uống cạn rồi lấy tay quẹt ngang miệng, coi như làm vệ sinh sau bữa ăn. Anh nói vọng vào trong quán: “Chập nữa quay lại tính tiền luôn nghe, chị Tư”

Anh đẩy xe ra, lấy chiếc áo đi mưa gài ở yên sau mặc vào. Áo đi mưa màu xám tro, dày sục, giống như áo của lính cứu hỏa. Anh mặc ngược để tránh gió lùa vào áo. Anh lấy miếng giẻ nhét dưới yên xe lau cái yên sau cho hết nước mưa. Yên sau là một miếng gỗ lớn, có bọc nệm, làm thủ công nên trông thô kệch nhưng chắc chắn. “Mời cô lên xe. Chừ đi mô đây?” Cô Lành ngồi lên yên sau: “Anh cho tôi vô chợ Vĩnh Điện, mua ít quà cho người quen”. “Cô ngồi rứa không được mô. Phải bỏ hai chun hai bên, ôm tui cho chặt. Đường đất khó chạy lắm, ngồi rứa té bể đầu, tui mang họa”. “Ôm anh, vợ anh có ghen không?” “Vợ con chi tui. Mà có vợ, hén cũng không ghen được, chiện lồm en. Ghen tương, đứa trơ mỏ”

Anh xe thồ đạp ra đường cái một đoạn rồi rẽ xuống đường làng. Đường tráng xi măng nhưng hẹp lại có người đi nên xe phải lách qua, lách lại như làm xiếc. Cô Lành thò tay vào trong áo mưa, vòng ra trước ôm bụng anh xe thồ. Chiếc xe đạp, vì bơm bánh cứng ngắt nên cứ nảy lên từng lúc. Thỉnh thoảng xe thắng thỉnh linh khiến ngực cô Lành ép sát vào lưng anh xe thồ. Ngực cô căng cứng. Anh xe thồ phải chạy chậm lại.

Xe ngừng ở đầu chợ. Cô Lành bước xuống: “Anh chờ tôi ít phút. Anh biết chỗ nào bán cam, sữa hộp không?” Vì bị cô Lành ép ngực vào lưng mình nên anh xe thồ cố ý nhìn mặt cô Lành, nhưng cô trùm mũ áo mưa sùm sụp, chỉ thấy được hai con mắt ướt rượt, đuôi mắt kéo dài ra, rõ ràng cô đang cười bằng mắt với anh ta. “Trong ni không có cam, quít chi mô. Sữa bò hộp ở quán tê tê”

Chợ Vĩnh Điện, gần Tết nên rộn rịp người mua, kẻ bán. Nông sản từ các làng lân cận đem đến. Khoai củ, gà vịt, rau quả. Đặc biệt là rau và hoa, thứ hoa bình dân như vạn thọ, mào gà, phượng ta, cúc... khiến cho chợ rục rờ, tươi mát, thơm tho. Có cả những cành mai của những nông dân đứng lóng ngóng đầu chợ, gặp ai cũng mời mua. Gà vịt cũng nhiều. Mấy chị đàn bà ngồi chò hỏ với mấy con gà, con vịt bị trói chân, nằm ngóc mỏ nhìn thiên hạ, vừa an phận vừa tuyệt vọng. Ai cũng đem hàng ra chợ để có chút tiền sắm Tết. Đông khách nhất là mấy sạp vải, áo quần. Các bà, các cô lựa chọn, trả giá những mảnh vải nhiều màu sắc, những áo quần trẻ con đủ kiểu, lòe loẹt với hình những con thú, hoa lá... Cô Lành vào một tiệm tạp hóa mua mấy

hộp sữa đặc. Cô tìm hàng cam, nho nhưng không thấy. Chợ nhà quê không có những hàng xa xỉ đó. Một lúc sau, cô Lành đi ra. Anh xe thò đã trở đầu xe. Cô ngồi lên. “Chừ đi mô đây?” “Xong rồi. Anh đưa giùm tôi qua Thanh Quít.”

Đạp một lúc, anh xe thò ngừng lại: “Hết mưa rồi. Để tui cởi áo mưa. Độp một chập nóng thố mồ hôi, hôi rình, cô chịu chi thầu”. “Anh chờ bồ, đố mồ hôi, cô bồ có than hôi rình không?” “Bồ bịch chi mô. Chỉ có khách chịu trận thôi. Họ không núa nhưng tui biết”. “Bộ thời đi học anh không chờ bồ đi chơi sao? Đi ăn quà rong, đi về nhà hái ổi, hái me...” “Chiện xưa rồi cô ơi, nhớ lờm chi cho mệt óc”. “Nhưng cô bồ của anh đâu có than hôi. Cô đó còn khen thơm nữa. Cô ta ngồi sau, hít hít cái lưng rồi khen, Thơm quá! Đúng không?” “Cô tưởng tượng nghe cũng hay, giống tiểu thiết boa xu. Thôi, đi cho mau. Cô chỉ đường cho tôi”. “Thì anh cứ chạy dọc bờ sông...” “Rồi tới mô?” “Gần hai chục năm, tôi cũng không nhớ rõ, nhưng trước nhà có cái máy bơm nước vô ruộng, có cái máng nước băng qua đường”. “Năm bảy cái máy bơm nước, biết cái mô? Hể thấy nhà, cô núa tui ngừng lại nghe! Cô đi thăm ai? Cô núa tên là tui biết liền. Tui sống ở đó từ nhỏ tới lớn. Ai tui không biết!” “Nói ra, sợ vừa đến là anh kêu rằm lên, Có khách đến thăm! thì đổ bể hết. Tôi muốn cho những người đó bắt ngờ... cho vui.”

Xe băng qua đường cái, đổ dốc, vào đường làng. Đường đã được tráng xi măng. Một bên là sông, với hàng tre giữ bờ, một bên là đồng ruộng, đôi chỗ cất nhà, có cả nhà ngói, có quán bán lật vật, vừa là tiệm tạp hóa vừa làm quán ăn. Người đi đường cũng nhiều, không giống như trước đây, chỉ thấy ruộng và cây cối hoang tàn, nhà cửa sụp xệ. Chiến tranh đã chấm dứt, người dân không còn sợ bom đạn tàn phá nên đã chú tâm vào việc dựng lại nhà cửa cho khang trang. Anh Tí chăm chỉ đạp một lúc, không biết cô Lành muốn đến đâu nên nghi ngờ: “Không chỉ chỗ mô, tui đạp miết, cô phải trả nhiều tiền, thiệt hại cô thôi”. “Ôm anh kiểu này, anh không thấy thích sao? Nghề của anh, khi chờ các cô, coi bộ anh khoái lắm. Phải không?” “Tội nghiệp tui, cô ơi! Độp mệt thấy mẹ, sướng ích chi? Kiếm mấy đồng sống qua ngày”. “Anh sống với ai?” “Có bòa mẹ. Mà nuôi không nổi. Bữa cơm, bữa chớ!” “Anh cứ đạp từ từ. Tôi không gấp. Khi chờ khách, anh có nói chuyện với khách không?” “Độp gần thì cũng núa mấy câu. Đi xa, thở bengah mũi, bengah miệng. Khi lên dốc phải nín thở mà độp, thố mồ hôi hột. Về nhòa chun tay rữa rời. Có chi vui mô mà chiện trò!” “Bây giờ anh cứ tưởng tượng đang chờ cô bồ sau lưng, thông thả đưa người đẹp ngắm cảnh, ăn quà rong... Anh sẽ không thấy mệt.” Anh xe thò bỗng ngừng xe bên vệ đường, giọng nghiêm trang: “Tui chạy xe thò kiếm mấy đồng chớ không chờ bồ bịch chi hết. Chờ bồ thì không lấy tiền công. Mà tui với cô có quen biết chi mô? Cô muốn bồ cô chờ khỏi trả tiền thì mời cô xuống đây. Tui ăn cục núa hòn. Thà mắt lòng trước được lòng sau. Đi mô cô không núa, lại ôm tui cứng ngắt, còn núa chiện bồ bịch. Lờm như tui ở không chờ cô đi chơi...”

Cô Lành không giận còn đập tay lên lưng anh xe thò một cách thân mật, cô cười mà nước mắt ứa ra, từ từ chảy xuống má. Cô móc khăn ra chùi nước mắt, khịt mũi và nói: “Tôi thuê anh từ giờ này đến 4 giờ chiều, anh đưa tôi ra lại bến xe về Đà Nẵng. Anh tính bao nhiêu, tôi trả tiền trước. Anh yên tâm chưa?” Anh xe thò dịu giọng: “Cô núa nhòa ai, tui đưa cô tới. Xin lỗi cô. Tính tui không thích núa chiện trai gái. Tui... bậy quá. Núa chộm tự ái cô.”

Cô Lành ngồi im, không trả lời. Cô liếc nhìn anh xe thò rồi ôm mặt khóc. Cô khóc ngon lành như cô bé bị mẹ mắng oan. Anh xe thò bối rối. Anh không biết phải làm gì, đành vịn chặt chiếc xe cho cô ngồi khóc thoải mái. Cô khóc một lúc thì chùi nước mắt, giọng tỉnh rụi: “Hể đạp gần đến nhà nào phía trước đường có cái máy bơm nước, dưới đường có máng dẫn nước vô ruộng thì anh nói tên người chủ nhà đó. Bây giờ cảnh vật thay đổi hết rồi. Ruộng nương đã thành nhà cửa... Xin lỗi anh, tôi khóc không phải vì bị anh rầy la mà tôi thương những người thân yêu của tôi quá!”

Anh xe thò quay nhìn trộm cô Lành. Anh nhíu mày suy nghĩ rồi quả quyết: “Chừ ri. Tui chờ cô đi dọc bờ sông. Đến cuối đường, là chỗ con đường ni quẹo vô xóm trong, cua như hết con đường bờ sông, mà cô không tìm ra nhòa người thân của cô thì tui chờ cô về lại bến xe để cô về Đà

Nền. Tiền công thì tui tính như với người khác. Chèn thiệt hại tui mà cũng chèn thiệt hại cô. Cô ngồi vịn cho chệt nghe!” “Đọc đường anh biết được nhà ai thì nói tên chủ nhà đó. Như vậy tôi sẽ nhớ ra. Biết đâu cái máy bơm nước dòi chỗ khác hoặc nhà tôi muốn tìm đã sửa sang, xây cất lại... Anh cứ đạp từ từ.”

Anh xe thồ bắt đầu nói tên những nhà nào mà anh biết. Độ nửa giờ, khi qua một cái máy bơm nước, anh làm như không biết tên chủ nhà, đạp qua luôn. Nhưng cô Lành đã đạp tay lên lưng anh xe thồ: “Anh dừng lại để tôi hỏi thăm. Nhà này coi bộ đúng rồi.” Cô xuống xe, xăm xăm đi đến một ngôi nhà lợp tôn coi bộ nghèo khổ hơn các nhà khác. Anh xe thồ vội đạp xe chạy ngược lại, dùng chiếc xe làm rào cản, không cho cô Lành bước vào. “Cô biết nhòa ai đây mà cô dõm bước vô? Nhòa công oan. Họ bắt nhốt cô bây chừ!”

Cô Lành nhìn anh xe thồ cười: “Anh dẫu em đâu có được. Em thấy là nhận ra ngay. Bộ anh không muốn em đến thăm bác sao?” Vừa lúc một người đàn bà từ trong nhà đi ra, tay cầm cái chổi, có lẽ để quét sân. Bà ta khoảng trên 60 tuổi. Cô Lành đẩy chiếc xe đạp của anh xe thồ qua một bên, bước vào sân và kêu lên: “Thưa bác. Bác còn nhớ con không?” Cô Lành kéo mũ áo đi mưa đang trùm đầu xuống, hai tay vịn lên vai người đàn bà, nhìn bà, miệng cười vui mừng và chờ đợi. Người đàn bà nhìn chăm chăm cô Lành: “Ai ri hè? Cua quen quen”. “Con là con Lành đây nè. Bác nhớ ra chưa. Lâu quá! Mấy chục năm rồi...” Người đàn bà sững sờ, miệng mấp má: “Trời đất! Lành đây hả con? Răng cua khoác quá! Nhưng boác cũng nhớ được. Con vô nhòa!” Bà ta mừng đến độ lúng túng, lập cập: “Vô nhòa, con. Trời đất ơi! Mấy chục năm mới gặp lại con. Răng, hai đũa gặp nhau ở mô mà chờ nhau về đây? Ngồi đây con. Ở lại chơi, chiều về, nghe con. Hiện nay con ở mô? Chồng con ra răng? Lồm en có khá không? Núa cho boác mừng.”

Người đàn bà kéo cô Lành ngồi xuống bộ phận cũ sì, sứt mẻ, trầy trụa. Bà nói một hơi rồi nhìn cô Lành: “Choa mi! Gần hai chục năm chớ ít ỏi chi. Con ở mô mà boác bết anh Tí con roa Đò Nền tìm không thấy!” Cô Lành cúi mặt xuống, giọng giận lẫy: “Để đó mà ảnh tìm. Lúc này, gặp con ở bến xe, ảnh không thèm nhìn con. Con phải làm bộ thuê ảnh chờ đi tìm người quen. Đi ngang qua nhà bác, ảnh chạy luôn. Bác nghĩ, có đáng giận ảnh không? Bác còn nhớ, lúc ảnh bị thương, nằm ở bệnh viện Duy Tân, con vô thăm ảnh, săn sóc ảnh. Vậy mà khi xuất viện về, con về đây thăm ảnh, ảnh nói đừng đến thăm nữa. Tôi sắp cưới vợ rồi. Từ đó con từ ảnh luôn, không đến đây nữa. Bác nghĩ coi. Tình nghĩa chi!”

Người đàn bà gọi “Tí! Đô biểu cua”. Anh xe thồ, tên Tí, nãy giờ đứng lóng ngóng trước sân, bèn bước vô, ngồi xuống ghé, không nhìn cô Lành. “Răng con núa có vợ cho em con không đến đây nữa?” Anh Tí ngập ngừng: “Thương phết binh, nuôi cái miệng không đủ, đèo bồng vợ con cho khổ lây. Con núa rửa cho cổ không tới nữa. Mà chắc chi gia đình cổ chấp nhận thề thương phết binh. Phải biết thân phận mình chớ.”

Cô Lành thút thít khóc: “Ảnh bỏ con đành đoạn. Trước đó ảnh viết thư nói thương con. Ảnh còn hỏi ý kiến con, bảo con thưa với ba má con, ảnh xin về phép, đưa bác ra Đà Nẵng thăm gia đình con rồi xin làm đám hỏi, đám cưới, con có chịu không? Vậy mà chỉ mấy tháng sau, sau khi bị thương, ảnh bỏ con. Chắc có bồ rồi phản bội con. Bỏ mỗi bắt bóng. Rồi bị cô bồ đá cho. Đáng kiếp!” “Thiệt. Cái thề! Mà xưa nay hén có bồ bịch, vợ con chi mô? Thôi bỏ qua chiện đó đi. Chừ con ở lại en cơm với gia đình boác. Tí, ngồi núa chiện với em. Mẹ ra sau bứt mớ rau nấu miếng canh, en cho móat rứt”. “Khởi nấu nướng chi cho tốn công, bác. Lúc này ngang qua đường kia, con thấy có gánh mì Quảng, nhờ anh Tí đạp xe đi mua cho tiện. Con về đây thêm mì Quảng.”

Người đàn bà móc túi đưa cho anh Tí mấy tờ bạc: “Con mua boa tô, mượn luôn tô, chạp nữa đem trả.”

Cô Lành lấy mấy hộp sữa đặt trên bàn rồi đưa cái bị cói cho anh Tí đi mua mì. Mẹ anh Tí ngồi nói chuyện với cô Lành một lát thì xuống bếp nấu nước pha trà. Cô Lành ngồi ở nhà trên, vén áo mở cái túi nhỏ đeo trước bụng lấy ra một phong bì, trong đó có một xấp tiền và một lá thư. Cô đọc lá thư, ngắm nghĩ một lúc, gạch xóa, viết thêm mấy dòng, bỏ lại vào phong bì, cô le lưỡi

liếm mép phong bì, dán lại rồi đem xuống bếp, đưa cho mẹ anh Tí: “Đây là lá thư con gửi anh Tí, khi nào con về rồi bác mới đưa cho anh”

Cô ôm mẹ anh Tí và khóc: “Con thấy ảnh khổ con đứt ruột. Lúc nãy ảnh chở con, con ngồi sau, ôm ảnh, thấy xương với da, lại nghe ảnh vừa đạp xe vừa thờ dốc, con khóc một trận. Con biểu ảnh đạp chậm chậm, coi như chở bò đi chơi, cho đỡ mệt, vậy mà ảnh cự con, ảnh nói chở bò không lấy tiền công. Ảnh chạy xe thờ, chở đi thì phải trả tiền công. Không biết ảnh có nhận ra con không mà không nghe ảnh nói với con được một tiếng dịu dàng. Chắc ảnh không còn thương con, không nhìn mặt con nữa. Phải không bác?”

Mẹ anh Tí vuốt tóc cô Lành, thở dài: “Hén không thương con thì thương ai? Hén thấy mình nghèo khổ quá nên gặp boạn bè, hén cũng giũa lơ. Con về ghé thăm gia đình bác rứa là quý rồi. Chừ thì đường ai nấy đi. Con cũng phải lo cho gia đình con. Con thương hén, nhưng con phải giữ cái đức hạnh của người đàn bà, phải bảo vệ hạnh phúc gia đình con...” “Con đâu có chồng con chi. Đòi con, chỉ thương có mình anh Tí. Nay con về tìm thăm ảnh, tưởng ảnh đã lập gia đình rồi, không ngờ ảnh chưa có chi hết, con mừng lắm. Giả dụ như ảnh không còn thương con nữa, con cũng quyết không để ảnh với bác phải khổ đâu. Con nói điều này, bác khoan nói cho anh Tí biết, là con hiện ở bên Mỹ, con còn độc thân, con đi làm, không gọi rằng giàu nhưng lương khá lắm. Nếu ảnh tự ái không nhận sự giúp đỡ của con thì con gửi tiền giúp bác. Trường hợp ảnh còn thương con thì nhờ bác nói giùm con với ảnh. Con không lấy chồng vì thương ảnh, nếu ảnh không chịu cưới con thì con nhất định làm gái già chứ không lập gia đình với ai hết. Nhờ bác nói giùm con nghe bác. Hay là bác nói, ảnh không thương con cũng được nhưng phải cưới con để con về phụ với ảnh săn sóc bác, bác đã lớn tuổi rồi, bác cần một người đàn bà săn sóc khi bác ốm đau, bệnh hoạn. Thỉnh thoảng bác nói một câu, lâu ngày ảnh sẽ nghĩ lại.”

Mẹ anh Tí đẩy cô Lành ra, nhìn cô và trầm trồ: “Chu choa, con là Việt kiều hả? Reng en mệc nghèo khổ rứa? Boác cũng không ngờ. Con lờm rứa là con biết ý theng Tí. Con mà xưng Việt kiều, hén không tiếp con mô”. “Bởi vậy con mới ăn mặc như thế này. Bác cất lá thư đi, khi con về rồi thì đưa cho ảnh nghe bác. Thấy bác còn mạnh khỏe, con mừng lắm”. “Hai boác, anh chị em con, còn ai ở đây không? Hai boác có mạnh khỏe không?” “Dạ, qua hết bên Mỹ rồi. Cám ơn bác, ba mẹ con vẫn khỏe. Ba mẹ con cứ thắc mắc, tại sao, hai đứa con, con với anh Tí, tự nhiên chia tay? Con không biết trả lời sao! Bác dụ ý ảnh, khi nào ảnh xiêu lòng thì bác nói ảnh chuẩn bị cho con một số giấy tờ. Khai sinh, bản sao hộ khẩu, chứng minh nhân dân của ảnh và của bác. Qua Mỹ, con làm giấy tờ gửi về ảnh, biểu ảnh ra dịch vụ cho họ làm giấy tờ hôn thú. Bác cứ nói đại khái. Lần sau con về sẽ lo tiếp”. “Nhưng con phải núa trực tiếp với hén...” “Dạ, lát nữa ảnh về con sẽ nói với ảnh.”

Hai người đàn bà tâm sự với nhau một lúc thì anh Tí đem mì Quảng về. Ăn uống xong, mẹ anh Tí giành phần dọn dẹp, ra sau bếp rửa chén bát, còn lại cô Lành và anh Tí ngồi ở nhà trên. Anh Tí rót nước trà mời cô Lành: “Mời cô!” Cô Lành chống cằm nhìn anh Tí: “Anh không kêu em được hay sao? Có gì mà coi bộ anh giận em dữ lắm?” Anh Tí ngồi nhìn ra đường: “Lâu quá không gặp, thấy lạ, nên ngại, chứ chẳng có chi giận hờn”. “Sao lúc chở em, anh nạt nộ em, làm em sợ anh”. “Đâu biết. Tưởng người lạ. Đòi mô tui nhìn đàn bà, con gái.”

Cô Lành mở to mắt, nhìn sát mặt anh, thì thào hỏi: “Có phải anh bị thương rồi có chuyện gì xảy ra cho thân thể anh không mà anh không thềm nhìn đàn bà, con gái?” Anh Tí bưng ly nước uống: “Chỉ bị thương cánh tay, bất khiển dụng ở tay, chớ có chi thay đổi mô! Ai cũng thay đổi hết, chỉ mình tui. Đòi ni là rửa đó!” “Vậy là em biết tại sao anh giận em rồi. Anh tưởng em thay lòng đổi dạ. Đã có chồng hay ít ra cũng bỏ bịch tùm lum. Phải không?” “Tui đâu dóm. Ai muốn nghĩ răng thì nghĩ. Có tạt giựt mình.”

Cô Lành thò tay qua, dặt bàn tay mình lên cánh tay anh Tí, vừa dịu dàng vừa bạo dạn: “Em Lành của anh vẫn lạnh lặn như xưa. Em sẽ chứng minh cho anh thấy. Em để dành cho riêng anh thôi. Lúc nào anh muốn cũng được.”

Anh Tí quay nhìn cô Lành mắt tròn lên kinh ngạc nhưng coi bộ hết giận: “En núa kiều chi? Học mô roa?” “Bây giờ anh nói thật cho em rõ. Trước đây, vì sao anh nói anh sẽ có vợ, đừng đến nữa? Anh có biết, anh nói câu đó mà em bịnh một tháng, khóc hết nước mắt...?” “Thân trai trỏa

xong nợ nước, tàn phế, nuôi thân không xong, lấy chi nuôi vợ con? Cũng may cho cô. Cô lấy tui, sau bảy năm, làm răng nuôi chồng trong tù, nuôi con, nuôi mẹ? Ngay bây chừ, cô nhìn nhòa tui đây, trống trước, trống sau, gỗ không đủ nấu. Cô ở được mấy bữa?”

Cô Lành bóp chặt cánh tay anh Tí: “Chuyện đó để em lo. Em chỉ hỏi anh. Anh còn thương em không? Mà không còn thương em, em cũng chấp nhận nữa. Miễn là anh cho em được thương anh, để em được gần anh, gần mẹ, săn sóc cho mẹ. Khi anh đi lính, em thường đến thăm mẹ. Mẹ coi em như con nên em cũng coi như mẹ ruột. Sau này, mẹ sẽ già yếu, anh là con trai, làm sao săn sóc cho mẹ được?”

Anh Tí yên lặng, rót nước uống rồi nói: “Thôi được! Nhưng cô chờ cho tuần sau, khi tui xây lại nhòa ni thành nhòa lầu, sắm một cái TV màu, một chiếc Hon đơa mới tinh... rồi tui roa Đòa Nền đón cô về”. “Bộ anh hóa phép màu hay sao?” “Phép tét chi! Tui trúng độc hết, chi không có! Tuần ni không trúng thì tuần sau, tuần sau nữa. Cô cứ chờ, chớ tui đâu có phụ rẫy chi cô. Chờ tới khi tui già, cô già, rồi chết là xong.

Cô núa chiện trên trời! Trừ khi cô là triệu phú thì họa may. Nhưng cô giàu có, thì tui thỏa chết còn hơn là nhờ cô”. “Anh cũng bị tù cải tạo sao không đi diện HO?” “Tui đi tù. Bệnh sắp chết, chúng cho kiêng về chôn. Không biết rằng, tự nhiên hết bệnh. Chưa đủ boa năm”. “Bây giờ em lo được giấy tờ để anh và mẹ qua Mỹ. Anh nên vì em, vì mẹ mà đi Mỹ. Nghe anh!” “Lòm giấy tờ giữa mộ chỉ có đi tù chớ đi Mỹ chi!” “Nhưng em làm giấy tờ hợp pháp, anh có đi không?” “Đại chi không đi.”

Nhưng tiền bạc, chi phí tính rằng?” “Qua Mỹ, anh làm có tiền, trả lại em”. “Nhưng có chiện chi, tui không đi tù lần nữa đâu. Tui ngán đi tù rồi”. “Bảo đảm với anh không sao đâu. Miễn anh ừ một tiếng thì em lo xong ngay. Ừ đi anh!” “Tui biết cô chèn lòm được chi mô, nhưng tui cũng ừ cho cô vui lòng”. “Nhớ nghe! Hứa là phải giữ lời. Anh nhớ lúc còn đi học, mỗi khi anh và em hứa với nhau điều gì, mình thường ngoéo tay nhau. Bây giờ mình cũng ngoéo tay đi anh”. “Thôi thôi, giữa đầu rồi, đừng lòm trò trẻ!”

Anh Tí lại làm nghiêm, cô Lành thì tìm cách sao cho anh ta cười. Cô biết tính anh Tí, nên không lấy đó làm buồn. Cô chợt hỏi: “Con Hạnh còn ở bên nhà không?” “Hén có đi mô! Giờ ni chéc hén về rồi. Hén lòm bánh bông loan bỏ mối ngoài chợ Vĩnh Điện và mấy tiệm en, quán nước. Để tui qua cua thử.”

Khi anh Tí qua nhà cô Hạnh thì cô Lành lại kéo áo mở cái túi đeo trước bụng, móc ra một tờ trăm đô, xếp nhỏ lại bỏ vào túi. Đây là quà cô dành cho cô bạn tên Hạnh, cũng là hàng xóm của anh Tí. Chỉ 5 phút sau, cô Hạnh theo anh Tí đi vào. Anh Tí hỏi: “Mi biết ai đây không?” Cô Hạnh nhìn cô Lành, tần ngần một lúc rồi nói: “Ai ri hê? Coi giống con Lành! Phải mi là con Lành không mi?” Cô Lành đứng lên cười cười: “Cho nói lại lần nữa. Cố nhớ coi!” Cô Hạnh la to lên: “Tổ cha mi! Mi là con Lành chớ ai vô đây?” Hai cô nhào vô, ôm nhau. Cô Hạnh ứa nước mắt: “Mấy chục năm ni mi đi mô? Tao bắt ông Tí đi tìm mi mà không biết mi đi mô?!” Rồi cô Hạnh cười: “Tính tao hay khóc. Gặp mi tao mừng quá!” “Bộ mi khóc mừng gặp lại tao không đáng mấy giọt nước mắt sao mi tiếc. Đừng làm như ông Tí. Gặp tao không thèm nhìn, còn nạt nộ tao nữa”. “Ông đó tàng tàng. Đừng thèm để ý. Chừ mi qua nhà tao chơi. Ở lại với tao, mai về được không? Hay là sợ heo kê, con khóc, chồng đòi tòm tem mà đòi về sớm?” “Chồng con chi tao! Cầu cho có người đòi tòm tem mà người ta không thèm.”

Cô Lành nói với anh Tí: “Anh Tí chờ em qua nhà Hạnh rồi về ngay nghe. Em cần nói với anh chuyện này.”

Cô Lành qua nhà cô Hạnh. Nhà vắng người. Hai cô ngồi trên giường. Cô Hạnh thò tay bóp bóp đùi cô Lành rồi dòm quanh người cô Lành: “Coi bộ còn năng gớm. Ngực cũng ngon, đùi, mông tròn vo. Mi chưa chồng con là đúng. Mi coi tao, chỗ nào cũng nhão nhệ!” “Bộ không có ai ở nhà sao mi ăn nói tự do quá vậy?” “Ông xã tao đi làm, hai đứa con đi học. Khỏi lo! Cứ nói cho sướng miệng. Nhớ hồi còn đi học không? Mấy đứa con gái tui mình, tùm năm, tùm ba ở nhà tao, ăn me, ăn ổi rồi nói tầm bậy tầm bạ... Sướng thiệt! Chừ khổ quá. Bao lâu nay, gặp được mi tao mới có dịp nói bậy”. “Bộ có chồng, mi không nói bậy với chồng được hay sao?” “Có nói chớ, nhưng nói chuyện khác. Chờ ông nói trước, mình nói theo. Mi lấy chồng thì biết liền. Ủa,

trước giờ mi đi đâu mà chưa chồng con chi cả? Mi lấy ông Tí đi, ông cũng còn độc thân. Ngó rứa chớ ông còn thương mi lắm. Mà mi chịu ông không? Già rồi mi ơi. Tối ngủ ôm cái gối, sướng ích chi!” “Năm bảy tư, gia đình tao từ Vĩnh Điện dời ra Đà Nẵng, năm bảy lăm, bỏ Đà Nẵng đi luôn. Tao cũng thương ảnh lắm chớ! Nhưng không biết ảnh nghĩ sao? Ảnh làm lì với tao từ sáng tới giờ”. “Mi biết tính ông rồi. Ông cố chấp lắm. Giọng Kế Xuyên quê đặc mà ông đâu chịu sửa.

Ông muốn làm mặt lạ vì ông mặc cảm mình đạp xe thồ, mặc cảm nhà nghèo. Mi thấy đó, Tét nhứt đến nơi mà nhà ông có sắm sửa, chuẩn bị chi đâu! Ông nghĩ như thời xưa, lấy vợ là phải nuôi vợ con, ông sợ thêm miệng ăn nữa thì chết! Hơn nữa tao nghĩ, có lẽ ông nghi mi đã lấy chồng hay bỏ bịch gì đó, ông tức mà không biết nói rằng. Nhưng tao biết, ông thương mi lắm. Mi còn nhớ, khi ông bị thương về nhà, mi ghé thăm, không biết mi với ông có chuyện chi mà ông qua nhà tao ngồi khóc ngon lành. Ông nói mi bỏ ông rồi. Coi bộ cứng rắn, lạnh lùng chớ ông cũng mít ướt như tụi mình chớ chẳng hơn chi”. “Mi cố nói giùm tao, sao cho ảnh chịu lấy tao, thì mi có cái đầu heo”. “Mi yên tâm, để tao lo chuyện đó, ông là của mi, chắc ăn như lấy đồ trong túi. Ngó rứa chớ tao nói là ông nghe lời liền. Ông coi tao như bạn thân, có gì cũng kể cho tao nghe”. “Có khi nào ảnh nhắc đến tao không?” “Tao có hỏi còn nhớ Lành không? Ông nói. Không nhớ Lành thì nhớ ai? Có lẽ bây chừ Lành đã có chồng, có con rồi!”

Cô Lành móc túi lấy tờ bạc đã xé nhỏ, bỏ vào túi cô Hạnh: “Tao gửi mấy đồng cho hai cháu. Bây giờ tao phải về”. Cô Hạnh nghĩ rằng bạn cho mình tờ một tờ bạc Việt Nam nên chỉ nói cảm ơn mà không quan tâm”. “Ừa. Mi nói sẽ ở lại với tao mà? Ở lại, tối nay nằm nói chuyện với nhau cho đã”. “Rồi chồng mi nằm đâu?” “Đừng lo chuyện đó. Tao tống ông ra ngoài phần. Hay là mi qua nằm với ông Tí, tâm sự trắng đêm, cho đã thèm bấy lâu nay”. “Đồ quỷ sứ, nói chuyện bậy bạ. Để tao về. Ở lại đây, đêm hôm, giáy tờ, trình thưa, tao không muốn phiền mi”

Hai người qua nhà anh Tí. Cô Lành xuống bếp ôm mẹ anh Tí, thì thầm: “Bác nói giùm con, nghe bác. Tuần sau con về lại đây. Bác nhớ lo cho ảnh ăn uống, ảnh ốm quá, con thương ảnh quá!” “Choa mi! Tao cũng đưa xương mà mi chỉ nghĩ đến hén, bét tao lo cho hén.”

Cô Lành cười chống chế: “Thì bác cũng thương ảnh, thương con. Bác muốn con với ảnh yên tâm thì bác cũng phải ăn uống cho đầy đủ. Thôi, con về nghe bác.”

Cô tựa đầu vào vai bà như cô bé làm nũng với mẹ: “Con muốn kêu bác bằng mẹ mà sợ anh Tí rầy con”. “Hén quyền chi mà rầy con?”

Anh Tí đã đưa xe đạp ra sân, ý muốn cô Lành về sớm. Cô Lành qua chào từ giã cô Hạnh rồi bước ra, ngồi sau xe, vòng tay ôm bụng anh Tí và nói với cô Hạnh: “Mi thấy, ai đi xe thồ cũng ôm eo ảnh. Tao ôm thì ảnh cự, nói sao ôm cứng ngắt”. “Ông cự mặc kệ ông. Cứ ôm chặt cho tao. Ôm ngày ôm đêm, ông cự riết rồi khoái chí, bắt mi ôm nữa”. “Con quỷ nói trây! Tao về nghe!” Cô Hạnh vui vẻ la to lên: “Không về thì đừng xuống, khó chi! Ế! Có phải hai anh chị hện hò, đưa nhau vô phòng ngủ không?” Hai cô lại cười như bị thọt lét. Cô Lành ngoái cổ lại nói “Mi thành nái xè rồi mi ơi! Nói trây không biết mắc cỡ!”

Anh Tí làm thình, đạp xe ra đường. Cô Lành ngồi sau, ôm eo, tựa đầu vào lưng anh ta. Anh Tí bực mình: “Đừng lồm rứa, người ta thấy tề!” “Thời đi học, anh chở em đi chơi, em cũng ôm như thế này, sao anh không la em?” “Đi học khoác, đi xe thồ khoác. Hồi trước là quê hương, đất nước mình, lồm chi không được. Chừ, lồm thân mất nước, vui thú chi”

Cô Lành không ôm anh Tí nữa, sụt sùi khóc: “Sao anh khó với em vậy?” Anh Tí yên lặng một lúc rồi thở dài: “Xin lỗi. Tui buồn quá! Mất nước rồi. Buồn suốt đời. Biết ngày nò mới vui được? Tui chỉ sống qua ngày để nuôi mẹ già, sướng ích chi mà nghĩ đến vợ con. Con cái nguy lớn lên cũng chỉ để chúng ngồi lên đầu, hành họa, coi như trâu ngựa. Đi học chúng cũng không cho, đi lồm chúng cũng không cho.”

Cô Lành lại vòng hai tay, ôm bụng anh Tí: “Bây giờ có em, em phụ với anh nuôi mẹ. Anh hãy quên chuyện nước nhà, mà nghĩ đến em. Anh có suy nghĩ, buồn phiền bao nhiêu cũng không làm được gì. Vận nước nó như vậy nhưng cũng sẽ đến ngày tươi sáng. Anh đã chiến đấu, đã bị thương thì coi như nợ nước anh đã trả rồi, nay anh có quyền nghĩ đến tình nhà. Bây giờ em

về đây tìm anh. Anh và em, trước đây, có biết bao kỷ niệm. Anh có biết khi anh bảo em về, đừng đến anh nữa vì anh sắp lấy vợ, em khóc hết nước mắt. Em giận anh nhưng quyết làm gái già chứ không thềm để mắt đến ai cả. Anh có thương em không?”

Anh Tí yên lặng, đặt bàn tay trái, bàn tay bất khiển dụng của anh lên hai tay cô Lành đang ôm bụng anh. Anh bóp tay cô Lành, nhưng bàn tay thương tật nên chỉ mấy ngón tay là cử động nhẹ. Cô Lành ép hai bàn tay mình lên bàn tay anh Tí, dụi đầu vào lưng anh Tí: “Bây giờ còn sớm, mình dừng ở quán nước đằng kia. Em nói chuyện này anh nghe”

Bí mật của một câu kinh Phật

Chúng tôi gồm ba cặp vợ chồng, được gia đình người bạn tiếp đón rất thân tình. Ông ta còn gọi các bạn khác ở gần đó, kéo đến, nên buổi họp mặt thật đông vui.

Khi bữa cơm gia đình đã mãn, các bà lo dọn dẹp chén bát để pha trà và các ông đang chuyện trò sôi nổi, thì ông bạn chủ nhà đổi đề tài: “Có một chuyện thực, xảy ra ở Việt Nam, khoảng năm 1982. Một chuyện kỳ lạ mà bà chị tôi vừa là người trong cuộc vừa là nhân chứng. Lúc còn ở Việt Nam, chị tôi dấu kín vì sợ đến tai công an thì sẽ bị tra hỏi, có thể bị tù cũng nên. Nay chị tôi đến xứ tự do, thì kể thoải mái. Trong câu chuyện, có gì thắc mắc, xin cứ hỏi chị tôi”.

Người chị của chủ nhà đang ngồi với các bà, được yêu cầu kể chuyện. Chị ta xin phép vài phút để lên lầu, lát sau đi xuống, tay cầm một phong bì đặt trước mặt và bắt đầu kể. Mọi người yên lặng, lắng nghe.

“Gia đình tôi, sau bảy năm (1975), chỉ còn đàn bà vì đàn ông đều vô tù cải tạo hết cả. Khoảng năm tám mươi (1980), chúng tôi được móc nối để vượt biên nhưng vẫn phải chờ ít nhất một người đàn ông đi tù cải tạo về mới quyết định được. Năm đó, cậu em tôi được thả về, chúng tôi báo cho người tổ chức, họ bảo, có một chuyến, phải đi ngay. Từ Sài Gòn chúng tôi đón xe về Cà Mau dự đám cưới. Đám cưới thật nhưng ăn cưới chỉ là cái cớ. Dân địa phương thấy người lạ từ Sài Gòn về ăn cưới thì biết ngay, nhưng rình bắt là công việc của công an. Thế nên, ai cũng chờ đợi màn thứ hai là khuya nay, công an sẽ phục ở bãi đáp để tóm gọn quý vị quan khách này. Trò này xảy ra thường xuyên, nhưng họ không biết rằng vụ vượt biên này lại do chính công an địa phương đứng ra tổ chức, nên tối đó quý vị công an với các viên chức xã ấp có nhiệm vụ phải nốc rượu cho thật say, để sáng ra, ai cũng không biết gì cả!

Khuya đó, chúng tôi bị gọi dậy, cấp tốc lên đường. Từ nhà ra biển chỉ vài cây số. Trờì quá tối. Chúng tôi âm thầm theo người trước mặt, đi vòng vèo trên các con đường đất. Trong bóng đêm tối đen, thỉnh thoảng, bên đường lại có một toán chui ra nhập bọn, tôi đoán, cả đoàn chúng tôi, ít ra cũng hơn trăm người. Mặc dù đã được dặn trước là khi xuống thuyền phải tuyệt đối yên lặng và trật tự, không được chen lấn cãi cọ, nhưng khi thấy mấy chiếc tắc xi (thuyền nhỏ đưa ra thuyền lớn), người ta ủa nhau lợi xuống nước, tranh nhau leo lên thuyền. Cậu em tôi đi trước, tay bồng hai đứa con, vợ nó níu lưng đi sau, tôi níu áo cô ta để khỏi lạc nhau. Chỗ bãi đó toàn sinh, ngập đến đầu gối khiến ai nấy bị bõm mãi mà chưa đến thuyền. Cậu em tôi phải kéo hai người đàn bà chúng tôi phía sau nên càng vướng víu, chậm chạp. Mọi người như những bóng ma âm thầm, chen nhau leo lên thuyền.

Khi cậu em tôi bỏ được hai đứa nhỏ lên thuyền, đẩy được vợ nó lên, đến lượt tôi thì bỗng có tiếng súng, tiếng la hét: “Tất cả đứng yên! Đưa hai tay lên. Ai bỏ chạy sẽ bị bắn bỏ”.

Tôi thấy ánh đèn pin loang loáng cách chỗ chúng tôi vài trăm thước. Chủ thuyền vội đẩy thuyền ra. Cậu em tôi chỉ kịp níu lấy be thuyền, người vẫn còn ở dưới nước. Tôi và khoảng vài chục người đành đứng nhìn mấy chiếc thuyền lặn vào bóng tối, mờ dần ngoài biển khơi. Lúc đó tiếng súng và tiếng hô hoán “Đứng yên! Bỏ chạy bắn bỏ” càng như gần hơn khiến mọi người vội chạy ngược về phía bờ. Như đã dặn trước: “Khi bị bắt, phải chạy tránh xa ánh đèn của công an, trốn cho kỹ, chờ vài hôm, yên tĩnh mới tìm cách ra lộ đón xe về”.

Vậy là mạnh ai nấy chạy. Tôi bương đại lên bờ, chạy ngược hướng tiếng súng. Vừa chạy vừa run, miệng niệm: “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quảng Đại Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát”. Cứ nhắm mắt, nhắm mũi chạy đại, vấp mô đất hay gốc cây té xuống thì vùng dậy chạy tiếp. Lúc đầu hình như có người cùng chạy với tôi, quay lại thì không thấy ai cả! Tôi chạy độ nửa tiếng, thấy đã xa, vừa hoàn hồn thì hai chân rã rời, nhấc không lên. Tôi ngồi đại xuống đất, thở dốc. Lúc đó khoảng một giờ sáng. Tôi nhìn quanh. Một bên là biển đen sì, rì rào tiếng sóng, một bên là bờ rừng, với hàng cây là những khối đen, cao hơn đầu người, trông như những con ác thú đang chờ mồi. Tôi đoán, có lẽ công an rình bắt một vụ vượt biên khác, cách chúng tôi vài ba trăm mét, chủ thuyền tưởng bị bắt nên bỏ chạy, vì thế mọi người mới chạy thoát.

Từ lúc lên xe ở Sài Gòn đến khi về Cà Mau, tôi hoàn toàn không biết mình đang ở đâu? Bây giờ ngồi bơ vơ giữa đồng không mông quạnh, chung quanh tối mù, tôi tự hỏi mình sẽ làm gì, hay phải ngồi như thế này cho đến sáng? Lúc này chạy, người toát mồ hôi, bây giờ, gió biển thổi vào, tôi lạnh run cầm cập. Tôi thầm ước cho công an đến bắt mình, có người cùng bị bắt với nhau cũng yên tâm, rồi sau đó muốn ra sao thì ra! Cái xách nhỏ trên vai tôi vẫn còn. Tôi tìm chai nước lạnh, uống mấy ngụm. Trong xách chỉ có vài chai nước lạnh, mấy viên thuốc say sóng, mấy hộp sữa đặc, cái khăn nhỏ, một mớ đồ la và vàng cùng quyển kinh Phật. Không hiểu sao, trong lúc hoảng loạn mà tôi còn giữ được cái xách?

Đang ngồi rầu rĩ, bỗng nhiên, tôi thấy từ xa, có ánh đèn thấp thoáng, có lẽ là đèn dầu hôi, loại thường thấy ở thôn quê, cách tôi hơn một cây sôa. Tôi mừng rỡ, quên cả mệt, đứng lên, nhắm ánh đèn mà đi. Tôi đi như chạy, té lên, té xuống mà không thấy đau, cứ nhắm ánh đèn bương tới, vì sợ người ta tắt đèn thì không biết làm sao tìm đến. Độ nửa giờ sau, tôi đến nơi. Đó là một nhà lá, cửa mở, một cây đèn bão, (loại đèn để đi trong gió mà không sợ tắt) đặt trên một chiếc ghé nhỏ, để ngay trước cửa, nhờ vậy mà từ hướng bên trái ngôi nhà, tôi vẫn thấy được. Khi đến trước cửa, tôi kêu lên: “Có ai trong nhà không? Cho tôi vào với”. Có tiếng đàn ông nói lớn: “Vào đi! Đừng sợ!”.

Khi bước vô cửa tôi mới nhận ra là có một người đàn ông đang ngồi hút thuốc lào, cạnh một cái bàn để giữa nhà. Người đàn ông đứng lên, ra đem cây đèn bão và chiếc ghé vào. Nghe giọng lơ lớ, với cách dùng chữ, tôi đoán ông ta là người Bắc giả giọng Nam. Tôi bước vào nhà. Nhà không rộng lắm nhưng đặt ba nơi ba chiếc giường rộng, có trải chiếu tươm tất. Ông ta chỉ chiếc ghé: “Ngồi đây đi!”. Tôi nói cảm ơn, vì áo quần dính sinh, không dám ngồi, sợ dơ ghé. Ông ta bảo, giọng bình thản như việc này đã từng xảy ra nhiều lần: “Thế thì đi tắm đi! Tôi có sẵn áo quần của bà xã tôi, thay tạm. Áo quần bẩn thì giặt đi, phơi ra ngoài gió, sáng mai khô ngay, thay trả lại cho tôi, rồi tôi sẽ đưa ra bến xe, đón xe về Sài Gòn”.

Nghe nói sáng mai đón xe về Sài Gòn, tôi mừng quính, không ngờ mình may mắn gặp được cứu tinh. Tôi thấy có cảm tình với người đàn ông tử tế đó, định nói lời cảm ơn nhưng nhìn thấy hai con mắt của ông ta, tôi rùng mình khiếp sợ. Ông ta khoảng năm mươi tuổi, dáng người tầm thước, mặt sạm nắng, hai gò má cao, tóc ngắn, chân tay gân guốc...nghĩa là ông ta đúng là một nông dân, chỉ đôi mắt là khủng khiếp. Tuy đèn dầu tù mù nhưng đôi mắt vẫn ánh lên những tia sáng lạnh lẽo, vừa uy quyền, tàn nhẫn vừa như giễu cợt. Tôi sợ quá, cảm tưởng như mình là con chuột đã bị con mèo chộp được trong móng vuốt nhưng vẫn giữ đấy chờ con mồi chết khiếp mới từ từ thưởng thức. Thấy tôi đứng bất động vì sợ, ông ta cười, giọng dịu dàng nhưng vẫn uy quyền, như ra lệnh: “Tôi không hại cô đâu. Cô đừng sợ. Tôi nghe tiếng súng nổ là biết ngay vượt biên bị bắt nên thấp đèn lên để ai chạy thoát thì đến đây tá túc, sáng mai tôi lấy thuyền đưa ra bến xe về nhà. Tôi đã cứu hàng mấy trăm người rồi. Ai cũng về nhà an toàn. Đừng sợ. Để tôi lấy áo quần cho cô thay tạm. Hôm nay vợ tôi ra chợ thăm đứa con gái, sáng mai, tôi đưa đi, nhân tiện đón vợ tôi về. Đói bụng thì có cơm nguội trong nồi với con cá khô trong bếp, lấy ra mà ăn”.

Ông ta nói nhỏ nhẹ, từ tốn nhưng tôi vẫn sợ, răm rắp theo lệnh. Ông ta vào buồng đem ra một bộ đồ đàn bà màu đen, trao cho tôi rồi thấp một cây đèn cầy, chỉ lối đi ra sau chái nhà: “Có cái

phòng tắm sau kia. Sắn nước với khăn lau. Tắm xong, mặc tạm, còn bộ đồ bẩn thì giặt đi, phơi lên, sáng mai khô, mặc vào, trả lại bộ đồ cho vợ tôi”.

Tôi riu ríu cầm áo quần và cây đèn cầy, ra nhà sau, vào phòng tắm, đóng cửa lại, gắn cây đèn sáp lên bệ, xây lưng về phía đèn, cời đồ ra, dội nước. Tôi làm một cách vô thức, như bị thôi miên bởi cặp mắt của ông ta, tôi đoán, đang nhìn tôi qua khe hở của vách phòng. Tôi tắm qua loa, mặc áo quần vào. Còn nửa thùng nước, tôi đổ ra cái thau nhỏ sắn đó, vò bộ đồ dính sinh rồi treo lên một sợi dây kẽm trong phòng tắm. Khi tôi lên nhà trên thì ông ta chỉ cái giường, có giăng sắn mừng: “Cô ngủ trên giường này. Tôi ngủ trong phòng. Ngủ đi cho khỏe, đừng sợ mà thao thức. Mai đi sớm”. Tôi nói: “Dạ. Cám ơn!” rồi chui vô mừng. Ông ta tắt đèn, đi vào buồng. Tôi nằm trên giường, mắt mở thao láo, không dám ngủ. Có chiếc mền mỏng, tôi lấy quần chặt quanh người rồi nằm lắng nghe, không biết chuyện gì sẽ xảy ra? Tôi chỉ mong được ông ta tịch thu hết số đô la và vàng tôi mang theo rồi tha cho tôi về nhà. Tôi cứ lầm nhảm niệm Quán Thế Âm, cầu Phật Bà cứu khổ cứu nạn. Trong đêm tối, tất cả im lặng, chỉ có tiếng sóng biển rì rầm nghe như tiếng xe chạy rất xa. Bấy giờ tôi mới thấy người rã rời, vừa mỏi vừa đau ê ẩm khắp nơi, nhất là những chỗ bị mó đất hay gốc cây đập mạnh vào khi tôi chạy bị ngã. Suy nghĩ miên man, tôi chìm vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng. Vừa xếp mừng, mền xong thì ông ta từ trong buồng bước ra. “Ngủ có được không?” - “Dạ. Đi mệt quá nên ngủ say một giấc đến sáng”. Tôi nói mà không dám nhìn ông ta, sợ thấy đôi mắt kinh khiếp đó.

- “Cô thay đồ rồi chúng ta đi ngay. Tôi chở cô ra bến xe ngoài chợ, họ sẽ đưa cô lên bến xe tỉnh, đón xe về Sài Gòn. Cô viết vào miếng giấy trên bàn kia, tên họ địa chỉ của cô. Tôi cần biết về cô để sau này dễ xác nhận”.

Tôi ra sau nhà, thay đồ, đem bộ đồ của vợ ông ta để trên giường, đến chỗ cái bàn, viết tên họ, địa chỉ vào miếng giấy. Ông ta chỉ cái xách nhỏ của tôi “Đừng quên cái xách tay”. Tôi thấy quyền kinh của tôi để ra ngoài nhưng không dám lấy bỏ vào xách mà làm như không thấy, chỉ vợ vội cái xách cầm và đi theo ông ta. Ra ngoài sân, tôi mới biết, trước nhà là một con sông rất rộng, có lẽ là cửa sông, còn biển thì nằm bên trái căn nhà, cách một cây số. Nhà ông ta nằm giữa một vùng hoàn toàn hoang vắng, chung quanh là sinh lầy với cây đước, vẹt, sù gì đó mọc mênh mông, chạy đến mút mắt. Tôi không hiểu vì sao vợ chồng ông ta lại đem nhau ra ở chỗ này? Không ruộng vườn, không thuyền bè đánh cá, không có người chung quanh, ngay đến con chim cũng không thấy bay qua. Có chăng là mấy con cua còng gì đó nằm trên mặt sinh dương mắt nhìn tôi. Con đường từ nhà ra bến sông được đắp cao, có lẽ là lối duy nhất đưa ông ta ra chiếc thuyền, đến với xã hội loài người.

Ông ta xuống thuyền, tôi bước theo. Nhờ mấy miếng bèo tông làm thành tam cấp nên tôi xuống thuyền không khó khăn lắm. Chiếc thuyền nhỏ, dài khoảng sáu, bảy mét, rộng hơn hai mét, gắn máy đuôi tôm. Ông ta tháo dây cột thuyền, giặt máy, đưa thuyền ra giữa giòng sông.

Chiếc thuyền chạy giữa hai bờ rừng vắng vẻ, hoang vu. Một lúc thật lâu thì xa xa thấp thoáng mấy mái nhà sau hàng dừa nước, rồi vài chiếc thuyền xuất hiện, chạy ngược chiều. Thuyền ghé vào một bến đò, có nhà cửa, quán ăn, một chợ thôn quê nhỏ và một bến xe lam (xe Lambretta, ba bánh dùng chở khách). Ông ta cột thuyền, ra dấu cho tôi cùng lên bờ. Mọi người thấy ông ta thì cúi đầu chào về kính cẩn và sợ hãi. Ông ta không thèm nhìn ai, đi thẳng đến chiếc xe lam, nói gì đấy với người chủ xe. Người chủ xe khúm núm gật đầu, miệng dạ nhip, rồi đến nói với tôi: “Mời cô lên xe. Xe chạy ngay bây giờ”.

Ông ân nhân không để ý đến lời cảm ơn của tôi, cũng không nói với ai tiếng nào, xuống thuyền, giặt máy, quay thuyền ra giữa giòng. Khi ngồi trong xe lam, tôi thấy mọi người đang tò mò nhìn tôi với vẻ sợ hãi rồi thì thầm với nhau gì đấy. Ông xe lam nổ máy, chở một mình tôi, vòng vèo trên đường đất trong xóm rồi đưa xe ra đường lớn, chạy vào thành phố. Ông ta chạy thẳng đến bến xe khách, ngừng cạnh một xe đầy khách, mời tôi xuống, đưa tôi đến ông tài xế, thì thầm với ông ta. Ông tài xế mời tôi lên ngồi ghé trước. Tôi lục trong xách nhỏ, thấy gói đô la và vàng

còn nguyên, lấy ra một mớ tiền Việt đưa trả cho hai người, nhưng ai cũng khoát tay. “Anh Năm dặn rõ là ảnh sẽ trả tiền xe cho cô, chúng tôi đâu dám nhận”.

Chiều hôm đó, tôi về đến nhà.

Khoảng một tháng sau, người tổ chức đến gặp tôi, báo tin là mọi người đến đảo an toàn, thân nhân sẽ gửi thư sau. Ông ta hỏi tôi rất tỉ mỉ về vụ những người không kịp lên thuyền, tôi kể lại sự việc. Ông ta bảo những người kẹt lại đã bị công an bắt, chỉ thiếu hai gia đình, gồm bốn người, không có tin tức. Hai gia đình này thì tôi biết, họ là thương gia xuất nhập cảng trước bảy năm, rất giàu. Trước khi đi, họ đã bán nhà, vì tin chắc sẽ đi lọt, như vậy, họ ôm của cải theo (vàng và đô la), phải nhiều lắm. Chuyến vượt biển lần đó khiến tôi sợ quá, không dám nghĩ đến, ai rủ đi cũng lắc đầu.

Khoảng một năm sau, tôi nhận được một lá thư, tên người gửi lạ hoắc. Tôi hoàn toàn không biết ai đã gửi đến. Chị ta cầm lá thư đưa lên “Mấy năm sau, chồng tôi đi tù về. Chúng tôi qua Mỹ theo diện HO. Vợ chồng tôi qua Canada ở chơi với gia đình cậu em. Gần mười năm mà tôi vẫn còn giữ lá thư này. Để tôi đọc cho quý vị nghe.

“Gửi bà H. (là tên tôi). Bà còn nhớ, lần vượt biển ở Cà Mau, bị bẻ và bà được tôi cho trợ qua đêm, hôm sau đưa ra bến xe, về thành phố Hồ Chí Minh. Tôi biết bà thắc mắc. Tôi là ai? Tại sao lại ở nơi vắng vẻ? Tôi sinh sống bằng cách nào? Tôi cho bà rõ. Tôi là công an, có nhiệm vụ ở đó để đón những người vượt biên bị bẻ chạy thoát được. Công an chúng tôi làm nhà cách nhau một vài cây số, dọc bờ biển, nơi thường có bến bãi vượt biên, có thuyền con đón ra thuyền lớn. Như vậy, khi công an đến bắt vượt biên, người nào chạy thoát cũng chỉ quanh quẩn đầu đây, thấy đèn là tìm đến, thế là nộp mạng cho chúng tôi. Tôi bảo rằng có vợ ở chung nhưng thật ra, vợ con tôi đều ở ngoài Bắc, tôi vào đây công tác đã được bốn năm, khi nào ổn định sẽ đưa gia đình vào thành phố Hồ Chí Minh, vì chẳng ai có thể ở nơi hoang vắng này.

Mỗi công an chúng tôi đã chuẩn bị sẵn các tiện nghi, nước sôi, lương thực, giường chiếu để đón những người vượt biên tìm đến nhờ cứu giúp. Tôi cho ăn uống, ngủ lại, sáng hôm sau, cho họ xuống thuyền, nói là chờ ra bến xe để họ về nhà nhưng kỳ thực, thuyền đi được nửa đường là bị công an chặn bắt. Tôi cũng bị bắt để không ai nghi ngờ.

Thông thường, nếu nhiều người tìm đến thì tôi bảo họ, có gì đem theo nên kê rõ, nhất là tiền bạc, quý kim, để tránh chuyện lấy cắp của nhau. Nếu chỉ một người thì tôi chờ lúc người đó đi tắm sẽ lục xách tay, kiểm tra những gì đem theo. Tôi còn rình nhìn lúc họ đi tắm, cởi đồ ra, sẽ thấy những gì họ lặn theo người?

Tôi không bao giờ lấy của ai bất cứ gì, nên khi giải giao họ (đưa lên thuyền để bị công an chặn bắt), công an chấp pháp lấy lời khai, sẽ thấy rằng tôi rất trong sạch. Tôi từng được công an tỉnh và trung ương biểu dương nhiều lần về thành tích chặn bắt người vượt biên cũng như tinh thần chí công vô tư, không tơ hào đến của cải, vật chất của người bị bắt. Nhưng không ai biết rằng, hề người nào đem nhiều đô la, vàng ngọc, hạt xoàn là tôi thủ tiêu, chôn xác trong rừng. Tôi đào sẵn những cái hố, muốn giết ai, khuya đó, tôi lặn súng trong người, bảo họ đi theo tôi để tôi chỉ đường mà đi ra đường chính đón xe về. Vào rừng, tôi bắn chết, đập xuống hố, hôm sau ra lấp đất lại. Không người nào thoát khỏi tay tôi, vì chung quanh toàn sinh lầy, có bỏ chạy một quãng là ngập người dưới sinh, tôi chỉ rọi đèn pin, đi tìm và bắn họ rất dễ dàng.

Tôi có nói bao nhiêu người bị tôi thủ tiêu với bà cũng chỉ làm bà kinh hoàng, chứ chẳng ích lợi gì. Tất cả của cải cướp được, tôi đưa cho vợ tôi đem về quê chôn giấu. Hạt xoàn, đô la, vàng ngọc, châu báu...Nghĩa là vợ chồng tôi rất giàu. Vợ tôi bảo, có thể bỏ vốn lập những công ty, mua máy móc để sản xuất hàng hóa xuất khẩu hoặc mua nhà cửa ở Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh cũng không hết của. Dĩ nhiên gia đình tôi ngoài Bắc vẫn sống đạm bạc như bao nhiêu người khác, để tránh bị nghi ngờ. Tôi dự định sẽ làm thêm vài năm, kiếm một số tiền vàng nữa rồi xin ra khỏi ngành.

Tính ra, tôi ở đó đã được bốn năm, cho đến cái đêm bà tìm đến nạp mạng cho tôi. Như mọi khi, lúc bà đi tắm, tôi rình xem bà cởi đồ (để biết của cải lặn theo người) rồi lên kiểm tra xách tay

của bà. Tôi thấy trong xách có nhiều vàng và đô la. Như vậy, số phận của bà đã được tôi quyết định. Bà sẽ bị tôi thủ tiêu. Trong lúc lục xét xách tay tôi thấy có một quyển kinh, khổ lớn hơn những quyển kinh khác, mà những người vượt biên khác thường đem theo. Quyển kinh lớn đó khiến tôi tò mò. Theo thông lệ, tất cả kinh Phật của những người vượt biên, tôi giữ lại, khi nào lên tỉnh, tôi tặng cho người bạn đang trụ trì một ngôi chùa lớn, gần chợ. Anh ta là công an, đi tu là công tác, vẫn lãnh lương công an. Tôi tặng các quyển kinh Phật cho chùa để ai đến lễ chùa mà “thỉnh” những kinh đó thì biết ngay, người đó sẽ vượt biên và chúng tôi theo dõi. Vì tò mò và vì nghiệp vụ, tôi mở quyển kinh của bà ra, để sát ngọn đèn cho dễ đọc. Tôi đọc một cách tinh cò, một câu kinh nằm ngay giữa trang kinh. Chỉ một câu thôi. Câu duy nhất đó khiến tôi lạnh toát người vì kinh sợ. Tôi sợ đến choáng váng, muốn té xỉu, đến độ ngồi chết lặng một lúc thật lâu. Tối đó, tôi không ngủ được ...

Hiện nay tôi đã ra khỏi ngành công an. Tôi đã đi tu ở một vùng núi miền Tây Nguyên, rất hẻo lánh, xa hẳn phố phường, làng xóm. Ngôi chùa nhỏ được cất bên góc núi. Rất xa, dưới chân núi, cách nơi tôi ở, thấp thoáng những nhà sàn của những người thuộc sắc tộc thiểu số. Mỗi buổi sáng, tôi tụng Phật, tụng kinh rồi lên đồi cuốc đất, trồng khoai sắn, rau quả. Buổi tối tôi lại tụng kinh và suy ngẫm lời Phật dạy. Tôi bảo với vợ tôi là tôi làm nhiệm vụ trên giao, không nên gặp nhau nhiều, thỉnh thoảng lên tiếp tế lương thực mà thôi. Của cải mà tôi kiếm được (vợ tôi đang giữ), tôi dặt, nên trích ra một phần, khi nào có thiên tai bão lụt thì đem cứu giúp người hoạn nạn, giúp bà con, bạn bè khi họ cần, giúp các người già lão, bệnh tật, không nơi nương tựa, giúp các trại mồ côi, các trại cùi hủi ...

Tôi viết để bà rõ, nay tôi đã chọn con đường khác. Tôi chỉ muốn biến mất trên thế gian, nhưng còn các con tôi? Chúng là nguồn sống của tôi. Tôi lo sợ cho chúng... Nếu bà là một Phật tử, xin bà đến chùa, cùng góp lời cầu xin Phật Tổ cho tôi sớm tìm được con đường giải thoát. Chúc bà sức khỏe.”

Chị đàn bà giơ lá thư lên và nói: “Thư chỉ viết thế thôi”. Chúng tôi hỏi: “Chị có nhớ mình mang theo quyển kinh Phật tên gì không?”

- “Đúng ra, lúc nào tôi cũng để sẵn quyển kinh “Quán Thế Âm Bồ Tát” trên bàn thờ, hễ hô “đi!” là tôi chỉ việc bỏ vô xách tay và lên đường. Hôm đó, cô em dâu tôi đây, lại lấy quyển kinh đó trước, tôi vội quá, mở tủ kinh Phật của ba tôi để gần đó, vợ đại một quyển, nghĩ rằng “Phật nào cũng là Phật, vị nào cũng phù hộ, độ trì cho chúng sinh tai qua nạn khỏi”. Ba tôi, khi còn sinh thời, tu tại gia, nghiên cứu kinh Phật. Ngoài chữ Việt, ông cụ còn biết chữ Hán, chữ Nôm nên thỉnh rất nhiều kinh về nghiên cứu. Thế nên, đến bây giờ tôi cũng không biết mình đã mang theo quyển kinh nào khi vượt biên. Điều tôi tin chắc rằng. Chính quyển kinh đó đã cứu mạng tôi và câu kinh trong đó, như một lời phán của Đức Phật hoặc đấng Hộ Pháp, bảo thẳng với kẻ ác hãy ngừng tay lại. Lời phán đó phải có uy lực mạnh mẽ đến nỗi một kẻ giết người phải khiếp đảm”.

Trong bọn chúng tôi, chẳng ai là đệ tử nhà Phật mặc dầu, thỉnh thoảng có đi chùa tụng kinh, tụng kinh trong những ngày lễ, tết. Chúng tôi hỏi nhau rồi phán đoán đủ thứ. Câu “buông đao thành Phật” quá tầm thường, chẳng làm ai động tâm. Muốn biết bí mật của câu kinh đó, chỉ còn cách đi hỏi các nhà sư thì họa may.

Vì bị câu chuyện trên ám ảnh, nên trên đường từ Canada về lại miền Đông Bắc nước Mỹ, chúng tôi quyết định, ghé vào một ngôi chùa của sư P.T. để thăm và hỏi cho ra lẽ. Sư trạc tuổi chúng tôi, là chỗ quen biết nên rất thân tình. Sư P.T. xuất gia từ lúc mười một tuổi tại chùa Diệu Đế ở Huế. Vượt biên qua Mỹ, sư học và tốt nghiệp tiến sĩ Phật học. Tuy còn trẻ nhưng sư P.T. thông hiểu Phật pháp và có một cuộc sống rất đạo hạnh.

Trưa hôm đó, chúng tôi được sư khoản đãi cơm chay. Trong lúc thọ trai, chúng tôi kể lại câu chuyện trên cho sư nghe và hỏi sư có biết câu kinh nào đã khiến một người vô thần phải buông đao giết người và đi tu không? Nhà sư suy nghĩ một lúc và nói: “Nếu lý luận theo Phật pháp thuần túy ở đây thì không thích hợp với một người cộng sản. Họ đã được dạy căm thù và được

huấn luyện cách giết người, nên dù có cả một bầy quỷ dữ từ địa ngục chui lên, hay hàng nghìn Đức Phật hiện ra thuyết pháp, chưa chắc ông công an này phải sợ mà ngưng tay. Ông ta chẳng thù hận gì những người vượt biên nhưng giết họ để cướp của, ông ta làm thân nhiên như người đồ tể giết heo, giết bò. Mục đích là để có nhiều tiền của cho con cái được sung sướng. Cán bộ cộng sản thường bảo nhau: “Hi sinh đời bố, củng cố đời con” là thế. Kinh Phật chỉ nói về cái nghiệp và cái quả. Ai làm nấy chịu. Nhưng người Việt mình lại có câu “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”. Cha mẹ thương con cháu thì ăn ở nhân đức, để phước cho chúng. Con cháu, nhớ ơn đó mà thờ phụng các vị một cách thành tâm. Đó là “Đạo Thờ Ông Bà”. Ông công an cộng sản này thì làm ngược lại, nên ông ta bị ám ảnh bởi việc ác của mình, “quả báo nhãn tiền”, con cháu sẽ lãnh đủ. Có thể, con cái ông ta bị đâm chém hay bị giết chóc sao đó, khiến ông ta nghĩ rằng “Mình giết người ta thì con mình bị người ta giết” nên ông ta sợ. “Nhưng Phật đâu có dạy về chuyện quả báo cho đời con cháu mà ông ta, khi đọc một câu nào đó trong kinh Phật lại sợ hãi đến nỗi phải bỏ nghề, đi tu?”.

“Đa số những người vượt biên đều đem theo người là kinh A Di Đà hoặc Bạch Y Thần Chú, coi như có Thần Phật hộ trì bên cạnh. Khi gặp chuyện hiểm nguy thì niệm “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Cảm Quan Thế Âm Bồ Tát” chỉ đọc tới đọc lui câu đó thôi, coi như tiếng kêu cứu, các vị Bồ Tát sẽ ra tay tế độ, giúp cho tai qua nạn khỏi. Những quyển kinh mà ông ta tịch thu, không nhất thiết đều giống nhau. Có thể người đàn bà kia đã mang một quyển kinh khác. Hơn nữa, ở một nơi hoàn toàn vắng vẻ, không có gì giải trí ngoài việc đọc các quyển kinh Phật, quả thật, ông ta đang bước về hướng của giải thoát. Chính cái ý niệm muốn giải thoát khiến ông ta bỏ nghề, và câu kinh Phật kia chỉ như vật xúc tác, như cái nút điện mà ông ta đang mò mẫm trong bóng tối, đã bật sáng, cho ông ta thấy được con đường phải đi. Mỗi người là Phật chưa thành là vậy. Con người dù độc ác, mê muội đến đâu, cũng còn le lói một chút ánh sáng của lương tri. Đứng ra, phải gọi ông ta là “ông đạo” chứ không phải là “ông sư”. Vì ngoài việc nghiên cứu, tụng niệm kinh Phật, sư, sai phải có thầy giảng giải, hướng dẫn trên đường tu tập. -“Giả dụ như ông công an đó đến xin thọ giáo với thầy. Thầy sẽ giảng những gì cho một người vô thần như ông ta hiểu về Phật pháp?”.

Nhà sư cười: “Thoát được “tham, sân, si” là tự giải thoát rồi. Chính tôi phải học ông ta, làm cách nào đã bỏ được chữ “tham”? Chữ “tham” đơn giản, thường tình thôi, không cần phải triết lý xa vời. Tiền của vô tay dồi dào, dễ dàng như vậy mà lại bỏ hết, mấy ai làm được? Còn hai chữ “sân, si”, bản thân tôi như đang nằm trong cái rọ, không biết bao giờ mới thoát ra! Ông ta là thầy tôi mới đúng”.

- “Thầy có thể đoán được câu kinh nào nằm trong quyển kinh nào, đã khiến ông ta phải sợ mà đi tu không?”.

Nhà sư lắc đầu: “Chỉ riêng ông ta biết được mà thôi. Có thể chỉ một câu tình cờ, bình thường nào đó ông ta đọc được nhưng lại giải thích đúng những băn khoăn, thắc mắc, sợ hãi bấy lâu của ông ta, nó đánh động lương tâm ông ta, hướng dẫn ông ta tìm con đường giải thoát. Xưa kia, lục tổ Huệ năng chỉ nghe một câu trong kinh Kim Cang liền ngộ được đạo”.

- “Nhưng nhất định phải có một câu kinh nào đó. Thầy thử nhớ xem sao?”.

Nhà sư lắc đầu: “Bị hỏi tình linh, tôi không nhớ ra ngay. Hay là thế này. Bây giờ mời quý vị ra vườn sau chùa uống trà, ngắm hoa. Tôi xin được ít phút tập trung tư tưởng, họa may sẽ nhớ được điều gì chẳng? Mục đích không phải tìm hiểu mánh chích như trò chuyện cho vui vậy thôi. Tôi không đủ trình độ để giải thích câu chuyện kỳ lạ này”.

Nhà sư lên chánh điện. Chúng tôi ra sau chùa, vừa chuyện trò vừa lang thang ngắm hoa cảnh. Có tiếng chuông ngân vang từ chánh điện, rồi tất cả yên lặng. Có lẽ nhà sư đang lễ Phật và trầm tư ... Độ một giờ sau, nhà sư xuất hiện ở ngưỡng cửa với nụ cười. Sư tiến đến, ngồi xuống với chúng tôi ở một bàn nhỏ dưới gốc cây. Chúng tôi vội hỏi: “Tìm được câu kinh nào chưa thầy?”.

Sự lắc đầu và cười: “Kinh Phật chẳng có câu nào hăm dọa người ta, bắt người ta phải đi tu cả! Để nói về cái nghiệp báo thì kinh Thủy Sâm Pháp có nói nhiều, nhưng tôi chỉ nhớ chính xác được vài câu ở các quyển kinh khác, chẳng hạn, trong kinh Đề Bà Đạt Ma (Devadatta-suta) có câu: “Những việc ác mà người đã phạm, không phải là tại cha người, không phải tại mẹ người, không phải tại thầy, chủ người. Chính một mình người đã phạm, và một mình người phải chịu quả báo”. Trong kinh Pháp Cú (Dhammapadam) cũng có câu: “Dẫu rằng người chạy lên trời cao, ẩn dưới biển sâu, trốn trong núi thẳm, nhưng không có nơi nào mà người tránh khỏi cái quả ghêgớm về tội ác của người”.

Nói xong nhà sư lộ vẻ bối rối: “Rất tiếc, vì sự vô minh của tôi mà câu kinh đó vẫn còn là một bí ẩn. Xin lỗi đã làm quý vị thất vọng. Theo tôi nghĩ, sự thống hối của ông ta quá thành khẩn, đã cảm động đến đức Phật, và Ngài đã ra tay tế độ, đã khai ngộ cho ông ta. Nhưng phải là người thật thành khẩn thì đức Phật mới làm được việc đó”.

Phố Hội của tôi

Khoảng giữa thập niên 50, tôi bắt đầu đến trường. Tôi học tiểu học ở đình Ông Voi, trên đường Lê Lợi, cách bờ sông Hội An, đường Bạch Đằng ba bốn trăm mét. Trường gồm ba lớp học, thẳng góc nhau, cộng với phần ngai thờ với nghi tượng, đối liễn... là phần chính của đình tạo thành bốn mặt kín, giữa là sân nhỏ, lát đá, mỗi bề khoảng vài chục mét, được xem là sân chơi. Phần ngai thờ luôn luôn đóng cửa, khi có tế lễ mới mở ra và chúng tôi được nghỉ học. Tượng tượng đó là một ngôi đình, bị xây bít phía trước để làm lớp học, chỉ chừa lại hai lối đi nhỏ hai bên hông. Trước trường là một sân đất rất rộng. Giờ ra chơi, học trò ra sân trước đùa nghịch, chạy nhảy cho được tự do, thoải mái. Trên sân rộng này có tượng hai con voi bằng vôi hay xi măng gì đó, to cỡ con voi con. Bọn nhóc tui tôi, nghịch phải biết, nhưng chẳng đứa nào dám héo lánh đến gần tượng hai Ông Voi. Sợ ngài vật sặc máu. Chúng tôi cứ đồn nhau rằng trước đây, có thằng chơi nghịch, leo lên tượng Ông Voi, ngài vật xuống nằm dưới bụng Ông Voi, và ngài đê ói máu suốt chết.

Tôi còn nhớ được vài chuyện về các bạn học của tôi thời tiểu học. Năm đầu tiên vào học lớp năm, tôi ốm yếu và còn rất khờ khạo, trong khi tụi bạn thì vui vẻ, nhanh nhẹn hơn nhiều. Một lần ra chơi, trời lại mưa, cả bọn đứng vờ vẫn trước hiên nhìn mưa rơi. Tôi đang đứng một mình thì một thằng từ phía sau, nhảy phóc lên lưng tôi, bắt tôi cõng đi. Đó là thằng nghịch nhất lớp, chuyên ăn hiếp những đứa khác. Tôi bị nó ngồi trên lưng, nặng muốn xính vính, đi sao nổi! Tôi bèn cúi xuống thật thấp, như người ta tập thể dục, vậy là nó lộn mèo qua đầu tôi, té cái ịch về phía trước, nằm ngay trong vũng nước. Từ đó nó không bao giờ động đến tôi. Hình như nó tên Răng. Nó có tài bắn bi thần sầu. Có đứa để hòn bi sau cục gạch nhỏ, khó thấy được, vậy mà không biết cách nào, chỉ nghe cách một tiếng là hòn bi nó đã nằm vào chỗ hòn bi đối phương. Hòn bi kia thì văng tuốt đằng xa. Đứa nào bắn bi với nó thì coi như nạp mạng. Trước khi bắn bi, nó đòi kiểm soát bi đối phương. Bi phải mới tinh, không trầy, nó mới chịu chơi. Mỗi lần nó đổ mấy bi của nó ra đếm thì tui tôi chỉ biết lé mắt mà trầm trồ. Thời đó đã có loại “bi chai,” làm bằng thủy tinh. Ở Mỹ, hiện nay cũng thấy bày bán loại “bi chai” đó, không biết để làm gì, vì trẻ con Mỹ đâu có biết chơi bắn bi?! Có điều lạ là từ đó đến nay, đã hơn năm mươi năm mà hòn bi chai vẫn vậy. Vẫn cỡ bằng lòng tay, trong suốt, giữa ruột có nhân như trái khế màu xanh, vàng, đỏ rất đẹp. Lúc đó tôi bắn bi rất dở nên không dám chơi ăn bi, chỉ có mấy viên mới tinh, rất đẹp, thỉnh thoảng đem ra ngắm rồi cất vào học bàn.

Lớp tôi còn một thằng bạn học nữa, tên thằng Thương. Học “dốt tởm mẹ” nhưng lại có tài chùi xe đạp của thầy Cam láng bóng. Trường Ông Voi bấy giờ có thầy Trọ Cam. Đứa nào đã học thầy

Cam là coi như suốt thời tiểu học chỉ học thầy Cam thôi. Thầy dạy từ lớp năm, sang năm, học trò của thầy lên lớp tư, thầy cũng dạy lớp tư, cũng bọn đệ tử đó, cứ thế lên đến lớp nhất, khi bọn đệ tử lên trung học, thầy bắt đầu lại lớp năm với lũ học trò mới. Vì thế thầy biết rõ gia cảnh, tính tình, tư chất từng đứa một. Thầy Cam có chiếc xe đạp Bờ Rô (Peugeot), khi đến trường thầy dựng ở cửa lớp. Đến giờ trả bài (học trò lên đọc lại bài học hôm qua) thầy gọi thằng Thương đi chùi xe, vì thầy biết nhà nó nghèo, đi học về, nó phải phụ cha mẹ làm việc rất vất vả, tối đến, mệt mỏi quá, nó ngủ khò, làm một giấc đến sáng, dậy ôm vở đi học. Thằng Thương có bộ đồ nghề chùi xe, lúc nào cũng thủ sẵn trong túi quần. Đến giờ trả bài, nó ra cửa chùi xe cho thầy. Có bữa thầy quên ra lệnh, nó vẫn cứ tự động ra chùi xe. Tôi ngồi gần cửa, thấy nó chùi rất lành nghề, nhanh nhẹn như mấy đứa đánh giày, nhưng rắc rối hơn. Trước hết nó dùng cái que xỉ đất dính phía trong dè xe, rồi lại dùng cây cọ quét đất cát còn dính trên bánh xe. Nó quây bánh xe nghe tách tách nhỏ nhỏ vừa rồi cái cọ trên bánh xe cho thật sạch rồi mới moi nùi giẻ dưới yên xe ra lau dè xe. Chỗ nào còn dính dơ, nó “phịt” nước miếng vào đó và chùi là sạch ngay. Riêng bộ cãm xe, nó lấy miếng giấy nhám từ túi quần ra, kẹp cái cãm giữa miếng giấy và vuốt lên vuốt xuống, chỉ một lát là cây cãm xe láng bóng như mới. Những buổi chiều thầy đạp xe trên đường phố, ánh mặt trời chiếu những cái cãm xe lấp la lấp lánh như có gắn kim cương. Không ai hiểu sao thầy Cam lúc nào xe cũng mới tinh? Có lẽ thời tiểu học, chỉ thằng Thương là sướng nhất, vì không bao giờ phải trả bài. Riêng tôi thì ở trường học đặc biệt. Tôi và một vài đứa nữa có tài nhớ bài ngay khi chép xong trên bảng đen. Thường mỗi khi có bài học mới thầy viết lên bảng cho học trò chép vào vở. Tôi vừa chép bài vừa lẩm nhẩm đọc. Thầy viết câu nào là tôi thuộc câu đó. Thầy viết vừa xong, tôi cũng vừa thuộc hết cả bài. Chờ đến khi cả lớp chép xong, thầy hỏi “Đứa nào lên đọc bài?” là tôi xung phong lên đọc ngay, thầy cho điểm, thế là hôm sau tôi khỏi phải lên trả bài vì bài đó tôi đã có điểm rồi. Có thằng Nguyễn Hồng Hà cũng thuộc bài kiểu đó. Năm nào tôi với nó cũng tranh nhau phần thưởng nhất nhì. Hai đứa tôi đều mồ côi cha mà trường chỉ cấp một học bổng nên chúng tôi chia hai học bổng đó, mỗi đứa một nửa.

Dưới tiểu học đứa nào cũng ham chơi, nên trừ bọn con gái và vài đứa con nhà gia giáo, đa số, giỏi lắm thuộc lõm lõm. Cho nên giờ trả bài là giờ đau tim của bọn nhác học. Hễ thầy giở sổ điểm ra là không khí căng thẳng bao trùm cả lớp. Đứa thuộc thì nhơn nhơn chường mặt cho thầy thấy, hi vọng thầy kêu lên kiểm điểm. Đứa không thuộc tìm cách núp sau lưng bạn, cứ tưởng mình không thấy thầy tất thầy cũng không thấy mình. Nhưng trông bộ dạng núp lén, cổ rút, lưng khòm, cổ sao cho mình càng nhỏ lại càng tốt, thầy biết ngay. Bị kêu lên thì mặt mũi xanh lè, ấp a ấp úng, nhớ được câu đầu là cùng, vậy là thầy cho hột vịt lại bắt đứng sang bên cạnh chờ thầy phạt chứ chưa được về chỗ ngồi. Sau khi xong vụ trả bài thầy mới quay sang làm việc với mấy cậu ăn hột vịt lộn. Thầy Cam có lối phạt học trò rất kỳ lạ, xưa nay chưa ai làm. Thầy bắt học trò nhảy cóc trong cái sân vuông nhỏ ở giữa các lớp, thành thử các lớp khác cũng thấy, cái đó mới đáng mắc cỡ. Mấy đứa bị phạt ngồi chồm hổm một dọc, hai tay chống xuống đất và nhảy như con cóc. Cả đàn cóc cứ thế nhảy vòng quanh sân nhỏ từ năm đến mười vòng. Bảy giờ lớp tôi có anh chàng, không biết mấy tuổi mà to lớn như người lớn, anh ta nhảy cóc rất tài, chỉ phóc mấy cái là xong một vòng. Anh ta cứ qua mặt bọn nhóc, giống như đua xe hơi mà có một chiếc chạy với tốc độ gấp hai các xe khác, cứ vù vù qua mặt đối thủ. Khoảng mười phút là anh ta thi hành xong, đứng lên mặt vẫn không đổi sắc trong khi bọn kia cứ lếch bệch mãi vẫn chưa xong. Nhảy vài vòng đã có đứa làm như bò bốn chân chứ không nhảy!

Thầy Cam còn một hình phạt nữa, cũng không giống ai. Thầy bắt những đứa không thuộc bài đứng thành vòng tròn, rồi đứa đứng sau kí đầu thằng đứng trước, thằng đứng trước kí đầu thằng đứng trước mình, cứ thế, cho đến khi thầy bảo thôi mới ngưng. Vì hễ kí nhau nhẹ, thầy bắt kí mãi. Có đứa nào ghét thằng đứng trước mình thì cứ nghiêng rặng nện một phát vào đầu hấn, hấn không quay ra sau trả thù được nên cũng ra sức nện thằng đứng trước mặt dù thực tâm đâu có oán thù gì nhau. Vậy là thằng bị kí đau lại chơi thằng đứng trước một phát xính vính, cứ thế, giấp một vòng, đến ngay thằng gây ra chuyện máu lửa. Đứng là vòng “luân hồi”!

Thầy Cam rất sùng đạo Phật, thầy thường lên chùa tụng kinh. Nhà thầy cũng có bàn thờ Phật. Giờ thủ công, có khi thầy bắt học trò vót đũa, thầy lựa những đũa đẹp đem lên chùa. Đến gần Tết, thầy bắt làm những cái vòng giống như vành nón, nhưng đều nhau, đũa thì làm những cây cọc nhỏ như chiếc đũa nhưng dài hơn. Thầy đem lên chùa làm cọc cho mấy chậu bông kiểng. Bông cúc, bông thược dược...

Trường Ông Voi có thầy hiệu trưởng người Bắc di cư. Thầy đọc chính tả, học trò viết trật bậy cả. Rượu thầy đọc thành riệu, hươu thành hiêu... Khó nhất là dấu phết thầy đọc là phẩy. Ví dụ: "Các em đi học phải ăn mặc sạch sẽ, đến trường đúng giờ" Học trò viết thành "...phải đến trường đúng giờ." Trong trường có ông phụ trường tên Cửu. Mỗi khi đến giờ ra chơi hay hết buổi học thầy hiệu trưởng kêu lên "Ông Kiểu, Ông Kiểu, cho tiếng kông!" (đánh kèng, gõ mạnh vào một miếng sắt lớn thay cho đánh trống). Nghe câu đó là chúng tôi thở phào nhẹ nhõm, xếp sách vở. Cô thầy coi bộ cũng vui lây, nhưng làm nghiêm.

Thời tôi học tiểu học còn có thầy hiệu trưởng trường nam tiểu học, lúc trước ở Chùa Bà Mụ, sau dời xuống gần trường trung học Trần Quý Cáp. Thầy hiệu trưởng tên Lê Tự Tháo. Lúc đó còn Đệ Nhất Cộng Hòa, học trò phải hát bài Suy Tôn Ngô Tổng Thống, có câu "Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống. Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm." Bọn học trò đến câu đó hát "Học sinh trường nam nhớ ơn ông Lê Tự Tháo. Ông Lê Tự Tháo, Ông Lê Tự Tháo muôn năm." Tôi không học trường đó nhưng nghe bọn bạn thường hát nghe ngao như vậy, bây giờ vẫn còn nhớ. Trí óc trẻ con như trang giấy trắng, dính một vết nhỏ là không bao giờ phai mờ!

Một buổi sáng chủ nhật, có đũa phải đến nhà thầy Tháo nộp sổ điểm hay làm gì đó. Hấn rử, không đũa nào dám đi theo. Tôi không học trường của thầy Tháo nên tôi đâu ngần. Tôi theo hấn đến nhà thầy. Thấy tôi, thầy chỉ mặt bảo "Mày đi học, đứng ít ra cũng hạng mười trở lên." Lúc tiểu học thì tôi có đứng nhất lớp thật, nhưng lên trung học, có khi tôi phải thi lên lớp vì "đút vỡ bụi tre" (trốn học) nhiều quá. Vì thời tiểu học tôi không phải học bài ra rả như mấy đũa khác nên lên trung học tôi quen thói lười biếng, bị đội sổ (đứng hạng bét) hoài. Chỉ đến năm đệ nhị và đệ nhất, tôi sợ thi tú tài rớt mới chịu khó gạo bài mà thôi. Nhưng tôi có khiếu làm thầy tướng số. Nhớ thời đi sĩ quan Thủ Đức, các sĩ quan huấn luyện, hể ra bãi tập, là gọi tôi đến xem chỉ tay, chữ ký, trong khi bọn bạn cứ bò lét, xung phong, đội hình tác chiến, phục kích, phản phục kích... hò hét, chạy nhảy phờ người.

Trở lại thời tiểu học, tôi còn có một thằng bạn nữa, nó tên Nguyễn Ngọc Thích. Lên lớp nhất là nó nghỉ học vì ba nó là lính tử trận, nhà đông anh em, nó là con lớn phải nghỉ học để đi bán cà rem. Nó chở hai bên xe đạp hai bình cà rem, sáng sớm lên tiệm nước đá Thái Sơn lãnh cà rem, đạp về vùng quê bán, chiều về. Có những buổi chiều, tôi lên nhà nó chơi, nó đem cà rem ế ra cho tôi ăn. Nó nhỏ mà rất "hoang," tôi kém nó vài tuổi nhưng coi nó như đại huynh. Nó là tên đầu têu làm ô nhiễm tâm hồn trong trắng của những thằng còn học lớp nhất như tụi tôi. Nghĩa là nó dạy tụi tôi "mê gái" và "chọc gái"! Nó tả cô con gái tiệm nước đá Thái Sơn, tên cô Kín, người Tàu, rất đẹp. Tụi tôi đến đấy, thấy quả thật cô đẹp như Lý Lệ Hoa, nữ tài tử Hồng Kông, trong phim "Ánh Sáng Đô Thành." Từ đó hể có đồng nào là chúng tôi rủ nhau đến tiệm Thái Sơn, chờ cô Kín ra trông hàng là vào, cả bọn, có khi chỉ mua một cây kem thôi. Thằng Thích còn chỉ cho chúng tôi một cô khác, cũng người Tàu, con chủ tiệm tạp hóa Vạn Hòa, cũng đẹp lắm. Hấn rử tụi tôi, buổi tối đến trước tiệm Vạn Hòa, ngồi xuống lề đường, phía đối diện, chờ cô ta ra trông hàng để ngắm. Một lần hấn bảo cả bọn theo hấn vô tiệm để mua hàng. Bốn năm đũa chúng tôi theo hấn một cách long trọng, giống như khách sộp. Hấn đi trước, đến bảo cô ta "Bán cho tôi một sợi giây" Cô ta hỏi "Giây đờn hả?" Hấn nói "Dây lưng!" Rồi phóng chạy mất tiêu, trong lúc tụi tôi đứng ngó ra một lúc mới chen nhau chạy "thoát thân." Từ đó tôi không bao giờ dám đi ngang qua tiệm Vạn Hòa. Cho đến mấy năm sau, tôi đi thử, liếc vào tiệm, thấy cô ta không thềm nhìn tôi, tôi mới yên trí là cô ta đã quên tôi rồi.

Lúc nhỏ, khoảng trên mười tuổi mà tôi còn nhớ những người và sự việc kỳ lạ, đối với tôi. Trước chợ Hội An có chùa Ông, trong thờ tượng Quan Công, mặt đỏ, hai bên có hai tượng đứng hầu

là tượng Châu Thương, ốm nhách, tướng dữ dằn và tượng Quan Bình hiền lành hơn. Tôi rất sợ mấy tượng này, không dám nhìn, chỉ ngày lễ của người Tàu, đông người tôi mới dám vào ngắm tượng mấy con ngựa và đao kiếm bằng gỗ để dưới ngai thờ. Trước chùa có mái hiên, là chỗ hành nghề của mấy ông thầy bói. Họ mang kiếng đen, ốm và vẻ mặt buồn bã, có lẽ ế khách và đói bụng. Ngày lễ, người ta xin xăm, đem ra đọc thầy nghe, nhờ thầy đoán, lúc đó thầy mới có tiền. Thỉnh thoảng cũng có người đến hỏi thầy về chuyện gia đạo. Tôi với mấy thằng bạn “mất dạy” đứng phía xa kêu lên “Cầu gia đạo, cạo da đầu” mà không sợ vì biết các thầy không làm gì được chúng tôi. Nhưng hễ đi một mình, tôi làm bộ hiền lành, lân la đứng nhìn thầy gieo quẻ. Thầy thầy hai đồng xu xuống một cái đĩa, nghe lách cách nho nhỏ, rồi thầy mò mẫm tìm hai đồng xu trong đĩa, lấy ngón tay miết trên đồng xu để biết chẵn, lẻ. Thầy lại gieo nữa, cứ thế vài ba lần thầy mới phán cho thân chủ quẻ ứng ra sao. Tôi nghe thầy nói rất trôi chảy, như đã thuộc bài trước. Giọng thầy khề khà nhưng nghiêm trang. Lúc đầu toàn những lời dọa dẫm khiến thân chủ sợ hãi, sau đó thầy mới bày phương cách để trừ tai họa. Thân chủ thường là các bà lớn tuổi, người quê mùa, kính cẩn nghe lời thầy phán. Khi năn nỉ thầy điều gì phải kèm theo tiền để thầy “cải mệnh trời” mà cứu nhân độ thế. Tôi đứng nhìn và phục thầy quá! Không hiểu làm sao thầy biết được gia cảnh của thân chủ mà phán chính xác đến độ thân chủ vừa phục vừa sợ... Có một lần, tôi thấy một thầy bói mù đi tiểu. Thầy lân theo vách bức tường trước chùa Ông, mà đi. Đến chỗ góc tường của chùa, có lẽ thầy “đoán” là bụi cây hay đường hẻm, nên thầy vạch chim ra. Thầy không biết rằng, vách tường đó lại nằm trên một đường khác, ngay trước chợ, càng đông người hơn nữa. Lúc đó có mấy cô nữ sinh đi học về. Các cô nghiêng nón che mặt. Dĩ nhiên phải thấy cái gì mới nghiêng nón chứ!

Ngồi chung với các thầy có một ông ăn xin. Thực ra ông ta không xin, ai cho gì ăn nấy. Ông ta để tóc dài, quần áo tả tơi, trông giống mấy kiếm khách trong phim Nhật “Giặc Nữ Đa Tình” đang chiếu lúc bấy giờ. Rạp chiếu phim là cái nhà ngang, phía sau chùa Ông, ngăn ra để làm chỗ chiếu phim. Ông ăn xin này để móng tay dài, cũng vài phân tây. Ông ta ngồi im, bó gối, cú rữ, không buồn không vui. Ai thấy tội nghiệp, bỏ tiền vào người ông (trên đùi), ông ta cũng không nói tiếng nào. Nhưng đến chiều, ông ta gom tất cả tiền người ta cho, đem lên nhà bưu điện, gần Chùa Cầu, bỏ tiền đó vào thùng thư!

Còn một ông nữa, cũng tàng tàng, nhưng có gia đình chăm sóc, nuôi nấng, ăn mặc sạch sẽ, lịch sự thường đi lang thang suốt ngày trên đường phố. Ông ta cứ lặng lẽ đi, miệng lẩm bẩm tiếng Tây. Người ta bảo ông “cuồng chữ.” Ông có một tật lạ khiến tôi thường đi theo sau để xem. Hễ thấy ai đi giữa đường một mình, ông ta chạy tới thật nhanh và nhảy phóc qua đầu người ta như trong phim kiếm hiệp, khiến người đó thất kinh hồn vía!

Hội An bấy giờ còn có một nhân vật nữa là bà Lợi Điền. Bà ta còn trẻ, khoảng trên ba mươi. Bà ta cầm một cành cây, vừa đi vừa lầu bầu một mình, đôi khi nổi điên lên bà ta rượt đánh người đi đường, nhất là đàn ông, miệng chửi mắng, rồi đứng khóc “Sao anh bỏ em? Để em bơ vơ. Em nhớ anh!...” Người ta bảo bà ta thất tình. Nghe nói là có một cậu học trò nghèo, cha mẹ bà ta gả bà cho cậu ta còn nuôi nấng tử tế để cậu ta đi học, sau gửi cậu qua Pháp học tiếp. Khi học thành tài cậu ta ở luôn bên Pháp, lấy vợ Pháp, không chịu về Việt Nam nữa, bà ta thất tình thành người điên. Ít lâu sau nghe nói bà ta được đem gửi ra một căn nhà hoang gần chùa Chúc Thánh, vùng quê, cách Hội An vài cây số, để bà ta được nghe tiếng chuông mõ mà yên tĩnh tâm thần. Thế là trong những ngày nghỉ học, chúng tôi có thêm một thú vui nữa, là ra chùa Chúc Thánh chọc ghẹo bà Lợi Điền. Chúng tôi đứng từ xa kêu lên “Bà Lợi Điền! Bà Lợi Điền!” Bà ta đuổi đánh. Chúng tôi vừa chạy vừa cười vui. Có khi gọi mãi mà bà ta không rượt đuổi, chúng tôi từ từ đến gần hơn. Miệng vẫn kêu “Bà Lợi Điền! Bà Lợi Điền!” mà tinh thần rất căng thẳng và hồi hộp. Thế là thỉnh thoảng bà ta vùng đứng lên, tay cầm roi rượt đánh. Những lần như thế chúng tôi chạy không kịp thở vì gần quá lại bất ngờ nữa. Nhưng như thế mới vui.

Trong thời gian ở tại ngôi nhà hoang, bà ta có một bà già săn sóc, lo cơm nước. Thế rồi một chuyện xảy ra. Có một anh lính ba trợn nào đó, tối nào cũng đến với bà Lợi Điền và tĩ tĩ “Anh là

chồng em đây. Anh về với em...” ... và bà Lợi Điền có chữa. Nghe nói sau đó anh ta chạy làng, nghĩa là trốn biệt. Chuyện đến chỗ này thuộc loại người lớn, tôi không còn để ý đến.

Ngoài chuyện chọc bà Lợi Điền, chúng tôi còn một thú vui nữa là bắn chim. Chim nhiều nhất là ở các chùa. Chúng tôi thường chui rào vào chùa bắn xoài và bắn chim. Chúng tôi dùng ná cao su, bắn đạn là những viên gạch, đá nhỏ. Thế nên, hễ nghe tiếng lóc cóc của mấy viên sỏi lăn trên mái chùa là các chú tiểu cầm roi rượt. Các chú này đều lớn hơn chúng tôi nhiều nên rượt rất nhanh. Có lẽ mục đích dọa cho chúng tôi sợ hơn là đánh đuổi. Nhưng các chú tiểu rượt rất lâu khiến chúng tôi chạy xanh mặt, quay lại vẫn thấy “ông thầy chùa” còn cách mình chỉ năm ba mét! Đuổi càng gần, các chú dậm chân càng mạnh, chúng tôi càng quỳnh quít chạy muốn hụt hơi. Đến khi chú tiểu dừng lại, chúng tôi vẫn cứ chạy, cả mấy trăm thước mới nằm lăn ra đất và thở. Ấy vậy mà hễ chùa có vía Phật hay lễ gì đấy, thiện nam, tín nữ ra vào tấp nập là làm gì chúng tôi cũng giả bộ hiền lành, vào chùa với vẻ kính cẩn, mộ đạo lắm. Mục đích để được chùa cho ăn chay. Đến giờ trưa, chùa dọn cơm chay ra, ai muốn ăn thì ngồi vào, cửa chùa mà! Bây giờ, nhớ lại tôi vẫn còn thèm cơm chay của chùa. Ngon hơn cơm chay tiệm rất nhiều.

Hội An là một thị trấn nhỏ, mọi người lại biết nhau, nên xảy ra một chuyện gì nhỏ nhặt, chỉ năm phút sau là “Thượng Chùa Cầu, hạ Ông Bồn” (hai đầu của thị xã) biết hết. Có một bà đi chợ về dọc đường rêu rao “Có dị nhân xuất hiện dưới chợ.” Tôi chạy xuống xem. Hóa ra là có một ông, không hiểu người xứ nào, Trung Đông, Ả Rập gì đấy, lạc vào Hội An. Người ta xúm quanh ông ta, đứng nhìn sa đà. Tôi cũng chen vào xem. Ông ta cũng là người thường, nhưng khi người ta mời ăn cơm với cá, thịt, ông ta lắc đầu. Ông ta chỉ đòi ăn bánh mì với củ cải trắng và uống bia. Ông ta không nói được tiếng Việt, đối với dân Hội An đã là rất quái dị, lại thêm chuyện ăn uống không giống ai, người ta đồn nhau đến xem cũng đúng thôi. Hội An như một cái túi, bị lãng quên từ lâu, ánh sáng văn minh không đến được nên bọn trẻ cũng thành lạc hậu. Một lần, có chiếc xích lô máy chạy vào Hội An, vậy là mọi người rùng rùng đi xem, nhất là để nghe tiếng xích lô nổ máy ầm ầm “Hấn kêu rảng mà nghe điếc óc, điếc tai!” Họ chưa bao giờ thấy chiếc xích lô máy. Có chăng là trên bìa mấy quyển vở, có hình chiếc xích lô máy với người chạy xe trông rất giống ca sĩ Chế Linh.

Hội An thời tôi còn nhỏ, khoảng đệ thất, tôi còn nhớ được một chuyện khác là về con chó của ông chủ tiệm thuốc tây Đức Phú trên đường Lê Lợi. Đó là con chó Bẹt rê (berger?) rất to. Con chó này thường cột sau nhà, nhưng ai vào mua thuốc tây, nó ở nhà sau sủa lên “gâu! gâu!...” nghe đã khiếp, thành ra tiệm ế khách. Một lần có ông nhà quê đi ngang qua, nó sủa, ông ta đứng lại, dòm vô nhà và nói “Mày ngon ra đây! Tao bắt làm thịt cho rồi.” Ông ta cứ đứng nói như thế mãi. Ông chủ tiệm giận quá mới bảo “Ông bắt được thì tôi cho ông. Nhưng nó cắn thì ông ráng chịu. Dám không?” Ông nhà quê trả lời “Khó chi! Ngày mai tôi ra đây, có đem sẵn cái bị, ông thả chó ra, tôi bắt về làm thịt ăn chơi.” Tưởng nói giỡn, không ngờ hôm sau ông nhà quê đến với thằng con trai. Ông ta đứng trước cửa vỗ vỗ tay khiêu khích, con chó sủa rân trời. Ông Đức Phú mới mở dây xích, con bẹt rê trong nhà phóng ra, nhào lên người ông nhà quê để cắn. Không ngờ bị ông ta khóa cổ, thằng con đứng sẵn bên cạnh, mở cái bao tải ra, ông ta bỏ con chó vào trong bao tải rồi hai cha con xách đi thẳng! Ông chủ tiệm chưng hửng!

Ông Đức Phú có hai người con trai. Thời tôi mới lên đệ thất thì hai anh này đã lớn, học trên tôi rất xa, có lẽ cũng đệ tứ, đệ tam là ít. Người anh thì hiền nhưng người em thì “hoang trở trời.” Có một giáo sư thường sai anh ta ra nhà ông phu trưởng mua nước ngọt đem vô lớp cho thầy. Anh ta mua rồi uống trước và đổ nước lạnh vào cho đầy ly. Giáo sư uống cứ chê nước ngọt nhạt thích chứ không biết đã bị anh ta uống bớt. Ông Đức Phú, là cha của anh thường bắt anh học bài rồi dò bài xem có thuộc không. Ông Đức Phú lẳng tai, mỗi khi bị cha kêu ra, anh ta phải ngồi trước mặt và đọc bài trong khi cha anh ngồi trên ghế xa lông, cầm quyển vở có bài học của anh để kiểm tra xem có thuộc không. Ông ta không biết rằng người anh đã lên ra đứng sau lưng. Người anh cứ dòm vô bài mà cha anh đang cầm trên tay và đọc nho nhỏ, anh ta chỉ việc nhắc lại thật to. Cha anh lẳng tai, không nghe người anh nhắc bài, tưởng anh ta thuộc bài rồi. Nói đến Hội An là người ta nghĩ đến Chùa Cầu. Đó là biểu hiệu của Hội An cũng như chợ Bến Thành là biểu hiệu của Sài Gòn vậy. Lịch sử Chùa Cầu thì sách vở có nói nhiều, nhưng những

người không đọc sách và bọn nhỏ tụi tôi thì có một lịch sử khác. Rằng bên Nhật thường bị động đất, nhà sụp người chết, năm nào cũng xảy ra. Thầy địa lý Nhật bảo rằng, động đất là tại vì con cù (rồng đất) thường quẫy đuôi. Muốn cho nó khỏi quẫy đuôi, phải ếm cái đầu, không cho cục cựa. Mà cái đầu nó lại nằm tại Hội An trong khi cái đuôi lại nằm bên Nhật!? Mấy ông phù thủy Nhật đến Việt Nam xây cái chùa trên đầu con rồng, còn ếm thêm một cây gươm dưới đất cho con rồng hết đường cục cựa. Vậy là bên Nhật không còn động đất nữa. Chúng tôi tin lắm. Tuổi trẻ con, những chuyện truyền kỳ đó, đương nhiên phải là có thật. Thế nên, thỉnh thoảng chúng tôi rủ nhau xuống dưới lạch nước, dưới Chùa Cầu lấy cây thọt khắp nơi, hi vọng thấy được lưỡi gươm. Nhưng thọt mãi, chỉ thấy rác rến hôi thối, gớm ghiếc!

Lên trung học tôi hết tin chuyện con cù, nhưng Chùa Cầu giúp tôi một dịp được một đứa con gái ôm. Số là một buổi tối, tôi đi lang thang gần đến Chùa Cầu thì thấy một cô bé cứ đứng thập thò chỗ cột điện mà không dám qua cầu. Khi tôi đi đến thì cô ta đi theo sau lưng. Trong cầu tối lù mù như động ma lại thêm mấy cây nhang khi mờ khi tỏ trước tượng mấy con khỉ, con chó càng thêm rùng rợn... Khi đến giữa cầu, tôi bỗng dừng lại và kêu lên "Ma kia!" Vậy là cô ta nhảy tới ôm tôi cứng ngắt. Tôi cũng ôm lại cô để diu cô qua cầu. Khi ra khỏi cầu cô bỏ chạy mất. Lần đầu trong đời, được một đứa con gái ôm, tôi về khoe tùm lum với tụi bạn, đứa nào cũng suýt soa rằng tôi gặp may. Tôi không biết mặt mũi cô bé đó ra sao, nhưng vẫn còn nhớ đến bây giờ.

Hội An có một thú vui nữa là lội nước lụt. Sau này lớn lên đi làm việc ở Huế, năm nào Huế cũng có lụt mà chẳng thấy cô cậu học trò Huế nào lội nước lụt như bọn nhóc tụi tôi ở Hội An. Hàng năm, đến mùa đông mưa dầm là chúng tôi cầu cho nước lụt. Bọn trẻ con chúng tôi đâu có nghĩ đến nỗi khổ của người dân thôn quê mỗi khi có thiên tai. Trẻ con ở Mỹ mỗi khi có bão tuyết cứ mở TV ra là biết mình được ở nhà. Lúc xưa ở Hội An, chúng tôi biết chắc là được nghỉ học vì nước lụt nhưng vẫn phải đến trường, cô thầy cũng phải đến trường. Sáng đó thầy hiệu trưởng cho người lên ty tiểu học nhận chỉ thị cho nghỉ học hay không mới về trình lại thầy hiệu trưởng. Lúc đó mới thông báo từng lớp biết. Buổi sáng đó chúng tôi đến trường, vào lớp ngồi chỉnh tề, có cô thầy nhưng ai cũng ngóng chờ tin, chẳng học hành, bài vở gì cả. Chúng tôi rủ rê, bàn tán nhau chuyện lội nước lụt. Đến khi nghe tin cho về là học trò cả trường la ó, ủa ra khỏi lớp, mặt mày sáng rỡ. Đa số chúng tôi không về nhà vì sợ cha mẹ cấm lội nước lụt vừa nguy hiểm vừa có thể bị cảm lạnh. Nguy hiểm vì có cậu học sinh ngồi trên thuyền vừa đánh đàn vừa hát với chúng bạn rất là nên thơ, thỉnh linh thuyền bị lật úp mà cậu không biết bơi nên chết chìm! Nhưng đó là chuyện hi hữu. Tai nạn chúng tôi thường gặp là bước hụt chân từ trên lè xuống lòng đường, nước ngập đến ngực. Đa số chúng tôi thường lặn vớ vào bụng, thế là vớ bị ướt mem, nhòe nhoẹt hết cả! Đường ngập nước chúng tôi thường lội là đường Nguyễn Thái Học, nước không chảy xiết lại tấp nập thuyền và người nên rất vui. Những đứa có tiền thì thuê thuyền chèo lên chèo xuống dọc đường phố. Những người ở hai bên đường đứng trên lầu thòng những cái giỏ nhỏ, trong có tiền, xuống cho những người bán quà rong bằng thuyền, lấy tiền và bỏ hàng vào giỏ, người trên lầu kéo lên... Chúng tôi cứ lội nước như thế cho đến trưa mới về nhà ăn cơm.

Tôi có thằng bạn tên Trần Ngọc Lợi, kể chuyện nước lụt rất hay. Nhà nó trước bờ sông Bạch Đằng. Bờ sông Bạch Đằng thì thuyền bè cũng không dám héo lánh nói gì người ta. Nước chảy rất xiết mà sông thì cuộn cuộn, mênh mông, lênh láng. Nhà cửa bên kia bờ sông (Cẩm Nam?) ngập đến nóc, cây cao nhất cũng chỉ lú cái ngọn. Thằng Lợi ở chỗ như thế nên nó có quyền kể những chuyện mà không ai kiểm chứng được. Mà mùa lụt nào nó cũng có một vài chuyện hấp dẫn để kể cho tụi nhóc chúng tôi nghe. Tôi chỉ còn nhớ được vài chuyện mà đến bây giờ tôi vẫn còn thấy thú vị, hưởng gì lúc còn bé.

"Hôm nước lụt ngập cả tầng dưới, cả nhà tao phải dọn hết lên lầu, nhưng vẫn để cửa ra vào ở tầng dưới cho cá vào tránh nước lụt. Cá nhiều lắm, tao ngồi ở thang lầu câu một lúc là đủ cá ăn cả ngày. Một buổi sáng, tao cầm cần xuống cầu thang thì thấy một con rết, to bằng cái đòn

gánh, nằm khoanh tròn trên tam cấp cầu thang. Tao lấy cái thúng úp lên rồi kêu ba tao xuống coi. Ba tao lấy cái thúng sắt bự, bỏ con rết vô nhốt lại. Tụi bây biết không? Tối đến, cái thúng sáng trưng như có thấp đèn. Ba tao bảo con rết này đã tu thành chánh quả nên có ngọc...”

Tụi tôi nóng ruột, hỏi “Sao không giết đi mà lấy ngọc?”

“Đâu có được! Giết con rết thì ngọc tiêu ra nước ngay. Tụi bây chớ biết gì! Ba tao lấy một cái rổ thưa, đặt trên một cái lu, trong lu có nhiều nước rồi làm thịt con gà, bỏ trên rổ và bắt con rết cho vô rổ. Rết rất thèm thịt gà, nó phải nhả viên ngọc đang ngậm trong miệng ra để ăn thịt gà, vậy là viên ngọc lọt xuống dưới rổ rơi xuống nước, con rết chịu thua, không cách gì lấy lại viên ngọc vì đã chìm xuống đáy lu rồi. Ba tao giết con rết và lấy viên ngọc.”

Tụi tôi nhân đạo “Giết nó chỉ cho tội nghiệp!”

“Không giết, nó cắn chết người giữ ngọc để lấy lại viên ngọc. Tụi bây biết viên ngọc này dùng làm gì không? Người nào lận nó trong người thì nghe hiểu được các loại côn trùng, súc vật, chim chóc nói chuyện với nhau. Trước trận lụt vừa rồi, ba tao nghe bọn kiến nói với nhau “Hai mươi âm lịch này, nước sẽ dâng cao, chúng ta phải mau mau đưa trứng và lương thực lên lầu gác.” Nghe được như thế, ba tao ra lệnh phải lo dọn đồ đạc lên lầu. Đúng ngày hai mươi, tao ngủ dậy, thấy nước đã vô nhà. Sang năm tao sẽ báo trước cho tụi bây biết ngày nước lụt để chuẩn bị nghỉ học, lội nước lụt...”

“Bộ mày nghe được tiếng bọn kiến chuyện trò à?”

“Không! Ba tao nghe. Tao có xin mượn ba tao viên ngọc, nhưng ba tao không cho vì tao nhỏ tuổi, nghe tiếng súc vật sẽ giảm thọ.”

Lần khác nó kể chuyện Long Vương lấy súc (cây gỗ lớn).

“Bữa đó nước lên rất cao, tao đi ngủ sớm. Đến khuya, tao bỗng nghe ngoài sông có tiếng trống đánh và tiếng hò hét như đang có chiến trận. Tao mở mắt ra thì thấy ba tao đang đứng ở cửa sổ nhìn ra sông. Tao chạy đến nhìn thì thấy ngoài sông đèn đuốc sáng rực, binh tôm tướng cá ngồi trên những súc gỗ to tướng, vừa hò reo, vừa chèo. Nước chảy đã nhanh mà gỗ trôi càng nhanh hơn, cứ vùn vụt như tàu thủy. Mỗi súc gỗ có một con rồng nhỏ đứng chỉ huy, có lẽ đó là các con của Long Vương. Năm nào Long Vương cũng cho binh tướng ngược giòng nước lũ, lên rừng đốn gỗ về biển Đông xây cung điện dưới thủy cung.”

“Nhưng tôm cá làm sao chèo được?”

“Tôm cá lúc đó cũng có tay chân như người thường vậy, nhưng mặc đồ đẹp lắm. Họ mặc đồ xưa giống trong hát bội.”

Những chuyện nó kể là vào thời tiểu học, lên trung học, tôi biết là nó xem chuyện cổ tích và chuyện tàu, tranh tàu mà phịa ra. Nhưng lúc còn nhỏ bất cứ chuyện cổ tích nào cũng làm cho trí tưởng tượng của chúng tôi bay bổng đến những thế giới thần tiên và chúng tôi tin những chuyện đó là có thật. Bây giờ thì hết tin rồi và chắc là bạn cũng không tin. Nhưng hiện nay, vùng thôn quê dọc hai bên sông Thu Bồn ở Quảng Nam, người ta vẫn coi chuyện đó là đương nhiên, họ còn xác nhận với bạn “Chính mắt tôi thấy rõ ràng. Mấy súc gỗ đó trôi giữa giòng nước lũ, không ai dám vớt vì trên đó có mấy con rắn thần to tướng trấn giữ. Ban đêm các ngài binh tôm tướng cá mới hiện ra chèo mấy súc gỗ đó về biển Đông...” Nước lụt thì rắn rết, chồn cáo, chuột bọ... phải bám vào cây cối tróc gốc trôi nổi để tị nạn là chuyện thường.

Thằng Trần Ngọc Lợi này đã làm một chuyện động trời. Đó là năm đệ tứ, nó đã tò tí với cô Xuân Lan, bạn học cùng lớp, cô ta có chữa và nó cưới làm vợ.

Nó là đệ tứ ruột của ông võ sư Năm Sửu. Ông ta truyền nghề võ cho nó nên ở Hội An, nó là tay trừ gian diệt bạo. Cô bồi, du đấng mà hó hé, nó kêu ra dợt cho một trận là êm re. Thằng Lợi, tuy có vợ, có con mà vẫn ham chơi như tụi tôi. Vợ chồng nó sống bám vào cha mẹ, nên nó vẫn thế.

Chúng tôi lên trung học lại có một trò bắt lương là bắt gà trộm nấu cháo ăn. Cứ chạng vạng tối là tôi đi rảo khắp các xóm, dòm ngó xem mấy con gà nhà người ta đi ngủ chỗ nào. Đến tối, thằng Lợi chở tôi đến bằng xe đạp, tôi leo rào vào, ôm gà ra và nó đạp như gió cuốn. Chúng tôi rất thú vị với trò này, vừa hồi hộp vừa sợ, giống như lúc nhỏ chọc ghẹo bà Lợi Điền hay bán

chim trong vườn nhà chùa vậy. Tôi bắt gà rất tài, không con nào kêu cả. Tôi lòn tay dưới bụng con gà và nâng nhẹ lên, con gà chỉ kêu cục cục nhỏ nhỏ chứ không vùng vẫy, kêu la gì cả. Khi nào không tìm thấy gà người ta để bắt trộm, tôi về trộm gà ở nhà, của má tôi nuôi, đem lại nhà thằng Công nấu cháo. Khi bị mất gà, má tôi chửi thôi, bể làng bể xóm, chửi khơi khơi chứ có biết ai ăn trộm gà đâu? Tối thứ bảy mất gà, sáng chủ nhật, điếm danh mấy con gà, thấy vắng mặt một con là má tôi chửi. Tôi đang ngủ phải vùng dậy bỏ đi!

Khi nào không có gà thì thằng Mạc Phi Hoàng rủ tôi lên lầu nhà nó bắt bồ câu để tôi đem đến nhà thằng Công. Bồ câu già nấu hoài vẫn dai nhách, nuốt không vô! Nhưng có cháo để xì xụp với nhau là vui rồi.

Thằng Công là nhân vật tôi đã kể ở mấy chuyện khác. Ba nó đi làm xa, chỉ có mẹ ở nhà. Bà ta rất hiền và thương con, tội tôi đến làm gì mặc kệ. Nó có mấy đứa em, thằng em trai tên Bồn, sau thành nhà thơ Tần Hoài Dạ Vũ. “Dạ Vũ” không phải là ca nhạc nhảy đầm như ở Mỹ mà có nghĩa là đêm mưa. Thằng Công chỉ biết có một bài hát duy nhất, từ tiểu học đến trung học cũng chỉ bài đó “Anh ơi, tôi lên đường phố cũ tìm anh chiều hẹn hò. Trao nhau niềm vui cuối tuần. Vì hơn mấy lần... Ai quen ai khi bàn tay trượt nằm trong bàn tay rồi...” Trong lớp học, hễ giảng bài xong, còn dư mấy phút, thầy cô thường bảo “Ai biết hát, lên hát một bài.” Vậy là tội tôi đẩy nó lên “Công! Lên hát Anh ơi tôi lên đường phố cũ đi!” Cũng có một thằng khác tên Vương Tử Hoàng, cũng chỉ một bài, hát hoài, từ tiểu học lên trung học “Đêm dang với ngọn triều. Dô tà dô kéo thuyền nhỏ neo. Vì vu buồm lên cao. Dô tà dô sóng reo dạt dào..” Hai đứa hẳn hát mãi như thế khiến cả lớp đều thuộc lòng. Về sau, lớn lên, lang bạt khắp nơi, nhưng mỗi lần nghe lại những bài hát đó, đứa nào cũng nhớ Hội An, nhớ bạn bè, nhớ hai thằng ca sĩ “chỉ biết một bài duy nhất.” Như tôi đã kể trong vài chuyện khác, thằng Công thường bị bạn bè trong lớp đem ra làm nạn nhân để chọc ghẹo nữ giáo sư mới, trong mỗi đầu niên học, (Với nam giáo sư thì chúng tôi không thấy vui). Đó là khi cô kêu thằng Công lên trả bài là chúng tôi thưa “Công ngủ rồi cô!”...

Đối với nữ giáo sư, tôi chẳng ngán. Đến giờ trả bài, tôi thường không thuộc bài, nên lên xuống cuối lớp, ngồi thụp, sau lưng bạn, im re. Khi giáo sư kêu tên tôi lên trả bài, các bạn biết “hoàn cảnh” tôi, nên thưa là tôi vắng mặt. Hết giờ trả bài, tôi lại về chỗ cũ mà ngồi. Giáo sư có thấy, hỏi sao lúc này đi đâu? Thì tôi thưa “Em không thuộc bài nên em trốn dưới gầm bàn.” Có giận thì cho hột vụn lộn, còn hơn lên bảng mà ầm ớ, mắt mặt nam nhi!

Thằng Công có mấy đứa em gái, rất hiền, chuyên môn lúc thúc dưới bếp nấu cháo gà. Chúng tôi ở trên lầu tán phét chờ ăn cháo. Có một chuyện bắt gà trộm mà tôi vẫn nhớ mãi. Một thằng bạn khác hình như tên Bồng, rủ tôi đi bắt gà trộm. Tôi chỉ nó cách bắt gà nhưng nó chê, bảo rằng cách của nó ngon hơn “Cứ nắm cổ gà cho thật chặt, rồi ôm chạy, ai biết được?” Thế rồi tôi theo nó. Nhiệm vụ tôi đứng ngoài rào, canh chừng, nó leo rào vào... Một lần, nó vào sau hè nhà người ta, lát sau đi ra. Tôi không thấy nó ôm gà mà cầm vật gì trong tay, cứ đưa ra phía trước và đi hồi hả ra đường. Tôi đi theo, ra ngoài đường chính, có ánh đèn điện. Trời đất quỷ thần ơi! Nó cầm trong tay đầu một con rắn. Mình con rắn quấn quanh cánh tay nó. Tôi hoảng kinh, đứng đàng xa mà nhìn chứ không biết làm sao cứu nó. Thế rồi nó ngồi xuống lề đường, dưới trụ điện, bắt đầu mài đầu con rắn xuống mặt đường nhựa. Thì ra có một loại rắn, gọi là rắn ròng hay gì đấy, thường vào nhà bắt chuột hoặc ăn trộm trứng gà trong các ổ gà. Con rắn cứ nuốt nguyên trứng gà vào bụng, chỉ một lát sau là ói cái vỏ trứng dẹp lép ra, trong trắng, trong đỏ đã tiêu hóa hết cả rồi. Vì con rắn cũng đang rình, tìm cách ăn trộm trứng gà của con gà mái đang ấp. Con rắn đang ngóc đầu chờ dịp thuận tiện bên cạnh ổ gà. Vậy là thằng bạn tôi tưởng là đầu gà, cứ nhè đầu rắn mà chộp lấy. Khi biết chộp phải con rắn, nó không dám buông ra và cứ nắm chặt đầu rắn mà đi. Nó ngồi mài mãi, con rắn đã chết, thân hình đã buông lỏng, không còn quấn vào cánh tay nó nữa, nó vẫn cứ mài. Khi tôi đến gần, thấy thế bảo nó là con rắn đã chết rồi, nó mới ngừng tay. Tôi thấy đầu con rắn mòn hết thậm đến thịt da tay, nó vẫn mài. Lốp thịt tay nó, chỗ ngón cái và ngón trỏ bị mòn, chảy máu tùm lum mà nó không biết. Sáng hôm sau, đi học, tay nó băng vải, không chép bài được. Từ đó nó không dám bắt gà trộm nữa.

Bây giờ tôi xin nói chuyện tình yêu. Người Pháp có câu “Người mà không có tình yêu như quả đất không có mặt trời.” Tôi không hiểu rõ câu đó, nhưng quả thật, tuổi mới lớn mà không có người để yêu thì chán hết sức. Khổ nỗi, yêu thì được, nhưng làm thế nào để tỏ tình? Đầu phải thời đại văn minh bây giờ, mới nức mắt đã bỏ bịch tùm lum. Lại thêm cái computer là phương tiện để các cô, các cậu “chat” thoải mái. Đôi khi còn cho nhìn những bí mật của nhau nữa. Thời tụi tôi thì vô phương, lại thêm thành phố nhỏ, hơi chút là thiên hạ ầm ĩ ngay. Chỉ trường hợp thằng Lợi với cô Lan là thiên hạ chịu thua, chúng giữ kín bưng, bạn học ngồi bên cạnh cũng không biết! Sau này tôi hỏi thằng Lợi. Nó kể, đại khái, hai đứa viết thư cho nhau rồi bỏ trong quyển vở, sau buổi học, giả vờ mượn vở để về chép bài... Khi tình đã “lên men giấm” nó rủ rê em đi tắm biển Cửa Đại. Mà đi vào buổi tối, chẳng ai thấy. Bãi biển cửa đại, có rừng dương liễu, kéo vào đó thì như vào “đám lá tối trời,” lại vào ban đêm thì đất cũng tối thui! Cô Lan, gia đình ở dưới quê, lên Hội An trọ học, chẳng ai “quản lý,” mới ra nông nổi! Tụi nó mới đệ tứ, khoảng mười lăm, mười sáu mà thành vợ chồng, trong khi bọn tôi đã học đệ nhị mà vẫn cứ vác quả tim cô đơn, cà lơ thối thểu trên đường phố, mà chẳng thấy người đẹp nào chịu đưa bàn tay ra đón nhận. Hình như bọn con gái cũng thế, coi bộ còn khó khăn hơn. Không lẽ thương ai, mình là con gái, lại đi tỏ tình trước! Mà có ngộ ý cũng vô ích. Bọn con trai chỉ đề ý đến người chúng thích thì có vác loa mà chõ vô tai nó hét lên “Em yêu anh!” nó cũng phe lờ. Bởi vậy mới có tình yêu đơn phương. Gì chứ những mối tình đơn phương thì tôi thiếu khối. Tôi cứ chọn những cô đẹp nhất, dễ thương nhất trường mà yêu. Yêu một chiều, chẳng làm phiền ai, nên nhiều cô không biết. Tôi xin kể sau đây, một trong những mối tình đơn phương đó, kể ngắn thôi, để bạn khỏi chán.

Năm đó tôi học đệ tam. Trường Trần Quý Cáp, Hội An, vì thiếu phòng học nên một phòng giành cho hai lớp. Buổi sáng một lớp, chiều lớp khác. Tôi học buổi sáng. Là vua trốn học nên thỉnh thoảng tôi và vài đứa nữa, leo cửa sổ, chui rào (lúc đó trường chưa xây tường) chạy đi chơi. Cứ tưởng tượng chui khỏi rào, đứng nhìn các lớp học lặng trơ, tụi bạn phải trả bài, làm bài, còn mình thì thành thoi, mới thấy cái thú trốn học. Chúng tôi thích nhất là đi tắm sông. Bơi lội, hò hét, đùa nghịch cho đến chán thì mặc áo quần, trở lại trường, lại chui rào, vào lớp học tiếp. Thân thể mát mẻ, tinh thần thoải mái, học thêm mấy giờ nữa là tan trường! Một lần, tôi với thằng bạn trốn học, xuống phía chùa Sư Nữ tắm sông. Khi chúng tôi chuẩn bị lên bờ thì có hai chị đàn bà ôm áo quần xuống bến giặt giũ. Không biết hai chị tâm sự gì mà cứ nói mãi, chúng tôi không thể lên bờ mặc áo quần được. Vì bến sông đó thuộc vùng quê, thường xuyên vắng vẻ, nên chúng tôi tuy đã học đến đệ tam mà vẫn cứ tắm theo kiểu ông Adam, nghĩa là không mặc đồ lót, sợ ướt lây qua quần dài, vào lớp thì kỳ cục. Thế là chúng tôi cứ lội lên, lội xuống mãi cho đến trưa, hai chị đàn bà ra về, mới lên mặc đồ, vội vã đến trường, thì đã đến giờ của lớp buổi chiều. Sáng hôm sau đi học, thấy trong học bàn, sách vở vẫn còn nguyên, nhưng có thêm một mảnh giấy nhỏ, trên đó có mấy câu, chê rằng đi học mà đút vở bụi tre, không biết xấu hổ. Thấy nét chữ chân phương, tôi đoán là chữ con gái nên để ý xem cô nào đã ngồi chỗ của tôi. Hóa ra đó là cô Lê Thị Thanh học lớp đệ ngũ. Cô này có biệt danh là Thanh Móm, chiếc miệng móm khiến cô trở thành cô bé có duyên nhất trường. Đôi môi cô hồng tự nhiên như mím lại, dễ thương hết sức! Tóc cô nhiều, phủ đầy lưng, đôi mắt thông minh, sáng trưng... Được một người đẹp như thế ngồi chỗ của mình, tôi đại gì mà không viết thư bỏ học bàn! Chẳng phải thư mà chỉ là mảnh giấy nhỏ. Tôi viết bằng tiếng Anh, khi làm thơ tặng cô thì tôi viết tiếng Việt. Tôi học đệ tam, ban C (văn chương) mà tiếng Anh, tôi viết xong, về nhà giờ tự diễn ra mới thấy trật bậy, trong khi cô trả lời, có những chữ tôi không hiểu! Tôi làm thơ tỏ tình thì cô nói sang chuyện học hành, đại ý muốn cô trả lời thì phải chăm học, không được trốn học nữa... Cứ cách vài bữa, tôi tặng cô một bài thơ, có khi chỉ vài câu, toàn thơ con cóc. Suốt một năm như thế, (được một bày cóc!) nếu chép ra, chắc cũng phải một tập thơ dày. Cô Thanh học rất giỏi, năm nào cũng lãnh phần thưởng nhất lớp, đôi khi còn thêm phần thưởng hạnh kiểm toàn trường nữa. Năm nào, lễ phát phần thưởng, tôi cũng đến dự để được ngắm cô

yếu điệu lên lãnh thường. Cô còn nhỏ nên đôi khi ôm phần thường lớn, che cả mặt, không thấy đường, tôi rất hồi hộp và thương cô vì sợ cô vấp ngã.

Hết năm đệ tam thì tôi không còn ngồi chung chỗ với cô Thanh nữa. Nhưng buổi tối, tôi thường đi ngang nhà cô, để được thấy cô ngồi học ở một bàn nhỏ trong phòng khách. Từ năm đệ nhị, tôi phải gào bài để thi tú tài, nên tối nào tôi cũng thức khuya. Đang học bài, tôi thường buông sách vở, lang thang ngoài đường phố một lúc cho thành thơi tâm trí, để về học tiếp. Dù đi đâu, tôi cũng phải vòng xuống phía chợ, ngang qua nhà cô Thanh một lần. Đôi khi, cô đang học, nhìn ra, thấy tôi, cô đứng dậy, bước ra cửa để tôi được gặp. Chúng tôi chỉ nói vờ vắn mấy câu, độ năm mười phút, rồi cô bảo “Về học bài đi! Sắp thi rồi.” Nghe thế, tôi ngoan ngoãn đi về, lòng sung sướng lắm, học bài mau thuộc!

Thời đó, khoảng thập niên sáu mươi, có phong trào học trụ điện. Nghĩa là ban đêm, vắng vẻ, bọn học trò đem sách vở ra ngoài các trụ đèn đường, ngồi học bài cho đỡ buồn ngủ, lại có thêm bạn bè, thỉnh thoảng trò chuyện cũng vui. Chúng học đến gần sáng mới vào nhà ngủ. Bọn con gái không ra trụ đèn học bao giờ. Tôi cũng thế. Tôi có cách học riêng. Mỗi ngày tôi tự ra lịnh cho mình học đủ tám tiếng (ở nhà). Ví dụ đang học, chỉ mới mười phút, buồn ngủ, tôi lăn ra ngủ, nhưng ghi rõ mười phút, dậy học tiếp độ hai giờ, buồn tình, tôi buông sách đi chơi, tôi ghi thêm hai giờ nữa... Miễn sao ngày đó phải đủ tám tiếng. Thế nên bọn học trụ điện cứ thấy tôi, đêm khuya còn lang thang ngoài đường, vậy mà thi tú tài vẫn đậu?!

Thế còn chuyện tình của tôi với cô Lê Thị Thanh đi đến đâu? Thì tôi đã nói trước, đó là tình yêu đơn phương, làm sao có chuyện éo le, gay cấn để kể ra!

Từ năm tôi học đệ tam đến năm đệ nhất, thi xong tú tài hai, tôi và cô Thanh chỉ gặp nhau vào buổi tối, nói với nhau vài câu... Suốt mấy năm, cũng chỉ có mấy câu chào hỏi đó thôi. Tôi không biết cách nào tỏ tình, mà cô thì, có lẽ xem tôi như người bạn hay người anh, nên hai đứa không tiến thêm một chút thân tình nào. Có duy nhất một lần. Tối đó, tôi đến để từ giã cô vào Sài Gòn học đại học. Cô ra cửa, đứng cạnh tôi. Vô tình, tay cô chạm vào tay tôi. Chạm nhẹ thôi. Vậy mà tôi sung sướng đến ngẩn ngơ. Ngẩn ngơ mãi.

Chuyện tình yêu của tôi chỉ chừng đó! Nhưng suốt đời, tôi coi như “một mối tình” vì sau đó, tôi chẳng yêu ai và cũng chẳng ai yêu tôi cả!

Đọc đến đây, chắc bạn đã chán ba chuyện yêu quái lắm lắm của tôi rồi. Tôi xin kể qua chuyện tôi về lại Hội An, sau mấy chục năm xa thành phố cổ đó.

Tôi từ Mỹ đi máy bay về Sài Gòn, rồi đón xe về Hội An.

Hội An vẫn thế, nhưng nó đã mất cái hồn, mất cái tình đối với tôi rồi. Tôi như người ngoại quốc đến một xứ lạ, cứ đi lơ ngơ, nghiêng ngó mà không gặp được một người quen. Trước giờ vẫn thế. Tuổi trẻ Hội An, lớn lên là như con chim xa tổ. Đứa nào cũng nghĩ đến một phương trời khác, thế là chúng đi biệt. Sau năm bảy lăm đổi đời, chúng bay còn xa hơn, đến cả phương trời tây. Đứa bị kẹt lại cũng tìm cách ra khỏi Hội An. Vô Sài Gòn, ra Đà Nẵng, chí ít cũng Tam Kỳ, Tiên Phước...

Buổi tối, gần về khuya, mọi người đều rút vào nhà. Đường phố hẹp, vắng tanh trong ánh đèn vàng vọt, khiến con đường hun hút, âm u như đường hầm. Tôi lang thang ngang qua nhà các bạn cũ. Tôi nhớ các bạn tôi nhưng chúng không còn ở đấy nữa! Tôi đi theo các con đường mà trước đây, tôi thường đi. Tôi cũng vòng xuống ngã chợ, nơi nhà cô Thanh. Vẫn mái hiên nơi cô và tôi thường đứng chuyện trò, nhưng cô đã đi rồi! Nếu còn, cô cũng đã lớn. Cô nữ sinh bé nhỏ ngày xưa đã hoàn toàn đi vào quá khứ!

Hội An đã lạ, tôi càng lạ hơn. Cậu học sinh năm xưa, tâm hồn trong trắng, tự tin nay đã thành một người lớn tuổi, chán ngán sự đời. Bã bể nương dâu. Công danh sự nghiệp như phù vân. Ngẫm lại, chỉ thấy thời đi học là thần tiên hơn cả.

Tôi về lại Sài Gòn, tìm thăm một người bạn, tên Châu Đình Khôi. Anh ta là anh rể của cô Lê Thị Thanh, cho biết cô Thanh, nay đã là góa phụ, có hai con, học hành nên người. Tôi ngỏ ý muốn đến thăm cô. Người bạn đưa tôi đến nhà cô, gần ngã tư Bảy Hiền.

Cô Thanh vẫn thế, tuy có vẻ chững chạc hơn. Mũi vẫn hồng duyên dáng, mắt vẫn sáng, thông minh. Gặp tôi, cô mừng rỡ lắm. Cô nhìn tôi với ánh mắt triều mến.

Mục đích tôi đến thăm cô là để xin lỗi cô về những bài thơ, câu thơ tỏ tình, đã làm phiền cô. Vì lúc đó cô còn nhỏ quá, học đệ ngũ, khoảng mười bốn, mười lăm, đâu biết gì! Thế nên tôi mới nhắc chuyện cũ.

- Thanh còn nhớ? Lúc Thanh học đệ ngũ, anh học đệ tam. Hai đứa ngồi cùng một chỗ, anh thường viết cho Thanh, để trong học bàn...

- Anh để trong học bàn còn quý! Có khi lấy phấn vẽ mũi tên, chỉ lòng vòng, chỗ này, chỗ kia, nhét dưới chân ghế, chân bàn...Làm Thanh phải đi tìm...

- Anh còn làm thơ con cóc...

Cô nhìn tôi cười.

- Để đó mà con cóc! Thanh không quên đâu. Anh gửi cho Thanh những câu như thế này... Và những câu này nữa... câu này nữa...

Cô đọc mãi, đọc mãi, những câu thơ, bài thơ con cóc của tôi, (Ôi! Cả một bầy cóc, ngày xưa!) tôi đã gửi cho cô, có lẽ không sót câu nào.

Tôi ngồi lạng người, nhìn sửng cô.

Bí mật của ông thầy thợ

“Con ơi nhớ lấy lời cha.

Một năm ăn trộm bằng ba năm làm”

Hội An là một thành phố cổ. Khoảng thế kỷ 15, 16 đã là thương cảng phồn vinh của miền Nam thời Chúa Nguyễn. Các thương thuyền ngoại quốc thường ghé trao đổi hàng hóa. Người Nhật, người Tàu, người Bồ Đào Nha, người Tây Ban Nha có đại diện thương cục ở đây. Sau này, lòng sông Thu Bồn, phía Cửa Đại bị phù sa lấp, cạn dần, tàu thuyền lớn không vào được nên các thương nhân bỏ đi, chỉ còn lại người Tàu. Họ là thân dân nhà Minh bên Tàu, khi Mãn Thanh cai trị nước Tàu, họ bỏ xứ ra đi, đến Hội An họ ở luôn tại đây. Một số lấy người bản xứ, sinh con, xưng là người Minh Hương để tỏ lòng tưởng nhớ đến nhà Minh. Tôi là người Minh Hương nhưng không biết tiếng Tàu, cũng không rõ gốc gác mình ra sao.

Trước khi Hội An thành thương cảng, nó là lãnh thổ của Chiêm Thành. Di tích còn lại có thành Trà Kiệu, cố đô của Chiêm Thành, cách Hội An độ ba mươi cây số. Ngay tại Hội An thỉnh thoảng những người đào đất bắt gặp những tượng đá, vật dụng, nghe nói có khi gặp vàng nữa, nhưng dĩ nhiên chẳng ai dại gì nói ra. Trừ vàng, thường thì không ai muốn giữ các tượng đá trong nhà. Họ sợ ma Hời – chỉ người Chiêm Thành - vật chết. Họ đem để trước bình phong đền miếu hoặc gốc cây đa. Tôi có thấy một tượng phụ nữ Chàm bằng đá, rất đẹp, để trước miếu Quảng An, sau có ông thầy dạy vẽ, thầy Kiệm, đem về dùng làm mẫu cho học trò tập vẽ. Chúng tôi sợ ma Hời bắt thầy chết, vậy mà thầy vẫn sống nhăn, chả sao cả.

Về cái miếu Quảng An, người ta đồn đó là miếu thờ ma Hời, nhưng không ai cúng ma Hời, chỉ thấy ngày rằm, mừng một có ông Ba Râu, một ông già ra thấp nhang, Xuân Thu nhị kỳ có lễ cầu an, rất long trọng. Lúc đó tôi còn học tiểu học không quan tâm đến, nhưng mỗi tối đi ngang qua miếu tôi sợ kinh khủng, không dám nhìn vào miếu, sợ ngài vật chết. Miếu này nằm ngay đầu hẻm đi vào nhà tôi. Đường hẻm này đi thông từ đường Phan Chu Trinh qua đường Trần Hưng Đạo. Thờ pháp thuộc nó có tên kiệt Công Quán Cũ, còn đường Trần Hưng Đạo có tên là đường Công Quán, vì có trú sở của tên công sứ Pháp. Trong kiệt Công Quán này có giếng nước ngọt nổi tiếng. Đó là giếng Bá Lễ. Ngay đến bây giờ Hội An vẫn không có nước máy. Nhà nào cũng có giếng trong vườn để lấy nước sử dụng. Nhà khá giả thường thuê người gánh nước giếng Bá Lễ về làm nước uống, nấu ăn. Thế nên giếng lúc nào cũng tấp nập người đến kéo nước. Các cô, bà lấy đó làm nơi trò chuyện. Tối lại, có các chàng lính tráng lạng vãng ra tán

tình, cập kê các cô, thế nên về ban đêm con đường thường xuyên tối thui. Vì tuy có điện đường, nhưng các chàng lính lấy đá ném cho vỡ bóng đèn để tiện làm ăn. Nhà tôi cách giếng Bá Lễ vài khu vườn, trong một khuôn viên rất rộng. giữa là nhà thờ tộc, quây quần chung quanh là nhà con cháu. Phía sau là nhà người bác, tôi không rõ liên hệ ra sao, nhưng các người con của bác ta, hễ lớn thì tôi kêu bằng anh, chị, nhỏ thì tôi kêu mầy tao cũng chẳng ai sửa sai. Người bác này không khá giả gì. Ông ta bán kẹo kéo. Sáng sớm ông nấu đường trong một cái chảo, rồi đổ ra một cái thau, thau được đặt trên một hồ nước nhỏ cho mau nguội, xong ông đánh đường trên một chạc ba gắn trên cột nhà cho trắng đường, thành cục kẹo bự. Ông đặt cục kẹo trên bàn, banh ra, đổ đậu phộng rang vào và kéo hai mép lại với nhau. Giống bác sĩ mổ bụng bệnh nhân, chữa trị xong, bỏ ruột gan vào và khâu lại vậy. Tôi thường dậy sớm, qua nhà ông ta, chờ khi đậu phộng rang đã nguội, tôi bóp cho vỏ mỏng tróc ra, bỏ vô mồm, ăn chán chê mà ông ta không nói tiếng nào. Coi bộ ông thích tôi lắm, buổi sáng nào ông cũng để sẵn cho tôi, khi thì chén cơm chiên, khi thì tô cơm hến để tôi điểm tâm trước khi đi học. Ông kể lại lai lịch nghề kẹo kéo của ông ta một cách hãnh diện. Rằng trước đây, vào khoảng thập niên 40, 50 Hội An chỉ có một người tào bán kẹo kéo. Cách làm kẹo kéo khá đơn giản, nhưng chú chệt giấu nghề rất kỹ. Chú ở chung với người bà con trong một tiệm buôn. Sáng sớm, mới bốn năm giờ, chú đã dậy nấu kẹo. Chẳng phải chú siêng năng gì, nhưng chú sợ ban ngày, có người nhìn thấy sẽ bắt chước. Người bác tôi, lúc đó còn rất trẻ, làm công nhân khuôn vác trong tiệm, âm mưu ăn cắp nghề nên xin chủ ngủ nhờ trong tiệm. Tối đến, bác ôm chiếc chiếu, leo lên đồng hàng hóa nằm ngủ, đến gần sáng bác hé mắt theo dõi chú chệt làm kẹo. Tiến trình làm kẹo thì bác nắm được, nhưng có một thứ nước mà chú chệt vô phòng ngủ đem ra đổ vào đường trước khi nấu thì bác chịu, không biết là chất gì? Sau, bác rình lúc chú đi vắng, mò vô buồng chú tìm. Hóa ra là hủ giấm chú giấu kỹ trong gậm giường. Sau nhiều lần nấu thử, bác tôi thành công. Bác làm một thùng kẹo kéo, nhờ người bạn đem đến trước tiệm, nơi chú chệt trọ, đứng đó suốt buổi, lại bán rất rẻ.

Chú chệt buồn tình bỏ đi. Thế là bác tôi hành nghề kẹo kéo từ đó. Nghề này cũng chỉ đủ nuôi vợ con sống qua ngày. Đi rả cẳng suốt ngày mà cái nhà tranh vách lá ngày càng xiêu vẹo. Vợ bác bán hàng vật ở chợ Hội An, cũng chẳng phụ được bao nhiêu. Tôi nhớ một lần bác bị cảm vì hôm trước mắc mưa giông. Buổi sáng chủ nhật đó, bác trùm mền nằm, không làm kẹo. Tôi qua hỏi thăm, bác bảo người lạnh run, đau đầu... gì đó. Tôi bảo bác đưa tiền, tôi ra tiệm thuốc tây mua thuốc cho. Tôi cầm tiền, ra tiệm thuốc tây, kể bệnh cho người bán thuốc, mua về cho bác uống, chỉ gần trưa là bác dậy nấu kẹo chuẩn bị đi bán. Bác bảo tôi đọc cái toa thuốc cho bác nghe, chữa bệnh gì, uống thế nào... xong bác đưa tiền cho tôi ra tiệm thuốc tây mua một mớ. Thế là bác vừa bán kẹo vừa làm thầy thuốc. Bác ôm thùng kẹo kéo đi khắp vùng ngoại ô, về cả các nơi xa xôi hẻo lánh. Người nào bệnh bác cũng vào thăm, sờ đầu, bắt mạch (?!), hỏi bệnh trạng rất kỹ, bác cho ít thuốc uống tạm.

Chiều về bác bảo tôi ra nhà thuốc kể tình trạng của những bệnh nhân của bác và nhà thuốc bán cho thuốc chữa bệnh, thế là hôm sau bác đem thuốc cho thân chủ uống. Người dân nông thôn ít khi dùng thuốc tây, khi bệnh chỉ uống nước rễ cây, lá cây, xông, cạo gió, nay dùng đúng thuốc, linh nghiệm như thần. Bác không biết chữ, chỉ biết đọc được các con số. Thành thạo bác nhìn lên lịch và làm ra vẻ thông thái “Chà bữa nay tám tây rồi mà chỉ mới mồng hai âm lịch!” bác mù chữ nhưng nhớ công dụng các loại thuốc tây rất tài. Chỉ cần tôi đọc cái toa một lần là bác nhớ mãi. Đa số là thuốc trụ sinh, thuốc cảm và một vài thứ quảng cáo trên đài phát thanh. Bác còn mua thêm thuốc bán trong tiệm thuốc bắc như Tiêu Ban Lộ, Cứu Cấp Lục Thần Thủy... Khi cho bệnh nhân uống bác thường gói vào một tờ giấy khác, nên ai cũng tưởng thuốc do bác bào chế. Thuốc tây thường là thuốc viên, bác bỏ vô cối giã thành bột, cũng gói thành những gói nhỏ. Mẹ tôi gọi bác là Ông Thầy Thọt, chẳng phải bác què chân mà vì mỗi sáng bác cứ đem thuốc ra đâm thọt trong cái cối nghe cọc cạch, cọc cạch. Nhờ sáng kiến đó mà bác nổi danh mát tay ở vùng thôn quê. thỉnh thoảng tôi thấy có người đem gà, vịt, chiếu Bàn Thạch đến biếu bác. Cuộc sống của gia đình bác coi mọi khá hơn trước chứ chẳng giàu có gì. Vậy mà đột nhiên một hôm bác bảo tôi “Tao sẽ ra Đà Nẵng ở, tao mua nhà ngoài đó rồi” Tôi hỏi “Bác làm gì mà giàu

quá vậy?” Bác thì thăm một cách bí mật “Mày đừng cho ai biết, con tao mày cũng đừng cho biết. Tao bắt được vàng Hời, một con cua vàng sau miếu Quảng An”.

Trở lại chuyện miếu Quảng An. Thường thì ngày rằm, mồng một có ông Ba Râu ra thắp nhang, đèn. Cây đèn hột vịt, nhỏ xíu nên ánh sáng mờ ảo, bàn thờ trông càng thâm u ma quái. Chẳng những bọn trẻ con chúng tôi mà cả đến người lớn cũng sợ. Mấy chị đàn bà chửi lộn thường gài nhau “Mày có ngon ra miếu Quảng An thề với tao, đũa nào ăn ngược nói ngược, ngài vật cho sặc máu ra”. Lại có lời đồn rằng có chị gánh nước và anh lính dẫn nhau vô miếu làm gì đấy, ngài bắt dính nhau phải chờ đi nhà thương gỡ ra. Nhưng lời đồn hấp dẫn nhất là thỉnh thoảng vào ngày mồng một có bầy cua vàng bò ra kiếm ăn sáng rực cả một góc sân. Nhiều người rình, nhưng không ai xác nhận có bắt được cua vàng, có thể họ bắt được nhưng giấu chằng? Chẳng hạn như ông bác họ của tôi bảo có bắt được, riêng tôi vẫn không tin, tuy không bao giờ nói ra. Thời câu chuyện tôi đang kể đây khoảng năm 54, khi hiệp định Geneve chia cắt đất nước và đồng bào Miền Bắc ồ ạt di cư vào Nam. Thành phố Hội An cũng hân hạnh được đón một số, phần đông là công chức hoặc tiểu thương. Vì thiếu chỗ nên các đình miếu được trưng dụng làm nơi cư ngụ cho đồng bào. Miếu Quảng An đón một gia đình, sau này tôi biết tên là ông Dần vì ông có sạp hàng ở chợ Hội An. Người Bắc di cư đa số là công giáo, họ chẳng sợ ma quỷ bao giờ. Ma quỷ thấy thánh giá là bỏ chạy cả. Ấy vậy mà miếu Quảng An đã làm cho gia đình ông Dần một phen sợ hãi. Nghe đồn rằng vào lúc gần khuya, đèn thắp sáng, mọi người còn thức, riêng ông Dần mới thiu thiu thì đứa con kêu thét lên, bà vợ cũng kêu thét lên khi thấy một cái đầu từ trên nóc miếu, chỗ có cửa sổ nhỏ, thò xuống, cái cổ cứ dài mãi ra. Cái đầu đen thùi, mắt trắng dã, miệng đỏ lói, nhe nanh như muốn cắn người ta. Khi ông Dần tỉnh ngủ thì chẳng thấy gì nhưng bà vợ cả quyết thấy rất rõ. Theo lời khuyên của mọi người, ông Dần nhờ một số bạn, buổi tối đến thổi kèn tây tò te cho đến khuya. Ma quỷ nghe kèn tây sẽ bỏ đi hết. Tôi cùng một số bạn tối nào cũng đến xem thổi kèn. Thấy đèn điện sáng trưng nên không còn sợ nữa. Ngày rằm mồng một vẫn thấy ông Ba Râu vào thắp nhang. Ít lâu sau, hình như ông Dần mua đứt cái miếu nên cửa nẻo được lấp vào, sơn phết lại rất khàng trang. Từ đó không thấy cúng kiếng gì nữa. Chuyện người bác tôi tức ông thầy Thọt bảo rằng sẽ ra Đà Nẵng mua nhà chỉ xây ra sau khi chuyện ma xuất hiện nhắc gia đình ông Dần ít lâu thôi. Tôi không tin chuyện ông ta bắt được vàng. Trước đó có một lần, lúc gần khuya, trời lâm râm mưa, tôi đi coi hát về, thấy một người từ sau miếu đi ra. Tuy chỉ thoáng thấy dáng đi nhưng tôi biết ngay là ông bác tôi. Sáng hôm sau, tôi nói ngay “Khi hôm con thấy bác sau miếu Quảng An”. Bác bảo “Mày đừng nói ai, tao rình bắt mấy con cua vàng. Có người ở trong miếu, nó động ổ nên bò ra kiếm ăn sau miếu”. Thế rồi ít lâu sau bác mua nhà ngoài Đà Nẵng. Nhà gần chợ Cồn, buôn bán rất khá giả. Sau này lớn lên, có lần ra Đà Nẵng thi tú tài, tôi có trọ nhà bác mấy bữa. Bác vẫn tử tế như trước. Ngày thi xong bác đãi tôi một bữa tiệc nhỏ “Tao biết mày thi là đậu nên tao đãi mày trước” Nhân lúc ngà ngà hơi rượu tôi hỏi bác “Chuyện con rùa vàng có thật không bác?” Bác cười cười bảo “Mày đã thấy rồi còn hỏi” “Nhưng con có thấy gì đâu?” “Cứ coi như thấy rồi đi, hỏi làm chi” Tôi biết bác không muốn nói, nhưng vẫn thắc mắc, không biết chuyện con cua vàng có thật không?

Đậu tú tài xong, tôi vào Sài Gòn học tiếp, rồi thành công chức, rồi sạp tiệm, tôi đi tù. Khi có vụ HO đi Mỹ, tôi ghé thăm bác, ông thầy Thọt ngày trước. Mấy mươi năm, bác đã già lắm rồi. Tóc bạc, răng rụng nhưng vẫn còn vẻ tinh anh. Các con bác đã lập gia đình, chỉ có cô gái út còn sống với vợ chồng bác. Tối đó hai bác cháu ngồi lai rai, chuyện trò đến khuya. Khi bàn đến chuyện có số phận hay không, bác bảo “Ai cũng tin rằng con người đều có số phận thì chẳng chịu cố gắng, chẳng chịu làm lụng, rồi cuộc đời chỉ đi ăn mày”. Tôi cãi “Giày dép còn có số. Như bác chẳng làm gì cả, chỉ đi rình sau miếu Quảng An mấy lần là bắt được con cua vàng. Nhiều người cũng rình như bác mà đâu có gì. Đúng là bác có số trời cho làm giàu”. “Trời nào mà cho. Tao phải đem mưu kế, đem cái mạng tao ra...”. Biết là bác sắp nói ra điều bí mật nên tôi nói khích “Gì mà mưu kế dữ vậy. Chịu khó rình một lúc. Bữa con thấy bác sau miếu... Cũng giống như con đi chơi khuya về thôi, có điều đừng sợ ma như bác mới được”. “Tao mà sợ ma à? Người ta sợ tao thì có. Chuyện ma hiện trong miếu để nhắc vợ con ông Dần là tao, chứ ma

nào”. “Bác làm ma à? Sao bác lại chống ngược người ngoài cửa sổ được, lại còn kéo cái cổ dài ra?”. “Tao nằm trên nóc miếu thò đầu xuống. Còn chuyện cái cổ dài ra là vì chúng sợ quá tưởng vậy thôi”. “Nhưng bác leo lên nóc miếu làm gì? Thò đầu vô miếu làm gì?” Bác cười tỉnh khô, để lộ mấy cái răng còn sót, đen thùi. “Tao rình để ăn trộm chứ leo lên làm chi”. Tôi năn nỉ “Bác kể thật con nghe, từ đầu đến cuối. Con nghi đúng mà. Làm gì có chuyện con cua vàng”. Bác làm một hơi rượu, khà một tiếng, rồi rung đùi coi bộ khoái trá lắm “Chuyện này chỉ vợ tao biết, bây giờ đến đây là hết. Mấy đứa con tao mà biết, chúng sẽ khinh tao mà không nghĩ rằng tao đi ăn trộm chỉ vì chúng mà thôi”. “Nhưng trước giờ bác có làm nghề đó đâu. Bác lúc nào cũng làm ăn lương thiện. Mà sao bác chỉ rình có nhà ông Dần để ăn trộm mà không rình nhà khác?”. “Bữa gia đình ông Dần mới dọn đến, tao đứng bán kẹo trước miếu Quảng An. Lúc đó bọn học trò đi học về, đứng xem cũng đông. Trong lúc bán, tao bỗng nghe trong miếu tiếng trẻ con khóc, thì ra bà Dần đánh đứa con nhỏ. Nó đang chơi với một mớ toàn vàng. Nhẫn, xuyên, dây chuyền, cà rá, hột xoàn... đứng xa mà tao thấy chói cả mắt. Tao bỗng nảy ra ý định ăn trộm vì thấy họ để cửa bừa bãi như thế ắt dễ tìm ra. Tao rình mấy đêm, thấy khó ăn quá, nhất là sau vụ vợ con ông ta thấy tao tưởng ma, nhưng ông Dần không tin. Mấy hôm sau tao thấy ông treo khẩu súng lục chỗ cột nhà, có lẽ mượn của ai đó để cảnh cáo tên trộm”. “Coi bộ khó ăn, lại nguy hiểm nữa. Mất mạng như chơi”. Tôi nói thế để bác thầy thọt của tôi hứng chí, nói tiếp. Mà tôi thấy cũng nguy hiểm thật. Bác cười khoái trá “Mày thấy con người hơn nhau ở cái đầu...Tao định trộm luôn khẩu súng nhưng làm thế khác gì chọc ổ kiến lửa là cảnh sát. Tao chỉ tìm lấy gói vàng mà thôi”. “Nhưng sau đó ông Dần vẫn có tiền mở sạp áo quần ở chợ Hội An?”. “Người chạy loạn nào cũng khôn mới sống được. Họ chia cửa. Vợ một ít, con một ít, rùi có tản lạc thì cũng còn cái để mà sống. Tao biết nên chỉ tìm thấy một gói đủ rồi. Chẳng phải nhân đạo, nhưng lấy hết bắt buộc họ phải thừa cảnh sát để tìm cho ra. Mất chút đỉnh thì họ làm tinh luôn”. “Nhưng người ta cảnh giác như thế, bác làm sao mà lục lọi được?”. “Đó, tao đã nói, dùng cái đầu trước, chân tay mới cục cựa sau”. “Bác nói hết luôn đi. Cứ lòng vòng!”. “Mày biết ông Ba Râu không? Ông đó chuyên thấp nhang ngoài miếu Quảng An. Tao chờ lúc ông ta đi vắng đến nhà tráo một mớ mê hồn hương vào bó nhang. Hít một chút là ngủ say như chết. Ngày rằm, mồng một ông ta đem nhang ra thấp ngoài miếu, thế là tao vào miếu lục soạn, cả nhà ông Dần đã bị mê hồn hương thì có khiêng mà vất ngoài đường cũng không hay”. “Nhưng mê hồn hương ở đâu bác có?”. “Cái này thì tao đã thề bán mạng không cho ai biết”. “Bác cứ nói đại khái thôi, đâu cần phải nêu tên”. “Ừ, đó là ông thầy của tao. Ông ta là tổ sư ăn trộm. Lúc đó ông ta đã già nhưng giàu lắm. Ngay ở Hội An mình. Có nói tên này cũng không tin. Ông ta có bốn phận là ngày giỗ tổ phải cúng tổ bằng của ăn trộm. Ông ta già quá mà không có đồ đệ nên bảo tao đi ăn cắp giùm ông ta một vật gì đó để cúng tổ. Lúc đó tao nói rõ ý định ăn trộm nhà ông Dần, ông ta chỉ ngồi xích lô đi ngang trước miếu Quảng An có một lần là bày mưu cho tao làm vỏ đó. Dĩ nhiên muốn có mê hồn hương tao phải lạy ông ta làm sư phụ, lạy tổ xin vào nghề. Trộm vụ đó tao cúng tổ chiếc nhẫn vàng. Nhưng đó là vụ đầu tiên và cũng là vụ cuối cùng của tao”. Tôi định bảo “Mưu kế là ở sư phụ bác, vậy mà bác kể như bác tài lắm vậy”. Nhưng tôi chỉ hỏi “Sau này bác có đến thăm sư phụ của bác không?”. “Có chứ! Tao đâu quên ơn thầy. thỉnh thoảng tao về Hội An ghé thăm. Ông ta giàu quá, đâu cần mình giúp, chỉ cần ngồi nghe ông ta tâm tình là ông ta vui rồi. Ông ta kể, học nghề từ lúc còn nhỏ. Nghề này còn bí mật gấp mấy lần Thiên Địa Hội, kỹ thuật thì chỉ có sống hoặc chết thôi. Hễ sư phụ ra lệnh là đồng nghiệp giết ngay”. “Bác có đồng nghiệp không?” “Bây giờ ăn cắp vặt thì được, ai dám lộ mọ rình rập trong bóng tối, cảnh sát hay lính thấy được có mà ăn đạn. Mày thấy cái trang thờ đằng kia là bàn thờ tổ. Ông thầy tao trước khi chết, truyền bài vị tổ sư cho tao vì không còn ai nối nghiệp”. “Như vậy sư phụ phải truyền cho bác các bí quyết ăn trộm chứ?”. “Dĩ nhiên. Ông thầy chỉ tao cách nghiên cứu địa hình địa vật, tính tình, thói quen những người trong gia đình mà mình sắp hành nghề, cách đào tường khoét vách, cách trừ chó, cách tẩu tán của ăn trộm, cách khai báo nếu rùi bị bắt, cách chịu đòn sao cho không bị đánh vào chỗ nhược...”. “Có truyền cho bác cách làm mê hồn hương không?”. “Có chứ, cái này mới là bí truyền...”. Tôi nói đùa “Bác nhận con làm đồ đệ rồi truyền cách chế mê hồn hương đi”. “Tướng mày mà trộm đạo gì được”. “Ừa, bộ ăn trộm

cũng phải có tướng sao?”. “Thì phải có tướng ăn trộm mới nhận làm đồ đệ. Đâu có dễ mày!” “Chắc sư phụ cũng truyền nghề xem tướng ăn trộm cho bác. Bác nói thử tướng ăn trộm ra sao?”. “Dễ quá! Mày thấy có nhiều người đến nhà ai, cửa chính không vào mà cứ vào cửa hông hoặc hay dòm vô cửa sổ nhà người ta, khi nói chuyện thì mắt láo liêng nhìn khắp nơi mà không nhìn thẳng vào người đối diện... Tao không nói họ là ăn trộm, nhưng có khiêu ăn trộm, truyền nghề được. Chắc ăn nhất là mấy đứa nhỏ hay ăn cắp vặt, chúng có máu ăn trộm bẩm sinh trong người”. “Còn mê hồn hương? Bác có biết làm không? Bác nói đại khái nghe cho vui thôi, đâu cần chi tiết”. “Ừ! Mày biết mấy người đánh cá biển, thỉnh thoảng có người bị con rắn biển mà họ gọi là con “đền” cắn, cứ mê man, không biết gì hết. Không có thuốc chữa. Ngủ hoài rồi chết luôn. Nếu biết cách thì xúm nhau cứ phèn la, chuông, mõ gõ liên tục, lại phải banh mắt, la hét vào tai, gọi tên người bị nạn, hỏi chuyện... đừng cho ngủ. Phải la to “Không được ngủ, không được ngủ, ngủ là chết!”. Cố sao cho được một ngày, một đêm, nọc độc tan là sống. Bắt được con “đền” loại đó, đem về phơi cho thật khô, sao vàng, tán nhuyễn thành bột rồi làm như người ta làm nhang vậy. Tức là cũng chẻ tre thành cọng nhang, nhúng hồ rồi lăn trên bột “đền”, phơi cho thật khô, thể thôi. Khi muốn “hun” nhà ai, cứ đốt lên, nhè cửa sổ mà quạt vào...”. “Bác có làm thử chưa?” “Tao có làm rồi nhưng không hiệu quả. Có lẽ không đúng loại “đền” mình cần. Ông thầy tao có cho bức tranh vẽ con “đền” đó, nó không giống thử người ta đem bán cho tao, nhất là mấy cái khoanh màu trên mình nó. Nó đẹp lép như lá lúa. Tao hỏi dân biển, vài người bảo có thấy nhưng hiểm lắm, độc lắm, không ai dám động đến. Nghe nói nước miếng của nó thôi, dính chỗ nào trên người là chỗ đó lở ra thành từng vạt như người bị phỏng nặng vậy. Không có thuốc chữa...”

Tôi nghĩ rằng, ông bác họ tôi đã không nói thật. Tôi nhìn quanh, thấy căn nhà tuy không lớn nhưng ở địa thế buôn bán như thế này thì chỉ một vụ trộm đó thôi, làm gì mua nổi. Ông muốn giấu thật kỹ chuyện làm ăn không lương thiện này, nhưng giữ mãi trong bụng, ầm ứ, chịu không được. Nay thấy tôi cũng có thể tin tưởng, vả lại tôi sắp đi Mỹ rồi, nên thổ lộ chút ít cho hả cái thú vị, khoái trá bấy lâu nay. Thử nghĩ coi, đang nghèo khó, nhà tranh vách lá, mưa dột tứ tung, cái ăn không đủ, bỗng nhiên mua nhà mặt tiền, mở tiệm...

Người trúng số phải la lên thật to, vênh mặt lên cho bỏ ghét cuộc đời. Nhưng ông bác tôi thì chịu, không thể kêu lên "Tôi ăn trộm nên mới được như thế này!" Tối đó, kể xong chuyện ăn trộm, như một dịp để khoe tài, bác ngồi cười mãi, coi bộ khoái trá lắm. Bác đã say, ngồi gục tới gục lui mà vẫn cười, miệng lầm bầm "Mấy người được như tao?".

Có thể bạn chưa bao giờ nghèo để biết cái "nghèo khổ" như thế nào. Bác thầy Thọ của tôi nghèo mạt rệp, nay được như thế này cũng thỏa mãn, sung sướng quá rồi, chẳng khác gì Nhậm Ngã Hành trong Tiểu Ngạo Giang Hồ, sau khi diệt được đối phương, sướng quá, cười đến bể tim mà chết.

Phụ đính:

Kén chồng cho con

Ở xứ Mỹ này, thời đại văn minh mà nói chuyện cha mẹ kén chồng cho con thì nghe lạ tai. Vậy mà chuyện đó lại xảy ra. Chẳng phải ông bà giàu có, sợ gặp thằng rể đào mỏ, mà cũng chẳng phải cô gái thuộc loại ngây thơ, e thẹn, kín cổng cao tường không dám tiếp xúc với ai. Sự thực, cô đã trên ba mươi. Cô cũng xông xáo vào xã hội để kiếm sống, cũng nói năng giao thiệp rộng rãi. Cô lại đẹp nữa. Vậy mà gặp cậu nào còn độc thân là ông bà vui vẻ mời ghé nhà. Chẳng thấy ai quý khách bằng ông bà, nhưng sau đó, hình như không đạt tiêu chuẩn nào đó, ông bà lại mời chàng khác ghé thăm, chuyện vãn. Những chuyện trên hẳn chỉ nghe trong cộng đồng người Việt bàn tán thể thôi. Ông bố cô gái, hẳn biết, vì trước bảy lăm, hẳn là nhân viên dưới

quyền ông. Cả đến cô gái, hẳn cũng biết nữa, nhưng hiện nay những tiêu chuẩn chọn khách đông sàng của ông bà thì ai cũng mù tịt. Đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi, chống cộng? Tất cả chỉ là giả thiết. Sở dĩ thêm tiêu chuẩn chống cộng vào đây vì trong các cuộc mít - ting của người Việt đòi nhân quyền, tự do cho đồng bào trong nước, ông bà đều dẫn cô gái theo. Để tăng cường sức mạnh cho cộng đồng hay để ông bà chọn anh chàng nào tổ cộng hăng say? Hay để cho cô dễ tìm chồng giữa chốn ba quân? Tất cả vẫn còn trong vòng bí mật. Có một điều là bọn con trai, từ mới lớn cho đến sồn sồn đều suýt soa là cô quá đẹp. Đẹp dịu dàng, quý phái, thấy cô chỉ muốn ngắm mãi rồi thờ dài vì biết mình không hy vọng gì.

Xin dài dòng về những điều hẳn biết về ông bà và cô gái.

Năm 1973 hẳn tốt nghiệp Quốc Gia Hành Chánh, được bổ về làm phó quận một tỉnh miền Trung. Lúc đó ông ta là đại tá tỉnh trưởng. Trong thời gian làm việc ở quận, thỉnh thoảng hẳn phải về tỉnh họp. Hẳn thấy ông có một phong thái rất đặc biệt. Ông như một ông vua con với bá quan. Thân mật nhưng có khoảng cách rõ ràng. Ông hết lòng với dân nhưng phục vụ dân như một thiên mệnh hơn là bổn phận, tưởng như chức tỉnh trưởng do trời ban cho chứ không phải do tổng thống bổ nhiệm, đúng ra ông giống như “ngài quận công” em ruột “đương kim hoàng đế” ngày xưa vậy. Chẳng bao giờ ông giữ kẻ điều gì. Ông muốn là làm. Có một chuyện thực. Một lần ông báo sẽ ra quận thanh tra. Tay quận trưởng cùng đoàn tùy tùng trong đó có cả hẳn ra bãi đáp nghênh đón. Trục thẳng hạ xuống, ông đứng yên vài phút cho tay quận trưởng trình diện, xong ông lẳng lặng đi quanh hàng rào phòng thủ quận chi khu. Ông đi trước, phía sau là phái đoàn rờng rần đi lòng vòng qua các giao thông hào, ụ súng, vọng gác. Đột nhiên tay quận trưởng lùi lại, ra dấu cho tất cả cùng lùi lại, yên lặng. Trời ạ! Ông đứng tề ở góc vọng gác.

Chuyện này – chỉ có sai về thời gian thôi- kể nào sáng tác, nói láo, sẽ bị trời đánh.

Ông có một thói quen buồn cười mà ai cũng bàn tán. Khi làm việc ở tòa Hành Chánh tỉnh, ông thường đến các ty phòng nội thuộc. Vừa nói mấy câu là ông vỗ vỗ túi áo rồi hỏi “Có thuốc không?” Ai cũng biết trước nên thủ sẵn một gói thuốc ông thường hút, đưa ra, ông lại hỏi “Có quẹt không?” Đưa quẹt cho ông, mồi thuốc xong, ông bỏ tất cả vào túi áo mình rồi đi nơi khác. Có điều lạ là không ai biết ông vất thuốc với quẹt ở đâu mà ngay sau đó chính ông tìm cũng không ra, rồi lại hỏi “Có thuốc không?” Mà chẳng phải ông nghiện thuốc, chỉ bập bập vài hơi là cấm đoán thuốc xuống cái gạt tàn, nói mấy câu, lại mồi thuốc, hút tiếp, lại dụi bỏ. Ngồi họp mà có ông là hẳn được cái thú đếm xem ông hút bao nhiêu điếu thuốc trong buổi họp. Đến ngày mất nước, ông không bỏ chạy, ông đi tù. Lúc ở trại cải tạo Long Thành hẳn có gặp ông. Vẫn vẻ phong lưu, bất cần thiên hạ nên trông ông chẳng mất phong độ gì cả. Sau đó ông được đày ra Bắc. Chẳng biết bao lâu, cuộc đời dâu bể... Khi hẳn qua Mỹ, ở Virginia, tình cờ gặp ông một lần. Chuyện này hồi sau sẽ rõ.

Còn chuyện hẳn biết cô gái út của ông cũng có nguyên do. Năm đó, gần đến Tết, tay thiếu tá quận trưởng của hẳn ngồi than thở là Tết nhất mà không có quà cáp cho xếp thì thật khó coi. Hẳn ta rầu rĩ bảo.

- Nhưng trong túi moa tài sản chừng mười nghìn, biết mua cái gì bây giờ? Một cành mai thì chắc có đưa đem đến rồi, mà thứ mai chắm trần nhà kia, tiền đâu chịu thậu. Một cặp bông hồng hay vạn thọ thì hẻo quá!

-

Hẳn đề nghị mua một món đồ cổ, chẳng ai biết trị giá của nó nhưng trông đã đẹp lại quý. Thế là hẳn được giao nhiệm vụ đó. Hẳn đến tiệm đồ cổ, chỗ chân cầu Gia Hội mua một cái tô, không biết cổ thực hay giả, lơn tơn đến dinh tỉnh trưởng. Ông đại tá không có nhà, chỉ có cô gái út ra tiếp. Cô mới mười lăm, mười sáu mà đẹp kỳ lạ. Cô học trường Đồng Khánh, từ dinh tỉnh trưởng, nơi cô ở, cô chỉ đi mấy phút là đến trường. Hẳn ngồi tán tỉnh tí tía, đáng lẽ để cái tô lại, nhưng hẳn ôm về, hẹn với em hôm sau đến nữa. Dĩ nhiên hẳn đến vào giờ công vụ thì làm sao ông bố có nhà. Thế là hẳn và em nói chuyện sa đà, đến chiều hẳn lại ôm cái tô về. Sở dĩ hẳn đến được nhiều lần như thế là vì hẳn về thuật lại với tay quận trưởng. Tay chịu chơi này sai tài xế lấy xe jeep đưa hẳn đến dinh tỉnh trưởng. Thấy xe quận quen thuộc, tay gác cổng không thắc mắc gì. Tuy nhiên một lần ông tỉnh trưởng về sớm.

- Moa nghe mấy bữa nay toa cứ ôm cái tô vô ra đây mãi. Rửa là đủ rồi hì! Chờ ít năm, con út Mai lớn chút nữa, lúc đó mỗi lần đến đây, toa cứ nộ một cái tô, cái đĩa cổ chi đó là được. Moa hứa với toa nhưng không bảo đảm gì cả nghe!

Dù sao thì em cũng đã cho hấn hôn em một lần và cả hai cũng có tặng hình cho nhau gọi là “Đề kỷ niệm những ngày mới quen nhau” Hình em mặc váy đầm, tóc thắt bím, ôm búp bê. Hình hấn tặng em là cảnh hấn đứng vênh mặt trước trường Hành Chánh, chụp hôm tốt nghiệp, coi rất bảnh trai. Sau tấm hình hấn ghi cho em một câu đúng điệu nhạc vàng “Anh hứa yêu em suốt một đời”.

Đáng lẽ chuyện tình của hấn với em còn dài, nhưng sau đó sập tiệm. Hấn đi tù, ông bố em cũng đi tù. Em như cánh chim giữa cơn bão, phiêu bạt về phương trời nào hấn không rõ. Hình em tặng hấn cũng đánh mất từ lâu. Cho đến khi nghe chuyện ông bà kén chồng cho em, hấn vẫn không hình dung được em ra sao, vì lâu quá, nhưng vẫn nhớ là em rất đẹp. Và nếu trước kia, đứng trước em hấn tự tin bao nhiêu thì nay hấn không dám gặp cả em nữa vì mặc cảm tự ti. Ra tù, thân tàn ma dại, qua xứ Mỹ hấn cũng chẳng hơn gì con gà mắc mưa, hấn đứng bán Mc Donald!

Cho đến một sáng chủ nhật, hấn ghé tiệm chụp pho mua ít vật thực. Vừa ra khỏi xe hấn thấy một chiếc xe nhỏ chạy trước, xe cảnh sát chớp đèn chạy sau. Hai xe ngừng lại trước tiệm chụp pho. Tay cảnh sát xuống xe đến hỏi thăm sức khỏe người lái xe, có lẽ vi phạm giao thông gì đó. Hóa ra đó là ông bà đại tá tình trường của hấn ngày trước. Hấn thấy tay cảnh sát Mỹ xì xồ mấy câu nhưng ông vẫn tĩnh bơ, chẳng nói năng một tiếng, cứ ngồi nhìn tay cảnh sát như người xem TV nhìn cái quảng cáo. Không vui, không buồn, không sợ, không xun xoe... và cứ trơ ra như thế. Có lẽ tay cảnh sát tưởng ông bà không biết tiếng Mỹ nên đến nhờ hấn thông dịch. Hấn nói.

- Sorry! He Chinese, me Vietnamese, no talk, no hear!

Anh ta chán cả hấn nên lắc đầu, lên xe bỏ đi. Lúc đó ông mới nhìn hấn cười chúm chím rồi hai ông bà vô tiệm. Hấn có thể đến chào hỏi, tự giới thiệu để chuyện trò nhưng kệt vì biết ông bà đang kén rể nên hấn nghĩ tốt hơn đừng để họ tưởng mình có ý đồ gì. Nghe nói có mấy tên bác sĩ, kỹ sư đẹp trai, đi xe đắt tiền còn bị loại, sá gì đến hấn mà đèo bồng nên hấn phe lờ. Trong lúc hấn đứng trước quầy đồ khô thì ông ta đến bảo.

- Toa thấy moa có nhanh trí không, làm rửa là hấn chịu thua, mình khỏi bị ticket.

- Tôi thấy đại tá mới biết cách đó. Cái khó là giữ về mặt sao cho tay cảnh sát vừa chán nản vừa thông cảm mới được. Tôi mà làm thế, hấn còng tay ngay.

-

Ông ta ngạc nhiên.

- Ủa, sao toa biết moa?

Lúc đó hấn mới bảo là hấn có làm phó quận trong lúc ông làm tình trường. Thế là cả hai vui vẻ chuyện trò. Lát sau bà vợ ông ta đến, sau khi giới thiệu nhau, họ đã trở nên thân mật. Đàn bà đều giống nhau, thích tò mò chuyện đời tư người khác.

- Chớ vợ con mô mà đi chợ một mình?

Tôi chẳng có vợ con gì cả. Như lúc nãy ông đại tá biết, tôi ra trường năm bảy ba, đến năm bảy lăm sập tiệm. Tôi đi tù về, không ai thèm nhìn, đến khi có vụ HO thì chẳng hề quen biết mà cũng có người kêu gã con cho, tôi chán quá, không thèm lấy vợ nữa.

-

Ông ta xen vào.

- Moa mà như toa đi chợ chi cho mệt. Ghé tiệm, quán ăn nào đó, ăn xong trả tiền, khỏi chợ búa phiền phức.

- Nhưng tôi còn bà mẹ, mọi khi tôi đưa bà cụ đi chợ, mấy hôm nay bà cụ mệt, dặn tôi mua các thứ về bà cụ nấu.

Chuyện trò đến đây thì hấn xin cáo từ, ông bà có mời hấn ghé nhà, cho số nhà, số điện thoại đằng hoàng. Hấn không có thì giờ thăm viếng linh tinh, vả lại tuổi tác chênh lệch mà gia cảnh cũng không thích hợp nên hấn quên luôn. Bẵng đi một thời gian, một sáng chủ nhật, đi chợ,

hắn lại gặp ông bà. Họ coi bộ mừng rỡ lắm, nhất định mời hắn ghé thăm nhà, uống trà nói chuyện cho vui. Nể tình, hắn theo họ về nhà. Đó là một căn apartment, chẳng giàu sang gì, nhưng cách bài trí sắp xếp trong nhà ra người phong nhã, trí thức. Lúc ngồi ở phòng khách, cô gái út của ông bà có pha trà mời hắn. Hắn không dám nhìn sợ bất nhã, nhưng thoáng thấy, hắn nhận ra ngay cô bé ngày xưa và cô vẫn đẹp, còn đậm đà hơn trước nữa. Thực ra hắn biết thân phận mình nên dừng dừng.

Sáng hôm đó, ông bà nghe hắn nói lại những nhận xét, cảm tưởng của hắn lúc ông ta làm tỉnh trưởng, họ cười như chưa bao giờ vui đến thế. Dĩ nhiên hắn chẳng đại gì nhắc đến chuyện hắn tán tỉnh cô út của ông bà, coi nham nhở quá, vả lại cô ta mà nghe được, ghét hắn ra mặt thì chẳng vui gì.

Những lần sau đó, ông bà có gọi điện thoại mời hắn đến uống trà trò chuyện. Hắn không thích nhưng có cô gái út ra mời khách, nghe mấy tiếng “Mời chú ạ!” ngọt như đường và tuy chỉ thấy có hai bàn tay mà hắn đã vẩn vương người đẹp rồi. Một lần nhân chủ nhà vô ý, hắn nhìn quanh tìm cô ta thì y như là cô đang làm gì đó ngay tầm mắt hắn. Lúc đó cô đăm đăm nhìn lại hắn và tặng hắn một nụ cười. Hắn chới với, ngất ngây như say rượu. Cả tuần lễ sau, hình ảnh người đẹp cứ ở mãi trong đầu hắn.

Nhưng hắn đã lớn, lại ở tù ra nên chín chắn chuyện đời chứ không bộp chộp như mấy cậu thanh niên. Giá như hắn tốt nghiệp đại học Mỹ, có job thơm, hắn đã đường hoàng nhào vô một cách tự tin. Về ngoại giao thì hắn đã có chút cảm tình của ông bà rồi, đối với cô ta, nếu không mặc cảm hắn đâu có khù khờ, ú ớ như bây giờ. Thế nên tim hắn rung động nhưng đầu óc hắn tỉnh táo. Hắn dặn lòng “Yêu thì cứ yêu cho đời có chút hương vị, nhưng chớ dại mà biểu lộ cho người ta biết, chắc chắn bị từ chối, lại rước thêm cái xấu hổ vào thân, nhớ nhé!” Có câu hát “Khi cố quên lại càng nhớ thêm” hắn thì khác, hễ cố quên là hắn quên bằng. Hắn lại hay nản chí, thấy chẳng hy vọng gì nên cứ lơ là dần.

Cho đến một buổi sáng, hắn nghe điện thoại reo.

- Thừa chú, ba mạ cháu mời chú qua uống trà.

Các cô gái Huế mà pha giọng miền Nam nói chuyện thì nghe như chim hót, ngọt ngào, ngây thơ không thể tả. Hắn giả giọng Huế hỏi lại.

- Ba mạ cháu ở mô rứa?

- Dạ, ở nhà.

- Còn cháu ở mô?

- Dạ, cũng ở nhà.

- Rửa là biết rồi đó. Cám ơn cháu, chú qua ngay bây chừ.

Hắn phân vân, tại sao ông bố không gọi mà để cô gái gọi hắn? Khi hắn đến, mọi việc vẫn như trước, người đẹp ra mời trà, rồi chuyện trên trời, dưới đất. Đến khi giả từ ông bà lại hỏi.

- Bà cụ có mạnh khỏe không?

- Dạ, cám ơn. Những người lớn tuổi không bệnh này thì bệnh kia.

Hắn tổ thêm một đòn về gia cảnh của hắn.

- Tôi đi làm không đủ tiêu, bà cụ phải giữ trẻ cho người ta. Tôi thật xấu hổ, không nuôi nổi mẹ.

Tưởng ông bà sẽ dội ngược không ngờ lại hỏi địa chỉ và bảo sẽ đến thăm. Kể dài dòng chỉ tổ mất thì giờ. Đại khái họ đến thăm lúc hắn đi làm. Mẹ hắn chất phác nên gần như ông bà nắm vững gia phả và đời tư của hắn. Theo mẹ hắn kể, ông bà cứ suyết soa rằng hắn có hiếu, họ rất quý trọng những người con có hiếu.

Ông bà cũng nói về gia đình họ, về cô út đã lớn mà không chịu lấy chồng. Cứ bảo sợ gặp người không tốt, bỏ cha mẹ già không ai săn sóc tội nghiệp. Mẹ hắn vừa kể vừa cười coi bộ hắn lọt mắt xanh của gia đình kia rồi. Hắn không nói gì, sợ mẹ buồn, nhưng bắt đầu nghi ngờ về thái độ của họ. Họ có điên mới đem gã cô út xinh đẹp như hoa cho một thằng không ra gì như hắn. Còn cô út nếu bằng lòng thì thần kinh cũng không hơn gì bố mẹ. Nhưng rõ ràng họ đã lộ ý rồi. Hắn đánh cờ tướng loại khá, khi đối phương đi một nước cờ, nếu không hiểu mục đích của nước cờ đó, tuyệt đối hắn không tấn công. Hắn bắt đầu đưa giả thiết, nhưng không giả thiết nào đứng vững.

Thế nên hắn rút quân về thủ bằng cách báo với họ ý định sẽ đi tiểu bang khác làm ăn, ở đây sống khó khăn quá (Hắn chuẩn bị đi thực). Xong hắn chờ đối phương đi nước thứ hai. Hôm đó, thứ bảy đầu năm, cộng đồng Việt Nam có lễ chào quốc kỳ trước chợ Eden. Tối thứ sáu, đi làm về, hắn được điện thoại của mẹ cô gái gọi.

- Sáng mai Tuấn có đi chào cờ ngoài Eden không?

- Dạ cháu cũng chưa có ý định, phải đưa bà cụ đi chợ, e trễ mất.

- Tuấn cố gắng đưa bác và em Mai ra Eden sáng mai lúc chín rưỡi. Xe của em bị hư, còn ba nó phải ra sớm, chuẩn bị trước cho buổi lễ.

- Dạ, cháu sẽ cố gắng đưa bác và cô Mai ra đúng giờ.

Nước cờ đến đây đã rõ mục đích. Họ đẩy cây xe ngon lành đến trước miệng con chốt, nhưng nguyên nhân vẫn còn trong vòng bí mật. Ông bố đã lùi một bước để bà mẹ đứng ra đạo diễn, rủi thất bại cũng giữ được tướng an toàn.

Sáng đó, thấy hắn ăn mặc tươm tất, mẹ hắn lại cười. Đàn bà nhạy cảm chuyện này lắm, hướng gì đó là một bà mẹ. Bà biết hắn đã yêu cô gái. Chính hắn cũng không hiểu mình yêu cô ta từ lúc nào. Tình yêu không đến trực tiếp từ cô gái mà đi vòng từ bố mẹ cô ta. Hắn không cần biết nguyên nhân, nhưng sự sắp xếp của họ khiến hắn cảm động và hắn tin chắc rằng sự sốt sắng đó đã được thúc đẩy từ cô gái cưng của họ. Nhưng hắn với cô ta đâu có tình ý nhau bao giờ? Đến nơi hắn để hai mẹ con vào đứng với đồng bào. Hắn thối thác chào quốc kỳ. Khi mới đặt chân lên đất Mỹ, lần đầu thấy lại lá cờ vàng ba sọc đỏ, hắn đứng khóc ngon lành như một đứa trẻ. Ngày Dương văn Minh tuyên bố đầu hàng, hắn cũng khóc cả buổi mà không hiểu sao lòng mình tan nát đến như vậy. Ngày đầu tiên cấp sách đến trường, hắn đã chào cờ, hát quốc ca... . Tình yêu nước đến lặng lẽ trong tim hắn theo thời gian như tình yêu thương mẹ, khi mắt nước, mắt mẹ mới thấy mình bơ vơ. Thế nên hắn chỉ sợ mọi người thấy hắn khóc khi nghe bài quốc ca. Một lý do nữa là hắn nghĩ “Đứng cạnh cô thì thích quá rồi, nhưng rủi cô xích ra xa hoặc bỏ đi chỗ khác thì có nước độn thổ mới hết nhục” “Thấy người ta tử tế tưởng bỏ” Hắn yêu cô, ông bà tử tế với hắn nhưng chuyện cô yêu lại hắn là viên vông, vô căn cứ. Cho nên khi nghe hắn bảo sợ bị xúc động khi chào cờ phải đi tránh chỗ khác, bà mẹ thông cảm nhưng cô gái xụ mặt lại.

Thấy cô như giận, hắn mừng trong bụng, muốn đổi ý nhưng đã lỡ rồi nên đành lảng ra, vào một tiệm sách tìm đọc vở vẫn nhưng hồn vía để cả ngoài kia, lòng tự trách “Chào quốc kỳ chảy nước mắt có gì mắc cỡ. Để gì được đứng gần người đẹp. Dại quá! Biết bao giờ mới có dịp như thế này” Nghe chào cờ xong, hắn đi ra, định cà rà theo nói chuyện với cô ta nhưng mẹ cô lại nhờ hắn đưa bà về sớm, còn cô gái thì ở lại với bố.

Hắn đành vắng lời. Về đến nhà, bà mẹ lại bảo hắn vô nhà nhờ chút chuyện. Hắn lại vắng lời.

Hắn ngồi ở phòng khách. Chẳng cần rào đón, sau khi hỏi hắn sẽ đi tiểu bang nào, ngày nào đi, đột nhiên bà vào thẳng vấn đề. Bà nói về cô út hiếu thảo của bà không chịu vượt biên, ở lại với mẹ, vất vả, tần tảo để thăm nuôi bố. Qua xứ Mỹ, nói gì cô cũng không chịu lấy chồng, sợ bỏ cha mẹ già không ai săn sóc. Cô ra điều kiện chỉ lấy người có hiếu với cha mẹ thôi. Nay thấy hắn thương mẹ cô đồng ý ngay. Hắn nghe mà tưởng mình mơ. Đời nay mà có cha mẹ hạ mình năn nỉ gã con gái xinh đẹp, nét na cho một thằng chẳng ra gì như hắn!?.Hắn biết ông bà sốt ruột thật vì cô gái đã lớn mà cứ ở vậy, nhưng lý do chữ hiếu hình như là cái cốt lõi, chứ nguyên nhân nội vụ thì chưa rõ. Thế nên hắn xin phép bà được gặp riêng cô Mai để nói chuyện thông cảm nhau trước khi hắn nhận ân sủng đó. Bà mẹ chịu liền.

Thế rồi một buổi chiều, hắn đến gõ cửa, cô ra mở cửa. Cô chào hắn mà không cười, vẻ mặt nghiêm trang, nhưng hắn nhận được từ đôi mắt cô những tia nhìn như reo vui.

- Chào chú ạ!

- Chú đến thăm Mai.

- Dạ, mời chú vào.

Cô lùi lại, hắn bước vào, cô gần như đứng sát bên hắn. Cô mặc một bộ đồ lụa trắng, hơi rộng nên trông thướt tha. Mặt cô bầu bĩnh, có đánh chút phấn hồng, mắt đen nhánh. Vì cô thấp hơn hắn nên khi cô ngược nhìn, đôi mắt cô đẹp hết sức, vừa long lanh vừa như ngọc nhiên đều gi.

- Có ông bà cụ ở nhà không?

- Dạ không, mời chú ngồi.

Cô ngồi đối diện. Cô rót nước trà rồi mở hộp bánh ra,

- Mời chú!

Hắn cầm tách trà lên nhắm nháp rồi làm bộ suýt soa như bị nóng lắm. Bấy giờ cô mới cười.

- Trà còn nóng, cháu vừa mới pha.

Hắn cầm tách trà nửa chừng và nhìn cô. Cô cúi mặt xuống. Chúa ơi! Cô đẹp thế kia, trong trắng thế kia sao lại chịu đi bên cạnh cuộc đời bầm dập của hắn được? Thật khó tin!

- Mai biết vì sao chú đến thăm Mai không?

- Dạ không.

- Thế mà có nói chuyện này không?

- Dạ có.

Không khí như căng thẳng, hắn phải sửa giọng nhẹ nhàng hơn.

- Chú xin lỗi làm Mai bối rối. Bây giờ chú đề nghị thế này, mình kể chuyện linh tinh gì đó cho vui.

- Dạ.

- Trước hết chú kể chuyện của chú cho Mai nghe. Chú học hành chánh ra trường làm phó quận được hơn một năm thì đi tù sáu năm. Ra tù chú làm đủ nghề đập xích lô, bán vé số... Qua đây chú đi chùi nhà rồi bán Mc Donald. Kể ra thời đi học có vui chút đỉnh, đi làm cũng vui nhưng sau đó chán ngấy, hết đi tù thì làm những nghề mạt hạng.

Cô vẫn cúi đầu và nói.

- Chú thử lập gia đình, sẽ hết buồn ngay.

- Không đơn giản như Mai tưởng đâu. Muốn tiến đến hôn nhân phải có tình yêu. Vì có yêu người ta mình mới chịu đựng được những va chạm, khó khăn khi sống với nhau. Cho nên phải cẩn thận khi lập gia đình. Không yêu thì sống một mình còn hơn.

Cô ngước lên, nhìn thẳng vào mắt hắn.

- Chú đã lập gia đình và đã thất bại, đã tan vỡ rồi phải không?

- Chú chưa lập gia đình, vì chú có yêu ai đâu.

- Cháu không tin, tuổi chú mà chưa yêu ai, cháu không tin.

- Chú cũng không tin cả mình nữa. Có người có biết bao nhiêu mối tình, nhưng chú thì chẳng có gì. Khi đi làm có yêu chút đỉnh, nhưng sau đó chẳng còn nhớ nhau nữa. Nước mắt, nhà tan vui thú gì mà yêu với đương.

- Chú tính xem đã yêu bao nhiêu người và bây giờ còn nhớ người nào?

- Trước kia cũng có quen một cô, cũng anh anh, em em vài câu, nhưng chỉ khoảng vài tuần. Cô ấy có cho chú hôn một lần trên trán. Rồi nước mắt tình cũng mất luôn. Cô ấy đã quên hẳn chú rồi. Lâu quá rồi! Thế Mai có mối tình nào lâm ly kể cho chú nghe với.

- Chuyện của cháu cũng chẳng lâm ly gì. Lúc đó cháu mới lớn, có yêu một anh, rồi cũng như chú, khi mất nước, quá khổ, tâm trí đâu mà yêu ai.

- Nghe nói sau bảy năm, Mai không vượt biên, ở lại Việt Nam với mẹ kiếm tiền thăm nuôi ba trong tù.

- Lúc lộn xộn, trước ngày đầu hàng, mẹ cháu bán được căn nhà. Hú vía, nếu trễ mấy ngày là bị chúng vô tích thu rồi. Nhờ thế mấy chị của cháu mới có tiền vượt biên, nhưng sau đó thì nghèo lắm. Cháu với mẹ cháu phải ra đường bán quần áo cũ, bị công an rượt chạy muốn chết.

Kể đến đây cô lại cười, thật hồn nhiên. Hắn biết cô đã hết bối rối rồi.

- Có lẽ cũng giống như chú, sau đó không nhớ nhau, không gặp nhau, không nghĩ đến nhau nữa. Thế là xù! Phải không?

- Đâu có như chú, gì cũng quên. Mấy năm sau đó, cháu biết được anh ấy cũng ở Sài Gòn, cháu đến thăm mấy lần.

- Gặp nhau mừng mừng, tủi tủi, kể lẽ tâm sự nhớ thương nhau. Chà, mùi dữ!

- Ảnh không biết cháu, ảnh không nhớ ra cháu, cháu cũng không nhắc nữa. Thật bực mình, người đầu mau quên.

- Chỉ cần nhắc vài câu là anh ta nhớ ra ngay.

Gần cả chục năm, biết đâu anh ấy đã lập gia đình thì sao?! Nên cháu chỉ đi ngang qua, nhìn cho đỡ nhớ mà không nói chuyện bao giờ. Đến khi dò hỏi được biết là anh ấy còn độc thân thì tìm không ra. Anh ấy đã đi HO rồi.

Rồi cô thờ dài.

- Bây giờ cháu cũng còn bực. Tức muốn chết được!

- Chú biết rồi, vì thế nên Mai giận đời, định đón một chiếc xe hoa nào đó, leo đại lên cho đỡ cô đơn chứ gì?

- Cháu cũng muốn thế cho bỏ ghét, nhưng cháu yêu anh ấy...Rồi lại giận anh ấy, thấy cháu rõ ràng mà không thèm nhìn.

- Để chú đoán có đúng không nghe. Đó là một chàng sĩ quan Đa Lạt đẹp trai, hào hoa, làm dưới quyền ông cụ. Anh ta gặp cô nữ sinh đẹp quá, hai người yêu nhau. Theo chú có lẽ anh chàng cũng ở tù mút mùa như bọn chú. Nhưng sau khi ra tù, nhờ gia đình khá giả, anh ta đi buôn loại mánh mung như thuốc tây, trầm, vàng chẳng hạn. Nghề này mau giàu lắm. Anh ta đi xe dream, hút thuốc có cán. Lúc đó Mai ngồi bên đường với mạp bán quần áo cũ nên mặc cảm không nhìn mặt. Còn anh ta vì lâu quá nên quên người đẹp thuở nào, vả lại khi có tiền thì bao người đẹp khác chạy theo, phải không?

- Chú đoán đúng một phần. Anh ấy cũng đi cải tạo, nhưng sau về nghèo lắm. Bán vé số ở Sài Gòn

- Chú cũng từng bán vé số, cứ nói tên, nói chỗ anh chàng hành nghề là chú biết ngay.

Cô cười bí mật.

- Đó chú biết đó! Anh ấy bán vé số chỗ nhà thờ Đức Bà, trước Bộ Xã Hội cũ.

- Chú có ngồi đó chú biết rõ. Có phải đại úy Minh, thiếu tá Tuấn, trung úy Đại... Cũng không phải luôn. Chú chịu. Nhưng những người đó đều có gia đình cả rồi mà.

Hắn nhìn đồng hồ.

- Bây giờ cho chú nói lý do chú đến gặp Mai. Hôm chú được mạp Mai nói về chuyện chú với Mai, chú rất bất ngờ và cảm động. Chú cảm ơn lòng tốt của Mai đã để ý đến chú. Vì chú sắp đi xa nên nhân tiện chú nói vài điều mong Mai thông cảm. Về phần chú, thú thực chú có yêu Mai, tình yêu đâu từ trước kia bây giờ sống dậy, nhưng chú biết thân phận mình nên im lặng. Rồi bất ngờ nghe đề nghị đó chú không hiểu vì sao?

Chú thua sút mọi người về mọi phương diện, chú cháu mình cũng chưa hề chuyện trò, tình ý gì nhau và chú chắc Mai cũng không hề yêu chú. Vậy thì lý do nào? Xin Mai cho chú một thời gian, hy vọng chúng ta tìm hiểu nhau rồi sẽ quyết định cũng không muộn. Tuần tới chú sẽ rời Virginia, chúc Mai ở lại tìm được một tình yêu, và lời chú khuyên Mai nên sống cho con tim mình, cho tương lai của mình. Ba mạp đâu có sống đời với mình, phải không? Phải có tình yêu trước khi quyết định tiến đến hôn nhân, chứ đừng nghe lời ba mạp, sau này hối cũng không kịp.

- Nói xong hắn định đứng dậy. Cô ngược nhìn hắn về giận dữ.

- Thật, xin lỗi chú chứ chú...ngu quá! Chú khuyên cháu nên lấy người mình yêu. Vậy chứ cháu yêu chú thì sao?

- Trời đất! Làm gì có chuyện đó... Không lẽ chỉ mấy lần bưng nước trà mời chú mà lại yêu chú được?!

Chú nói thật không? Cháu cho chú biết điều này. Theo cháu. Đi ngã này.

Cô đi trước, hắn rụt rè theo sau. Căn apartment chỉ có hai phòng, cô mở cửa một phòng, đi vào "Vô đây!" Hắn sợ quá, chỉ dám đứng ở cửa nhìn vào. Cô chỉ vào một tấm hình cỡ tám bưu thiếp để trên bàn nhỏ cạnh đầu giường.

- Chú biết ai đây không? Sau tấm hình viết gì không?

- Chú đâu thấy gì, xa quá. Hình như anh chàng nào đứng đấy. Cho chú xem kỹ, có thể chú nhận ra anh chàng bán vé số tốt phước được lọt vào mắt xanh của Mai.

Cô gỡ tấm hình trong khung ra, đưa hắn.

- Nhìn kỹ xem là ai?

Hắn không tin ở mắt mình. Đó là hình hắn, chụp hôm tốt nghiệp trước trường Hành Chánh, sau tấm hình vẫn còn rõ câu hát nhạc vàng “Anh hứa yêu em suốt một đời” Tấm hình hắn tặng cô, qua bao năm với bao thăng trầm, cô vẫn còn giữ, hình cô tặng hắn thì hắn vất nơi nào, lúc nào không rõ.

Ôi! Hình chú đây mà!

Cô ngồi trên giường, xây lưng về phía hắn, hai chân co lên, trên đầu gối là cái gối. Cô úp mặt vào gối yên lặng. Vai cô rung lên nhẹ nhẹ. Cô khóc, có lẽ vì giận hắn vô tình.

- Cho chú xin lỗi. Chú vẫn nhớ chuyện cũ, nhưng tưởng Mai đã quên. Sao không nhắc, một câu thôi là chú hiểu ra ngay.

- Đâu có dịp nào. Hôm chào cờ ở Eden cũng bỏ đi... Mà biết còn nhớ người ta không hay đã yêu ai rồi?

- Chú nhớ chứ nhưng chú mặc cảm. Chú đâu dám mơ đến giây phút này. Hỏi thực Mai, rùi chú bảo đã yêu ai rồi thì sao?

- Mặc kệ... Người ta tìm muốn chết!

Yên lặng một lát.

- Hôm nào đi?

- Bây giờ có họa là điên mới bỏ đi. Trúng số độc đắc chú cũng không mừng bằng. Chú không biết nói gì để cảm ơn Mai. Chú...

Cô quay lại, mắt còn đỏ hoe, cô chỉ cái khung hình còn nằm trên giường.

- Chú, chú hoài. Bộ ai ăn thịt sao cứ đứng ngoài đó? Bỏ hình lại vào khung, để lại trên bàn cho em, rồi ngồi xuống đây, em hỏi. Lúc ở tù ai thăm nuôi anh?

- Có thăm chứ không có nuôi. Mẹ anh nghèo quá, các anh của anh cũng ở tù cả.

- Em cũng đoán vậy nên cố tìm mà không biết anh ở trại nào, gia đình ở đâu để thăm nuôi. Em lo quá!

Rồi cô lại cười, nhưng nước mắt chảy dài trên má.

Đây là chuyện cổ tích đẹp nhất trong những ngày buồn thảm nhất của nước Việt Nam Cộng Hoà. Cũng còn nhiều chuyện cổ tích sáng ngời hơn, đẹp đẽ hơn, ai cũng biết nhưng không bao giờ kể ra. Đó là quả tim của những bà mẹ, những bà vợ, những người con giành trọn cho con, cho chồng, cho cha đang chết dần mòn trong ngục tù cộng sản.

Hôm đám cưới, vợ chồng hắn phải đi từng bàn tiệc chào mừng quan khách, bà con, bạn bè.

Mỗi nơi cô dâu chú rể phải uống với khách một ly rượu nhỏ. Vợ hắn chỉ thăm môi nên hắn phải uống hết. Nhiều ly nhỏ thành ly cối. Hắn không biết uống rượu nên say mềm. Bố vợ hắn cũng say. Ông say vì vui nên nói hơi nhiều. Khi khách khứa đã về cả rồi, ông đến bên cạnh, vỗ vai hắn lè nhè.

Cụ mi rửa là tốt phước. Không có ai chung tình như con Út Mai của moa.

Cụ mi biết không? Hắn hành vợ chồng moa đi tìm cụ mi chết xác luôn. Bốn năm đi bốn nơi.

Nam Cali tìm cụ mi, Bắc Cali tìm cụ mi, xuống Texas tìm cụ mi, qua đây tìm cụ mi. Chỗ mô cũng tham gia cộng đồng, cũng hội họp. Hắn nói moa có hứa với cụ mi rồi thì phải tìm cụ mi cho hắn. Nhưng moa có nhớ hứa hẹn gì, khi mô đâu? Mà vợ chồng moa đâu biết cụ mi là ai, mặt mũi ra rặng.

Tấm hình, mấy chục năm, có ai trẻ mãi không già? Rửa mới chết chớ! Rửa là gặp đũa mô tuổi cụ mi cũng rước về nhà cho hắn nhận diện. Hừ vía, hắn còn đòi đi Canada và Úc tìm cụ mi nữa đó. Mà moa nói có ai đi HO qua đó đâu?!

Nhất tiếu

“Alô, cho tôi gặp tòa soạn báo “Sài Gòn”. “Tòa soạn báo “Sài Gòn” tôi nghe đây!” “Tôi mới ra một tập truyện ngắn, định gửi tặng quý báo một quyển đọc chơi Nhưng sao có nhiều địa chỉ quá! Chỉ ở Cali thôi đã có đến năm địa chỉ. Orange County rồi Los Angeles County, rồi San

Diego, San Jose... Chưa kể các tiểu bang khác nữa, tôi biết gửi về đâu” . Có tiếng cười bên kia đầu dây, nghe trong trẻo và vui như tiếng phong linh treo trước gió “Cái địa chỉ đầu tiên mà ông thấy trên tờ báo đó, Orange County Đó là địa chỉ chính của chị chủ nhiệm “Th.” mà ông muốn gửi tặng sách ?” “Vâng, tôi thấy rồi Tôi sẽ gửi... Mà, cô có thích đọc truyện của tôi không? Tôi sẽ gửi thêm một cuốn nữa . Đề tên cô nghe ?” Lại tiếng cười “Ồ, quý hóa quá !” “Xin lỗi cô tên gì?” “Tôi tên An” “Rồi, sách sẽ đến tay cô” Hôm sau, hần đề trên một tập truyện “Kính tặng chị “Th.”, chủ nhiệm báo “Sài Gòn”, tập kia, hần đề “Thân tặng cô An có tiếng cười rất dễ mến” rồi đem ra bưu điện gửi.

Tuần sau, hần gọi “Alô, cho tôi gặp cô An...” “Dạ, An tôi nghe đây!” “Cô có nhận được tập truyện ngắn của tôi chưa ?” “Dạ, chúng tôi đã nhận được rồi ạ! Chị chủ nhiệm gửi lời cảm ơn ông. Tôi cũng xin cảm ơn ông. Ông viết hay quá! Tôi đọc say mê luôn” “Cô thấy truyện nào cô thích nhất!” “Truyện đầu tiên hay nhất” “Còn các truyện khác hay nhì?” “Các truyện khác cũng hay nhất luôn!” “Cô thấy kết thúc truyện đó ra sao ?” “Dạ, thật bất ngờ... và lâm ly nữa!” “Nhân vật chính quyết định như vậy có đúng không? Cô ta nên ở lại với người tình hay bỏ đi?” “Theo tôi,... cô ta nên ở lại thì hơn” “Vì sao vậy. ?” “Vì sống một mình chán lắm! Dù sao cũng có người để trò chuyện, gây gổ nhau cũng được. Chứ cứ thui thủi một mình buồn chết được” “Tôi sống một mình bao nhiêu năm nay ở cái tiểu bang North Dakota khi ho cò gáy này, khó thấy bóng một người Á Châu, vậy mà tôi không chán. Nhưng cô nói thế, tôi biết cô đang sống độc thân và thích chuyện trò. Coi bộ cô thích công việc trả lời điện thoại này..” “Không thích lắm đâu! Vì đôi khi có người cứ hỏi chuyện vớ vẩn lâu quá, khiến người khác không thể gọi đến được” “Cô nói tôi chứ gì?” “Ông thông minh thật! Xin ông thông cảm. Nếu tôi nói chuyện linh tinh không liên quan gì đến tờ báo thì chị chủ nhiệm sẽ cho tôi nghỉ việc, do đó nếu ông cứ gọi mãi, tôi sẽ đốp chát cho đến khi ông chán mới thôi” “Xin lỗi đã làm phiền cô Trước khi dứt lời, Tôi xin được gặp lại cô trên điện thoại, tuần tới Được không cô” “Nhiệm vụ tôi là trả lời điện thoại Chị chủ nhiệm có dặn, dù có khó chịu, cũng phải vui vẻ, để chúng tôi mình không giống người tạ Nhưng ông có thể cho tôi biết ông sẽ gọi với mục đích gì không?” “Chỉ để được nghe cô cười Tuần trước, tiếng cười của cô cứ vương vấn mãi trong đầu tôi Tuần này, tôi gọi chỉ mong được nghe cô cười, nhưng tôi nói chuyện vô duyên quá, khiến cô bực mình, không cười nổi!” “Cảm ơn ông, tôi biết ông nói thật, vì nhiều người cũng khen tôi có tiếng cười vui vẻ, dễ mến. Vậy, để tôi cười tặng ông, xin ông lắng nghe trước khi tôi gác máy” “Tôi nghe cô cười rồi Cảm ơn thiện chí của cô Cô biết không, tuần trước tiếng cười của cô đã khiến tôi cảm hứng viết được truyện ngắn. Tôi kể về một anh chàng, chỉ nghe tiếng cười của người đẹp và đắm si mê luôn. Chuyện hay lắm. Đăng báo đoàng hoàng. Báo văn học nghệ thuật uy tín nghe cô!” “Chắc ông là chủ nhiệm hay chủ bút tờ báo đó, hoặc giả đó là một chủ báo bị chạm thân kinh” “Cô đánh giá tôi hơi thấp rồi! Sau này tôi lãnh giải thưởng văn chương thì cô đừng xin chụp hình chung nghe! Còn dám khoe là: Ông ấy mê tao mà tao không thèm” “Tôi đâu dám chê văn chương của ông. Ông biết không, vì báo chúng tôi khen truyện của ông nên nhiều người mua về đọc rồi gọi vô tòa báo nói “Tôi chỉ mới đọc có nửa tập mà đã thấy nên gọi ông ấy là Đại Văn Hào Liên Hành Tinh” “Cô thấy chưa Khen vậy mới là người có con mắt tinh đời” “Ông biết họ giải thích sao không? Là văn của ông chỉ có người Hòa Tinh mới hiểu nổi” “Tôi biết cô mỉa mai tôi chứ ai chơi đọc vậy! Nhưng mà mấy truyện sau mới hấp dẫn, họ có nhận xét gì không cô” “Họ nói truyện sau cùng, vừa hết trang cuối là khóc ầm ức” “Ít ra phải thế chứ!” “Họ khóc vì tiếc mười bảy đồng mua sách!” “Cô chê tôi viết dở chứ gì? Tập truyện tôi tặng, cô chỉ đọc được vài trang đầu rồi vứt” “Sao ông biết tài thế?” “Tôi giả vờ hỏi cô về những nhân vật trong truyện, cô đâu biết gì cứ nói xuôi theo, chứ trong đó làm gì có chàng và nàng, cũng không chia tay, sum họp gì cả” “Ông biết mình viết dở sao còn in ra chi cho tốn tiền? Bán không ai mua, đem tặng tùm lum, không ai đọc. Tôi chẳng hiểu được ông!” “Tôi in sách ra không cần phải bán, không cần người được tặng phải đọc. Mục đích của tôi là để có một tập sách có chữ ở trong, có tên tôi ở bìa trước, có hình tôi, tiểu sử tôi ở bìa sau Chỉ tốn vài nghìn mà ai cũng thấy mặt, biết tên. Được tặng sách, không ai nỡ vứt vô sọt rác, vì nể tình, họ để đâu đấy, đôi khi lên giường mà khó ngủ họ vớ lấy, giờ...

Chỉ cần chừng đó cũng đủ cho tôi vui rồi! Tôi còn định ra mắt sách nữa đó!” “Chúa ơi! Ông có điên không? Có ai để mắt đến sách ông đâu mà ông ra mắt. Ông muốn làm đui mắt người ta thì có... Ông có cần nói gì nữa không? Có người đang chờ trên máy” “Khoan, khoan! Tuần tới cô cho tôi gọi cô, được không cô?” “Được chứ, nhưng không nói về tập truyện của ông” “Tôi biết, muốn nói về nó, cô phải đọc nó” “Ông nói đúng! Tôi không có thì giờ, vả lại đau khổ vì tình còn dễ chịu hơn đau khổ vì phải đọc những truyện mà ông viết” “Cô có chọc quê tôi cách nào, tôi vẫn cứ gọi cô như thường”

Tuần sau hẳn gọi “Alô, cho tôi gặp cô An” “Thưa chú, cháu là An đây ạ!” “VẬY RA CÔ CÒN CHỊU KHÓ NHÌN CÁI BÌA SAU TẬP TRUYỆN CỦA TÔI CÔ TÒ MÒ MUỐN XEM MẶT MŨI “CÁI THẲNG CHA” VIẾT THÌ DỜ ỆT MÀ NÓI DAI NHƯ ĐĨA CHỨ GÌ? HÓA RA TÔI LỚN HƠN CÔ ĐẾN GẦN MƯỜI TUỔI NÊN CÔ MỚI GỌI TÔI BẰNG CHÚ VÀ XƯNG CHÁU” Có tiếng cười “Chú biết hết! Cháu gọi bằng chú là dựng cái rào cản, còn để sẵn cái bảng Stop để lưu ý chú đừng nói chuyện tình cảm linh tinh” “Cám ơn!” “Cám ơn gì? “Cám ơn tiếng cười” “Chú cứ gửi đến cháu cái audio tape, cháu sẽ cười vào đó vài tiếng đồng hồ cho chú nghe” “Tôi chả dại!” “VÌ SAO?” “CÔ SẼ KHÔNG CHO TÔI GỌI NỮA TÔI CẦN BIẾT ĐƯỢC Ý NGHĨ CỦA CÔ TRONG TIẾNG CƯỜI, CẢ ĐẾN TÌNH CẢM NỮA KHI VUI CÔ CƯỜI MỘT CÁCH, KHI BUỒN HAY BỰC MÌNH CƯỜI CÁCH KHÁC...” “VẬY THÌ CHÚ BIẾT CHÁU ĐANG BỰC CHÚ RỒI CHỨ GÌ?” “XIN CHO MỘT CÂU NỮA THÔI... CÔ CÓ MẠNH KHỎE KHÔNG, CÔ AN?” “KHÔNG BIẾT TÁN TÌNH CÁCH NÀO NÊN HỎI THĂM VỚ VẮN! CÁM ƠN CHÚ, CHÁU CHẲNG ĐAU ỒM GÌ” “BÂY GIỜ LÀ MÙA CẢM CÚM . CHỈ SỢ CÔ BỊ CÚM” “CHÚ RỬA CHÁU PHẢI KHÔNG?” “KHÔNG CÓ ĐÂU! SỢ CÔ BỊ CẢM CÚM, NÓI ĐIỆN THOẠI, LÂY QUA TÔI” “VẬY THÌ CHÁU PHẢI TÌM MỘT CON VI TRÙNG BỊNH CẢM CÚM MÀ ĂN NÓ. CHÁU BỊ BỊNH, CHÚ KHÔNG ĐƯỢC GỌI CHÁU NỮA” “CÔ KHỎI TÌM . CÔ ĐANG BỊ TÔI TRUYỀN BỊNH RỒI TÔI ĐANG CẢM NẶNG. TÔI CẢM TIẾNG CƯỜI CỦA CÔ” “Ê, Ê NGỪNG LẠI THẤY BẢNG STOP KHÔNG? KHÔNG ĐƯỢC TÁN TÌNH! NHỚ CHƯA CHÚ?” “NHỚ CHÚ! NHỚ TIẾNG CƯỜI CỦA CÔ SUỐT ĐỜI” “CHÀO CHÚ!” “KHOAN! CÔ CƯỜI CHO TÔI MỘT TIẾNG. CƯỜI GƯỢNG CŨNG ĐƯỢC, RỒI HÃY GÁC MÁY..RỒI, TÔI ĐÃ NGHE CÔ CƯỜI RỒI CÁM ƠN CÔ” “CHÁU XIN CHÚ ĐỪNG GỌI CHÁU NỮA ĐƯỢC KHÔNG? CHỊ CHỦ NHIỆM BIẾT SẼ LA CHÁU” “TÔI XIN CÔ MỘT THÁNG GỌI CÔ MỘT LẦN” “ĐƯỢC RỒI NHỚ NGHE CHÚ!”

Đúng một tháng sau, hẳn gọi, chỉ mới “Alô, cho tôi gặp cô An” là hẳn nghe cô trả lời ngay “Cháu nghe chú đây! Cám ơn chú đã giữ lời, đúng một tháng mới gọi cháu” “Tôi vì phải vâng lời cô mà ngày nào cũng nhìn lịch. Nhớ tiếng cười của cô muốn bình luôn” “Tội nghiệp chú! Bữa nay đỡ chưa” “Tôi đang hấp hối Cô cười gấp cho tôi một tiếng để tôi sống dậy” “VẬY THÌ CHÁU KHÔNG CƯỜI CHO CHÚ CHẾT LUÔN, CHO BỎ GHÉT!” “VĨNH BIỆT NGƯỜI ĐẸP! XIN HẸN KIẾP SAU” Tiếng cười bên kia đầu dây “Vấn chương như vậy mà cũng ra sách. Chú viết cái lương coi bộ khá à nghe! Xong chưa Cháu gác máy” “Khoan! Tuần tới, tôi về Cali ra mắt sách” “Chú có điên không? Ai mà đến dự?” “Bạn bè tôi ở Cali nhiều vô số. Lâu ngày gặp nhau, thay vì trò chuyện, tụi hẳn kéo nhau ra nhà hàng, thay phiên nhau khen nức nở tập truyện của tôi” “Hình chú trên bìa sách đã xấu, sau đó sẽ xấu nữa Mũi chú nở phình ra, trông kỳ cục. Cháu gác máy được chưa” “Khoan! Tôi chính thức mời cô đến dự. Ngồi ghế hạng nhất” “Tuyệt đối không. Viết dở thế đó mà phải ngồi nghe người ta hành hạ lỗ tai Cháu không khùng như bạn chú đâu!” “Không đến dự cũng được. Tôi sẽ đến thăm cô” “ĐỪNG CHÚ! CHÁU VAN CHÚ. NẾU CHÚ KHÔNG ĐẾN GẶP THÌ CHÁU CHO PHÉP CHÚ ĐƯỢC GỌI CHÁU HẰNG TUẦN. ĐỪNG ĐẾN NGHE CHÚ!” “Cũng được, nhưng phải cho tôi biết vì sao “Cháu xấu lắm! Gặp cháu chú sẽ thất vọng, chú không gọi cháu nữa Không phải cháu mong chờ chú gọi, nhưng như thế đau lòng cháu! ĐỪNG ĐẾN NGHE CHÚ! CHÁU XẤU ĐẾN ĐỘ KHÔNG AI YÊU CHÁU CÓ CẢM TÌNH RỒI CŨNG XA CHÁU ..” “CÔ NÀO BIẾT MÌNH ĐẸP MỚI BẢO RẰNG MÌNH XẤU BIẾT ĐÂU CÓ NÓI THỂ ĐỂ KHI TÔI GẶP MỚI BẬT NGỬA RA: ĐẸP THẾ KIA MÀ CỨ LÀM BỘ NÓI MÌNH XẤU!” “NHƯNG CHÚ HỨA ĐI, KHÔNG ĐẾN GẶP CHÁU, NGHE CHÚ! MÀ CHÚ CÓ ĐẾN CŨNG KHÔNG GẶP CHÁU ĐÂU NGÀY MAI CHÁU SẼ DỜI BÀN ĐIỆN THOẠI CỦA CHÁU VÀO TÍT TRONG PHÒNG CHỊ CHỦ NHIỆM, CỬA LÚC NÀO CŨNG KHÓA..CHÁU GÁC MÁY NGHE CHÚ”

“Alô, cho tôi gặp cô An” “ĐẠ CHÁU ĐÂY, CÁM ƠN CHÚ VỀ TỜ BÁO CÓ CÁI CHUYỆN NGẮN VIẾT VỀ TIẾNG CƯỜI CỦA CHÁU” “CÔ THẤY CÓ HAY KHÔNG?” “COI BỘ CHÚ GIÀU TƯỢNG TƯỢNG QUÁ. LÀM GÌ CÒ

chuyện chỉ mới nghe tiếng cười mà đã “mê tít thò lò” người ta rồi” “My Nương chỉ nghe tiếng hát của Trương Chi mà sinh bệnh vì nhớ. Nếu không có thật thì chẳng ai kể lại từ đời này sang đời kia” “Cũng may, chú chưa gặp cháu, nên chú sáng tác... đọc cũng được! “Vì sao Nếu tôi đã gặp...” “Chú gặp cháu à! Cháu “xấu ỉn”, chú sẽ cụt hứng ngay” “Tôi có đến tòa soạn, nhưng cô thư ký ở đó bảo rằng cô đi vắng...” “Cháu không đi vắng đâu, cháu ngồi trong phòng chị chủ nhiệm, cháu còn dặn không cho ai gặp vì biết chú đã về Cali” “Cô thư ký đó tên gì vậy?” “Để cháu nhớ xem... Nhưng tên không được đẹp, sợ ô ấy không bằng lòng cho chú biết. Sao chú hỏi kỹ như v^..y” “Cô ấy có nụ cười đẹp lắm. Khi tôi đến, cô ấy không thèm nhìn, cứ vờ làm gì đấy Tôi nói “Thưa cô, cho tôi gặp cô An ạ!” “Cô An không có ở đây, ông có cần gì không?” “Tôi nói “Khi nào cô An có ở đây ạ?” “Cô An đang nghiêm trang, cô ngược nhìn tôi, nhੌn miệng cười Miệng cô cười đẹp quá, đến độ tôi đứng nhìn mà bủn rủn tay chân” “Xạo vừa thôi, làm như người bị trúng gió. Cháu làm việc chung với cô ấy, thật cười hoài, đâu đẹp để gì” “Cô chê cô ấy..” “Này, cháu không ghen với cô ấy đâu... Ừng không? Cháu làm mai cho” “Thiệt không? Nhưng cô ấy coi bộ không ưa tôi! Có cách nào cho tôi gặp mặt ngoài giờ làm việc. Được không cô “ “Để quá mà! Sáng nào hai chị em chúng cháu cũng đi điểm tâm ở tiệm phở trước tòa soạn. Chú cứ đến đấy, cháu giới thiệu cho Nhưng có cô ấy rồi đừng làm phiền hấu nữa nghe!” “Sáng mai được không cô Tôi chờ ở đó nghe! Cố gắng giúp tôi, cô sẽ được hai niềm vui” “Vui gì ở chú mà được?” “Tống được tôi qua cô ấy là cô vui rồi Thấy cô ấy bị tôi làm phiền cô cũng vui nữa” “Biết làm phiền người ta mà vẫn cứ làm phiền! Chào chú” “Alô..” “Lại chú nữa Có người đẹp rồi thi tha cho cháu chứ! Sao Hôm qua có vui không? Xin lỗi, cháu không đến được” “Cô bỏ tôi một mình, khiến tôi chới với không biết xoay sở ra sao May mà cô Nhất Tiểu cũng thông cảm và vui vẻ” “Sao lại đặt tên cho cô ta là Nhất Tiểu Đặt tên Hồ Tiểu hay hơn” “Nhất tiểu khuynh thành mà cộ Cô ấy cười đẹp lắm, nhưng chỉ nhੌn miệng thôi, không cười thành tiếng. Giá mà tiếng cười cô ấy cũng reo vui như cô thì chắc tôi đứng tim chết quá!” “Hai anh chị còn hẹn gặp nhau nữa không?” “Có chứ! Chiều nay, tan sở hai đứa tôi sẽ đi lang thang, nhưng ô ấy dặn đừng cho ai biết” “Nhưng sao chú lại cho cháu biết!” “Để mời cô cùng đi” “Vô duyên! Cháu gác máy nghe!” “Alô!” “Cháu nghe đây! Gớm, mấy tuần nay cứ theo nười đẹp, không thèm gọi cháu một tiếng! Chà, hai người mặc sức mà nói x^u cháu” “Không có đâu! Cám ơn cô không hết, lẽ nào làm thế. Nhưng tôi gọi cô vì có chuyện này nhờ cộ Số là thế này Tôi với cô Nhất Tiểu chiều nào cũng đưa nhau đi lang thang trên các đường phố, ra bãi biển nhìn mặt trời lặn, ngồi bên nhau chuyện trò... Cô cứ tưởng tượng một đôi tình nhân ra sao thì hai đứa tôi ừng như vậy Nhưng có điều cô Nhất Tiểu cứ b(t chước cô mà gọi tôi bằng chú mãi, khiến tôi yêu cô ấy mà chẳng dám mở miệng nói một lời tỏ tình” “Nhưng chú có thực yêu cô ta không, hay là thấy người đẹp thì thích vậy thôi Bọn đàn ông, con trai, chỉ có lòng tham chứ tình yêu thì khó tin lắm” “Tôi biết rõ là tôi yêu cô ấy nhiều lắm!” “Thế là hết đề ý đến cháu rồi, phải không? Bây giờ, cần đến cháu mới gọi nhờ và chứ không phải để tán tình . Thôi thì, cũng vì lòng vị tha, cháu sẵn lòng giúp đỡ. Chú cần gì cháu” “Trước hết, tôi hỏi cô điều này Trong sở làm, trong lúc chuyện trò, cô Nhất Tiểu có nói gì về tôi không? Về tình cảm chẳng hạn. Nếu tôi tỏ tình, cô thấy tôi được bao nhiêu phần trăm hy vọng?... Tôi sắp rời Cali về North Dakota rồi” “Cháu xin trả lời ngay với chú rằng, chú yêu thì cứ tỏ tình, bị từ chối chú đâu có mất mát gì. Người con gái, khi có cảm tình với ai, thái độ cô ta, dù có che dấu cách nào, người tinh ý sẽ biết ngay Vì chú không yêu cô ta nên chú không th^y đó thôi” “Nhưng sao tôi chỉ mới đề nghị cô ta đừng gọi tôi bằng chú, thì cô ta đã nghiêm mặt lại, khiến tôi sợ quá!” “Chú ngốc vừa thôi Người ta chịu đi ra bãi biển ngắm mặt trời với chú, thì chú phải hiểu chứ. Chẳng lẽ chính phủ cấm ngồi ngắm m(t trời lặn một mình nên phải cần đến chú bên cạnh? Còn việc tỏ tình của chú thì.... chú tán tình cháu thế nào, cứ thu sẵn trong cuộn băng, gặp cô ấy mở rạ Cháu thấy cách tán của chú rất nhà què, nhưng hy vọng cô ta cảm động. Thôi nghe, sáng mai gặp cô ta, chú cứ thế mà thi hành. Rủi cô ta có đánh đập gì chú thì đừng trách cháu Bye chú!”

Buổi sáng, trong tiệm cà phê, hấn ngồi trước cô gái, tay xoay mãi cái ly mà không biết mở đầu

ra sao! Cô gái nhìn hẩn tằm tằm cười “Coi bộ chú bối rối quá! Định nói gì đấy Chú can đảm lên! Nhưng không được nói yêu cháu” “Tôi chỉ xin cô cười thành tiếng. Một lần thôi! Trong điện thoại tôi có nghe cô cười, nhưng nếu giờ đây được thấy đôi môi cô hé nở cùng lúc với tiếng cười thì đúng là cô ban cho tôi một ơn phước quý giá nhất đời tôi” “Cháu có nói chuyện điện thoại với chú bao giờ mà nghe tiếng cháu cười? Chỉ có cô An thôi Chú ghé tòa soạn, cháu sẽ dẫn chú vô gặp cô An, còn cháu là Nhất Tiểu, như chú đã đặt tên” “Tôi biết cô đúng là cô An nhưng tôi giả vờ ngây thơ bấy lâu nay, vì tiếng cô trong điện thoại tôi đã nghe quen quá rồi!” Mặt cô gái đỏ bừng lên... Bỗng cô gái cười thành tiếng. Tiếng cười reo vui, trong trẻo, cao vút như tiếng chim hót khiến mọi người uay nhìn. Hẩn chống cằm nhìn sững chiếc miệng xinh đẹp với đôi môi hồng tự nhiên nở ra một nụ hàm tiếu, để lộ hàm răng nhỏ, đều và trắng như những viên ngọc trai Mặt cô hơi bầu bĩnh, hai má cô mịn màng, có hai đồng tiền duyên dáng. Và đôi mắt cô, sáng long lanh như cũng đang cười với hẩn. Tiếng cười cất lên khiến mọi người trong tiệm im lặng. Họ như vừa nghe được chuỗi âm thanh như những nốt nhạc, như tiếng những chiếc khánh nhỏ va chạm nhau, bay lượn, vang vọng khắp nơi Giống như mùa Giáng Sinh ta chợt nghe tiếng nhạc reo lên bản Jingle Bell. Tiếng reo mừng của thế gian đón Chúa ra đời Đó, tiếng cười của cô là như thế, là niềm vui tự nhiên, là hạnh phúc tự nhiên của trời đất ban cho mọi người, là nắng ấm của một buổi sớm mai thanh thản nơi vùng quê yên tĩnh, là tiếng chim hát trong vòm cây, trong bụi hoa Mọi lo lắng tiêu tan, mọi buồn phiền biến mất chỉ còn lại trong tâm hồn người nghe tràn ngập niềm hy vọng, yêu đời, yêu người... “Chú! Đừng nhìn cháu như thế! Người ta thấy kia!”... “Cám ơn cô An, đời tôi vậy là mãn nguyện” “Hôm qua gọi cháu, chú định nói gì? Sao sáng nay không thấy Mặt hết can đảm rồi phải không? Chú khỏi nói, cháu hiểu và cháu trả lời chú đây Chú chuẩn bị buồn năm phút nghe! Chú bị trễ tau rồi! Cháu đang yêu một người, cũng ở xa, vùng vắng vẻ lạnh lẽo như chú. Anh ấy ở tận Alaska..” “Thôi, chừng đó cũng đủ tôi chán đời rồi Anh chàng nào thật may mắn. Tôi mà được cô yêu, tôi cưới cô ngay Hứa hẹn suông, rồi có thằng nào đẹp trai hơn, giàu hơn, tán giỏi hơn, nó cuỗm mất” “Chú chả biết gì! Tình yêu chứ đâu phải... Cháu giận chú rồi” “Xin lỗi cô Chiều nay tôi rời Cali Cô chúc tôi lên đường bình an đi!” “Chúc chú bình an. Cháu biết chú sẽ không gọi cháu nữa, nhưng có thể cháu sẽ gọi chú” “Cám ơn cô Cho tôi gửi lời chúc mừng đến bạn cô và nhắn lời với anh ta rằng, phải cưới cô ngay, để lâu... sẽ vào tay tôi”

“À lô, cháu là An đây Cám ơn chú cái thiệp mừng Giáng Sinh với lời chúc mừng. Cháu không gửi thiệp chúc lại chú vì như thế khiến chú hi vọng. Chú có hi vọng gì không chú?” “Tôi yêu cô nhưng cô lại đi yêu người khác, “hi” gì nổi! Dù sao, cô đã hạ cố gọi tôi, cũng an ủi chút đỉnh. Phải không cô Hay cô đổi ý, không yêu anh chàng kia nữa, gọi báo tin vui cho tôi” “Cháu yêu một người thôi ờ! Cháu gọi chú là định nhờ chú chút chuyện. Nhưng chú đừng gác máy, bình tĩnh nghe cháu đây Số là Tết năm nay, cháu sẽ đi thăm bạn trai cháu, định đem ít quà. Vì hoàn cảnh anh ấy giống chú, cũng sống độc thân ở vùng lạnh lẽo, không thấy bóng một người Á Châu chứ nói gì đến chuyện kiếm được một tiệm hủ tiếu, hay bún, hay phở. Chỗ chú ở cũng vậy, phải không? Vivậy, cháu hỏi ý kiến chú, cháu nên đem những món ăn nào mà chú đoán anh ấy thích?” “Cô ra Home Depot mua ba gói thuốc chuột. Một gói , khi máy bang ngang qua nhà tôi, cô ném xuống cho tôi mô gói, cô pha với nước ngọt cho “anh ấy” uống, gói còn lại, cô tùy nghi xử dụng” “Cay đắng nhau chi, chú ơi! Tội nghiệp cháu mà chú. Cháu không có ai cùng hoàn cảnh ấy ngoài chú cả” “Chà, nhân dịp này tôi bắt chẹt cô mới được. Tôi ra hai điều kiện. Thứ nhất, từ nay về sau, cô phải xưng em với tôi và gọi tôi bằng anh. Thứ hai, thực hành ngay từ bây giờ bằng cách nói ba tiếng “Em yêu anh” Làm được như vậy thì tôi sẽ cho biết “anh ấy” của cô thích món ăn gì?” “Chúa ơi! Cháu yêu anh ấy mà chú ép cháu phải nói như thế với chú! Thực chú không có lương tâm...” “Vậy thì chào cô! Bye!” “Khoan... chờ cháu để cháu lấy can đảm. Mấy l'au nay gọi bằng chú, bây giờ gọi bằng anh nghe... tình quá phải không chú? Nghe cháu đây” “Em yêu anh!” Nghe rõ chưa? “Yêu thực không?” “Thực mà!” “Vậy thì em đem bất cứ thứ gì, thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng, bánh tét, cá kho, rau thơm, thịt quay dưa giá... Mớ kể đã thấy thèm! Hỏi cái thằng “anh ấy” tốt số của cô có tự nấu cơm ăn không hay phải đem theo cả nồi cơm điện, gạo thì các tiệm Mỹ cũng có. Anh nghĩ hẩn cũng fastfood như anh chứ không

hơn gì. Nếu hấn bảo tự nấu lấy cơm mà ăn thì em cẩn thận. Mấy thằng lảm cẩm như thế tất phải có vợ từ lâu rồi! Em phải điều tra cho kỹ trước khi đến hấn, có thể hấn để vợ con ở Cali lên đó làm việc... Khám phá ra điều ấy cũng đừng buồn, đã có anh..." "Còn anh thì để vợ con ở đâu?" "Cũng ở Cali, nhưng chưa có con, vợ anh tên An, làm ở báo Sài Gòn..." "Ai cho phép anh ăn nói bạo dạn như thế? Chết với em!" "Thì chính em nói em yêu anh mà! Anh phải gặp hấn ta, quyết đấu một trận như Sơn Tinh, Thủy Tinh để giành người đẹp mới được" "Anh muốn gặp thì chờ em, em sẽ gọi cho biết ngày giờ, nơi hai người sẽ gặp nhau Sáng chủ nhật anh đừng đi đâu cả nghe, chờ em gọi, lúc mười giờ. Nhớ nghe anh!"

"Alô! An gọi anh đây. Anh ra phi trường đón em" "Em ở phi trường nào?" "Anh ở Bismarck thì phải biết phi trường nào rồi sao lại hỏi em! Em đi thăm người cô ở Jeamestown nhưng muốn anh đón ghé thăm anh một lát rồi anh đưa em đến nhà người cô, được không anh?" "Hóa ra mấy món ăn em hỏi anh là đem cho anh phải không? Anh không biết nói sao để cảm ơn lòng tốt của em" "Bữa nay sao khách sáo quá vậy! Mấy lần trước anh ăn n'ì bặt mạng lắm mà. Có ra đón không thì bảo để em còn gọi cô em cho người ra đón, lúc đó em không ghé thăm anh đâu nghe!" "Em làm anh mừng quýnh... Không biết cái chìa khóa xe bỏ đâu rồi! Em đừng rời máy nghe! Anh vừa lái xe vừa nói chuyện với em" "Tuyệt xuống nhiều quá. Anh nhớ lái cẩn thận nghe anh, đừng vội vã. Em sẽ tắt điện thoại để anh bình tĩnh lái xe. Chạy từ từ nghe anh!... Nhưng em giao hẹn trước. Khi đón em về anh không được làm em sợ, không được nói lời gì xúc phạm đến em, lúc nào cũng cách xa em hai feet. Đúng hai giờ sau là đưa em về nhà người cô em liền. Nhớ chưa?"....Hấn ra phi trường đón cô An. Từ lúc lên xe cô nói rất ít, chỉ hỏi về đường xá đến nhà người cô ở Jeamestown bao xa bao lâu. Cô muốn cho hấn biết mục đích chính là đến ăn Tết với gia đình người cô. Hấn biết cô đang xúc động nên rất cẩn thận để cô khỏi sợ hấn. Khi về nhà, hấn cứ suýt soa, ra vẻ thèm thủng những thức ăn cô đem đến. Cô thích chí, trở lại vô tư, linh hoạt. Cô soạn quà cáp ra, đích thân nấu nướng mấy món thơm lừng. Hấn rất thèm được ôm hôn cô, nhưng cứ loay hoay luynes quýnh mà không biết làm cách nào vì hễ đứng hơi gần một chút là cô lộ vẻ giận. Cô cứ nhìn chùng chùng hồ mại. Nhưng thỉnh thoảng có một bất ngờ xảy ra. Người ta gọi là thiên ai nhưng đối với hấn thì gọi là thiên ân. Đi truyền hình đang ca nhạc vui vẻ bỗng ngưng lại. Sở khí tượng thông báo, cơn bão tuyết bất ngờ đổ vào tiểu bang trước cả dự báo. Chưa bao giờ có trận bão khủng khiếp đến như vậy! TV đang chiếu cảnh bão tuyết mịt mù, ngoài xa lộ xe cộ đọng nhau, gây tắc nghẽn lưu thông. Chính phủ khuyên mọi người nên ở trong nhà, điện có thể bị mất.... Cô An đang ăn uống vui vẻ, nghe thế, cô bỗng dĩa ngồi khóc rờn. Cô sợ thật sự chứ không giả vờ. Hấn vừa mừng vừa lo, tìm đủ mọi cách trấn an cô, nhưng vẫn phải đứng cách xa cô, hấn định cầm tay cô để an ủi thì cô nhìn hấn một cách dữ tợn. Thấy cô khóc, hấn sốt ruột, bèn quì xuống, như một tên "nô tài" trong phim Tàu, thề sống, thề chết là sẽ tôn trọng cô, nhất quyết không đụng đến chéo áo của cô, hấn sẽ ngủ ngoài phòng khách, cô ngủ trong phòng khóa lại cẩn thận.... Cách thề bồi của hấn khiến cô bật cười và yên tâm. Cô hết khóc ngay. Hấn xúi cô gọi điện thoại cho người cô bảo rằng bị kẹt tại nhà một bạn gái, khi nào ngớt bão sẽ đến nhà người cô ngay. Người cô vui vẻ "Con lớn rồi, cô rất yên tâm, đừng đến vội, đường xá, bão tố rất nguy hiểm..." Hôm sau, bão tuyết đã tam, đường xá khai thông, đi lại dễ dàng nhưng cô An vẫn gọi điện thoại đến người cô xin ở lại nhà "bạn gái" chơi ít bữa nữa "Ồ đây vui quá! Bạn bè đông lắm. Cô ạ!" Sau này, khi cô đã là vợ của hấn, có người hỏi "Vụ ăn Tết đó, chuyện gì đã xảy ra?" Cô chỉ cười, tiếng cười vẫn reo vui như tiếng phong linh treo trước gió!!!

Xuân tha hương

1.

Sau năm bảy lăm, bố tôi đi tù cải tạo thì chỉ ít lâu sau, mẹ tôi đem ba anh em chúng tôi về giao cho gia đình bên nội nuôi rồi đi biệt, nghe nói có chồng khác. Sau năm bảy lăm, đồng bào Miền Nam coi như gặp đại họa, gia đình "ngụy" lại càng thâm! Bà nội tôi già quá, chẳng có gì ngoài tấm lòng thương con, thương cháu.

Nhà nội tôi ở trong hẻm, gần chợ Cây Quéo. Nhà lợp tôn, vách ván, tuy cũ nhưng chưa rệu lắm, mưa chỉ dột ở vài chỗ.

Cũng may, nền nhà tráng xi măng nên tối đến, ba anh em chúng tôi trải chiếu, giăng mùng, ngủ dưới đất, rất mát và thoải mái.

Chúng tôi có hai người cô, làm công nhân, lương không đủ sống lại còn phải nuôi bố tôi và hai người chú trong tù, nên chúng tôi chẳng khi nào no bụng. Hai đứa em tôi còn nhỏ, đứa bảy tuổi, đứa năm tuổi, tôi thì hơn mười tuổi. Đói quá, tôi dẫn thằng em kế xách cái bị cói, đến các nơi đổ rác, dùng cái móc sắt moi giấy, chai lọ, bọc ni lông ... bán kiếm tiền ăn quà rong, coi như hai đứa tôi không ăn cơm nhà, đôi khi còn mua ít quà về cho thằng út.

Bữa nào anh em tôi bị mấy thằng lớn hơn cướp mất rác thu nhặt được là tối đó về chúng tôi đành nhịn đói vì bà tôi và các cô cứ tưởng chúng tôi no rồi, không bao giờ để phần cơm, mà chúng tôi cũng không đòi ăn, vì không muốn làm phiền ai cả, tuy vẫn biết nội tôi và các cô rất thương chúng tôi. Mỗi khi có thư của bố tôi hay các chú gửi về xin quà thăm nuôi là nội tôi ngồi khóc!

Bấy giờ gia đình "ngụy quân, ngụy quyền" nào cũng thế cả. Đàn ông thì ở trong tù, chỉ còn đàn bà, trẻ nít, với người già, chẳng biết xoay sở ra sao, nên được thư xin quà thăm nuôi vừa mừng vì biết người thân còn sống; vừa nhớ và lo, không có gì tiếp tế cho người đi tù nên chỉ biết khóc. Giá như nước mắt mấy bà mẹ, bà vợ, con cháu ... biến thành gạo, cá khô, đường ... thì người trong tù ăn bao giờ cho hết? Nói thế chứ nước mắt nội tôi chẳng còn bao nhiêu, chỉ có hai giọt, lăn đến cái miệng móm xòm là vừa khô.

2.

Để có tiền mua quà thăm nuôi tù cải tạo, các cô tôi tìm xem trong nhà có gì bán được thì đem ra. Trước hết là mấy cái áo quần mới, may trước "giải phóng" rất đẹp. Hai cô tôi, trước khi đem bán, thường mặc vào, ỏng ẹo đi ra, đi vào, soi gương cả buổi, chán chê rồi lầu bầu với nội tôi "*Khi nào mấy anh đi tù về, mẹ nhắc mấy ảnh sắm đồ mới mà đền cho tụi con.*" Tưởng như mấy người tù sắp về đến nơi! Nội tôi cũng tin như vậy nên thường đứng trước cửa, dòm ra đường, về bòn chòn như người chờ xe buýt. Nhưng dòm mãi vẫn không thấy đứa con nào về!

Hết quần áo thì đến cái tủ. Nội tôi cười bảo: "*Cái tủ trống rỗng, để chi cho chật nhà!*" Bán được tủ, nội tôi giữ tiền, không bỏ ra một cắc, để giành cho các cô đi thăm nuôi tù. "*Tụi bây có đói cũng chưa chết. Cha với chú tụi bây trong tù không có thăm nuôi là chết ...*"

Quà thăm nuôi cũng chỉ cái bị cà ràng, đựng gạo, cá khô, đường ... Sau khi cái nhà trống trơn, nội tôi nhìn quanh, chỉ còn cái bàn thờ. Nội tôi cũng cười nhưng miệng méo xẹo "*Cho bộ tam sự vượt biên.*"

Bộ đồ thờ bằng đồng, gồm cái lư hương to, có hai con lân hai bên, trên nắp cũng có con lân, đúc rất đẹp, nội tôi coi như cửa gia bảo. "Từ khi tao về làm dâu nhà nội bây, bộ tam sự này thờ đã được hai ba đời trước rồi ...!" Bán chẳng được bao nhiêu nhưng cũng giúp cho người trong tù cầm hơi mà sống. Hà tiện cách mấy, tiền cũng hết, đến lượt cái tủ thờ cầm lai, chạm trổ rất đẹp, cũng phải lên đường. Lần này nội tôi ngồi khóc thút thít mãi, vì không có gì để thờ Phật, thờ Ông Bà. Trước khi giao bàn thờ cho người ta, nội tôi quì lạy mãi, tưởng như thế Phật Bà và Tổ Tiên sẽ thông cảm mà tha thứ cho tội bất kính, bất hiếu.

Tượng Phật và mấy bài vị được để trên một miếng gỗ, treo trên vách, coi như cái bàn thờ. Mỗi tối tụng kinh Phật, cầu an cho người trong tù, nội tôi ngồi bệt dưới đất, gõ mõ cóc cóc, miệng ê

a một lúc lại ngược lên bàn thờ và lạy, trông giống con gà bị bệnh dịch, cứ ngửa cổ lên trời, đi thụt lùi rồi ngã lăn ra chết. Nội tôi không bị ngã nhưng mỗi cổ nên sau này chỉ cúi lạy coi như lạy cái vách ván.

Rồi đến bữa ăn cơm và tiếp khách, nội tôi kêu mấy bà thường lệ xóm "Ai có bàn ghế, giường, tủ, máy may, quạt máy ... bán không?!" Bà nào cũng trề cái môi dài thòng "Chê làm củi chum đi bà ơi! Bà bán không đủ tiền mua củi đâu."

3.

Vừa lúc tôi tròn mười sáu tuổi, tôi thuê được một chiếc xích lô, thả rong khắp đường phố, chở khách và chở hàng. Tôi còn nhỏ, chân ngắn quá, vói không tới bàn đạp, phải nghiêng bên này đạp một cái, nghiêng bên kia đạp một cái, vậy mà xe vẫn chạy ào ào, đâu thua ai! Tôi đạp ngày đạp đêm. Nặng nhẹ, mắc rề gì tôi cũng chở tuốt. Bắp thịt chân tôi cứng ngắt, mấy đứa em cứ bóp thử, phục lắm. Từ sáng tinh mơ, tôi đã đẩy xe ra, khuya mới về, đôi khi tôi tấp xe bên đường, trùm cái khăn lớn, ngủ luôn trên xe. Được bao nhiêu, sau khi trừ chi phí thuê xe và tiêu vật, tôi đem giao hết cho nội tôi, để dành thăm nuôi. Cái bị cói đựng quà thăm nuôi nặng hơn trước. Các cô tôi tha không nổi, cứ đi lệch bệch mà miệng thì cười toe toét. "Thăm nuôi ít quá, các ảnh biết, ngoài đời, mình khổ lắm, không muốn nhận quà." Các em tôi, nhờ ăn uống đầy đủ, hồng hào, lớn lên thấy rõ.

Rồi bố tôi và các chú tôi, lần lượt được thả ra. Ai cũng bắt chước tôi đạp xích lô. Nhà dâm khá giả mà nội tôi cũng không còn đứng ở cửa, ngóng ra đường như người ta chờ xe buýt nữa. Mái nhà được lợp lại cho khỏi dột, lại làm thêm một cái gác lửng cho ba anh em tôi làm chỗ ngủ. Tối nào cũng leo lên cái thang rồi bỏ vào như mấy con thú rừng bò vào hang vì cái gác làm sát mái nhà quá, buổi trưa không ai dám lên vì nóng khủng khiếp.

Ít lâu sau có vụ HO, tù cải tạo được đi Mỹ. Theo như nhà nước phổ biến, người làm đơn chỉ tốn tiền mua các mẫu đơn, điền vào, nộp quận, huyện, nhưng làm như thế đến Tết Ma Rốc mới được đi. "Khâu" nào cũng cần tiền, có tiền thì hồ sơ mới được chuyển đi, như xe máy cần đồ xăng mới chạy được, mà thường tính bằng chỉ vàng, lượng vàng. Còn thêm vụ đơn danh sách nữa.

Đúng ra ai nộp hồ sơ trước thì được cứu xét trước để chuyển cho tòa đại sứ Mỹ phỏng vấn, ai nộp sau, phải chờ, nhưng nếu có vàng, ra Hà Nội chạy chọt (hối lộ) sẽ được đơn danh sách, nghĩa là được đưa vào danh sách phỏng vấn sớm nhất, đi Mỹ trước.

Gia đình nội tôi làm gì có vàng. Thời may, bố tôi được một bà lớn tuổi, nhưng không chồng, chịu chi phí, với điều kiện để tên bà ta vào như là người vợ của bố tôi để bà ta cùng đi Mỹ. Bà ta lại chịu khó ra Hà Nội đóng vàng nên gia đình tôi được lên máy bay sớm.

Trước đây, bố tôi làm hôn thú với người đàn bà chỉ nghĩ rằng qua đến Mỹ sẽ chia tay, không ngờ hai người vẫn sống chung cho đến nay. Bà ta sinh được hai đứa con, tức em cùng cha khác mẹ với tôi. Bà đối xử với mấy anh em tôi không tốt. Trước bảy lăm, là sĩ quan quân đội, không hiểu bố tôi ra sao; nhưng sau khi đi tù về, bố tôi có vẻ ba phải, ai làm gì cũng mặc, nhất là khi ở Mỹ, ông chỉ nói chuyện tu tiên, tu Phật gì đó, chuyện gia đình không lý đến. Tôi chán quá, qua tiểu bang khác với thằng bạn. Hấn làm việc ở tiệm Mc Donald, và giới thiệu tôi vào làm. Đây là nghề chỉ có bọn thất học như tụi tôi mới làm vì lương hưởng chẳng bao nhiêu. Nếu bạn đi tiệm Mc Donald, người làm phục vụ khách ra sao thì cứ tưởng tượng tôi là một trong những người đó, nên xin khỏi dài dòng.

4.

Miền Đông nước Mỹ cũng có nhiều người Á Châu, nhất là người Việt, đôi khi gặp, chuyện trò thăm hỏi cũng đỡ chán đời. Một lần, tôi gặp một cô khách, không đoán được người xứ nào, nhưng rất đẹp, tôi bèn gọi thẳng bạn đang chiên French Fries sau bếp:

- Lẹ lên! Ra coi người đẹp.

Hai đứa tôi tranh nhau chào người đẹp. Tôi hỏi (bằng tiếng Anh):

- Cô có phải là người Á Châu không?

Cô mỉm cười, lắc đầu, xoắn ngay một tràng tiếng Spanish. Chúng tôi không hiểu nên hỏi cô:

- Có phải cô là người Nam Mỹ không?

Cô gật đầu, nói (tiếng Anh):

- Tôi người Ấn Độ, nhưng ở Nam Mỹ.

- Người Ấn Độ sao mũi không cao?

Cô ra dấu:

- Tôi cắt bớt nên nó thấp xuống như thế này!

Chúng tôi cùng cười vui vẻ. Thế là tôi và cô coi như quen nhau.

Thật khó để tả cô đẹp ra sao. Cô như viên kim cương màu đen, tỏa ra một thứ ánh sáng quý phái mà hấp dẫn. Da cô ngăm ngăm, mắt cô đen láy và sáng trưng nhưng lại có vẻ buồn buồn. Lông mày cô đậm, cong vòng như lá liễu. Mũi nhỏ, thanh tú, hơi hếch lên nghịch ngợm. Dáng người mảnh mai, tóc đen nhánh, óng mượt, đôi ngực nhỏ nhưng dựng đứng lên, đẹp kỳ lạ ... nhất là khi cô đi, hai cái mông tròn, cao, nhún nhẩy, nhẹ nhàng theo từng bước chân như những nốt nhạc trong một bản hòa tấu cổ điển. Nhìn cô đi, tôi chỉ ước được nằm xuống cho cô dẫm chân lên người, có lẽ sẽ sung sướng lắm!

Một lần, khi trao hàng, tôi nói với cô (bằng tiếng Anh):

- Tôi thấy cô đẹp, tôi khen cô, cô có giận tôi không?

Cô lắc đầu:

- Không, tôi cảm ơn anh.

- Nhưng tôi nói tiếng Anh không rành lắm nên tôi nói tiếng Việt với bạn tôi để khen cô, cô có nghi ngờ chúng tôi nói xấu cô không?

Cô nhìn tôi, mắt sáng lên, vẻ tinh nghịch:

- Tôi có cái máy trong đầu, tôi sẽ biết các anh nghĩ gì về tôi. Anh cứ nói thử, tôi đoán xem có đúng không?

Tôi nhìn vào mắt cô và nói:

- Mắt em đẹp tuyệt vời! What do I say?

- My eyes're wonderful. Right?

Thực ra không cần cô phải thông minh lắm mới đoán được những gì trong đầu tôi, vì đôi mắt si đại của tôi nhìn cô rất lộ liễu. Đại khái tôi khen cô bằng tiếng Việt và cô đoán để giải thích bằng tiếng Anh. Đó là một trò chơi mà cô rất thích.

5.

Một lần, tôi nhìn ngực cô định nói thì cô đã đưa ngón tay lên miệng ra dấu và nói:

- Đừng nói!

Cô chỉ vào cánh tay trần của cô:

- Anh chưa nói mà tôi đã nổi da gà ...

Lần khác, nhân lúc vắng khách, tôi xin cô đứng yên một phút để ngắm cô. Cô gật đầu, đứng nhìn sự chiêm ngưỡng của tôi với vẻ vừa điềm tĩnh vừa tò mò như nhìn một em bé đang chơi một trò ngộ nghĩnh gì đấy.

Từ nhỏ tôi chỉ tiếp xúc với bọn đầu đường xó chợ, quen ăn nói tục tĩu, về cả những chuyện mà tuổi tôi bấy giờ chưa hề biết, thế nên những gì tôi nghĩ trong đầu thường bật ra thành lời nói rất sống sượng. Mà khổ nỗi, không nói ra, nhất là những ý tưởng không được trong sạch về cô là tôi cứ rậm rục trong người.

Có lần tôi ngứa miệng quá, đành nhìn bàn tay cô và nói (tiếng Việt):

- Ngực em đẹp phải biết! Chỉ nhìn qua lần vải, anh cũng biết nó tròn, nhỏ, cứng, da mịn và thơm. Em cho anh úp mặt vào đó, năm phút thôi ... rồi em lấy súng bọ vào ngực anh một phát, anh sẽ mỉm cười, hạnh phúc đi về chín tuổi ...

Cô tò mò hỏi tôi:

- Anh nói gì về bàn tay tôi mà nhiều thế?

- Tôi biết coi chỉ tay. Nhìn tay cô tôi biết cô đang có chuyện buồn.

Cô ngạc nhiên:

- Hôm nào anh coi chỉ tay tôi và nói xem tương lai tôi sẽ ra sao?

- Để tôi nói ngay bây giờ, có đúng không nhé. Cô đang có chuyện buồn nhưng trong tương lai, cô sẽ vui vì có một người rất yêu cô.

Cô cười:

- Anh muốn tán tỉnh tôi phải không?

- Nhưng cô có thừa tôi về tội quấy nhiễu cô không?

- Anh yêu tôi không phải là cái tội.

Một lần cô mặc thời trang, chỗ rón chừa ra một khoảng bụng hấp dẫn, tôi đứng nhìn sửng, thẳng bạn bên cạnh thúc cùi chỏ, nhắc tôi lo phục vụ khách đang chờ. Trong lúc làm việc, hẳn thì thầm với tôi, làm như nói chuyện riêng:

- Mày nhìn bụng em thấy gì lạ không?

- Thấy gì? Chỉ muốn để tay lên, xoa xoa ...

- Em có chữa, ít ra cũng ba bốn tháng. Nhưng sao không thấy em đeo nhẫn cưới?

- Tao cầu cho thẳng "tác giả" cái bụng em chạy làng để tao nhào vô.

- Coi bộ em chịu máy rồi, máy dăm đầu luôn đưa nhỏ trong bụng em không?

- Tao không xứng xách dép cho em. Em đẹp như thế, tao đứng xa mà ngắm thôi. Nhưng em mà chịu tao thì chuyện em có con với ai, tao đâu cần. Cái gì của em, tao cũng quý cả thì con em, tao cũng quý, cũng thương luôn.

Lúc trao hàng, cô hỏi tôi:

- Các anh nói gì về tôi đấy?

Tôi nói tránh qua chuyện khác:

- Tôi hỏi bạn tôi, nếu tôi mời cô đi tiệm ăn, cô có nhận lời không?

- Anh mời thì tôi nhận lời, nhưng anh được nghỉ giờ nào?

Tôi nói giờ giấc tôi làm việc và cả giờ tôi đi học ESL buổi tối nữa. Cô lắc đầu:

- Lúc anh rảnh rồi thì tôi bận việc! ... Chúng ta sẽ gọi nhau để biết chắc giờ gặp lại.

Cô cho tôi tấm cạc có ghi địa chỉ và số phôn của cô:

- Khi nào cần, anh gọi tôi.

Nhờ có số điện thoại của cô, tôi được nhiều dịp mời cô đi ăn tiệm nhưng lúc chúng tôi cùng rảnh rỗi. Đôi khi cô giành phần trả tiền. Lúc đó tôi rất hãnh diện vì biết mọi người chung quanh tưởng làm cô là vợ tôi và sẽ nhìn tôi khâm phục. "Thằng cù lần có cô vợ đẹp!" vì chỉ có vợ mới phải trả tiền khi đi tiệm ăn hoặc mua sắm. Tôi vênh mặt làm oai thôi chứ không dám đụng đến người cô cũng như không bao giờ cho cô nghe những ý nghĩ sàm sỡ trong đầu tôi bao giờ. Tôi giữ rất kín. Tôi thường nghe nói tình yêu lý tưởng, cao thượng gì đó; nhưng sao, yêu cô càng nhiều tôi càng thấy mình tầm thường, chỉ muốn ôm cô hôn vì thèm muốn.

6.

Thế rồi, mấy tháng sau đó, tôi không thấy cô ta đến. Gọi điện thoại thì được trả lời rằng cô đi xa, chưa về. Tôi cứ ngóng cổ cò nhìn chường, thấy dáng ai từ xa, giống cô, là tôi hỏi hớp. Cho

đến khi tôi nghĩ rằng cô đã qua ở hẳn tiểu bang khác rồi thì tôi lại gặp cô, sau giờ làm việc, tại bãi đậu xe. Về mặt cô buồn buồn:

- Tôi đến để anh đưa đi tiệm ăn.

Tôi mừng rỡ:

- Cô biết món ăn Việt Nam không? Ngon lắm. Nhưng cô chờ cho một phút.

Tôi dọn rác rưởi trong xe rồi lấy một cái khăn lông trắng lớn trải lên ghế ngồi và mời cô lên xe.

Cô nhìn tôi:

- Anh là người bạn tốt của tôi.

Đến tiệm tôi gọi chả giò, hến xào ... Cô ăn uống có vẻ ngon lành. Lúc nãy, cô trầm tư bao nhiêu thì giờ đây, cô càng sinh động, vui vẻ bấy nhiêu. Các món ăn đều cay nên cô vừa xuýt xoa vừa cười:

- Ngon quá! Anh gọi những món ăn tôi rất thích. Nhất là có anh ...

Tôi hỏi cô:

- Tôi nghĩ rằng cô đang có chuyện buồn? Cô có thể kể cho tôi nghe? Không chắc tôi sẽ giúp được gì, nhưng khi nói ra, cô cũng sẽ bớt buồn hơn là giữ mãi trong đầu.

Cô yên lặng một lúc rồi hỏi:

- Anh thấy tôi có gì khác trước đây không?

- Tôi nói nhưng cô đừng giận tôi. Hình như cô sắp có em bé. Cô đang mang bầu?

- Anh nói đúng, tôi buồn vì nó. Nó không có cha.

Tôi nhanh nhẩu:

- Tôi xin làm cha đứa bé được không?

- Chưa được đâu. Tôi đang kiện cha nó để đòi tiền cấp dưỡng.

- Vụ kiện đến đâu rồi?

- Đang làm thủ tục. Nhưng anh cảm thấy thế nào khi đi cạnh người đàn bà có bầu như tôi? Anh nghĩ gì về đứa bé này?

- Tôi yêu cô, tôi sẽ yêu đứa bé. Nó đâu có lỗi gì để không có được một người cha thương yêu nó.

- Anh khác xa thằng chồng lưu manh của tôi. Hấn chờ tôi có bầu mới bỏ tôi đi theo con khác.

Khi tôi sanh nó ra, tôi cho anh, anh dám nuôi nó không?

- Nhưng phải nuôi luôn hai mẹ con tôi mới chịu.

Cô mở to mắt, làm như ngạc nhiên:

- Anh định cho mẹ con tôi ăn Mc Donald suốt đời sao?

- Tôi không nghĩ thế, chẳng phải vì tôi giàu, mà vì trông sắc diện cô, cô đẹp sang trọng như công chúa, tôi tin, cô không khổ bao giờ.

Cô cười:

- Lần này anh đoán sai rồi. Tôi khổ từ lúc mới sinh ra vì không có cha. Ngày nào cũng đói vì mẹ tôi có đồng nào uống rượu hết cả. Mấy anh chị em tôi đều cùng mẹ nhưng khác cha. Cha da đen, cha da trắng, cha da vàng ... Cũng chẳng biết chính xác ai là cha mỗi đứa tụi tôi nữa. Bây giờ đến lượt đứa bé trong bụng tôi, nó cũng sẽ không có cha.

- Tôi hứa là sẽ thương yêu nó như thương yêu cô vậy.

- Anh chỉ được thương yêu một người thôi, hoặc tôi hoặc đứa bé. Anh thương đứa bé nhé! Tôi sẽ giao nó cho anh và bỏ đi. Anh tính sao?

- Bỏ con tôi sẽ đi theo cô!

Cô nghe thế, ngồi cười mãi:

- Cám ơn anh. Tôi biết anh chân thật, nhưng tôi chỉ xem anh là người bạn thân mà thôi. Tình yêu ... không đến với tôi bằng một nguyên nhân nào cả.

Rồi cô thở dài:

- Nó đến và cứ ở mãi trong tôi ...

7.

Lần gặp gỡ đó của chúng tôi vào mùa Đông. Buổi chiều, trời lạnh nhưng tuyết đã ngưng rơi. Khi chia tay, cô có vẻ suy nghĩ rồi bảo tôi:

- Ít hôm nữa tôi sẽ rời nơi đây, đi tiểu bang khác. Tôi gặp anh lần này để nói bye với anh. Tôi sẽ nhớ mãi rằng tôi đang có một người bạn rất tốt là anh.

- Tại sao cô đi sang tiểu bang khác. Có phải vì tôi làm phiền cô không?

- Không phải thế. Tôi có nhiều bạn ở Florida, chúng gọi, rủ tôi về ở chung, sẽ giúp tôi trong lúc tôi sinh con, sẽ thay phiên nhau săn sóc đứa bé trong những giờ tôi bận đi kiếm sống. Tôi làm nghề móng tay, việc làm chờ sẵn cho tôi ở dưới đó rồi.

Tôi ngập ngừng:

- Đây là lần cuối tôi được gặp cô. Xin cô cho tôi đưa cô đến một nơi vắng người như công viên chẳng hạn. Tôi cứ ước ao một lần nào đó đi bên cạnh cô trên một quãng đường vắng ...

- Được chứ! Tôi sẽ theo anh đến nơi nào anh thích ...

Chúng tôi lên xe và tôi đưa cô đến một công viên có hồ nước, rộng đến độ chỉ thấy được hàng cây mờ mờ với tuyết trắng xóa ở bờ bên kia.

Ở đây, mùa Đông, vắng hoe, mấy con ngỗng trời, vịt trời cũng đã về miền Nam tránh rét, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng mấy con quạ kêu, vang lên đâu đó trong rừng.

Tuyết khắp nơi, trên mặt đất, trên ghế đá, trên những cành cây trụi lá, như nơi nào cũng phủ bông gòn trắng tinh. Bầu trời giống một cái lồng vĩ đại chứa đầy sương mù, chụp lên công viên và hồ nước. Chúng tôi dẫm trên tuyết nghe lạo xạo và để lại những dấu giày sâu ngập đến mắt cá. Khi đến bờ hồ, cô dừng lại tựa vào người tôi nhìn ra mặt nước mênh mông. Chúng tôi cứ đứng yên lặng như thế thật lâu, cho đến gần tối, cô rùng mình vì gió lạnh, chúng tôi chuẩn bị ra về. Tôi nói với cô:

- Cô có cho phép tôi được ôm cô một lần không?

Tôi úp mặt vào mái tóc cô và nói:

- Cô xoay người lại, ngược lên, mỉm cười rồi đưa hai tay ra chờ đợi. Chúng tôi đều mặc áo ấm dày cộm nên tôi ôm cô giống như ôm một đồng áo quần. Cô kéo cái mũ trùm đầu xuống và tựa hẳn đầu vào ngực tôi.

Trong đời tôi, cô là người đàn bà duy nhất có cảm tình với tôi, tin cậy tôi. Và cũng là người đàn bà duy nhất mà tôi yêu thương. Cô đi, tôi buồn lắm!

Và tôi lặng lẽ khóc ... Một lát, cô lấy khăn lau nước mắt cho tôi ...

8.

Mùa Đông ở xứ Mỹ kéo dài đến tháng hai, là mùa Xuân của người Á Đông, thế nên chủ nhà tôi ở trọ kéo cả gia đình sang Cali để ăn Tết với cha mẹ, anh em của họ bên đó. Tôi đành sống một mình với mấy gói mì ăn liền. Mùa Xuân hay Tết nhất của người Việt ở Mỹ, thật ra chỉ là trong tâm tưởng. Họ có quê hương, làng xóm, có người thân, bạn bè để nhớ, để thương. Họ có nhiều kỷ niệm thời thơ ấu, tuổi xuân xanh để luyến tiếc. Tôi chẳng có gì. Cha mẹ tôi chẳng phải là hình ảnh thân yêu gì cho lắm. Tôi cũng chẳng có bông hồng, bông trắng nào để cài áo cả. Tuổi thơ của tôi chỉ quanh quẩn bên mấy đồng rác hôi thối, mấy đường phố với những con người thấy hoài, gặp hoài mà lúc nào cũng xa lạ, chỉ biết hiếp đáp tôi để giành rác, đánh đuổi tôi vì sợ bị ăn cắp, vì dơ bẩn.

Những ngày Tết tôi chỉ được phép nhìn những đứa trẻ khác ăn mặc đẹp, chỉ được ngửi mùi thức ăn thơm đến ứa nước miếng từ các tiệm ăn bay ra đường.

Bà tôi, bố tôi, các chú, các cô tôi có thể rất thương chúng tôi, nhưng cuộc sống quá khó khăn, chẳng ai hơi đâu mà nói lời thương yêu, cũng chẳng dư giả để quà cáp, kẹo bánh cho tụi tôi ...

Nằm suy nghĩ miên man, tôi nhòm dãy gọi điện thoại đến cô ta. Không có ai trả lời, tôi để lại trong máy nhắn: "Cô cần một người bạn thân, một người có thể trông nom đứa bé khi cô đi làm

thì tôi có thể làm việc đó. Chúng ta thay phiên nhau, người này đi làm thì người kia ở nhà. Xin cô ở lại. Nếu cô không đi nữa, xin gọi ngay cho tôi". Tôi gác máy và canh chừng. Nếu tối nay cô không gọi lại tức là cô đã lên đường từ lúc sáng rồi. Đến khuya, mắt tôi riu lại và tôi ngủ quên luôn.

9.

Sáng Chủ Nhật, đúng ngày Mồng Một Tết, tôi không phải đi làm. Đang nằm lơ mơ tôi bỗng nghe tiếng chuông cửa. Tôi uể oải ra mở cửa thì thấy cô đứng đấy. Cái bụng bầu của cô phồng lên, trông vừa hấp dẫn vừa buồn cười, giống như cô đang giấu nửa trái dưa hấu trong áo. Tôi mừng quá kêu lên:

- Thank you, for your coming to say bye to me!

Cô nhìn tôi, cười cười và nói bằng tiếng Việt khiến tôi kinh ngạc:

- Thôi, đừng có tiếng tây, tiếng u với em nữa. Ra xe xách giùm mấy gói đồ ăn vào. Em ở đây ăn Tết với anh.

- Nhưng sao bữa đó em nói tiếng Spanish như gió, làm tụi anh bị lầm?

- Em làm chung với mấy đứa xì cũng đông nên phải biết để có nhiều khách ...

Rồi cô nghiêm trang bảo:

- Tuần sau, em thuê một căn phòng rộng hơn. Anh dọn đến ở với ẹm

(Thế kỷ 21, Xuân Quý Mùi 2003)

Vợ chồng điệp viên

Học xong trung học, tôi thi vào Đại Học Sư Phạm ban Anh Văn.

Trong thời gian là sinh viên tôi còn làm việc cho số 3 Bạch Đằng. Đó là cách nói gọn của phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo Việt Nam Cộng Hòa.

Tôi làm tình báo vì có máu phiêu lưu, thích chuyện mạo hiểm, sau này lại thêm mối thù việt cộng giết cha tôi. Ông già tôi là chủ một nhà máy xay lúa nhỏ ở vùng quê tỉnh Bạc Liêu. Vì là vùng mất an ninh nên phải đóng thuế cho việt cộng, ấy vậy mà cũng bị chúng nửa khuya đến gõ cửa đem ra đồng bắn bỏ. Cả mấy năm sau, tôi cố tâm điều tra mới biết rõ thủ phạm là một tên nằm vùng trong xóm, chỉ vì một xích mích nhỏ, hấn dẫn đồng bọn về giết người. Dĩ nhiên tôi trả thù.

Sau khi tốt nghiệp sư phạm, trong lúc chờ sự vụ lệnh, tôi lên về nhà trốn trong phòng không cho hàng xóm biết, đến khuya tôi đến nhà hấn, năm sau hè chờ. Ở thôn quê không có phòng vệ sinh trong nhà, khi cần thì ra sau vườn. Qua đêm thứ hai hấn mở cửa ra đi tiểu, tôi chĩa súng vào lưng hấn.

- Đồng chí ra ngoài kia trả lời trước tổ chức về vài việc cần gấp.

Hấn sinh nghi định phản ứng, tôi giáng cho một búa súng vào đầu, hấn bất tỉnh, tôi cột chân tay hấn, cõng trên lưng, ịch băng đồng ra chỗ bọn chúng giết cha tôi.

Tôi khai thác tận tình cho đến khi hấn thú nhận tội giết cha tôi, lúc đó tôi mới cho hấn biết sự thật. Hấn van lạy, nhưng vô ích, hình ảnh cha tôi chết oan ức, mắt vẫn mở trừng trừng khiến tôi sôi gan.

Sau đó gia đình tôi bán nhà máy xay lúa, bán nhà lên Sài Gòn ở. Tốt nghiệp xong tôi được điều đi các tỉnh dạy học. Sau mỗi công tác tỉnh báo dù thành công hay thất bại tôi lại chuyển qua tỉnh khác.

Câu chuyện bắt đầu khi tôi được giao cho việc theo dõi một cô thợ may ở ngoại ô một thành phố ven biển miền trung.

Nguyên nhân là thỉnh thoảng lại có truyền đơn rải vào buổi sáng trên con đường vào thị xã. Đây là con đường mà đa số nông dân thường đem nông sản vào chợ bán. Họ chờ bằng xe đạp, xe lăm hay xe bò.

Sáng sớm nào cũng có cảnh sát rình ở đó nhưng chẳng thấy ai đáng tình nghi cả. Sau phải cho người nằm sát lề đường mới khám phá ra một cô gái đi xe đạp chở rau muống phía sau, dưói chân chỗ bàn đạp để mớ truyền đơn, cứ dờ nhẹ chân là truyền đơn rơi xuống đường khó mà thấy được nhất là ở quãng đường tối.

Qua điều tra đây là cô thợ may nhà ở vùng ngoại ô, sát địa giới thành phố. Sau nhà là một vạt ruộng nhỏ trồng rau muống, mỗi sáng cô chở rau vào chợ bán sỉ cho bạn hàng rồi về ngay. Cô sống với một mẹ già hơn sáu mươi tuổi.

Gọi là tiệm chứ thực sự là một bàn máy may phía trước, cách một tấm vách cót là giường ngủ của hai mẹ con vừa làm chỗ thử áo quần. Gia đình này mới từ một quận miền núi về hơn một năm nay. Theo báo cáo, trước đó cô là nữ sinh trung học, sau theo nghề may. Tiệm của cô khá đông khách vì cô hiền lành, vui vẻ lại lấy công rất rẻ, có lẽ đây là trạm giao liên hơn là cơ sở kinh tài của địch.

Nhiệm vụ của tôi là tìm cách tiếp cận cô để theo dõi. Tôi sẽ đóng vai một kẻ si tình cô, gặp gỡ cô mà bọn chúng không thể nghi ngờ, hoặc tốt hơn nữa sẽ được móc nối làm việc cho chúng.

Một buổi sáng chủ nhật tôi chạy xe gắn máy gần đến nhà cô thì xe chết máy phải dừng lại sửa. Tôi vào tiệm xin cô miếng giẻ rồi loay hoay mở máy ra chùi, thay bu gi, tháo bình xăng con... toát mồ hôi mà xe vẫn không nổ. Tôi xin cô miếng nước uống và ngồi trước hiên nhà cô hỏi vài câu vợ vẫn rồi dẫn xe về.

Qua hôm sau tôi đem một xấp vải đến nhờ cô may cho một áo sơ mi. Lần này tôi được cô mời vào nhà vì tôi là khách. Thế rồi, thỉnh thoảng tôi lại nhờ cô may một thứ gì đó và tôi ngập ngừng nói là tôi làm thế để được dịp gặp cô, không gặp tôi nhớ. Cô có vẻ bất ngờ, nhưng yên lặng. Những lần sau cô lại càng giữ ý, nhưng tôi bắt gặp trên đôi mắt cô mỗi khi thấy tôi, long lanh niềm vui.

Trong lúc trò chuyện tôi cho cô biết về gia đình tôi rằng ông già tôi tham gia mặt trận bị quân đội Quốc Gia hành quân bắn chết. Thỉnh thoảng tôi đi chùa nghe thuyết pháp hoặc tham gia mít ting, tôi phát ngôn bừa bãi ra người bất mãn chế độ.

Sau một thời gian lạnh lùng, giữ kẽ, cô có vẻ thân thiện, vui vẻ hơn. Kẻ thù trong bóng tối đang kéo dần con mồi về phía chúng, tôi biết mình đã được để ý, nhưng chỉ đến đấy thì hầu như bế tắc, tôi không biết được những gì chúng tôi cần.

Một sáng chủ nhật, như thường lệ tôi đến thăm cô, nhưng đến nơi chỉ thấy một đồng tro tàn đang bốc khói. Thì ra, không hiểu vì sao lúc khuya lửa bắt cháy, hai mẹ con chỉ kịp chạy thoát thân. Tôi khuyên nhủ nhưng cô vẫn lắc đầu lo lắng.

- Tiền mua bàn máy may, mua miếng đất em trả chưa hết nợ, còn quần áo của khách nữa, họ nói bao nhiêu phải cố mà trả. Nhưng em còn đồng nào đâu!

Tôi hứa với cô là sẽ hết lòng tìm cách giúp đỡ. Thế rồi tôi về bán chiếc xe gắn máy. Nhờ bà con chung quanh phụ giúp nhặt nhạnh những miếng tôle còn xài được, mua ít vật liệu, dựng lại căn nhà mới cũng khang trang, ngoài ra còn mua được một bàn máy may mới nữa.

Chỉ trong một tuần tôi lo toan cho cô chu toàn. Từ đấy thái độ của cô đối với tôi thay đổi hẳn. Chúng tôi thường đưa nhau đi xem hát, ăn quà rong, đôi khi cô đến nhà trọ thăm tôi nữa. Mỗi khi đi với nhau cô thường chải chuốt, thoa chút phấn hồng trên má, trông cô đẹp hẳn ra, như lột xác từ một cô thợ may lọ lem thành một nàng tiên, nhưng đối với tôi, đi bên cô, nhất là những chỗ vắng, tôi có cảm giác rờn rợn, tưởng như mình đang đứng trước đỉnh đầu ruồi của một họng súng nào đó trong bóng tối. Vì nghề nghiệp, lúc nào tôi cũng cảnh giác, ngụy trang, dò dẫm tìm một chỗ an toàn phía sau lưng.

Một lần cô ghé nhà trọ thăm tôi, có một bà hàng xóm biết cô là thợ may đến năn nỉ cho con gái học nghề may. Cô là học sinh thi hồng tú tài, muốn theo nghề may để phụ giúp gia đình. Nghe tôi nói thêm vào cô ta có vẻ bằng lòng nhưng hên ít hôm nữa mới trả lời, có lẽ chờ quyết định của tên đầu sỏ, chỉ huy cô.

Tuần sau cô đồng ý nhận học trò. Được độ ba tháng nhờ sáng ý, cô bé học nghề khá tiến bộ. Tiệm may cũng đông khách hơn trước.

Một hôm tôi gọi riêng cô bé hàng xóm qua nói chuyện.

- Em học nghề may với chị Lan đến đâu rồi?

- Em cắt chưa vững nhưng may thì khá lắm, khách nào cũng khen đường chỉ em thẳng, mịn và đẹp.

- Có lẽ cần một máy may nữa mới phụ chị Lan kịp giao hàng cho khách.

- Em cũng nghĩ vậy nhưng không có tiền.

Tôi tâm sự với cô học trò.

- Như em biết, thầy và chị Lan yêu nhau, dự định sẽ làm đám cưới, nhưng thầy còn ngại hình như chị Lan đang yêu ai nên thầy nhờ em giúp thầy tìm hiểu chị Lan xem có ai đến thân mật chuyện trò với chị ấy không? Em sẽ chẳng làm gì cho chị ấy nghi ngờ. Thầy có cái máy này, sẽ giấu dưới xách tay của em, khi đến nơi, em chỉ cần móc xách tay sau lưng chỗ ngồi của em sát vách với phòng thử áo quần. Chỉ thế thôi, đừng cho bất cứ ai biết chuyện này. Nếu chị Lan hay ai bắt gặp cứ bảo rằng đó là máy thu thanh, thầy sẽ chỉ em cách mở nghe đài phát thanh. Em cũng đừng cho chị ấy biết là thầy cho em mượn tiền mua máy may, sợ chị nghi ngờ, ghen tuông phiền phức.

Thế là chúng tôi nghe rõ những trao đổi, bàn bạc với nhau của bọn chúng trong phòng thử quần áo. Một bộ phận khác rình thu hình những khách hàng khả nghi và tiến hành điều tra. Chúng tôi gần như nắm vững tất cả những tên nằm vùng, cơ sở kinh tài, nơi chứa chấp những tên xâm nhập nữa, nhưng tên đầu sỏ vẫn chưa tìm ra!

Trong nghề này, một chút sơ ý là chết. Như cô thợ may, bị chúng tôi theo dõi mà không hay biết. Cô với tôi như hai tay nhu đạo đang lừa nhau để vật đối thủ xuống, cô đã bị thất thế hoàn toàn, nhưng tôi chưa ra tay và chờ cô ra đòn. Có thể cô làm bộ chuyện trò, hỏi han để tìm hiểu tôi hoặc rủ tôi một chiều nào đó ra vùng quê hóng gió tâm sự... Nhưng tuyệt nhiên chuyện đó không xảy ra. Cô lúc nào cũng ít nói, dịu dàng, nhưng như thế lại càng làm tôi e ngại và thấy cô rất bản lĩnh, rất nguy hiểm.

Đi bên cô tôi cố làm vẻ sung sướng, hạnh phúc nhưng thật sự tôi có cảm tưởng cô như con rắn độc, chỉ một tích tắc cô hành động là đời tôi tàn ngay. Mạng tôi đổi mạng cô thì không xứng. Thế nên tôi chẳng hứng thú gì trong vai trò này cả. Tôi được lệnh phải tiến xa hơn tức là phải chung đưng xác thịt để giữ chặt con mồi, nhưng tôi không làm được. Dù cô có yêu tôi thực hay giả vờ tôi cũng quyết không đưng chạm đến nơi thiêng liêng đó của người con gái. Đó là yếu điểm của một tên tình báo non tay nghề như tôi.

Mùa hè năm đó, đối phương lên phương án tấn công tỉnh. Mẻ lưới được tung ra. Chúng tôi dự định hành quân vào lúc khuya.

Buổi chiều cô bé học may về báo cho tôi biết là lúc trưa có một ông sư khát thực đến trước nhà, cô Lan ra cúng dường, ông sư làm thắm tụng kinh chúc phúc như mọi khi, nhưng lúc quay vào, thấy mặt cô tái mét, người cứ run lên bần bật...Chúng tôi đề nghị cảnh sát hành quân sớm hơn dự định. Thế là cả bọn bị tóm, kể cả chính tôi cũng bị cảnh sát đến gõ cửa, còng tay, đẩy lên xe cày.

Thường thì sau khi vờ kịch đã hạ màn như thế, tôi thành thói nghỉ ngơi rồi nhận công tác mới. Nhưng không hiểu sao hình ảnh cô ta vẫn nguyên vẹn trong đầu tôi. Khi cô bị bắt, bị giam giữ, lòng trắc ẩn của tôi lại nổi lên. Đàn bà, con gái, trẻ con không có chỗ trong chiến tranh, họ phải được ở hậu phương, phải được thường xuyên che chở, bảo vệ. Một cô gái vô ý vấp ngã thấy đã động lòng rồi, huống gì cô thợ may hiền lành, dịu dàng kia đang bị nhốt trong nhà giam sau những song sắt như một con thú đã bị săn bắt, chờ ngày bị đem xẻ thịt.

Tôi đã nhiều lần bí mật nhìn cô ủ rũ ngồi ở một góc phòng giam, héo úa như không có linh hồn, không còn cảm giác, suy nghĩ gì. Tương lai là chết rũ trong tù, tình yêu, hy vọng của tuổi thanh xuân coi như đã chấm hết.

Đối với cô, tôi thấy thật bất nhẫn, lừa gạt một cô gái dù cô ta được điều khiển từ trong bóng tối. Và khi cảm tưởng cô không còn là kẻ thù của tôi nữa, sự cảnh giác đã được gạt bỏ, như bụi bặm trên một bức tranh đã được chùi sạch, để lộ ra hình ảnh trong sáng, dịu dàng của cô trong tâm trí tôi. Thế nên tôi đề nghị thả cô ra để cho những con mồi khác đến móc nối lại với cô.

Từ phòng giam, tôi lại được gọi lên để đối chất về sự liên hệ giữa tôi và cô. Chúng tôi xác nhận có yêu nhau nhưng chẳng biết gì về việt cộng cả và anh cảnh sát thẩm vấn (vờ) tin ngay là thật, anh hứa sẽ thả chúng tôi ra và anh bỏ đi làm giấy tờ. Tôi đến ngồi gần cô cầm lấy tay cô, cô ngược nhìn tôi và lắc đầu, có lẽ cô cho rằng lời anh thẩm vấn viên chỉ là cái bẫy, nhưng tôi cố tình cho cô hiểu tôi là người có thẩm quyền, tôi cứu cô ra vì tôi yêu cô.

- Như em đã nghe lúc nãy, anh xin bảo lãnh em và chịu trách nhiệm liên đới về những hành động của em sau này. Nếu em thương yêu anh thực lòng thì em hãy lánh xa những gì có thể gây nguy hiểm cho em. Em còn mẹ già phải nuôi dưỡng, rồi em sẽ lập gia đình, có con cái, sống hạnh phúc như bao người bình thường khác.

Đừng dại dột nữa, không phải anh sợ bị vạ lây nhưng nếu em gặp chuyện không may anh sẽ đau khổ lắm. Anh sẽ thu xếp cho em và mẹ em vào Sài Gòn sống lẫn trong đồng bào thì sẽ không có ai quấy rầy em nữa. Chúng mình sẽ làm đám hỏi và khi nào anh vận động xin về dạy gần Sài Gòn sẽ làm đám cưới.

Cô cúi đầu yên lặng nghe, rồi cô nắm tay tôi đặt lên đùi cô, siết nhẹ. Một giọt nước mắt rơi trên tay tôi. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Cô đã hiểu ý tôi. Cô viết cho mẹ cô một lá thư, dặn bán nhà để chuẩn bị về quê, chỉ giữ lại bàn máy may.

Sau đó chúng tôi lặng lẽ về Sài Gòn.

Nhờ bạn bè giúp đỡ, tôi tìm mua được một căn nhà nhỏ ở chợ Cây Quáo, góc đường Hoàng Hoa Thám, Ngô Tùng Châu Gia Định. Dĩ nhiên việc theo dõi cô không phải đã chấm dứt.

Công tác của chúng tôi thường được tình báo Mỹ yểm trợ. Người Mỹ rất hào phóng nhưng cũng rất nguyên tắc, họ đã vui vẻ trả lại tiền cho tôi mua lại chiếc xe gắn máy, trả cả những chi phí lật vật như đưa cô đi xem hát, ăn quà rong. Nhưng sau cuộc hành quân, hồ sơ coi như đã đóng.

Lần này tôi lại bán xe, vay mượn thêm để lo cho cô mà không biết khi nào mới có tiền mua lại xe khác.

Suốt mấy tháng hè, tôi về Sài Gòn với gia đình. Buổi chiều tôi thường ghé thăm cô, có khi tôi ăn cơm tối với gia đình cô. Sau bữa ăn, bà mẹ dọn dẹp chén đĩa, còn cô thì xin phép đi tắm. Chợ Cây Quáo nằm trong một đường hẻm, sau khi tan chợ chiều, trở thành vắng lặng như ở một vùng quê.

Sau nhà cô có một sân vuông nhỏ, rào kín chung quanh, tôi thích ra đây ngồi xuống một ghế gỗ dài để chờ cô. Cô có thói quen là sau khi tắm cô không mặc nịt ngực, nên qua lần vải mỏng, đôi ngực cô thẳng đứng lên, lồ lộ như hai mọt măng tre vừa chồi lên khỏi mặt đất.

Cô ngồi cạnh tôi, nghiêng đầu dùng khăn vò mái tóc cho khô, chải nhẹ cho tóc thẳng, xong cô ngửa người vuốt mái tóc về sau lưng, rồi cô nhìn tôi mỉm cười. Tôi yên lặng ngắm cô, tưởng như thấy rõ làn da mịn màng, thơm tho của thân thể cô... Sau đó chúng tôi có một thứ quà rong như chè hay trái cây để vừa ăn vừa chuyện trò đến khuya mới chia tay.

Sau kỳ nghỉ hè tôi được chuyển ra Huế dạy học, tôi viết cho cô một lá thư dài và hẹn Tết sẽ về xin làm đám hỏi. Tính cô ít nói, ngay cả thư trả lời chỉ vồn vện mấy câu "Được thư anh, em khóc mấy hôm nay vì vui mừng. Cám ơn anh đã hiểu em và lời hứa của anh lần này em tin là thật, bằng trái tim và cả cuộc đời em"

Khoảng cuối năm đó tôi xin phép về Sài Gòn, khi đến nhà cô tôi ngạc nhiên thấy nhà đã sửa sang lại tươm tất. Cô dẫn tôi ra phía sau khoe một căn phòng vừa mới được xây thêm.

- Mẹ ngủ phòng ngoài kia, em ngủ trong này.

- Còn anh thì nằm dưới đất?!

Cô đỏ mặt nhưng sung sướng.

- Anh với em phòng này chứ.

Lẽ hỏi chúng tôi diễn ra đơn giản, kín đáo. Gia đình tôi cứ tưởng tôi sẽ lập gia đình với một cô nữ sinh nào đó, không ngờ là một cô thợ may. Chẳng phải họ kỳ thị hay giai cấp gì mà theo lệ thường, thầy giáo rất dễ chọn vợ đẹp trong trường mình dạy. Nhưng khi gặp lần đầu, mọi người đều thích cô ngay. Cô vừa hiền vừa đẹp một cách thùy mị.

Mẹ tôi cứ mẹ mẹ con con với cô ngọt xót, các cô em gái tôi thì tíu tít hỏi han, trò chuyện rất thân mật khiến cô bối rối, vụng về vì cảm động.

Từ đó gần như ngày nào tôi cũng đến nhà cô, đôi khi ngủ lại nữa, nhưng chúng tôi đã hứa với nhau phải giữ gìn, để dành cho ngày hôn lễ. Cô có những suy nghĩ lẩn cảm rất đàn bà. Cô

thêu những áo gối có hình quả tim, tên tôi và tên cô lồng vào nhau, hình đôi chim đang bay, rồi cô phân vân về tên của những đứa con trong tương lai. Tôi chế giễu thì cô giận, nhưng thâm tâm cô rất vui sướng với giấc mơ đơn giản đó.

Tôi bàn với cô vài tháng nữa sẽ làm đám cưới, nhưng rồi đầu năm bảy lăm miền Nam bắt đầu sụp đổ từng mảng, tất cả tan rã như bột nước.

Người ta ùn ùn chạy về phía Nam, tôi phải nấn ná lo tiêu hủy hồ sơ, phân tán mạng lưới nên vào đến Đà Nẵng lại đành quay về Huế vì miền Trung đã rơi vào tay đối phương rồi. Kẻ thù hình như chưa biết gì về tôi cả ngoài cái vỏ bọc thầy giáo trung học. Chúng bắt đầu gọi các cô thầy đến khai lý lịch và như đang sắp xếp mở cửa các trường học.

Thế rồi khoảng cuối tháng năm, năm bảy lăm, nửa khuya, chúng đến vây nhà trọ, gõ cửa, cùng tay tôi dẫn ra xe. Thoạt nhìn, ngoài chiếc xe cảnh sát chở đầy bộ đội tôi còn thấy một xe mang số ẩn tể Sài Gòn, tôi biết ngay bọn chúng đã tìm ra chính xác tông tích tôi. Nhưng tại sao trung ương lại không hủy hồ sơ?

Ngồi kèm tôi là hai tên bộ đội còn trẻ mang súng AK. Phía trước, bên cạnh tài xế là một người đàn bà. Xe chạy ra khỏi cửa Thượng Tứ, qua cầu Trường Tiền đến đường Duy Tân, chiếc xe chạy trước quẹo vào ty cảnh sát (cũ), còn xe chở tôi chạy thẳng, hướng về quốc lộ. Tôi đoán chúng đưa tôi về Sài Gòn khai thác. Tôi dự định thoát thân, nhưng đến gần phía Nam tôi mới hành động. Nghĩ thế nên tôi buông thả, thiu thiu ngủ dưỡng sức.

Đọc đường xe phải ngừng ở các nút chặn, tên tài xế cũng là bộ đội trình giấy và nói gì đấy, ánh đèn loang loáng vào xe, rồi xe lại tiếp tục. Đến Quảng Ngãi trời đã rạng sáng, tôi lơ mơ mở mắt nhìn quanh. Bỗng tôi lạnh người khi nhận ra người đàn bà ngồi phía trước là cô thợ may, vợ sắp cưới của tôi.

Hóa ra chúng tôi đã lầm trong điệp vụ vừa kể, tên đầu số là cô ta chứ không phải gã thầy tu khát thực. Tôi cay đắng cười thầm mình thua trí một người đàn bà, cô đã nguy trang một cách tài tình, không chỉ đánh lừa chúng tôi mà còn đánh lừa cả đến lũ chân tay của cô.

Nhớ lại những ngày chúng tôi bên nhau, tôi sượng sùng, xấu hổ với cô. Cô đã đóng một vai kịch rất xuất sắc, rất bản lĩnh, tôi vẫn chỉ là một con mồi ngây thơ. Ấy vậy mà tôi cứ tưởng tình yêu chân thành của tôi đã cảm hóa được cô. Giờ đây cô ngồi đó, lạnh như tiền. Cô đang nghĩ gì về tôi, một tên điệp viên hạng bét, ngây ngô, lãng mạng tiểu tư sản?

Xe đến Bình Định, ghé vào một quán cơm bên đường, tôi được tên bộ đội mở còng nhưng dặn "Cần gì nói tôi, giữ khoảng cách năm bước, đến gần hay xa hơn, sẽ bị bắn bỏ"

Tôi được dẫn vào ngồi một bàn ở một góc quán, mấy tên bộ đội ngồi hai bên, còn cô ta thì ngồi riêng. Sau bữa ăn, lúc trả tiền cô lôi ra một xấp bạc mới tinh, rút vài tờ vất đấy, đứng dậy, không lấy tiền thối.

Tôi cố tỏ ra sợ sệt và ngoan ngoãn để chúng tin, hi vọng đến chiều tối nếu cũng ăn uống như thế này tôi sẽ bỏ chạy rất dễ dàng và bóng đêm sẽ che chở cho tôi. Nhưng tôi đã lầm, xe chạy suốt đến sáng, đến ngã ba Hàng Xanh theo đường Bạch Đằng, rồi Chi Lăng, Ngô Tùng Châu và vào hẻm chợ Cây Quáo.

Cô vào nhà một lúc lâu mới đi ra với bà mẹ. Hai mẹ con ngồi phía trước, xe lại tiếp tục trở ra xa lộ đến Biên Hòa quẹo hướng Vũng Tàu. Tôi đoán chúng sẽ truy tôi về công tác ở Vũng Tàu,

Long Hải trước đây hoặc giao cho lũ nằm vùng, nội tuyến đã bị tôi đưa đi tù, và chúng sẽ mặc sức trả thù.

Đến Vũng Tàu, ghé mua mấy ổ bánh mì thịt, xe vào một khách sạn hạng trung bình. Sau khi ăn uống, làm vệ sinh, tôi lại bị còng tay cho vào phòng riêng, phía ngoài là hai tên bộ đội canh cửa.

Tôi nghe cô ta dặn hai tên gác là phải cảnh giác cao độ với tên địch nguy hiểm đó (là tôi), và cô đến ủy ban quân quản có chuyện cần, sẽ về ngay. Tôi mệt mỗi lần ra ngủ một giấc lấy sức, dự định tối nay leo cửa sổ trốn đi. Cái còng không thành vấn đề, một cọng thép nhỏ là xong, và cọng thép đó đang nằm trong sợi dây đồng hồ mà tôi đã có được lúc tôi đòi đi tiểu ở hàng cơm ở Bình Định.

Nhưng đến gần tối, sau khi được ăn một ổ bánh mì nữa, chúng lại còng cả chân tôi vào giường và hai tên bộ đội ngồi ngay trong phòng tôi, thay phiên nhau lơ lơ mắt cú vọ canh chừng tôi. Thế là hết đường trốn thoát!

Nhớ lại thời gian hứa hôn chúng tôi sống bên nhau, cô đã dần dần hiểu tôi, trong sự săn sóc cô đón ý tôi rất tài. Lúc đó tôi sung sướng nghĩ rằng mình có được cô vợ toàn tâm toàn ý, bây giờ chính cái toàn tâm toàn ý kia lại hại tôi. Cô đã thấy được không sai chạy những gì tôi nghĩ trong đầu, dù chỉ vừa thoáng qua là cô đề phòng ngay.

Tối đó độ hơn mười giờ, tôi được dẫn ra xe, vẫn đủ sáu người như trước. Xe chạy loanh quanh trong thành phố một lúc rồi hướng ra Bãi Sau.

Trời đêm đầy mây, lạnh kinh khủng, miền Nam chưa bao giờ lạnh như năm đó, đường vắng tanh, lờ mờ ánh đèn, tiếng sóng vỗ ri rào, buồn bã. Xe chạy đến cuối bãi thì dừng lại. Cô ra lệnh bịt mắt tôi lại.

- Đồng chí đưa tôi khẩu AK. Cứ ở đây chờ, khi nào nghe tiếng súng nổ tôi sẽ ra.

Và cô nói với bà mẹ, giọng lạnh lẽo, hàm răng rít lại.

- Mẹ phải theo con, xem con trả thù kẻ đã giết gia đình mình và bao nhiêu đồng chí khác nữa.

Đúng là oan oan tương báo. Tôi đã xử tội tên nằm vùng giết cha tôi ra sao, bây giờ tôi sẽ gặp y như vậy. Nhưng tôi không nhớ rõ mình đã làm gì để cô thù hận tôi đến độ giờ đây đem ra xử bắn tôi, không lẽ cô là con của tên nằm vùng kia?! Cô lên đạn, chĩa súng vào lưng tôi, đẩy tôi đi trước. Cô đã phạm một sai lầm chết người. Cô dí súng vào lưng tôi là giúp tôi nắm được quãng cách giữa cô và tôi. Tầm vóc cô thì tôi còn lạ gì. Chỉ cần tôi quay nhanh lại là mũi súng sẽ chệch ra ngoài và với một đòn chân, tôi có thể đá gãy cổ cô hay ít ra cũng hạ gục cô trong tích tắc. Trong bóng tối thì bị bịt mắt hay không cũng mù như nhau. Tôi lần tìm cọng thép trong dây đồng hồ và bắt đầu mở khóa còng tay.

Được một quãng, khi đoán đã xa tầm nghe ngóng của mấy tên bộ đội, tôi vừa định ra đòn thì cô mở băng bịt mắt tôi.

- Anh công mẹ được không? Nhanh lên! Nếu có chuyện gì, anh và mẹ cứ chạy thoát đừng lo cho em. Có thuyền chờ sẵn đằng kia.

Cô ôm súng chạy phía trước, tôi công bà cụ men theo bờ rừng dương liễu mãi miết theo cô. Độ một cây số, chúng tôi đến một thuyền nhỏ có người chờ sẵn. Thuyền được đẩy ra, nổ máy và nửa giờ sau chúng tôi ra thuyền lớn đi thẳng.

Hôm sau chúng tôi được tàu Mỹ vớt về đảo Guam.

Lời tỏ tình

Sau khi chiếm được nam Việt Nam, năm 1975, Cộng Sản miền Bắc lừa số lớn công chức, quân nhân, đảng viên các đảng phái quốc gia, các nhà tu hành của các tôn giáo miền Nam, ra Bắc "khổ sai biệt xứ". Liên Xô có Xi-bê-ri thì Việt Nam có vùng núi non Tây Bắc khắc nghiệt, tuy không lạnh bằng Xi-bê-ri nhưng cũng đủ cho tù chết dần. Chết vì lạnh, vì đói, vì lao động kiệt sức và vì bệnh mà không có thuốc chữa.

Thông thường, tù phải tự đốn cây, cắt tranh làm lán cho mình ở, phải phá rừng, làm rẫy trồng trọt khoai củ nuôi thân. Nhà nước Cộng Sản không phải tốn phí nuôi tù cải tạo. Ban ngày tù vào rừng lao động, chiều về, vào lán, cán bộ coi tù khóa cửa lại, sáng hôm sau, mở cửa cho tù đi lao động tiếp.

Mấy năm đầu, tù chết quá nhiều nên chính quyền Cộng Sản Việt Nam cho thân nhân tù được gửi thuốc, áo quần (giới hạn) bằng đường bưu điện, về sau được thăm nuôi, nghĩa là được gặp mặt tù và tiếp tế lương thực, mùng mền, thuốc men...giúp tù chịu đựng, tiếp tục khai phá núi rừng và chết chậm hơn.

Trong chuyện này, tôi không kể về những sinh hoạt trong nhà tù mà kể về một anh bạn tù nằm cạnh tôi.

Anh Hùng, (nằm cạnh tôi) là người ít nói nhưng thường quan tâm đến người khác. Buổi tối, vào lán, thấy ai có vẻ trầm tư, suy nghĩ, là anh sà đến, nói huyền thiên những chuyện trên trời dưới đất, chuyện nào cũng khiến người nghe bật cười. Thế là người bạn đó bớt buồn. Khi quay về, anh bảo tôi

- Khá rồi! Lo buồn làm mình suy sụp nhanh nhất. Nhanh hơn cả bệnh hoạn. Chỉ cần mất ngủ vài ba đêm là không đủ sức gượng dậy.

Ai cũng biết điều đó, nhưng rất khó vượt qua, nhất là những người không được thăm nuôi, thậm chí không nhận được thư của thân nhân gửi vào. Họ được gọi là "con bà xơ" (nữ tu), ý nói là con hoang trong trại mồ côi do các bà xơ (soeurs) nuôi dưỡng. Các tù nhân con bà xơ này, mỗi khi thấy người nào ra thăm thân nhân, đem đồ tiếp tế vào là họ tránh chỗ khác, tìm những người cùng hoàn cảnh (không có thăm nuôi) mà chuyện trò, ăn mấy củ khoai, củ sắn với nhau. Được tặng thức ăn (thăm nuôi) họ có thể nhận một lần, lần sau thì từ chối.

- Xin cảm ơn anh, tôi nhận thì không có gì tặng lại. Anh thông cảm cho tôi. Xin giữ lấy.

Trong tù, chỉ nghĩ đến miếng thịt, cây kẹo cũng đủ chảy nước miếng, vì cơ thể quá cần, nhưng nhận chút thực phẩm của bạn cho, lấy gì trả lại?

Tôi với anh Hùng, may mắn, được vợ thăm nuôi, dù cả năm chỉ được một lần và chỉ được một xách nhỏ. Một gói đường tán đen, gói cá khô, ít đậu và gạo, ít thuốc men, chỉ vậy thôi, vì tiền xe cộ đi hàng nghìn cây số (từ miền Nam ra núi rừng tây bắc), ăn uống dọc đường...hết cả! Chúng tôi nghèo quá, nhưng vợ chồng gặp mặt nhau là may rồi. Tôi mừng, nhưng anh Hùng lại mừng hơn. Lần thăm nuôi nào anh cũng bảo.

- Đây là lần chót!

Thế nên, mỗi khi được gọi tên ra gặp thân nhân thì anh ngạc nhiên.

- Ai thăm tôi? Bà cụ thì quá yếu, không đi nổi!

Tôi cười bảo.

- Không phải vợ thì ai vào đây?

Theo vợ tôi kể, trong một lá thư gửi cho tôi, chỉ một lần vợ tôi cùng đi thăm nuôi với vợ anh Hùng mà hai người thành bạn thân. Cả hai đều ở trong một con hẻm vùng Đa Kao lại có chồng là bạn nằm cạnh nhau trong tù, cùng hoàn cảnh nên hai người đàn bà thương nhau, thường giúp đỡ nhau trong việc buôn bán mưu sinh.

Vì thấy anh vui hơi quá đáng mỗi khi được thăm nuôi nên tôi tò mò, cố tìm hiểu vì sao? Đúng ra, trong tù không nên biết chuyện gia đình người khác, nếu người đó không tự ý kể ra. Tôi không nhớ mình đã gợi ý cách nào khiến cho anh Hùng kể chuyện vợ con của anh.

Sau đây là câu chuyện theo lời Anh kể.

...

- Tôi là con trai độc nhất của bà cụ tôi. Đúng hơn, tôi là độc đinh của cả giòng họ nhà tôi. Nếu mẹ tôi không sinh ra tôi thì coi như họ Hoàng Đắc của tôi tuyệt tự. Mẹ tôi săn sóc, chăm lo cho tôi, vì tình thương mà cũng vì trách nhiệm bên nhà chồng giao phó, là phải có người thừa tự, lo nhang khói, cúng giỗ để vong linh ông bà, tổ tiên khỏi bơ vơ, thành ma đói, ma khát, vất vưởng trong cõi u minh. Thế nên, khi tôi vừa xong tú tài là mẹ tôi lo tìm vợ cho tôi, vì bà sợ tôi vào quân đội, không biết chết lúc nào, sẽ không kịp có con trai để nối dõi tông đường. Tôi thì không để ý đến chuyện đó. Ngay trong thời đi học, bạn bè yêu cô này, cô kia, tôi chỉ biết bài vở và các môn thể thao như đá banh, học võ...

Đến khi thi xong tú tài một, tôi tình nguyện đi sĩ quan Thủ Đức. Mẹ tôi, thời trẻ là đảng viên một đảng phái Quốc Gia, thông hiểu tình hình đất nước, bà cụ bảo tôi "Khi tổ quốc lâm nguy, làm con dân phải có bổn phận cùng với mọi người bảo vệ đất nước, bảo vệ đồng bào. Những tên trốn lính, sống chui, sống nấp chỉ thêm nhục. Nhưng con phải lấy vợ, sinh con trai để sau này lo nhang khói cho ông bà, tổ tiên". Mẹ tôi hỏi tôi có để ý cô nào chưa? Tôi thưa rằng "Mẹ xem cô nào vừa ý mẹ thì cưới cho con chứ con không có người yêu". Mẹ tôi đến nhà các bà bạn, ngấm nghĩa cô này, dò hỏi cô kia, cuối cùng bà chọn được một cô. Mẹ tôi nhờ người mai mối, gia đình cô ta đồng ý ngay. Để tôi được gặp cô gái, mẹ tôi mua một ít trái cây, sai tôi đem đến biếu gia đình cô ta. Hình như cô gái không biết có sự xếp đặt giữa hai gia đình nên cô ta tiếp tôi rất hồn nhiên, vô tư như với bạn bè. Tôi thấy cô cũng xinh, hiền lành, vui vẻ nên về thưa với mẹ tôi rằng "Mẹ thấy vừa ý thì con xin vâng lời". Quả thật, cô gái hoàn toàn không biết gì về việc cô sẽ là vợ tôi. Trước ngày tôi vào quân trường, hai gia đình muốn tổ chức lễ hỏi, cưới luôn một lần. Lúc đó, cô gái mới được thông báo. Cô ta phản đối quyết liệt. Hóa ra cô đã có người yêu. Sau này tôi mới biết, người cô yêu là một nhà thơ. Anh chàng có dị tật ở chân nên anh ta khỏi phải đi lính. Nhờ thế anh ta yên tâm vui chơi và ăn bám gia đình. Hết làm thơ đăng báo tán tỉnh cô này, cô kia thì la cà các quán cà phê, quán nhậu. Con gái mới lớn, cô nào cũng mơ mộng. Anh chàng thi sĩ này làm thơ ca tụng, tỏ tình với cô vợ tương lai của tôi thì chẳng khác gì bỏ bùa cô ta. Cô ta yêu mê mẩn chàng thi sĩ, quyết cùng chàng "Một túp lều tranh hai quả tim vàng". Bất ngờ cô bị ép phải lấy tôi làm chồng. Cô tuyên bố thẳng thừng với cha mẹ rằng cô ta sẽ trốn đi với chàng thi sĩ, nếu không trốn được mà bị ép duyên, cô ta sẽ uống thuốc rầy tự tử. Gia đình cô ta hình như có xích mích gì đó với gia đình "nhà thơ" nên không muốn làm sui gia với họ. Thế nên bà mẹ mới bảo với con gái rằng "Mày muốn trốn theo trai thì cứ trốn đi, nhưng không được theo thẳng chó chết của nhà đó. Nếu mày theo nó, thì nhớ ba ngày sau quay về dự đám ma tao. Còn mày muốn tự tử thì tao mua cho mày chai thuốc rầy, nhưng uống nửa chai thôi, để một nửa cho tao. Nuôi mày khôn lớn để mày làm nhục cha mẹ..." Lời tuyên bố đó khiến cô gái không còn lựa chọn nào khác. Thế nên, trước ngày cưới, cô ta hẹn tôi ra một quán nước.

Sáng đó, chúng tôi gặp nhau. Tôi ngồi đối diện. Quán vắng người nên cô ta chẳng cần giữ lời, tấn công tôi ngay "Tôi và anh không hề quen biết nhau, không thù oán nhau, tại sao anh cố tình phá vỡ tình yêu của chúng tôi? Anh có biết, vợ chồng không có tình yêu mà sống với nhau là sống trong địa ngục không?"

Tôi trả lời "Đây là chuyện hai gia đình với nhau. Cô không bằng lòng lấy tôi thì cứ nói thẳng với ba mẹ cô hoặc nói với mẹ tôi. Tôi không có ý kiến. Tôi không cần vợ, nhưng mẹ tôi cần có cháu nội trai để nối dõi tông đường. Tôi sẽ vào quân đội. Chiến tranh rất ác liệt. Đời lính chiến, hành quân liên miên, cưới cô về, được bao nhiêu lần chúng ta gặp nhau? Để có con, còn khó hơn. Và có thể một ngày, một tuần, một tháng sau đó, tôi tử trận. Cô sẽ thành quả phụ. Nhanh lắm. Tôi nói sự thật để cô đủ lý do từ chối việc cầu hôn của tôi" Cô yên lặng lắng nghe. Tôi cũng suy nghĩ, lựa lời một lúc mới nói tiếp "Nếu bị ép duyên, và nếu không còn con đường nào khác để làm vui lòng cha mẹ cô, cô nên lấy tôi. Vì sau khi ra trường sĩ quan, tôi sẽ chọn binh chủng tác chiến, tôi sẽ leo lên bàn thờ nhanh lắm. Khi tôi chết rồi, gia đình cô không còn quyền cấm cô về

sống với người cô yêu. Mà dù tôi chưa tử trận, khó khăn của tôi vẫn là phải có con trai cho mẹ tôi an tâm. Tôi đề nghị thế này. Sau khi là vợ tôi, dĩ nhiên là tôi đi hành quân, đâu có về nhà thường xuyên được... Cô cứ hẹn hò với người yêu, miễn sao đừng cho thiên hạ biết, khi nào có bầu, cô ra đơn vị tìm tôi rồi quay về nhà. Mục đích để hợp thức hóa đứa bé trong bụng cô. Tôi sẽ không ghen tương gì mà mẹ tôi lại mừng vì đã làm tròn bổn phận đối với gia tộc tôi..." Chưa nghe hết câu, cô chồm qua bàn, thẳng tay tát tôi một tát tai, nẩy đom đóm mắt "Tôi cấm anh không được nhục mạ tôi theo lối nói võ học đó. Anh xem tôi là hạng người gì?.." Rồi cô ôm mặt, gục xuống bàn khóc nức nở. Cô khóc to, như rống lên rồi lấy khăn bịt miệng mình lại để tự kềm chế. Tôi kinh hoàng, vội qua ngồi cạnh cô, lấp bắp "Tôi xin lỗi! Tôi xin lỗi! Cô tha thứ cho tôi" Tôi định choàng tay qua vai cô để vỗ về thì cô xô mạnh tôi ra, khiến tôi suýt ngã ngựa. Cô cứ cúi đầu thút thít mãi. Tôi chán nản, nghĩ rằng, tốt nhất về thưa với mẹ tôi rút lui vụ cưới hỏi này để khỏi rắc rối, có khi gây oán thù với cô ta và cả người tình của cô nữa.

Tôi đứng lên, đến quầy trả tiền. Cô chủ quán hỏi tôi "Có chuyện gì vậy?" Tôi lắc đầu, quay lại bàn nước, ngồi cạnh cô để tránh tia mắt cô đang nhìn đăm đăm phía trước như người xuất hồn. Tôi nói "Tôi đã hiểu cô, đã biết mối tình của cô. Xin cô yên tâm. Tôi sẽ báo cho mẹ tôi hủy bỏ vụ này. Cô được tự do". Tôi định đứng lên thì cô ra dấu tôi ngồi xuống. Cô nói mà không nhìn tôi "Anh chẳng có lỗi gì trong chuyện này. Gia đình tôi nhất quyết gả tôi cho người khác. Ai cũng được, ngoại trừ người tôi yêu" Rồi cô quay nhìn tôi, mắt long lên, môi mím lại "Tôi đồng ý lấy anh. Nhưng tôi cho anh biết. Anh chiếm đoạt được trinh tiết của tôi, chiếm đoạt được thân xác tôi nhưng không thể chiếm đoạt được trái tim tôi. Đừng hi vọng tôi sẽ thương yêu anh. Tôi không thù anh, nhưng tôi không thể yêu thương ai ngoài người tôi yêu. Tôi cũng cho anh biết trước rằng, về làm vợ anh, dù đến muôn đời, tôi thề sẽ không bao giờ nói tiếng yêu thương với anh, không bao giờ hôn anh. Mong anh cũng làm như thế" Tôi giận sôi gan, nhưng cố bình tĩnh "Tôi sẽ giữ lời. Tôi thề sẽ không nói thương yêu với cô, không hôn cô, vì tôi biết chúng ta chẳng hề yêu thương nhau. Tôi cũng yêu cầu cô nhớ lời thề đó. Sau này, nếu tôi tử trận, xin cô đừng giả vờ khóc, vì tôi biết đó là ngày vui của cô, ngày cô được giải thoát để về với người cô yêu. Không cưới cô thì mẹ tôi cũng tìm một cô khác cho tôi. Từ hôm nay cho đến tuần sau, cô có thể báo cho mẹ tôi biết quyết định của cô. Mà dù đã là vợ tôi, cô vẫn tự do. Cô có thể gặp người yêu của cô bất cứ lúc nào, chỉ mong cô cố gắng cho mẹ tôi một đứa cháu trai. Xin cô giúp tôi"

Kể đến đây anh Hùng hỏi tôi "Nếu vào trường hợp tôi, anh sẽ nghĩ sao? Chúng tôi có ba mặt con với nhau, nhưng không bao giờ tôi nghĩ rằng cô ta còn lưu lại trong gia đình tôi cho đến ngày tôi vô tù như hôm nay" Anh quay ra sau, lục trong xách nhỏ, lấy ra mấy tấm hình, trao cho tôi "Anh nhìn xem, mấy đứa nhỏ này giống ai?" Tôi nhìn và nói ngay "Giống anh chứ giống ai? Con anh phải không? Hai thằng nhỏ này là anh em sinh đôi?" Anh trầm tư "Đề tôi dài dòng một chút. Trước khi vào quân trường, tôi cưới vợ. Khi còn đang thụ huấn trong Thủ Đức, được tin vợ sinh, tôi về phép, vào nhà bảo sanh. Vợ tôi sinh con gái. Tôi ôm đứa bé vào lòng. Lúc đó, tôi không thắc mắc, ai là tác giả của sinh vật bé bỏng đó, nhưng không hiểu sao, tôi thương nó quá. Tôi ngắm nghía nó, hôn nó, thì thầm với nó mà quên cả chung quanh. Lúc đặt con xuống bên cạnh vợ, cô ta nắm lấy bàn tay tôi, nhìn tôi, nước mắt ứa ra. Cô ta khóc. Tôi hiểu ý nên nói "Xin lỗi! Nhưng tôi thương nó. Lần sau, cố giúp tôi một thằng con trai..."

Tôi ngắt lời anh "Bộ hai người xưng tôi chứ không anh em gì cả sao?" "Cô thì xưng em với tôi, còn tôi, khi chán nản hoặc chỉ có hai người, tôi xưng "tôi" và nói trống không. Khi có người thứ ba thì tôi "anh, em" như vợ chồng bình thường... Sau đó, cô sinh đôi, hai thằng con trai. Khi tôi đi tù thì hai thằng con được gần hai tuổi.

- Hai anh chị thề thốt với nhau rằng sẽ không hôn, không nói tiếng yêu thương với nhau, rồi có giữ lời không?

- Tôi có vợ mà tâm lý không giống ông khác. Tôi chỉ làm bổn phận. Tôi đâu cần tình yêu mới làm chuyện vợ chồng được. Khi cô ta vừa sinh hai thằng con trai, tôi dự định, hễ hai đứa nhỏ cứng cáp thì tôi sẽ nói với cô rằng muốn li dị thì tôi ký tên ngay để cô được tự do, nhưng tôi chưa kịp nói thì đi tù. Thế nên, mỗi khi tôi được gọi ra thăm nuôi, anh thường nghe tôi tự hỏi "Ai

thăm nuôi mình?" vì tôi cứ đinh ninh là cô ta đã bỏ tôi để về với người tình, để khỏi nuôi mấy đứa nhỏ, khỏi nuôi mẹ tôi, khỏi thăm nuôi tôi.

- Anh có thể nói thật tình cảm của anh đối với vợ anh cho tôi nghe được không? Anh có thương vợ không?

Anh trầm ngâm.

- Chỉ sau này, khi tôi vào tù, cô ta không bỏ chúng tôi, lại phải vất vả, bưng chài để nuôi sống bao nhiêu người trong gia đình tôi, tôi mới nghĩ rằng cô là vợ tôi. Nếu chúng tôi có yêu nhau trước đó thì sự hi sinh của cô ta còn có chút ý nghĩa. Đằng này...Không ai có thể bắt cô phải cưu mang chúng tôi. Đó là sự bất công. Trước kia, tôi không màng đến ý nghĩ, tình cảm của vợ tôi. Chúng tôi ít nói chuyện với nhau. Đứng ra là không có dịp. Tôi hành quân liên miên, vài ba tháng về phép một lần. Hai mươi bốn giờ phép mà gần tối mới về đến nhà, sáng sớm lại phải ra đơn vị. Vả lại, tôi thương các con tôi lắm. Vừa bước vô nhà, chào mẹ tôi xong là tôi quần quít với con, hôn hít đứa này, bông ẵm đứa kia, đưa chúng ra đường mua quà, kẹo bánh. Lần nào về phép tôi cũng ôm con mà cứ nghĩ rằng, đây là lần cuối mình được gần các con. Ra trận, đạn như vãi trấu, bạn bè, đồng đội tôi ngã xuống ngay bên cạnh. Trước sau gì cũng đến lượt mình. Còn vợ tôi, tôi cảm tưởng như giữa hai đứa có một bức tường vô hình ngăn cách, và cô ta, sinh con xong, bông nó, đưa qua bức tường vô hình đó, trao cho tôi. Chúng là con tôi. Vì ám ảnh đó mà mọi sự săn sóc, lo lắng của cô dành cho tôi, tôi tưởng như của một cô bạn gái cùng lớp giúp bạn trong một buổi đi chơi chung ngoài trời, vậy thôi. Mỗi khi tôi về phép, thấy tôi bước vào nhà là cô vội lo nước sôi, khăn tắm, áo quần để sẵn đó rồi chạy ra chợ mua thức ăn, chạy về, chui vào bếp, nấu nướng, dọn lên. Ăn xong, lại dọn rửa, rồi giặt giũ áo quần cho tôi, phơi phóng, sắp xếp, chuẩn bị mọi thứ trong xách để sáng sớm là tôi chỉ việc đeo lên vai, về đơn vị. Cô xoay tròn như chong chóng. Tôi thì tắm con, đút cơm cho chúng, rồi chơi đùa, kể chuyện cho chúng nghe, ru chúng ngủ, không màng đến vợ, không nhìn đến mẹ. Người ngoài nhìn vô, đó là một gia đình bình thường. Mẹ tôi thì vui lắm, cứ khen con dâu ngoan hiền. Bà cụ không biết dĩ vãng của cô, cũng không thấy những đợt sóng ngầm đang kiên trì, thì thăm gọi cô thoát ly.

Bây giờ, ở tù kiểu này thì chỉ có chết hoặc mục xương trong tù vì chẳng ai biết ngày về. Cái chết đối với thằng lính chiến như tôi thì sá gì, nhưng tôi thương các con quá, chỉ mong được về để lo cho chúng và săn sóc vợ tôi để đền đáp bao khổ nhọc mà cô ta đã phải chịu đựng.

Từ khi nghe anh Hùng kể chuyện gia đình, tôi cũng đâm ra hồi hộp mỗi khi nghe tên anh ta được gọi ra thăm nuôi. Tôi tưởng tượng mẹ anh Hùng hoặc bà cụ nhờ một người nào đó gặp anh và báo tin rằng vợ anh đã bỏ đi lấy chồng rồi. Nhưng lần nào cũng là chị ta. Lần đầu được giới thiệu là vợ anh Hùng, tôi thấy chị ta, tuy đen và ốm, xác xơ vì sinh kế nhưng còn phẳng phất những nét thanh tú và quý phái. Chị ta, thời trẻ, ắt đã làm bao trái tim bọn con trai xao xuyến.

Mỗi lần ra thăm nuôi, anh Hùng, tôi và vài người tù ngồi một bên chiếc bàn dài, đối diện (bên kia bàn) là thân nhân của tù. Đầu bàn có một công an ngồi theo dõi, lắng nghe tù và thân nhân chuyện trò. Tù chỉ có mười lăm phút gặp người thân nên ai cũng cố nói thật nhiều, hỏi thật nhiều những điều cần thiết. Tôi cũng gấp rút chuyện trò với vợ nhưng cũng để ý xem vợ chồng anh Hùng có gì khác thường không? Hình như anh Hùng không nhìn vợ mà hơi cúi xuống về đấn đo, suy nghĩ. Trái lại chị vợ ngồi nhìn chồng dăm dăm như thôi miên anh ta.

Thông thường, trong lúc gặp gỡ, người vợ để bàn tay bên hông của giỏ quà thăm nuôi, phía khuất tia nhìn của công an, người chồng biết ý sẽ để bàn tay mình lên bàn tay vợ, bóp nhẹ. Bao nhiêu năm xa cách, chỉ cần chạm nhẹ hai bàn tay với nhau cũng đủ cho vợ chồng ngây ngất, rung động cả thể xác và tâm hồn. Giây phút đó quý giá hơn bao nhiêu lần ôm ấp nhau mà vợ chồng đã trải qua. Vợ anh Hùng cũng để tay bên giỏ thăm nuôi. Anh Hùng chỉ đụng rất nhẹ vào tay vợ, như vô tình rồi rút tay về. Chị ta vẫn để yên bàn tay và chờ đợi. Anh Hùng lại đụng nhẹ tay vợ lần nữa, rồi lại rút về. Cả hai yên lặng. Rồi hình như anh nói nhỏ nhỏ gì đó với vợ.

Thời gian thăm gặp qua rất nhanh. Lúc chia tay, anh Hùng xách gói quà thăm nuôi đi thẳng mà không ngoái nhìn người thân như các tù nhân khác.

Chúng tôi ở tù trên mười năm nhưng chỉ ở chung lán trại hơn ba năm, sau đó bị phân tán đi các trại tù khác. Dù vậy, tình bạn giữa chúng tôi đã như ruột thịt. Bảy năm sau, chúng tôi mới gặp lại nhau ở trại tù Z 30, Xuân Lộc. Sau đó, chúng tôi cùng ra tù một lần, vào năm 1986.

Chúng tôi, hai thằng tù trung niên mà trông đã hom hem. Tóc đã có sợi bạc, chân tay như những khúc xương khô. Vợ tôi và vợ anh Hùng, sau mười năm vất vả, cũng đã là hai chị nạ dòng đen thui, đầu tóc, áo quần tả tơi vì suốt ngày lê lét đầu đường xó chợ. Hai người mua đi bán lại từng đôi giày cũ, áo quần cũ, răng vàng bạc vụn, đồng hồ hư, radio hư...Nghĩa là ai bán gì cũng mua, ai mua gì cũng có.

Thời bấy giờ, tù về xã hội chỉ làm được các nghề chân tay như đập xích lò, bán vé số, vá xe đạp...Tôi và anh Hùng, mỗi người một chiếc bàn con, mỗi cạnh hai gang tay, đặt bên lề đường, ngồi bán vé số, kiếm tiền phụ với vợ mua gạo. Lúc đó vợ tôi và vợ anh Hùng mới lấy lại chút bình tĩnh, không còn lo thất sắc mỗi ngày vì lũ con đói.

Đầu thập niên 1990, có chương trình tù cải tạo được đi Mỹ. Gia đình tôi và gia đình anh Hùng đến cùng tiểu bang Virginia nhưng khác thành phố, cách nhau hơn hai giờ lái xe. Bước chân đến xứ người với hai bàn tay trắng, chúng tôi phải làm gấp đôi người khác, vì lao động chân tay, lương hưởng chẳng bao nhiêu. Sáng sớm đã ra khỏi nhà, khuya mới về. Chúng tôi chỉ gọi điện thoại trò chuyện, hỏi han nhau mà thôi. Tôi không còn để ý đến chuyện xưa của vợ chồng anh Hùng, cũng không bao giờ kể cho vợ tôi nghe. Đàn bà bép xép, một chuyện kỳ lạ như thế thì không bà nào để yên trong bụng được.

Hơn bảy năm ở xứ Mỹ, vài đứa con của gia đình tôi và gia đình anh Hùng đã tốt nghiệp đại học, có việc làm, phụ với cha mẹ lo cho các em nên chúng tôi đã bớt giờ làm việc, có dịp thăm viếng nhau. Bao nhiêu năm mới gặp lại, thấy anh Hùng khỏe mạnh, hồng hào hơn trước, chị vợ cũng mập tròn, mặt mũi tươi rói, gặp lại vợ tôi như gặp cố nhân, hai người tíu tít hỏi han, chuyện trò vui vẻ. Nơi xứ người bơ vơ nên chúng tôi coi nhau như anh em một nhà.

Đột nhiên, một buổi tối, khoảng mười giờ, điện thoại reo, vợ tôi bắt máy rồi la lên.

- Sao? Chị nói sao? Anh Hùng bị gì mà đưa vô bệnh viện cấp cứu? Chị nói chuyện với ông xã em. Em run quá!

Vợ tôi đưa điện thoại cho tôi.

- A lô! Anh Hùng bị gì vậy chị?

Bên kia đầu giây, giọng vợ anh Hùng hốt hoảng.

- Không hiểu sao. Ăn tối xong ảnh ngồi xem TV. Thành linh, ảnh kêu "Đau đầu quá!" rồi gục xuống bất tỉnh. Em gọi xe cứu thương đến đưa vô bệnh viện. Hiện em đang ở phòng cấp cứu.

Ảnh chưa tỉnh. Em rối trí quá! Không biết mình phải làm gì đây?

- Chị báo cho sắp nhỏ biết chưa?

- Dạ rồi. Nhưng đưa gần nhất cũng phải năm giờ lái xe, đưa ở xa, sáng mai mới đi máy bay về.

- Ảnh không sao đâu. Chị bình tĩnh. Đưa vô bệnh viện là yên tâm. Tụi tôi sẽ đến ngay bây giờ.

Lên xe, chúng tôi sẽ nói chuyện sau. Nhớ là phải bình tĩnh. Hai giờ nữa chúng tôi sẽ đến bệnh viện.

Ban đêm, xa lộ 95 không đến nỗi kẹt xe. Từ Richmond hướng về thành phố Falls Church, phía bắc tiểu bang, gần hai giờ, chúng tôi đã có mặt tại bệnh viện. Bệnh viện về đêm thật yên tĩnh.

Theo sự hướng dẫn của nhân viên trực, chúng tôi đi rất nhẹ dọc hành lang để tìm phòng hồi sức.

Anh Hùng nằm trên giường với đủ thứ dây nhợ, ống trợ thở nối với dàn máy sát tường. Một cái máy điện tâm đồ với lằn sóng xanh chạy đều đều, yếu ớt. Chị Hùng qui bên cạnh, nắm tay chồng, thì thầm.

- Anh cố gắng nghe em nói. Em chỉ nói một câu thôi. Em không nói được cho anh nghe thì em đau khổ suốt đời, ân hận suốt đời. Anh có thương em không? Thương em thì nghe em nói.

Nghe anh! Tội nghiệp em mà anh...

Chúng tôi đứng bên cạnh mà chị vẫn không hay biết. Vợ tôi cúi xuống vỗ nhẹ vai chị, chị quay lại, đứng lên, ôm vợ tôi, nước mắt trào ra.

- Ảnh không nghe em nói! Ảnh không biết gì nữa. Sao em ngu quá? Không nói khi ảnh còn

khỏe mạnh. Mà thỉnh linh, ảnh bị như vậy...

Chị nói làm nhảm như người mất trí. Vợ tôi không hiểu gì cả nhưng vẫn vỗ về, nhỏ nhẹ.

- Ảnh không sao đâu. Em biết, nhiều người bị như vậy, sẽ tỉnh lại. Chị đừng lo. Bác sĩ nói sao?

- Bác sĩ nói ảnh bị xuất huyết não, đang chuẩn bị, sẽ mổ ngay. Em sợ, người ta mổ rồi ảnh đi luôn. Em mà không nói được cho ảnh nghe, chắc em chết theo để linh hồn em được gặp ảnh, nói mấy lời...

Vợ tôi lại nhìn tôi, không hiểu chuyện gì quan trọng, khẩn cấp đến độ phải nói ra cho người sắp chết nghe. Đáng ra, chính người bệnh mới cần trấn trối trước khi từ giả cõi đời. Vợ tôi, biết rằng chuyện gia đình người ta, không nên tò mò, chỉ trấn an.

- Sáng mai, mổ xong là ảnh tỉnh dậy, sẽ nghe chị nói. Chị yên tâm. Bình tĩnh mà chuẩn bị tinh thần, cầu xin Trời Phật phù hộ ảnh tai qua nạn khỏi.

Nhưng chị ta như không nghe, cứ làm nhảm.

- Bao yêu thương, săn sóc ảnh giành cho em, em hiểu, em đón nhận, nhưng sao em ngu quá, không nói cho ảnh biết em yêu thương ảnh...

Vợ tôi ngớ ra, tưởng chị điên thật rồi. Vợ chồng yêu thương nhau, đâu cần phải nói ra mới hiểu? Chỉ mình tôi biết điều đó. Tôi nói với chị ta.

- Xin chị bình tĩnh. Tôi sẽ cố giúp chị xem sao. Tôi với anh Hùng thân thiết còn hơn ruột thịt. Hi vọng, tôi nói ảnh sẽ nghe.

Nhìn điện tâm đồ, thấy những gợn sóng rất yếu ớt, tôi biết, có mổ cũng rất ít hi vọng, nhưng tôi tin, sự sống trong anh ta vẫn còn. Tôi ra dấu cho chị Hùng đến bên cạnh rồi cúi sát tai anh, nói chậm rãi.

- Tôi là Nguyễn Văn Chánh, bạn anh đây. Chúng ta ở tù chung, khi còn ở bên Việt Nam, anh còn nhớ không? Anh cố gắng nghe tôi nói, một điều rất quan trọng, sẽ giúp anh yên tâm... Nếu anh nghe được, anh chấp nhận, xin anh chuyển động mí mắt hoặc con ngươi của mắt anh. Vợ anh đang đứng bên anh đây. Vợ anh nói rằng, chị chỉ yêu thương một người duy nhất trong đời là anh mà thôi. Anh có nghe không, có chấp nhận không?

Mọi người im lặng, chăm chú nhìn đôi mắt đang nhắm nghiền của anh Hùng. Đột nhiên, đôi mí của anh Hùng chuyển động như muốn mở ra rồi nhắm lại. Tuy rất nhẹ nhưng mọi người đều thấy rõ. Chị Hùng ôm chồng khóc òa lên. Tin rằng anh Hùng có nghe tiếng khóc của vợ nên một lúc sau tôi mới ra dấu cho chị yên lặng, rồi nói vào tai anh Hùng.

- Bây giờ, vợ anh, chị Hùng sẽ nói cho anh nghe. Chị yêu thương anh từ lúc nào. Anh cố gắng nghe vợ anh nói.

Tôi bước lùi cho chị Hùng quỳ xuống, cúi sát tai chồng và nói, từng tiếng một.

- Anh Hùng. Anh là chồng em. Em yêu thương chỉ một mình anh. Em yêu thương anh suốt đời.

Em yêu thương anh từ ngày đầu, từ đêm đầu, từ giây phút đầu em trở thành vợ anh... Em lạy anh. Đừng giận em nghe anh! Xin anh thương em. Em là vợ anh. Tội nghiệp em. Nghe anh!

Nói đến đó thì nghẹn lời, chị đứng lên lùi lại, hai tay để lên ngực, như sợ chồng điều gì nhưng mắt vẫn không rời đôi mắt chồng. Mọi người nín thở chờ đợi. Rồi đôi con ngươi dưới hai mí mắt nhắm nghiền của anh Hùng chuyển động nhẹ, hướng về phía chị Hùng và dừng lại. Tôi nói với chị.

- Anh Hùng đã hiểu chị, đã chấp nhận lời yêu thương của chị.

Bỗng chị Hùng lão đảo, níu tay vợ tôi rồi ngã quỳ xuống, bất tỉnh. Vợ tôi đỡ lấy chị, ngồi bệt xuống sàn, ôm chị vào lòng. Tôi bảo vợ.

-Không sao đâu. Bị xúc động mạnh. Để anh đi gọi y tá...

Thật ra, là chị ấy đã trấn trối với chồng.

Hai con quỉ

Vợ chồng tôi ở quận Cam (Orange County) thuộc tiểu bang California. Nói quận Cam cho dễ biết, chứ chúng tôi ở cách đó gần một giờ lái xe, là nơi quê mùa vắng vẻ, toàn người Mỹ và người da đen nghèo khổ. Người Việt chỉ có gia đình tôi. Vợ chồng tôi đã già, lãnh tiền hưu trí, thêm chút tiền các con tặng bố mẹ, cũng đắp đổi.

Nhà không rộng nhưng nhiều phòng, khi mấy đứa con học hành nên người, chúng lập gia đình, ra ở riêng, các phòng bỏ trống, chỉ có hai vợ chồng già, ra vô lạng lẽ, cũng buồn. Có người gợi ý, nên cho mượn mấy phòng trống, vừa có tiền vừa bớt vắng vẻ. Thế nên tôi kêu thợ đến trổ hai cửa ra vào cho hai phòng sau nhà (lối đi riêng), làm phòng vệ sinh, phòng tắm riêng. Đủ tiện nghi như vậy mới có người chịu mượn.

Chỉ mới đăng báo cho mượn phòng một tuần mà có đến chục người gọi. Người đến trước là một cô, tuổi trên ba mươi, là công nhân hay nhân viên văn phòng gì đó, người thứ hai là một bà sồn sồn, tuổi chưa đến năm mươi, mặt mũi hồng hào, chân tay, thân hình tròn trịa, mơn mớn, hai mắt ướt rướt, coi bộ là lợi ngấm. Bà ta năn nỉ, xin trả thêm tiền mượn để cho hai người, bà ta và "ông xã" được thuê phòng. Theo lời bà ta kể thì hai vợ chồng ở chung với con gái, nhưng thẳng rể không tốt nên tìm chỗ ở riêng. Chúng tôi chỉ hỏi lấy lệ rằng từ đâu đến, làm gì, làm ở đâu? Bà ta bảo, hai người từ tiểu bang Arizona đến California được vài tuần nay, "ông chồng" vừa xin được việc làm ở tiệm buôn nào đó. Chúng tôi chưa quyết định thì hôm sau, bà ta đưa "chồng" đến. Ông ta khoảng năm mươi tuổi, người hơi thấp, mạnh khỏe, sung sức như một trung niên nhưng ít nói, chỉ ngồi cười xã giao. Thấy ông ta hiền lành, chúng tôi đồng ý. Hai ông bà rối rít cảm ơn, xin trả trước vài tháng tiền mượn phòng.

Sau khi cho mượn hai phòng phía sau nhà, tuy bớt vắng vẻ nhưng chủ nhà và người mượn phòng ít khi trò chuyện. Họ đi vòng từ sau nhà ra chỗ đậu xe, chẳng phiên ai, có tình cờ gặp nhau, cũng chỉ vài câu về thời tiết, gió mưa vớ vẩn. Cô gái đi làm từ sáng, chiều mới về, thỉnh thoảng mới gặp vợ tôi tâm sự chuyện đàn bà với nhau, tôi không quan tâm. Riêng, cặp vợ chồng lớn tuổi này thì ít khi ra khỏi phòng, nghe nói ông chồng có việc làm nhưng chẳng biết giờ giấc. Thỉnh thoảng hai người ra ngồi ngắm hoa, trò chuyện trên chiếc ghế dài sau vườn.

Tôi có một vườn hoa sau nhà. Buổi sáng, trước khi ra chợ Phước Lộc Thọ uống cà phê, trò chuyện với mấy ông bạn già, tôi thường ra tưới nước, chăm sóc, nhưng hề thấy cặp vợ chồng kia ngồi đó thì tôi bỏ đi, để họ được thoải mái. Tôi thấy, họ có vẻ âu yếm, quấn quít như đôi tình nhân hơn là vợ chồng.

Không bao giờ thấy người đàn bà đi đâu. Cần gì, bà ta nhờ vợ tôi đi chợ mua giùm, từ gạo cơm, mắm muối, thịt cá, rau cỏ cho đến các vật thường dùng khác.

Nếu đây là một đôi tình nhân lớn tuổi, chấp vá nhau mà tìm được hạnh phúc như vậy cũng thật hiếm thấy. Nhưng một hôm ngồi uống cà phê ngoài chợ, tôi nghe bàn bên cạnh có hai ông bàn tán về một ông, từ tiểu bang Arizona đến các chợ ở California tìm vợ. Ông ta đi rảo khắp các chợ người Việt, rình các bãi đậu xe, tìm bắt cho được bà vợ bỏ chồng, bỏ con theo trai. Tôi đoán, có lẽ người đàn bà bỏ chồng "theo trai" là người mượn phòng đang ở với tình nhân sau nhà tôi, nhưng tôi không nói gì, chỉ về kể cho vợ tôi nghe. Vợ tôi bảo, cũng đoán như thế ngay từ hôm đầu họ đến mượn phòng, nhưng vợ tôi trấn an tôi rằng, cô mượn phòng bên cạnh có nghe họ đánh chửi nhau, như vậy chỉ ít lâu sau, họ sẽ tan hàng, khỏi cần mời họ đi chỗ khác.

Chúng tôi ở nhà trên, cách các phòng cho mượn một bức tường gạch rất dày nên cặp tình nhân đó có cãi vả to tiếng cũng không cách nào nghe được. Chỉ cô mượn phòng bên cạnh lãnh đủ! Cô phàn nàn rằng, đi làm suốt ngày, buổi tối cần yên tĩnh nghỉ ngơi, vậy mà thỉnh thoảng, nửa đêm giật mình thức giấc vì tiếng chửi rủa rồi tiếng động vô vách, rầm rầm như hai người

đánh nhau, vật nhau. Thời gian đầu, họ chỉ rừ rừ chửi nhau, sau này họ không thèm giữ ý, chửi to tiếng. Tôi có ý định sẽ bảo họ có cãi nhau cũng nên nhỏ nhẹ, để người khác được yên tĩnh nghỉ ngơi.

Một hôm, giữa khuya, cô mướn phòng gọi điện thoại cho chúng tôi, bảo xuống mà can thiệp, có thể họ đang giết nhau. Vợ chồng tôi ra sau nhà, cô ta ra đầu, bảo chúng tôi vào phòng cô, áp tai vô vách mà nghe. Chẳng cần áp tai chúng tôi cũng nghe rõ tiếng động, tiếng chửi rửa nhau, tiếng bôm bốp, tiếng hự hự... để hình dung ra được hai ông bà kia đang lăn xả vào nhau, đánh chửi nhau với tất cả căm thù, quyết giết cho được đối phương. Có lẽ người đàn ông vừa tát tai vừa bóp cổ người đàn bà, miệng gầm gừ, răng rít lại "Địt mẹ, con đĩ mẹ mày! Mày tưởng tao không dám giết mày chắc? Tao tấn mày cho mày chừa. Tao giết mày! Mày chửi đi! Tao đâm mày một phát là mày rồi đời nghe con!" Rồi tiếng bốp (tát tai!) liên hồi. Người đàn bà chửi lại, giọng ềng ẹt, có lẽ bị bóp cổ "Tổ cha con đĩ mẹ mày. Mày tưởng tao sợ mày. Mày dám giết tao không? Mày đâm tao đi! Dám không? Đâm đi! Đâm đi!...Trời ơi là trời! Nó giết tôi rồi! Nó giết tôi!..." Thật quá sức tưởng tượng! Chúng tôi không ngờ hai người này, đã lớn tuổi, mặt mũi sáng sủa, ra người có học mà lại đánh chửi nhau như hàng tôm hàng cá. Tôi bảo cô gái thử lấy một vật cứng động vô vách để lưu ý họ xem sao. Cô ta lấy chiếc guốc động vô vách thật mạnh, chỉ "cộp, cộp" mấy tiếng là phòng bên kia im re!? Tôi hỏi cô gái "Họ có thường đánh chửi nhau như thế này không?" Cô bảo "Cứ năm ba ngày họ đánh chửi nhau một lần. Ban ngày em đi làm nên không rõ, nhưng ban đêm, em cứ bị đánh thức kiểu này hoài!" Tôi bảo "Mỗi khi hai người đánh chửi nhau lớn tiếng, cô nhớ lấy guốc động vô vách như lúc này là yên ngay. Để sáng mai, tôi sẽ gặp họ và báo trước, nếu còn gấu ó nhau kiểu đó thì xin mời đi chỗ khác".

Sáng hôm sau, vợ chồng tôi ra sau nhà định đến gõ cửa phòng hai ông bà tình nhân này để nói phải trái với họ thì thấy hai người đang ngồi trên ghế sau vườn ngắm hoa, rủ rủ chuyện trò. Chị đàn bà ngồi tựa đầu vào vai ông bồ. Ông ta cũng ôm vai người yêu. Tuy hai người xây lưng về phía chúng tôi, nhưng tôi cũng thấy rõ một bên má người đàn bà tím bầm, sưng to như quả trứng. Người đàn ông thì có mấy miếng băng dán ở cổ, có lẽ bị "đối phương" cào chảy máu. Chúng tôi chả hiểu ra làm sao? Mới đánh chửi nhau lại làm lành ngay, giống như trẻ con! sợ quá y rầy giây phút thần tiên của họ, chúng tôi rút lui, định chờ dịp thuận tiện khác.

Mấy hôm sau, cô gái thuê phòng khoe với vợ tôi là hề nghe hai người đánh chửi nhau, cô lấy cây động vào vách là họ im tiếng ngay. Nhưng hai người đàn bà (vợ tôi và cô thuê phòng), lại lo sợ rằng đánh nhau kịch liệt kiểu đó, có ngày cũng gây án mạng, nên tốt nhất là mời họ tìm nơi khác mà mướn

Được vài tháng sau, một lần, cũng vào nửa khuya, cô gái lại gọi điện thoại phàn nàn "Em động cây vào vách mà họ vẫn đánh chửi nhau!" Lần này thì tôi nổi giận thực sự.

Vợ chồng tôi đi vòng ra sau nhà, đến phòng cô thuê phòng. Quả nhiên, từ phòng bên kia, hai người đang đánh chửi nhau với những lời lẽ hàng tôm hàng cá. Tuy cũng vẫn những lời đòi giết nhau với tiếng động như vật nhau, đụng vô vách rầm rầm, tiếng hự hự, khò khè như bị bóp họng... nhưng rõ ràng cả hai đang hồi quyết liệt lại có vẻ nguy cấp cho chị đàn bà. Vợ tôi và cô mướn phòng, mắc cỡ vì nghe những lời chửi rất vô học và tục tĩu, lại sợ có chuyện không may cho chị đàn bà nên thúc hối tôi qua can thiệp hoặc gọi cảnh sát ngay. Tôi qua phòng của hai người. Vợ tôi và cô mướn phòng tò mò theo sau. Ngoài trời tối đen, trong phòng đó hình như cũng không có đèn vì qua cửa kính, không thấy ánh sáng hắt ra. Tiếng chửi rửa, đánh đấm nhau nghe càng rõ, giống như âm thanh một phim bạo động mở hết công suất.

Tôi gõ cửa và chờ đợi. Hai người như say sưa chiến đấu nên không nghe. Tôi gõ mạnh hơn. Vẫn không ai mở cửa mà tiếng đánh chửi nhau không giảm. Tôi thử vận nắm đấm cửa. Cửa

không khóa. Tôi đẩy nhẹ cửa, hé mở và nhìn vào. Trong phòng tối mù. Đèn ngủ không đủ ánh sáng nên tôi chẳng thấy gì! Tôi đoán chừng hai người đang nằm xem phim bạo động, trình thám gì đó nên mới nghe kêu gào giết nhau như vậy. Tôi cố nhìn cho rõ để lưu ý họ vạ bết âm thanh.

Và rồi tôi thấy được hai người. Họ nằm trên giường, đầu hướng về phía cửa nên không thấy tôi đang thò đầu vô nhìn.

Hóa ra họ thực sự đánh nhau chứ không phải trong phim. Người đàn bà nằm dưới, trắng hếu, hai tay cào cấu người đàn ông rồi đập tay xuống giường thành thịch, hai chân như bơi vào khoảng không rồi chổng xuống giường, nẩy ngược lên như cố thoát ra khỏi sự kềm chế của người đàn ông, miệng vừa chửi rủa vừa rên rỉ "Mày đâm tao đi! Đâm đi! Trời ơi là trời! Nó đâm tôi! Nó giết tôi! Tôi chết. Tôi chết!..." Người đàn ông, cũng trần như nhộng, một tay bóp họng chị đàn bà, tay kia nắm tóc, đập mạnh đầu bà ta xuống nệm. Hai người vừa đánh nhau vừa gào lên, líu lưỡi như bị quỷ ám. Họ quên cả thể gian. Có lẽ trời sập họ cũng không buông nhau ra.

Tôi khép cửa lại, quay về. Vợ tôi và cô mướn phòng, vì đứng xa, mà cửa chỉ hé mở, trong phòng lại tối mò nên không thấy gì, cứ theo hỏi tôi "Sao không vô can thiệp? Hay là gọi cảnh sát?" Tôi bảo "Đó là hai con quỷ. Mặc kệ họ!" Hai người có vẻ yên tâm nhưng vẫn hỏi "Nói gì chẳng hiểu! Hai con quỷ gì lại cứ đánh chửi nhau?"

Tôi muốn nói huých tẹt ra là hai người đó không mặc áo quần gì cả, nhưng giữ miệng kíp.

Không có con rắn không có nhân loại

Nếu viết về con rồng, thật dễ có văn chương bay bướm, kiến thức bao trùm thiên hạ, ai đọc cũng phục lẫn. Vì sao? Vì con rồng chẳng hề có trên thế gian, chẳng ai thấy, nên cứ viết tào lao thiên địa, không ai bắt bẻ được. Giống như chuyện ma. Có hàng triệu chuyện ma mà chẳng ai thấy ma bao giờ. Năm nay, viết về năm Tỵ, là năm cầm tinh con rắn, thì văn chương đành tịt ngòi! Con rắn. Ai cũng thấy rồi. Viết bậy bạ, lòi cái dốt ra, thiên hạ chửi cho! Thế nên, tôi chả dại mà "múa riu qua mắt thợ". Phét lác không được, tôi đành phải lòi sách vở, báo chí ra chép lại cho quý vị đọc chơi, đỡ buồn trong mấy ngày "Xuân Tha Hương".

Không có con rắn thì không có nhân loại.

Tôi biết, bạn sẽ lắc đầu bảo "Tổ tiên loài người là ông Adam và bà Eva". Đúng vậy, nhưng nếu không có con rắn trong vụ này thì làm gì có bạn và tôi đang ngồi nhìn cái màn hình computer?

Con rắn đầu tiên mà loài người tiếp xúc là con rắn đã xúi "cô" Eva ăn trái táo. Không biết trong trái táo có chất gì mà mới cắn một miếng, "cô" Eva chịu hết nổi, linh quính chạy tìm "anh" Adam, rồi hướng dẫn anh ta "Làm như vậy... Không phải! Như vậy nè! Đúng rồi. Giỏi lắm!" Ngay sau đó, "cô Eva" thành "bà Eva". Hai anh chị khoái tò tí với nhau lắm. Hễ ăn xong là rủ "oánh tù tì" (Oánh tù tì anh ra cái gì, em ra cái này) rồi nhào vô, ôm nhau vật lộn. Say sưa chiến đấu mà quên coi chừng chung quanh đến nỗi Chúa, đi công chuyện, (trên đường) bắt gặp. Chúa đứng nhìn cả buổi và ngạc nhiên, không hiểu vì sao hai đứa nó thù ghét nhau đến độ vật lộn cả giờ đồng hồ mà không chịu buông ra. Thật là mắt đoàn kết! Chúa giận quá, đập cho một đập, hai đứa rơi tõm xuống trần gian.

Trước đó, họ ở trên thiên đàng sướng quá. Không biết "lao động là vinh quang" là gì. Nay

xuống dưới này, phải làm bờ hơi tai mới có cái ăn, nên anh chị giận con rắn, đã xúi họ làm chuyện bậy bạ mà bị sa vào bẫy khổ, nên thấy rắn đâu là chàng Adam lấy cái chày vồ đập, khiến từ đó, đầu rắn dẹp lép. Con rắn biết lỗi, lại sợ bị đập tiếp nên lúc nào cũng bò sát đất, không dám ngóc đầu lên. Nhưng các bà lại suy tởm "Bà Eva không có bà già chồng thì sống ở đâu cũng đều là thiên đàng cả".

Hai anh chị cũng giống như chúng ta bây giờ, chỉ khác mấy điểm. Nàng Eva chẳng bao giờ bận tâm đến thời trang. Lá đa này khô héo thì bứt lá khác gắn vô. Gắn đại khái thôi, để không bị cảnh sát phạt tội "công xúc tu sĩ" (công khai phạm thuần phong mỹ tục). Thứ hai không người nào ngoại tình vì chỉ có hai người trên trần thế. Nhiều lần, "ăn cơm" hoài, ngán quá, chàng Adam lang thang trên khắp các nẻo đường đất nước, mong tìm được em nào để rủ "ăn phở" nhưng làm gì có! Chàng đành quay về chốn xưa, hát bài "Come Back To Sorrento" dịch ra tiếng Việt là "Cơm nhà quà vợ". Anh ta là người duy nhất trên thế gian chỉ "biết một mà không biết hai!". Không như bây giờ, bà nào cũng phàn nàn về chồng mình "Hắn như gậy thẳng mù. Bước ra khỏi cửa là đụng đầu thọt đó!"

Điểm khác biệt nữa là hễ đau bụng thì anh chị chịu thua. Chẳng ai có lỗi rồn để bôi dầu cù là vì không bà nào sinh ra họ (để có cuống rồn) mà bởi Chúa lấy đất sét nặn nên "cậu" Adam, rồi lấy xương sườn cậu ta, hóa phép thành "cô" Eva. Hai anh chị này là tổ tiên mấy nghìn đời của chúng ta. Mấy bà đánh đá, mấy bà đánh ghen, cứ lòi tên hai vị "cửu huyền thất tổ" này ra mà mặt sát. Phải "đào tận gốc", chứ chửi khơi khơi "Tiên sư bố nhà mày", ăn thua chi!

Rồi sao nữa?

Rồi họ sinh con đẻ cái, chứ sao, trăng gì!

Bây giờ nói chuyện đàng hoàng. Có bao nhiêu loài rắn? Khoảng hai nghìn năm trăm loài. Chúng ăn con trùng, ếch nhái và chuột bọ. Một con rắn mỗi năm ăn 265 con chuột. Việt Nam có 193 loài rắn, trong đó có 13 loài rắn biển (đèn), 53 loài rắn độc, nguy hiểm chỉ có 7 loại. Trên thế giới chỉ duy nhất Việt Nam còn loại rắn Fea s Viper ở vùng Tam Đảo, là loại rắn độc, đầu màu vàng, thân màu xanh có khoanh vàng. Rắn sống được 25 đến 30 năm trong khi rùa và cá sấu có thể sống đến 300 năm. Rắn đẻ trứng nhưng rắn lục lại sinh con. Ở thôn quê người ta thường thấy, hễ rắn lục đẻ thì có con chim bìm bịp đứng chờ, rắn con vừa rời bụng rắn mẹ thì con bìm bịp mổ ăn. Người ta bắt bìm bịp ngâm rượu cho các bà không sinh nở uống để sớm có con (dĩ nhiên phải cần quí ông phụ một tay)

Người dân thôn quê hễ thấy đầu rắn hình tam giác, sống lưng nhô lên (gọi là ba lá) thì biết là rắn hổ, rất nguy hiểm. Rắn hổ lửa màu đỏ rực, rắn hổ hành toát ra mùi hành, rắn hổ đất thường ở trong các đường cày kẻ nứt, rắn hổ mun đen bóng, hổ mây hay hổ gió phóng từ cành cây này sang cành kia như bay. Muốn trừ rắn hổ mây phải dùng rựa chặt, các loại khác bò dưới đất thì dùng roi dáo hoặc dùng gậy nhưng phải hạ tay thấp xuống đập mới hiệu quả. Người miền thượng du tin rằng có loại rắn thần. Rắn "ông" có mòng đỏ (có lẽ là rắn Copra de Capello) rắn "bà" có khoen vàng ở cổ. Cặp rắn thần thường ở trong các miếu thờ hoang vắng, chỉ phun nọc độc là đủ chết người, vì thế không ai héo lánh đến gần các am, miếu trên núi, trong rừng bao giờ. Rắn săn mồi ban đêm, nhìn rõ con mồi nhờ tế bào hình que trong con mắt. Hơn nữa mũi và lưỡi rắn có thần kinh nhạy cảm với nhiệt độ nên dễ tìm mồi ban đêm. Người ta bịt mắt rắn rồi đưa một bóng đèn sáng đến gần, rắn mổ ngay bóng đèn.

Thấy rắn, chuột, "thường luông!"... các bà ở thành thị sợ khiếp vía nhưng ở miền Tây, có bà cũng đi bắt rắn về bán cho mấy quán nhậu. Dụng cụ bắt rắn là cái thòng lọng nhỏ bằng ruột thăng xe đạp buộc vào một đầu gậy dài hơn một mét, dùng tròng vào đầu rắn, siết lại. Đôi khi

dùng cái nạng gỗ hình chữ V, đè cổ rắn, bắt bỏ vào bao. Bán được giá nhất là rắn hổ chúa, giá từ một triệu đến triệu rưỡi đồng VN một kí lô. Bắt được một con hổ chúa kiếm vài trăm đô. Các loại khác giá trên trăm rưỡi nghìn đồng. Người bắt rắn đi vào ban đêm là giờ rắn đi tìm mồi, thường dùng đèn pin để soi. Tôi cũng sợ rắn.

Có một bữa trưa, (ở Mỹ) đi làm về, tôi thấy một con rắn đen thùi (rắn hổ mun?) thân to như cán cuốc, dài gần hai thước tây, nằm trên lối đi trước sân nhà. Có lẽ nó nằm rình đớp mấy con chim sẽ nhảy nhót gần đó. Tôi lấy cây cuốc chim đập ngang lưng nó, rồi đập dẹp đầu, đem xác bỏ thùng rác. Ông Mỹ già hàng xóm của tôi, có lần qua khoe "Tao thấy có con rắn dưới basement (tầng hầm), tao bắt nó, đem ra hàng rào bỏ cho nó đi". Nghe nói, ở Mỹ, thấy rắn phải gọi cảnh sát hay cơ quan nào đó đến bắt đi chứ không được giết. Luật lệ gì kỳ cục! Nhưng ở Mỹ, bị rắn độc cắn khó chết, vì chỉ cần gọi 911 là năm phút sau có người đến cấp cứu rồi chở đi bệnh viện.

Ở Việt Nam, bị rắn độc cắn thì có xe tang đến chở ra nghĩa địa. Mà cũng hiếm khi bị rắn cắn vì dân nhậu lũng sục khắp nơi bắt về ngâm rượu hoặc cắt cổ lấy huyết pha rượu uống, nấu cháo đậu xanh húp với nhau. Tai hại ở chỗ. Rắn bắt chuột mà bắt rắn về nhậu khiến chuột sinh sôi nảy nở, cắn hại lúa. Thiệt hại vì bị chuột cắn phá chiếm trên 20% nông sản thu hoạch. Ở thôn quê cũng có thầy chữa rắn cắn. Chỉ chữa cầu âu. Vì mười con rắn mới có một con rắn độc, mười người bị rắn độc cắn thì chỉ một người chết vì nọc rắn. Ông thầy chữa rắn cắn thường để cục "đá hút nọc" hay hạt đậu đỗ cộ, to cỡ lòng tay cái, tách làm hai, úp vào vết cắn để hút nọc độc ra. Sự thực, chẳng hút nọc độc gì cả. Nếu nọc độc không đủ liều giết được nạn nhân thì nạn nhân sống sót, vậy thôi. Khi bị rắn cắn thì làm ga-rô (cột phía trên vết cắn) để chặn nọc độc theo mạch máu chạy lên tim rồi dùng miếng nút chỗ vết cắn cho nọc theo máu ra ngoài, chỉ cần lấy ra 1/10 lượng độc chết người thì có hi vọng sống sót. Nếu gặp con rắn cục độc hoặc rắn đỏi (chứa nhiều nọc độc trong răng) thì đành chịu chết.

Độc nhất là rắn Mamba, nọc đủ giết một con voi. Rắn mang bành có khoang đen trắng cũng rất độc. Nó có thể phun nọc độc xa đến bốn mét.

Nam Mỹ có loài rắn Naja (không phải Ninja), hình thù kỳ quái nên có tên là Copra de Capello (rắn có mào). Copra chúa ăn luôn các loài rắn khác. Độc nhất là rắn Taipan (không phải Taiwan) ở Úc Châu. Bị Taipan cắn, chết trong vài phút. Rắn Taipan có sọc màu vàng sậm dọc sống lưng. Cắn xong, nó chuồn rất nhanh (32 km một giờ). Hổ mang chúa, hổ mang bành, hổ mang lục Malaisia, lục xanh rất dữ, bị kích động, chúng tấn công ngay. Các loài rắn độc khác chỉ cắn khi bị tấn công hay dẫm phải.

Hàng năm, số người bị rắn cắn chết như sau: Châu Á ba mươi nghìn (30.000) người, trong đó có hai mươi nghìn (20.000) người Ấn vì họ thờ rắn, không giết rắn dù bị rắn cắn. Nam Mỹ bốn nghìn (4.000) người. Châu Phi một nghìn (1.000) người, Bắc Mỹ ba trăm (300) người. Châu Âu năm mươi (50) người. Việt Nam không có thống kê nhưng chết vì rắn độc cắn không nhiều bằng nhậu rắn. Vì nhậu thì phải có rượu, trong rượu có thuốc rầy (uống mau phê) nên sưng gan chết rất nhanh.

Năm 1895 viện Pasteur (Pháp) chế được huyết thanh kháng nọc rắn bằng cách chích những liều nọc rắn rất nhỏ vào ngựa để tạo miễn dịch cho ngựa. Một năm rưỡi sau, lấy huyết thanh ngựa làm thuốc chữa rắn cắn. Nhưng tại sao ngành y khoa có biểu tượng con rắn có lưỡi dài quấn quanh cây gậy bên cạnh cái li? Theo thần thoại Hi Lạp, Esculape là con của thần Apolon, là ông tổ nghề thuốc, có thể làm người chết sống lại. Thần Zeus sai thiên lôi đánh chết Esculape. Vào năm 290 trước công nguyên, La Mã có bệnh dịch, người ta dùng nọc rắn chữa bệnh dịch nên tượng thần y Esculape có thêm con rắn (để nhớ ơn) và cái li dâng rượu cúng thần. Việt Nam ta chả cần biết chuyện đó, cứ ba con rắn độc (tam xà: hổ mang Naja, cạp nong

Jaseiatus, rắn ráo Korros) hoặc năm con rắn độc (ngũ xà: thêm rắn hổ trâu và rắn hổ mang tri) cho vào hủ rượu, ngâm với Ngũ gia bì, Hà thủ ô, Kê huyết đằng, Thiên niên kiện, để ít lâu, đem ra dùng. Tối, trước khi lên giường làm một li nhỏ, thì đau lưng, mỏi cổ, rêm mình... tất cả đều tiêu trừ mà sức khỏe thêm phương cương, gân cốt dẻo dai, "làm việc" bền lâu, bà xã hài lòng, gia đình hạnh phúc.

Tôi biết bạn nghĩ, làm gì tôi cũng đem chuyện bên Tàu (Lưu Bang chém rắn hoặc Thanh xà, Bạch xà) hoặc chuyện Việt Nam như bài thơ "Rắn đầu biếng học" (Lê Quý Đôn) hoặc chuyện "Rắn báo thù" (Nguyễn Trãi) kể ra đây để cho có vẻ văn học nghệ thuật. Làm vậy, bạn sẽ lắc đầu "Xưa rồi!". Vì thế tôi xin kể chuyện da rắn.

Trong một truyện ngắn của Sơn Nam (?), có kể. Thời Pháp thuộc, ở vùng lục tỉnh, có mấy người Singapore tìm mua da rắn. Thời đó rắn bò lổn nhổn, người ta bắt về lột da, phơi khô, chờ người mua đến, bán rất được giá, nhất là những bộ da rắn lớn. Họ mua về làm bóp, nịt, giày... cho các bà quý phái. Nông dân mình có lòng tham và xảo trá, rắn bắt về, thổi hơi vào cho con rắn phình to ra, sau đó, lột da phơi khô, sẽ có được bộ da rắn lớn, bán nhiều tiền. Người Singapore mua về không chế biến được gì vì da quá mỏng, đụng đến là rách. Từ đó họ tấy chay da rắn Việt Nam.

Chuyện rắn mới nhất, xảy ra cách đây mấy tháng (cuối năm 2012) ở Việt Nam. Đó là chuyện rắn bò vào nhà. Chị Lý thị Phương ở thành phố Sóc Trăng, đang nấu ăn, bỗng con rắn lục rơi vào nồi cá kho, chị quăng đĩa bỏ chạy. Chị nói "Mỗi tháng tôi đập chết ba, bốn con rắn lục, hổ ngứa bò vào nhà". Chị Trịnh Lin Ca, nhà gần trường mầm non Sơn Ca, thành phố Sóc Trăng, thấy con rắn lục đuôi đỏ nằm trên cang xe gắn máy, đuổi nó đi thì nó chui vào hộp số trốn trong đó. Thợ sửa xe khè hơi nóng vào nó mới chịu chui ra, phóng đi.

Còn bên Mỹ thì sao?

Vừa rồi tôi đọc thấy, có rắn trong cầu tiêu. Người ta chụp hình con rắn hổ mang to tướng, dài hơn một thước, nằm trong bồn cầu. Cũng may là con rắn bị đứt rắn nhỏ cỡ ngón tay, không thấy được, ngồi xuống là bị nó mổ ngay. Rắn càng nhỏ càng độc. Thành thử, đến những phòng vệ sinh công cộng, nhất là chỗ nghỉ chân (rest area) thường nằm bìa rừng, nhiều rắn rết. Các bà, phải mở đèn, nhìn kỹ chung quanh, dưới đất, trong bồn cầu, thấy an toàn rồi hãy ngồi xuống.



Nhân chuyện con rắn tôi nhớ đến trò chơi "Rồng Rắn" thời còn con nít. Tôi không nhớ chính xác, và lại mỗi địa phương có cách chơi riêng. Đại khái, một đứa làm ông thầy thuốc, một đứa khác làm đầu rắn, sau đầu rắn là những đứa làm thân và đuôi rắn. Đứa sau vòng tay ôm bụng đứa trước cho thật chặt, thành một dãy dài, tượng trưng con rắn, chỉ cần một đứa tuột tay, con

rắn bị đứt ra thì đầu không bảo vệ được thân và đuôi rắn. Trò chơi bắt đầu bằng mấy câu: Rồng rắn lên mây / Có cây lúc lắc / Có nhà điếm danh / Hỏi thăm thầy thuốc có nhà hay không... Đến nhà ông thầy, con rắn hỏi "Có ông thầy trong nhà không?" Ông thầy trả lời "Có. Đi đâu đó?" "Đi bỏ thuốc cho con" "Con lên mấy?" "Con lên một" "Chưa ngon" "Con nên hai" "Chưa ngon" (cho đến) "Con lên mười" Thầy nói "Đà ngon. Xin khúc đầu" Rắn đáp "Đầu cứng" "Xin khúc giữa" "Giữa xương" "Xin khúc đuôi" "Đuôi mềm. Đố ông thầy bắt được thì ăn" Thế là ông thầy cố bắt cho được đũa làm đuôi rắn nhưng đũa làm đầu rắn tìm cách giang hai tay, ngăn chặn. Nếu một đũa mất cánh giác, lỏng tay ra, con rắn bị đứt đoạn, đầu rắn không bảo vệ được thân và đuôi nên thầy "ăn" được đuôi rắn. Trò chơi rồng rắn này còn được biểu diễn bằng "văn vắn":

Xin khúc đầu?

- Những xương cùng xẩu!

Xin khúc giữa?

- Những máu cùng me!

Xin khúc đuôi?

- Tha hồ mà đuổi!

Đó là bài hát con nít cho trò chơi rồng rắn. Còn người lớn thì sao? Biến ba câu hát con nít thành bài hát người lớn, dễ thôi. Chỉ cần "đổi mới" một chữ ở câu cuối: Xin khúc đuôi, tha hồ mà "nhậu." Khúc đầu, những xương cùng xẩu, nối sang khúc đuôi tha hồ mà nhậu- xẩu ăn với nhậu, vắn vò chặt hơn. Năm con rắn, hát tha hồ nhậu, rõ là cảnh "ám no hạnh phúc". Nhưng sau những "xương xẩu máu me", rồi sẽ ra sao?

Chuyện về rắn còn dài. Dù sao, đừng quên nhờ rắn xúi khôn xúi dại mà ông bà Adam-Eva biết hùng hục để đẻ ra loài người. Vậy là cần phải thanh khiu nghe, rắn.

Chúc bà con sang năm mới sức khỏe dồi dào, vạn sự như ý.

Chuyện vợ "Ông nhà thơ"

Ở hải ngoại, mười ông Việt Nam sồn sồn, cỡ trên dưới sáu mươi tuổi thì có đến chín ông là nhà thơ. (Xin bạn đồng ý với tôi, vì chính bạn cũng từng làm thơ, từ thời còn đi học ở quê nhà, nhưng không gửi đăng báo vì khiêm tốn đấy thôi). Ở hải ngoại, cuộc mưu sinh tuy bận rộn nhưng một lúc nào đó, những "rung động bất chợt của những nỗi nhớ, những kỷ niệm...", khiến tâm hồn lãng mạn cảm hứng thành những vần thơ, phải ghi xuống để khi rảnh rỗi, đem ra ngâm nga, tự thưởng thức. Và "chủ đề" của các ông, bà hiện nay là "quê cũ và người xưa".

Sự thực, với các ông, trong chín nhà thơ đó, hết tám ông, thời còn đi học không hề có người yêu, yêu thầm thì họa may. Lý do đơn giản là thuở học trò, cứ vác quả tim cô đơn đi cà lơ thút thểu ngoài đường chứ chẳng cậu nào dám tán tỉnh hay tỏ tình với người đẹp. Nhưng trong "thơ văn hoài niệm" ông nào cũng sắm cho mình một lô các cô nữ sinh, xinh đẹp, ngây thơ... và nhất là cũng yêu "chàng" (nhà thơ) say đắm. Nhưng đau khổ thay! Người yêu lên xe hoa với người khác khiến chàng thành "thi sĩ".

Người làm thơ, trước hết là để cho mình ngâm nga, sau đó (tự thấy hay) mới quyết định mời thiên hạ cùng thưởng thức. Thời đại khoa học tân tiến, chỉ cần mở computer tung thơ mình lên "net" là có hàng trăm, hàng nghìn người đọc. Rồi thì những hồn thơ đồng cảm tìm đến nhau. Trước còn sơ giao, sau thành thân thiết. Khoảng năm 1994, ở hải ngoại, có Hội Thơ Tài Tử, qui

tụ hàng nghìn nhà thơ trên khắp thế giới. Họ góp thơ để phát hành những tập thơ "Cụm Hoa Tình Yêu" dày năm, bảy trăm trang của mấy trăm nhà thơ, lại còn hẹn nhau cứ mỗi hai năm, cùng họp mặt để đem thơ mình ra ngâm nga, cùng thưởng thức, sau đó rủ nhau đi thăm thắng cảnh, đi ăn uống, vui chơi... Nơi họp mặt thường là các thành phố đẹp ở Mỹ, Châu Âu... Mới đây nhất là cuộc họp mặt của Hội Thơ Tài Tử ngày 14 tháng 9 năm 2012 tại Dalas, Texas kỷ niệm 18 năm thành lập, quy tụ nhiều nhà thơ khắp thế giới, có cả những nhà thơ từ Việt Nam sang. Trên thế giới, xưa nay, chưa có hội thơ nào quy tụ nhiều nhà thơ đến như vậy. Tuy vậy còn có hàng trăm thi sĩ người Việt hải ngoại không vô hội, họ làm thơ chỉ phổ biến trong bạn bè, thậm chí để riêng mình ngâm nga.

Tôi biết có một ông nhà thơ thuộc loại đó. Nhà thơ Xuân Tình với tập "Thơ Xuân Tình". Tình yêu trong thơ ông ta mênh mông, lai láng như muốn tràn ra ngoài những giòng chữ.

Chuyện đó có gì lạ đâu?

Điều lạ mà tôi sắp kể ra đây lại là bà vợ ông nhà thơ đó.

Bà vợ ông nhà thơ làm chủ hai tiệm nail (làm móng tay), khá lắm, nên ông chồng ở nhà, đi vô đi ra và làm thơ chơi để giết thì giờ. Vợ ông ta rất yêu chồng, yêu luôn thơ của chồng. Làm chủ tiệm nail lại phải lo chuyện gia đình, chợ búa, nấu nướng, giặt giũ áo quần, rửa chén bát... bận túi bụi, vậy mà về đến nhà là ôm chồng hôn và âu yếm hỏi "Bữa nay ông xã em làm được mấy bài thơ? Đọc cho em nghe với!" Trong khi ông chồng đi lấy mấy bài thơ vừa sáng tác thì bà vợ nấu nước pha trà. Hai người ngồi ở phòng khách, vợ tựa đầu trên vai chồng, lắng nghe chồng ngâm thơ. Và dù là những câu thơ bí hiểm cách mấy, bà vợ cũng suýt soa khen hay. Chuyện ngắn là chuyện dài "cô đợng", bài thơ là chuyện ngắn "cô đợng" Bà ta không cần biết điều đó. Bà chỉ cảm nhận được chồng mình có gì đó cao quý hơn người khác. Chồng bà là "nhà thơ". Bà yêu chồng, yêu hồn thơ của chồng. Sau khi cùng chồng uống chén trà thơm, bà ta hôn chồng lần nữa rồi mới đứng lên lo chuyện cơm nước. Bà ta nấu vài món thôi, nhưng nấu nhiều. Lũ con, nhà gần đấy, đã nên vợ nên chồng, nhưng vẫn giữ thói ăn bám mẹ. Buổi chiều chúng chỉ chờ mẹ gọi là cả gia đình kéo đến ăn, đã khỏi nấu nướng mà được mẹ cho ăn ngon còn bới đem về để sáng mai đem đi làm.

Chuyện hai ông bà yêu thơ hơi quá đáng, có thể làm bạn nghi ngờ tôi "sáng tác". Làm gì có bà vợ yêu chồng kiểu đóng kịch như vậy? Xin bạn kiên nhẫn đọc những chuyện vô lý tiếp theo. Vợ chồng tôi có quen với vợ chồng nhà thơ nên mới biết mà kể cho bạn nghe.

Ông nhà thơ này là một ông cù lằn. Suốt ngày ở trong nhà, cứ lừ như, khật khừ như con gà rù, chẳng bạn bè, chẳng hội đoàn, ngay cả hội "Thơ Tài Tử" ông ta cũng không tham gia. Một lần gặp vợ tôi, bà chủ tiệm nail khoe thơ chồng mình hay lắm, tôi hỏi sao không gửi đăng báo để thiên hạ cùng thưởng thức? Bà ta nói rằng, có gửi nhưng không thấy báo nào đăng! Tôi mới tiết lộ cho bà ta cái "mánh" giống như của tôi (mỗi khi gửi truyện đến các báo) "Chị gửi khoảng chục bài thơ của ông xã chị, kèm theo một chi phiếu mua một năm báo, họ sẽ coi như "bài cậ đăng". Nhất định thơ của ông xã chị sẽ xuất hiện trên báo đó". Bà ta bảo rằng không biết làm cách nào? Tôi bảo cứ ký cho tôi năm ba cái chi phiếu, tôi sẽ lo giùm cho.

Vậy là cả năm tờ báo, thuộc loại "văn học nghệ thuật" ở Cali., Texas đều đăng thơ của ông chồng bà chủ tiệm nail. Bà ta đem mấy tờ báo ra tiệm khoe với khách hàng người Việt rồi cảm ơn tôi rồi rít "Ông xã em vui lắm. Không ngờ thơ mình được các báo giá trị đăng. Cảm ơn anh nhiều lắm" Như vậy là bà ta không cho chồng biết đó là "những bài thơ cậ đăng". Tôi bảo "Có một cách làm cho ông xã chị khoái hơn nữa là ra mắt thơ" Chuyện móng tay, móng chân thì bà ra rành, nhưng về văn học nghệ thuật thì bà ta lại phải nhờ tôi "Em có nghe chuyện ra mắt thơ,

nhưng không biết làm cách nào? Anh có thể giúp em được không? Miễn ông xã em vui thì tốn kém bao nhiêu em cũng không ngại" "Ra mắt thơ nhiều khê hơn đăng thơ trên báo, nhất là ông xã chị không quen biết nhiều với báo chí, ít giao thiệp với đồng hương địa phương ở đây. Tôi lên chương trình như thế này để chị về bàn với ông xã chị trước khi quyết định vì tốn tiền lắm. Trước hết là in những bài thơ của ông xã chị thành tập, gọi là "thi phẩm". Muốn chơi sang thì nhờ một ông nhạc sĩ phổ nhạc khoảng mười bài thơ, thuê ca sĩ hát và thu vào CD, sau đó tổ chức một buổi ra mắt thơ, có ca sĩ hát "thơ phổ nhạc". Hôm ra mắt thơ, ông xã chị ngồi sẵn chờ ra vào, ký tặng thơ và CD. Nhớ đừng ép mua, kiểu bắt chẹt đó khiến người ta bực mình. Người ta đến là may lắm rồi. Muốn buổi ra mắt thơ được đông vui, chị phải quảng cáo trên đài phát thanh, trên TV, trên báo chí thật rầm rộ. Nhưng tôi báo trước là chục nghìn không đủ đâu" Bà ta sáng mắt lên "Bao nhiêu cũng được miễn sao chồng em được mọi người biết tên, báo chí, truyền hình, phát thanh đưa tin, gọi chồng em là "thi sĩ" là chồng em vui rồi. Anh cố giúp giùm em. Anh đừng ngại chuyện tiền bạc" "Tôi chỉ giới thiệu những người lo chuyện ra mắt thơ với chị, họ sẽ sắp xếp mọi việc. Chị yên tâm".

Vài tháng sau, việc in ấn, phổ nhạc, thu CD đã xong, tôi gọi cho một ông trưởng ban nhạc kiêm MC (người điều khiển chương trình), chuyên phục vụ đám ma, đám cưới, hội xuân, ra mắt sách... nhờ ông ta lo giùm, rồi gọi một ông bạn, nhà "phê bình văn học nghệ thuật" ở Cali. nhờ giới thiệu tập thơ. Ông ta bảo, đây là dịp qua Virginia thăm bạn bè mà không tốn tiền nhưng phải gửi cho ông ta tập thơ rồi lo cho ông ta vé máy bay, khách sạn và vài chai rượu là đủ, và muốn ông ta nói trong bao lâu (nửa giờ, một giờ?), ông ta cam đoan sẽ làm phỏng vấn tác giả và khán giả sẽ vỗ tay liên tục. Ông bạn "nhà phê bình" này tính hơi khùng khùng, nhưng cũng rất khôn. Ông ta góp nhặt những đoạn văn từ những bài phê bình, nhận định văn học trên các báo, xào nấu lại thành những bài thuyết trình hoa mỹ, thánh thót của riêng mình. Ông ta có khoảng năm, bảy bài thuyết trình tiền chế như thế, thủ sẵn, khi có người nhờ, giới thiệu một tác phẩm, thì chỉ việc lựa bài nào thích hợp với tác phẩm, nhét vào đó tên tác giả là thành một bài giới thiệu nghe rất mê ly. Một tập thơ, tập truyện, dờ cách mấy mà qua tay ông ta với bài thuyết trình cũng trở thành "kiệt tác". Đương nhiên, tác giả sướng mê, khán giả cũng khoái lố tai.

Thật ra, tôi vốn tính lười. Vợ sai còn không chịu làm, hơi sức đâu làm chuyện tào lao! Nhưng vì tôi không ưa ông nhà thơ này nên muốn phá chơi, vì trước đây vài năm, ông ta gặp ai cũng chào hỏi vui vẻ, còn rủ đi uống cà phê để tán phét, về sau, bỗng nhiên, ông ta rút vô nhà, gặp bạn bè, chào hỏi, ông ta chỉ gật đầu mà không thêm mở miệng, có lẽ ông ta thành nhà thơ, thuộc "cõi trên", không thêm giao tiếp với bọn tầm thường. Bây giờ, tôi xúi ra mắt thơ mà không ai đến để ông ta "quê", cho bỏ ghét. Hơn nữa, tôi tò mò muốn biết về bà chủ tiệm nail này. Yêu thương chồng, chiều chồng theo kiểu kỳ quái đó thì xưa nay hiếm thấy. Bà nào nghe chồng in thơ, ra mắt thơ là nhăn mặt rồi. Đã tốn kém còn phải mang về cả nghìn tập thơ, để chật nhà. Muốn gửi tặng bạn bè, phải moi óc, có được vài chục địa chỉ là quá nhiều, lại phải ký tên, ra bưu điện gửi, tốn kém, phiền phức vô cùng! Nhiều ông còn đi các tiểu bang khác, ra mắt thơ, các bà vợ rầu rầu lắm mà không dám nói. Riêng bà vợ ông nhà thơ này thì lại hời hợt, chạy ngược, chạy xuôi, gọi người này, người kia nhờ vả, năn nỉ, đốc thúc... Tôi được bà ta coi như quân sư, gì cũng hỏi ý kiến, tôi thấy tội nghiệp nên cố giúp. Vì biết kết quả sẽ không ra gì nên tôi giao hẹn trước "Tôi giúp ông bà hết mình rồi nhưng người ta có đến hay không, tôi không chịu trách nhiệm".

Hôm ra mắt thơ, vợ chồng tôi có đến phụ giúp việc chào đón quan khách, sắp xếp chỗ ngồi. Thật không ngờ, khách đến chật nhà hàng! Không biết ai xúi mà bà ta mời một cô ca sĩ nổi tiếng từ Cali. qua. Thế là cứ nghe báo chí, đài phát thanh quảng cáo có cô ca sĩ Ngọc Hạ hát là người ta ùn ùn kéo đến. Hơn nữa đã nghe hát "chùa" (miễn phí) lại được tác giả tặng không tập thơ với CD ca nhạc, lại có nước ngọt, bánh kẹo để nhâm nhi, được gặp bạn bè trò chuyện rôm rả (chả cần biết diễn giả đang nói gì!) Vợ chồng nhà thơ mặt mũi sáng rỡ, nhất là ông chồng,

không còn là con gà rù nữa, lúc nào cũng tươi cười, ký tên tặng thơ không ngại tay. Có điều lạ là, không biết từ đâu kéo đến một lô người đẹp. Tôi thật sự kinh ngạc, không ngờ thơ ông ta làm rung động quả tim của những cô trẻ đẹp đến như vậy! Các cô rất hấp dẫn, thơm tho, ngon lành. "Nói chung" là cô nào cũng nõn nà. Cô có cánh tay trắng nuốt thì mặc áo hở cả nách, cô có đùi thon dài thì mặc quần trên đầu gối hai gang tay, cô có ngực tròn, trắng, mịn như trứng gà bóc thì chỉ che ngực một phần tư thôi. Có cô, diện giống như nữ tài tử xi nê đến dự đại hội điện ảnh Oscar, phía sau, từ cổ đến dưới eo (lưng) để trống trải, thoáng mát, nên cô đi đâu thì đâu các ông queo theo hướng đó. Đã vậy các cô lại đi lung tung, gặp ông nào cũng chào, chào theo kiểu Nhật, nghĩa là cúi gập người xuống. Các ông thấy hết, mặt thộn ra, như bị bắt mắt vía. Có lẽ xong buổi ra mắt thơ mà các cô chưa về, các ông cũng không chịu về. Tôi đâm ra ước được như ông nhà thơ, để trong mấy chục cô "hâm mộ thơ" đó làm gì cũng có vài cô sa vào vòng tay của tôi. Có điều lạ là bà vợ ông ta không tỏ ý khó chịu trước những lời ca tụng, tán tỉnh gần như tỏ tình của các cô (nõn nà) này với ông chồng (nhà thơ), mà còn về hùa theo rồi cười đùa vui vẻ nữa. Vì sao bà ta lại quá tử tế với chồng đến như vậy?

Buổi ra mắt thơ thành công ngoài mơ ước. Người điều khiển chương trình quả là chuyên nghiệp. Anh ta mở miệng là khán giả cười vui như xem hài kịch. Nhà phê bình văn học nghệ thuật thì đúng là danh bất hư truyền. Vì tôi mãi chiêm ngưỡng vẻ đẹp giai nhân nên đôi mắt và hồn vía tôi cứ bám sát theo các cô đang ỏng ẹo đi lòng vòng khắp nơi, nên không biết ông ta nói gì nhưng thỉnh thoảng nghe tiếng vỗ tay rào rào.

Sau hôm ra mắt thơ đó, tò mò, tôi đem thi phẩm "Thơ Xuân Tình" ra đọc. Không hiểu ông bà nào đánh máy, trình bày tập thơ cho ông ta, đã ghi một câu đáng kinh ngạc, ngay bìa trước tập thơ, dưới tấm hình tác giả rằng "Thi sĩ lãng mạn được mến mộ nhất hiện nay tại hải ngoại, người đã hi sinh cả đời mình để viết nên những trang sử thi đau thương..."

Tôi cũng mượn bài diễn văn của nhà phê bình văn học để nghiên cứu, hi vọng sẽ biết được giá trị của thi phẩm. Đọc suốt tập thơ và bài "phê bình văn học" tôi chỉ rút ra được một kết luận là nhà phê bình quả là đại tài. Tôi xin trích vài đoạn văn tiêu biểu sau đây: "Lãng mạn và đầy cá tính là yếu tố hấp dẫn trong thơ Xuân Tình. Đó là một thông điệp, chuyên chở bằng chữ nghĩa, gần như lạnh lùng, không cảm xúc về những vấn nạn của hiện thực đầy cảm tính, nhưng lóng lánh trong đó là những mảnh suy tưởng sắc sảo, những rung động ẩn mật của tình yêu. Tuyệt vời hơn nữa là với sự thông minh, dí dỏm, nhà thơ Xuân Tình đã lôi cuốn người thưởng ngoạn vào những tình huống bất ngờ, đầy hình ảnh và âm thanh của đam mê, buông thả và cộng hưởng" (?!). Trong một đoạn khác, ông ta viết "Từ vị trí một người thưởng ngoạn bình thường, tôi nghĩ, nhà thơ Xuân Tình có trong tay một cách thể thi ca để thể hiện sự hiện hữu của mình. Một nhà thơ phá cách, nhiều tìm tòi thử nghiệm, cách tân ở kỹ thuật, đậm tính thời cuộc ở nội dung. Thơ ông được giải thoát, được tự do, vượt trên mọi câu thúc xã hội, vượt qua cả hàng rào tín ngưỡng, đạo lý, vượt khỏi tâm lý rụt rè, khép kín để bay bổng về một thế giới mới, một linh hồn mới, một hơi thở mới. Từ đó, người ta thấy được cái phong phú của cuộc sống, cái sâu thẳm của tâm hồn và cái trớ trêu của định mệnh"

Tôi chịu thua, không hiểu gì về bài nhận định thơ theo lối tiền chế đó! Chỉ duy nhất một câu (không biết ông ta thưởng của ai) lộ rõ ý mỉa mai mà ít người để ý "Thơ rất lạ, một ưu điểm nhưng cũng là nhược điểm vì sẽ kén người thưởng thức" Tôi hỏi "nhà phê bình văn học" nghĩ thế nào mà viết toàn những câu ca tụng nghe rồn rảng như chuông mà chẳng thực tế, rõ ràng gì cả? Ông ta hỏi tôi "Ông có đi dự đám ma lần nào chưa? Có nghe người ta đọc diếu văn chưa? Tôi nhận định văn học trong những buổi ra mắt sách, ra mắt thơ cũng giống như người ta đọc diếu văn trong các đám ma vậy thôi. Chỉ ca tụng, suy tôn tác giả, tác phẩm chứ không phê bình, góp ý. Tác giả khoái chí, người nghe vui tai. Có hại cho ai đâu? Anh chê văn, thơ người ta vì văn, thơ của anh dở hơn của người ta. Nhà văn, nhà thơ thất bại thành nhà phê

bình là vậy"

Còn về thi sĩ Xuân Tình, cá nhân tôi nhận xét thì, quả thực ông nhà thơ của chúng ta đã "bước lùi về quá khứ một bước và tiến tới hậu hiện đại ba bước". Nhiều bài thơ, tôi đoán, ông ta nhắm mắt viết bừa những câu bí hiểm điên khùng rồi ngắt ra từng đoạn, xuống giòng, thế là thành một bài thơ tự do, trừu tượng, siêu hình gì đó? Có những câu rất công thức như "Từ em về với người ta. Anh rời phố thị khóc tà huy xưa..." hoặc rất khó hiểu như "Em cổ tích ta vong thân mục tử, ôm mặt trời đọc tấu khúc cuồng phong"...

Tôi biết, bạn nghĩ rằng tôi (nhà văn thất bại thành nhà phê bình) đang phịa ra một chuyện vừa dở vừa vô lý. Tôi còn điên đầu hơn nữa. Thế nên, nhân một hôm bà ta đến nhà để cảm ơn sự giúp đỡ của vợ chồng tôi về buổi ra mắt thơ, tôi hỏi bà ta "Tôi có vài thắc mắc, nếu không tiện thì chị đừng trả lời. Như thế này. Tôi chưa thấy bà vợ nào hăng hái ủng hộ chồng in thơ, ra mắt thơ một cách tốn kém như chị. Ông xã chị ham vui thì chấp nhận được, nhưng chị lại sốt sắng hơn chồng nữa. Vậy là sao?" Bà ta ngồi yên một lúc rồi bỗng khóc òa. Vợ tôi hoảng kinh, ôm lấy bà ta, vỗ về "Có chuyện gì vậy? Chị không muốn nói thì thôi, đừng kể ra đây" Rồi làm bộ trách tôi "Anh sao tò mò chuyện người ta? Xin lỗi chị. Ông xã em vô ý quá!". Bà ta vừa khóc vừa lắc đầu, một lúc sau mới mếu máo nói "Chồng em bị ung thư sắp chết. Mổ rồi, chữa đủ cách rồi, nhưng bác sĩ bảo riêng với em là ảnh chịu đựng giỏi lắm là hai năm. Bởi vậy em phải làm sao cho ảnh vui trong những ngày cuối cùng khi vợ chồng còn bên nhau. Bán nhà em cũng làm. Cứ nghĩ đến mỗi ngày vợ chồng mỗi cách biệt, đêm nào em cũng khóc" Vợ chồng tôi vội xin lỗi "Ảnh bị bệnh mà tụi tôi không hề biết. Thật có lỗi quá!" Bà ta lại lắc đầu "Chồng em dặn trong nhà là không được nói cho người ngoài biết chuyện bệnh hoạn của ảnh. Ảnh không muốn ai hỏi han, thăm viếng, an ủi, thương hại" Trước đó, tôi nghĩ rằng bà ta là người điên, giờ đây, tôi lại thấy thật đáng kính phục, thương chồng quá sức! Bà ta nói tiếp "Em phải làm gấp, trước ngày đưa chồng em tái khám, vì sợ, bác sĩ mà tìm thấy di căn thì chẳng khác gì bị kêu án tử hình. Lúc đó vui thú gì mà ra mắt, ra mũi. Em sợ mất ăn mất ngủ mà ảnh thì vẫn bình thân làm thơ còn đồng ý cho em tổ chức ra mắt thơ nữa" Vừa thán phục bà vợ, bây giờ tôi lại kính nể ông chồng. Hiếm người thấy thân chết vác lưỡi hái đứng trước cửa mà vẫn làm thơ tình bơ.

Sau ngày ông thi sĩ Xuân Tình tái khám, vợ chồng tôi không dám hỏi thăm sợ ông chồng giận vợ, đã dặn là không cho ai biết, sao có người gọi hỏi? Vậy mà một hôm, bà vợ điện thoại, mời chúng tôi đi nhà hàng, ăn mừng buổi ra mắt thơ thành công mỹ mãn.

Chiều thứ bảy, những người đã góp công, phụ giúp trong buổi ra mắt thơ, có cả mấy cô hấp dẫn đi nhớn nhỡ bữa trước nữa, tổng cộng trên vài chục người, đến nhà hàng đông đủ. Bà vợ ông nhà thơ đứng lên nói mấy lời cảm ơn, chờ mọi người vỗ tay xong, bà ta mới long trọng báo một tin vui "Hôm thứ hai, ông xã tôi đi tái khám, mấy ngày sau có kết quả từ bệnh viện cho biết, tình trạng rất khả quan, nghĩa là không thấy di căn hay bệnh lan qua các bộ phận khác" Mọi người nâng ly chúc mừng nhà thơ khỏi bệnh. Ông ta đứng lên tươi cười nói "Tôi bị ung thư bao tử đã lâu nhưng không cho ai biết. Bữa nay thì coi như khá hơn trước. Bác sĩ nói vậy thì biết vậy, dù sao đi nữa, tôi vui sống được đến ngày nay là nhờ vợ tôi". Đang ăn uống chuyện trò thì bà vợ ông nhà thơ có điện thoại. Bà ta nói lớn như muốn mọi người chú ý "À! Dạ đúng rồi ạ! Dạ, em có biết nhà sách Văn Chương của anh. Anh cần mang đến ngay hai mươi tập Thơ Xuân Tình? Thế hả? Một bà bên Pháp qua Mỹ thăm bà con, người ta nhờ mua đem về Pháp? Ôi. Thật hân hạnh cho vợ chồng em quá! Cảm ơn anh nhiều lắm. Dạ, chủ nhật này em đem thơ đến, được không ạ? Dạ, cảm ơn anh" Bà ta bỏ điện thoại vào xách tay, giọng bình thản "Sáng hôm qua, nhà sách Bình Minh cũng gọi bảo đem đến hai chục tập Thơ Xuân Tình. Một bà từ bên Úc qua Mỹ chơi mua một mớ. Thằng con chúng tôi đưa tập Thơ Xuân Tình của ba nó lên "net" (internet), báo chí đem xuống in ra nên người ta biết và hỏi mua" Mọi người ngó ra rồi lại vỗ tay chúc mừng. Ông chồng ngồi cười cười, nói mấy lời khiêm tốn, nhưng mặt cứ véch lên

trời, coi bộ thú vị lắm. Thật đáng kinh ngạc. Một nhà thơ vô danh, chỉ sau mấy bài thơ đưa lên "net", đăng báo và một buổi ra mắt thơ bỗng trở thành nhà thơ "kiệt xuất"! Hay là bà ta làm bộ như có người mua thơ để chúng tôi lác mắt chơi, và cũng để cho chồng vui chứ chẳng ai khùng điên đi mua loại thơ đó về Úc, về Pháp tặng bạn bè!

Mấy hôm sau, tôi đến nhà sách Văn Chương. Ông bà chủ nhà sách là chỗ quen biết. Tôi mua vài cuốn sách rồi làm như vô tình, hỏi chuyện về thơ, về phát hành, mua bán thơ. Ông chủ nhà sách dẫn tôi đến một góc kệ, chỉ một dãy các tập thơ "Những nhà thơ nổi tiếng thì bán chạy lắm, còn những người khác gửi bán, tôi nể tình nhận, nhưng chẳng bao giờ bán được thơ. Thế nên, tôi dồn hết những "thi phẩm" của họ vào góc đó, gọi là Nghĩa Địa Thơ". Rồi ông ta tiếp "Có một chuyện lạ. Anh có biết nhà thơ Xuân Tình là ai không?" Tôi lắc đầu, vờ không biết "Tôi chỉ đọc báo và biết ông ta vừa ra mắt thơ tuần trước ở thành phố mình" "Tôi có đọc thử, thơ ông ta cũng nhì nhằng, tầm tạm, vậy mà có người mua cả chục tập, đem về Pháp, Úc tặng bạn bè. Sáng nay tôi vừa giao hai chục tập thơ cho một bà, bà ta còn đòi mua thêm mấy chục tập nữa" "Có thể mình không đủ trình độ thưởng thức thơ ông ta. Kiểu này ông ta dám lãnh một giải thưởng thơ quốc tế nào đó thì cũng không nên ngạc nhiên" "Đúng vậy. Ở đời có những bất ngờ mà chẳng ai lường trước được!"

Đọc đến đây, quý vị sẽ nghĩ "Đúng là một chuyện phịa có hậu nhưng vụng về và vô lý. Nhà thơ ra mắt thơ thành công, bình ung thư lành hẳn, vợ chồng hạnh phúc!"

Nhưng xin thưa quý vị, chuyện đời đâu có đơn giản quá như vậy? Phần sau đây mới làm người đọc bàng hoàng. Nguyên nhân thế này. Bà vợ ông nhà thơ đang khỏe mạnh bỗng thấy đau đầu khủng khiếp. Đi bác sĩ rồi khẩn cấp đưa vô bệnh viện mổ ngay. Bà ta có khối u trong đầu. Bệnh viện thử máu, chụp hình rồi chụp thuốc mê để mổ. Mổ xong, bà ta đi luôn, không tỉnh dậy nữa. Mới tuần trước còn thấy bà ta chào hỏi, cười nói với mọi người, tuần sau, bà ta biến mất trên thế gian! Sau khi chôn cất vợ, ông nhà thơ đem những tấm hình vợ rọi lớn lên, treo kín các vách tường trong nhà. Trong phòng ngủ thì một bức chân dung vợ lớn hơn nữa, che lấp cái màn hình TV, để khi vào giường, thay vì xem TV, ông ta nằm ngắm vợ. Suốt ngày ông nhà thơ chỉ quanh quẩn giữa bốn bức tường, để nhìn đâu cũng thấy vợ. Có thể nói ông ta điên vì thương nhớ vợ chứ không phải thất tình.

Một năm sau, nhân giỗ đầu của bà chủ tiệm nails, chúng tôi được mời đến dự. Ông chồng có vẻ tỉnh táo, bớt nhớ vợ. Khi về, tôi nói với vợ tôi những thắc mắc về buổi ra mắt thơ, về những tập thơ bán qua Châu Âu, châu Úc. Vợ tôi giải thích "Chị ấy bắt mấy cô thợ nail (thợ móng tay) trong tiệm diện võ, sao cho sexy, đi nhõn nhõn cho mấy ông vui, để khỏi chán, bỏ về sớm" Tôi kinh ngạc "Không ngờ bà ta khôn lanh quá cỡ. Bả làm cách nào mà bên Pháp, Úc cũng nghe danh ông ta mà tìm mua thơ?" Vợ tôi lại cười, chấp hai tay vái vái vào khoảng không như vái vong linh bà vợ ông nhà thơ rồi thì thầm, như sợ bà ta nghe được "Chị ấy dặn tụi em phải giữ thật bí mật. Chỉ nhờ tụi em, giả bộ như người từ Pháp, Úc, qua Mỹ tìm mua Thơ Xuân Tình. Cứ hỏi mua tối đa, mấy chục tập cũng được, chỉ trả lại tiền"

Bạn thấy, chuyện tôi kể chẳng hay ho gì, phải không? Không hay nhưng rất đẹp. Đó là tình yêu thương chồng của bà chủ tiệm Nails. Hiếm ông nào có được người vợ như thế.

Nhất chi mai

"Đình tiền tạc dạ nhất chi mai"
Thiền sư Mãn Giác

Lúc còn dưới tiểu học, bài tập làm văn nào cũng bắt đầu bằng hai chữ nhân dịp, kể chuyện này tôi cũng xin "nhân dịp".

Nhân dịp được thất nghiệp, máu giang hồ nổi lên, tôi bèn rủ một người bạn làm một chuyến du lịch vòng quanh nước Mỹ để thăm bạn bè. Bạn tôi có số nhờ vợ. Vợ chồng hắn có một tiệm chạp phô bán gạo, mắm, ớt, tỏi đủ thứ bà rành. Vợ hắn cứng rắn rất mực, hễ hắn làm gì có vẻ lao động chân tay là bị cự ngay "Không ai mượn làm chuyện đó, tránh ra!" Đúng là hắn tốt nghiệp "ngạch cai trị"! Hắn muốn gì, vợ hắn đều răm rắp tuân lệnh một cách vui vẻ. Còn tôi thuộc loại tứ cố vô thân, chẳng có vợ con, nhà cửa gì nên rất thành thời.

Chúng tôi ở miền Đông Bắc Hoa Kỳ, dự định đi xuống miền Nam, vòng qua Cali, rồi lên phía Tây Bắc.

Lúc đó vào cuối năm âm lịch, khoảng tháng hai dương lịch mà tuyết và gió lạnh vẫn chưa bớt, nhưng càng về phương Nam, trời ấm dần. Trạm đầu tiên cũng là trạm chính mà tôi cố ý ghé là nhà Hùng ở tiểu bang Georgia. Vợ chồng Hùng đã chờ sẵn ở phi trường đón chúng tôi về nhà. Hôm đó đúng vào ngày ba mươi Tết, trời đã về chiều, gió hơi lạnh lại lất phất mưa, giống hệt những ngày giáp Tết ở miền Trung Việt Nam. Nhà Hùng không lớn lắm nhưng có vườn cây cảnh rất đẹp, đứng trên lầu nhìn ra giòng sông phía xa, bên kia là những đồi cây xanh, lờ mờ trong sương như một bức tranh Tàu. Hai đứa tôi được giành cho hai căn phòng nhỏ trên lầu. Tắm rửa xong thì đã sẵn một bàn đồ nhậu ở sân thượng mà Hùng gọi là tiệc đón Giao Thừa. Vợ Hùng làm đồ nhậu rất tuyệt. Nhớ lại sau ngày sập tiệm bảy năm ở Sài Gòn, mấy tay hành chánh chạy được về cũng khá đông, thường được Hùng mời về nhà nhậu mấy bữa trước khi đùn đầu vô rọ cải tạo. Hùng làm ở Bộ Kinh Tế nên thời gian đầu vẫn được "lưu dụng", sau khi mấy cậu việt cộng quen việc rồi thì được đuổi về, dù sao cũng thoát được nạn đi tù.

Vợ Hùng, người Bắc, rất khéo chế biến món ăn. Cô ta vẫn như trước kia, thỉnh thoảng dưới bếp chạy lên canh chừng, xem thiếu món gì thì tiếp tế. Cô có một đức tính rất quý là chẳng bao giờ bỏ vào tai những gì chúng tôi nói với nhau. Bây giờ lớn cả rồi, chuyện lãng nhãng không còn thú vị nữa. Chúng tôi thích nói chuyện mỉa mai, thâm thúy hơn. Sau hơn hai mươi năm chúng tôi mới gặp nhau, ôn lại bao kỷ niệm, từ những ngày sống trong ký túc xá ở đường Trần Quốc Toản cho đến khi ra trường mỗi đứa một nơi. Chúng tôi chỉ kể lại những chuyện vui, chuyện oái ăm thôi. Thực ra, ở tù rồi ra tù, đâu cũng vậy, chẳng có gì đáng buồn. Ngay cả việc tôi bị vợ bỏ cũng chẳng làm tôi quan tâm, tuy nhiên bạn bè thường rất ngại, không muốn nhắc đến chuyện đó, tưởng như thế là lấy cây mà chọt vào vết thương lòng của tôi khiến tôi đau đớn lắm. Ai cũng coi tôi như kẻ ngã ngựa, bỏ vợ thì được chứ vợ bỏ đúng là mất mặt nam nhi. Ngày tôi qua xứ Mỹ, có được số điện thoại, tôi gọi cho Hùng, vợ Hùng mừng lắm cứ giành điện thoại hỏi tôi đủ điều, nhưng khi nghe tôi bảo "Bị vợ bỏ rồi" là không hỏi nữa. Đàn bà rất tò mò chuyện này, vợ Hùng coi bộ ám ức muốn biết vì sao tôi bị vợ bỏ" Bây giờ vợ tôi ở đâu, có chồng khác là ai"

Tôi biết tâm lý đó nên khi rượu đã ngà ngà, tôi bảo.

- Tôi biết bà Hùng muốn nghe chuyện tôi bị vợ bỏ ra sao. Bây giờ tôi kể, coi như món quà tôi tặng bà, để bà khỏi thắc mắc hoài tội nghiệp.

Cô ta làm bộ miễn cưỡng.

- Cái ông này! Ai lại đi nghe chuyện đời tư của người ta.

- Bộ bà không muốn nghe sao" Thì thôi, tôi kể nhỏ nhỏ cho phe đàn ông nghe.

- Ông này... Cứ coi như chuyện đùa. Nhưng ông kể chứ không ai ép đâu nhé!

- Nhưng bà đã lo cho mấy đứa nhỏ ăn chưa, hay bắt chúng nhịn miệng đãi khách"

- Có cô chúng lo rồi. Đáng lẽ cho cô ấy và các cháu lên chào hai bác, nhưng vì hai bác còn mệt nên để ngày mai.

- Được rồi ngồi xuống đây, tôi kể, nhưng hơi dài dòng một chút. Tôi quen vợ tôi trong một tiệc cưới của một người bà con ở Đa Lạt. Lúc đó tôi học năm thứ hai Đốc Sự Hành Chánh. Tiệc cưới nào cũng giống nhau, nhưng mình là người ở Sài Gòn náo nhiệt, lên Đa Lạt tự nhiên thấy khác liền, cảnh đẹp mà buổi tối thật yên tĩnh. Tôi được xếp ngồi cạnh một cô gái coi cũng đẹp,

nhưng điều làm tôi chú ý là vẻ điềm đạm, chín chắn của cô. Cô thường yên lặng như chìm đắm vào một ý nghĩ nào đó. Tôi gọi chuyện thì được biết cô đang học luật ở Sài Gòn. Chúng tôi trao đổi nhau địa chỉ trước khi ra về, nhưng ngay lúc đó trời đổ mưa. Tôi hỏi cô ta về bằng gì, cô bảo có người nhà đem xe đến đón. Từ nhà hàng ra cổng phải qua một vườn hoa, tôi hỏi cô xe hiệu gì, màu gì để tôi ra xem chừng, hễ xe đến tôi sẽ báo, cô khỏi phải ra vào ướt át. Cô bảo nhà có ba chiếc xe nhỏ nên không biết xe nào sẽ đến đón. Thời đó, ai sắm được một chiếc xe du lịch đã là sang trọng rồi, đằng này gia đình cô có đến ba chiếc ắt phải giàu và đông người lắm.

Hôm sau tôi đến thăm cô. Đó là một ngôi biệt thự rất xinh, trên đồi thông trông ra hồ Xuân Hương thật nên thơ. Cô sống một mình, phía sau là gia đình người quản gia và nhà để xe. Cô bảo còn gia đình người chị nữa nhưng đã đi Đức nghỉ hè rồi vì người chị có chồng dân Đức. Sau đó về Sài Gòn cô hay đến ký túc xá trường Hành Chánh thăm tôi. Chúng tôi thường đưa nhau đi ăn quà rong, xem ciné giống như những cặp tình nhân khác. Tính cô ít nói, ít khi biểu lộ tình cảm. Vậy mà chúng tôi cưới nhau không phải do tôi ngộ ý mà là cô ta.

Tôi nhớ năm đó, sau hôm thi tốt nghiệp xong tôi và cô đi xem phim ở rạp Rex. Phim dở quá, chúng tôi nói chuyện rì rầm với nhau. Đột nhiên cô hỏi "Ra trường rồi anh có định lấy vợ không"" "Về các tỉnh buồn lắm, có lẽ phải kiếm một cô vợ" "Anh có định cưới em không"" "Không! Bỏ bịch nhau thì được" "Sao vậy"" "Vì gia đình em giàu quá, người ta bảo anh đào mỏ, vả lại em dư sức lấy kỹ sư, bác sĩ, chọn anh làm gì" "Em không hiểu ý anh muốn nói gì!" "Em sung sướng quen rồi, nếu theo anh về tỉnh lẻ, có khi về các quận thôn quê, em chịu sao thấu" "Anh đừng lo chuyện đó. Hay là anh chê em, hay là anh đang yêu ai"" "Anh không chê em, anh cũng yêu em nữa, nhưng yêu ít hơn một người khác" Cô tò mò một cách bình tĩnh "Em có thể biết được người đó là ai không và chuyện hai người đi tới đâu rồi, có định cưới nhau không"" "Đúng ra là chuyện một người chứ không phải hai người. Anh yêu cô ta hơn hai năm rồi, trước khi gặp em nữa kia, nhưng cô ta không đáp lại vì cô đang có người yêu. Thực ra anh được gặp và nói chuyện có một lần thôi, còn những lần khác chỉ ngồi trong quán bên đường nhìn cô ta. Anh tưởng quen với em sẽ quên được cô ta vì em đẹp hơn, nhưng rồi chẳng có gì thay đổi trong tình yêu của anh" "Anh yêu thì cứ yêu nhưng đừng hy vọng gì, đừng phá đám người ta. Ngoài ra còn có người nào anh có cảm tình nhất"" "Sau đó là em" "Không chê em, cũng có yêu em nữa, anh lại thấy cần một người vợ, vậy anh chọn ai""

Tôi ngạc nhiên trước lối lý luận thẳng thắn và thực tế của cô. Lúc bấy giờ tôi không có một chút ý niệm gì về gia đình cả vì giấc mơ của tôi về một ngày được sống với người con gái tôi yêu đơn phương kia chỉ là không tưởng.

Thế là chúng tôi cưới nhau. Hôm ra trường, chọn nhiệm sở ở Bộ Nội Vụ, vợ tôi dặn, cố chọn cho được tỉnh Lâm Đồng. Chuyện đó quá dễ vì tôi đậu cao, nhiều ưu tiên hơn các bạn, nhưng tôi thắc mắc thì vợ tôi kể rằng. Chị cô có chồng dân Đức, họ đang thầu vận chuyển tất cả những gì của quân đội Đồng Minh từ các hải cảng miền Trung lên Cao Nguyên, làm chủ hàng mấy chục chiếc xe tải. Họ còn có cả một hệ thống đại lý phân bón và thuốc sát trùng cho toàn miền Trung. Nay thấy cô em lập gia đình, cô chị nhường cho em các đại lý từ Dầu Dây, Long Khánh lên đến Di Linh, Đức Trọng "Nhưng anh không quen hoạch họa hay năn nỉ ai cả!" "Anh khỏi làm gì, chỉ cần các cán bộ xã, ấp biết anh là chồng em là đủ, còn mọi việc để em" Tôi nghe có lý nên làm theo như lời vợ tôi dặn. Tôi làm trưởng ty Hành Chánh tỉnh Lâm Đồng. Những dịp tỉnh họp quận, xã tôi vui vẻ chào hỏi mọi người, có khi mời họ uống cà phê, ăn điểm tâm nhưng tuyệt nhiên không đá động gì đến chuyện làm ăn của vợ tôi. Chúng tôi dọn lên Đa Lạt, mỗi tuần tôi về nhà một lần. Vợ tôi sinh được một thằng con rất kháu khỉnh. Công việc kinh doanh của vợ tôi cũng chẳng có gì vất vả, thỉnh thoảng cô đi một vòng các đại lý để thăm viếng, tìm hiểu còn mọi việc có nhân viên lo cả.

Chúng tôi sống với nhau được ba năm thì xảy ra vụ sập tiệm năm bảy lăm. Trước vụ di tản chiến thuật từ Cao Nguyên về, tôi được thư của vợ tôi từ Sài Gòn nhắn tôi về gấp, tòa đại sứ Đức sẽ đưa cả gia đình lên máy bay, tên tôi đã có trong danh sách chuyển bay rồi. Sau đó tôi

lại được liên tiếp hai lá thư cầm tay nữa. Tôi viết trả lời vì bận việc, nếu không về kịp gia đình cứ đi trước, đừng lo cho tôi. Thực ra Đa Lạt, Lâm Đồng đâu có bị tấn công, công việc các ty, sở tòa Hành Chánh lúc đó cũng chẳng ai cần nữa, nhưng tôi không rời nhiệm sở. Sau này tôi mới biết, không phải chỉ riêng tôi, biết bao đơn vị hành chánh, cảnh sát, quân đội... cấp chỉ huy đã chạy đâu mất tiêu mà người chiến sĩ vẫn không rời vị trí chiến đấu cho đến khi gục chết vẫn không hề ân hận điều gì. Họ cảm thấy đất nước lâm nguy, bị đất đến độ chỉ biết đem thân ra chống đỡ một cách tuyệt vọng, quên cả bản thân, cha mẹ, vợ con. Khi tôi về thì tất cả đã đi rồi. Tôi đi tù, và bây giờ ngồi đây. Chuyện chỉ có thế.

Vợ Hùng có vẻ bất mãn.

- Nhưng ông phải tìm cho ra vợ con chứ. Ông không thương vợ con ông à"

- Thương chứ, nhưng tìm vợ con để làm gì. Mỗi người đã có một số phận. Cứ để cho vợ tôi coi như tôi đã chết rồi. Hơn hai mươi năm không có tin tức chồng, dù thương yêu bao nhiêu, cô ta cũng không thể làm hòn vọng phu được. Còn thằng con, có thể mẹ nó bảo rằng tôi đã chết hoặc người cha sau này là cha ruột của nó. Ở bên Đức chắc chắn họ sung sướng, thế là tôi yên tâm. Làm xáo trộn sự yên tĩnh của họ chẳng có lợi cho ai cả.

Mọi người yên lặng như đang tưởng niệm đến bao mối tình, bao gia đình tan nát vì chiến tranh. Và trong không khí yên bình của một đêm cuối năm ở xứ người, bỗng xôn xao trong tâm tưởng hình ảnh đất nước thân yêu năm nào trong những ngày khói lửa tang thương...

Vợ Hùng chợt lên tiếng.

- Theo ông kể thì chẳng biết vợ ông có thương yêu ông không nữa"

- Lúc đầu tôi cũng phân vân như thế. Nhưng càng về sau, sống với nhau, tôi mới hiểu tấm lòng của vợ tôi. Người con gái dù có yêu ai bao nhiêu cũng không bao giờ tỏ tình trước, vậy mà cô ta dám gợi ý cho tôi cưới cô, nhưng khi biết được tim tôi đã gởi cho người khác, tuy tranh đấu được tôi trong vòng tay, nhưng cô không bao giờ biểu lộ tình cảm nữa. Cô đã dâng tôi cả trái tim, tâm hồn và cả cuộc đời nữa, nhưng chỉ nhận được ở tôi cái bản năng, cái lương tri của một người chồng có học, đứng đắn thế thôi. Tôi thấy mình ở tù là đáng đời, chẳng phải vì vi phạm cộng trả thù mà chính Trời phạt tôi đã phụ một tấm chân tình. Tôi không xứng đáng với tình yêu của cô ta. Hạnh phúc trong tay không chịu hưởng lại chỉ tơ tưởng đến một bóng hình xa xôi, vô vọng. Tôi vừa đau đớn vừa cầu mong cô yêu được người chồng sau này.

- Nhưng theo ông kể, ông chỉ gặp cô gái kia chỉ một lần mà lại yêu say mê, dai dẳng như thế, chuyện cũng khó tin.

- Chính tôi cũng không hiểu mình nữa. Có lẽ Trương Chi giải thích được vì sao anh ta chỉ gặp My Nương có một lần mà thất tình đến độ quả tim hóa đá luôn.

- Ông thử kể cô ta hương trời sắc nước ra sao và gặp trong trường hợp nào"

- Chuyện chẳng có gì ly kỳ nhưng hơi rắc rối. Tôi nhớ lễ Giáng Sinh năm đó, tôi cùng vài người bạn đi nhà thờ Đức Bà xem người ta đi lễ. Tất cả các lối đến nhà thờ đều cấm xe cộ nên ngang chợ Bến Thành chúng tôi gửi xe đi bộ, chen lấn với mọi người tìm ngắm người đẹp. Một lúc sau tôi bị lạc mất bạn. Đang nhỡng cổ tìm kiếm, bỗng tôi thấy một cô gái cũng đang ngơ ngác nhìn quanh, có lẽ cô cũng lạc bạn như tôi. Trong mắt tôi, cô nổi bật như đóa hoa rực rỡ giữa đám cỏ dại. Chẳng phải cô đẹp nhưng có những nét đặc biệt mà tôi tưởng như quen biết, thân yêu từ lâu lắm. Da cô ngăm ngăm, hai mắt đen nhánh dưới đôi lông mày rậm, khi tôi đến gần, cô nhìn tôi với tia nhìn sáng rực như quạt mạnh vào nơi sâu kín nhất tâm hồn khiến tôi ngất ngây. Tôi rung động cả thần trí lẫn thể xác, như chết chìm trong một hạnh phúc tái ngộ đầu từ kiếp trước. Giây phút bất chợt đó, tôi biết tôi đã yêu. Trang phục cô màu đen, tóc ngang vai, cô cài trên tóc một đóa hoa vàng, không rõ hoa giấy hay hoa nhựa, hai tai cô cũng có hai đóa hoa vàng nhỏ. Hình ảnh đầu tiên đó đến bây giờ vẫn còn nguyên trong trí tôi. Khi tôi đến gần cô thì giòng người như đặc cứng. Cô bị xô đẩy và muốn thoát ra khỏi đám đông một cách tuyệt vọng. Tôi đến phía sau cô đẩy những cậu thanh niên vừa la cười vừa giả vờ ngã vào người cô.

Chúng tưởng tôi là người thân của cô nên lỏng ra. Hai tay tôi giăng ra như một cái khung và cô ở giữa được an toàn. Chúng tôi trôi theo giòng người. Cô biết tôi bảo vệ cho cô nhưng không

nói gì. Thình thoảng cô khựng lại, ngã vào ngực tôi. Đầu cô vừa tầm mũi tôi, tôi nhận được mùi thơm con gái ngọt ngào từ mái tóc, từ người cô toát ra. Giòng người càng chen lấn, cô càng như nằm trọn trong vòng tay tôi, nhưng tuyệt nhiên tôi không có một ý nghĩ vẫn đục nào. Cô thân yêu, quý giá và cao sang đến độ tôi tưởng mình là tên nô lệ được hân hạnh bảo vệ cho một nữ hoàng. Buổi tối hỗn độn như thế mà tôi thấy thế gian vắng lặng chỉ còn mình tôi với cô ta mà thôi. Mùi thơm đó, làn da mềm mại của lưng cô, ngực cô, cánh tay cô cứ vương vấn mãi trong tôi thành một ước ao mãnh liệt đến bờ vờ vì tuyệt vọng.

Khi chúng tôi thoát ra khỏi đám đông, cô quay lại nhìn tôi mỉm cười. Đời tôi chưa bao giờ thấy một nụ cười đẹp và làm tôi sung sướng đến như thế, và đó là lần duy nhất tôi được ân sủng tuyệt vời cô ban cho. Rồi cô bước nhanh hơn như muốn rời tôi. Tôi vẫn đi theo, cô quay lại nói "Cám ơn" Tôi cố đi song song với cô và hỏi "Cô đi nhà thờ phải không"" Cô gật đầu, tôi nói "Cho tôi đi theo với" "Để làm gì"" "Để cầu nguyện với Chúa" "Cầu nguyện gì"" "Cầu nguyện cho chúng mình yêu nhau" Cô quay nhìn tôi, lắc đầu "Không được đâu! Tôi có người yêu rồi" Tôi kêu lên "Thôi chết! Tôi làm sao sống nổi đây!" Cô làm thình đi nhanh hơn nữa. Biết cô chán tôi vì câu tán tỉnh rẻ tiền đó nên tôi đi chậm lại, nhìn theo cô đang khuất dần vào đám đông.

Thế là tôi thành kẻ thất tình. Chiều nào tôi cũng ra đường Lê Lợi, quăng từ chợ Bến Thành đến đường Tự Do, đi lang thang lên xuống để hy vọng mong manh gặp lại cô. Trước kia tôi cũng có thói quen lang thang như thế, ghé nhà sách Khai Trí tìm một quyển sách, vô quán cà phê ngồi nhìn thiên hạ qua lại, bây giờ tôi được thêm cái thú chờ mong. Đôi khi tôi đến cả nhà thờ Đức Bà, đứng dưới tượng Đức Mẹ làm thầm cầu nguyện "Lạy Mẹ cho con gặp lại nàng, chỉ một lần nữa thôi, con nhớ nàng lắm!". Tôi không phải con chiên công giáo, nhưng hình như Đức Mẹ nghe thấy và thế là tôi được gặp cô ta lần thứ hai. Hôm đó tôi ra chợ Bến Thành coi thiên hạ sắm Tết. Từ xa, chỉ thấy dáng người tôi biết ngay là cô ta rồi. Cô đi với bạn trai, cô mặc áo màu xanh nhưng vẫn đeo đôi hoa vàng. Lần này tôi quyết theo cô đến nhà. Cũng may, chỗ gửi xe của tôi và cô gần nhau nên tôi theo cô về đến quận Tư. Hóa ra là nhà người bạn học mà tôi có đến vài lần nhưng tôi chỉ đứng ngoài chờ hấn vào lấy gì đó trước khi đi chơi với nhau. Lẽ ra với người khác đó là dịp bằng vàng để được làm quen với cô ta, nhưng vì biết cô đã có người yêu lại thêm mặc cảm cô chẳng thêm để mắt đến tôi nên tôi không dám đến nhà người bạn ấy nữa, sợ cô ta gặp tôi, nhớ ra, rồi kể lại chuyện tán tỉnh lãng nhãng của tôi, chỉ thêm xấu hổ chứ chẳng được gì. Nhưng tôi không thể quên được cô nên mỗi chiều tôi vào một quán cà phê trước nhà cô chờ ngắm cô đi học về, khi thì với người yêu, khi thì một mình. Trong đời dù trai hay gái, ai cũng trải qua vài mối tình bất ngờ, đơn phương như thế nhưng rồi cũng sẽ quên đi vì đó chỉ là tiếng kêu vô vọng. Duy với mối tình này tôi không bao giờ quên. Sau này ra trường đi làm việc nơi xa nhưng có dịp về Sài Gòn tôi lại ghé quán cà phê ngồi nhìn qua nhà cô. Có lẽ cô đã theo chồng nhưng tôi vẫn tưởng tượng rằng cô vẫn còn ở trong đó, vẫn đi lại, nói năng, sinh hoạt bình thường. Đó là cách để tôi đỡ nhớ cô, để mơ tưởng được nhìn thấy cô. Ngay cả khi đi tù về, tôi hành nghề đập xích lô, mỗi khi ngang trước nhà cô là tôi gác xe ngồi nhìn vờ vẩn, làm như đang chờ khách. Dù tôi biết nhà đã đổi chủ từ lâu nhưng khi đến nơi thân yêu mơ hồ ấy tôi cảm thấy cuộc đời lẻ loi của mình như có một chút an ủi, một chút vui.

Nếu nói rằng mỗi người một định mệnh thì đúng là tôi sinh ra chỉ yêu có mình cô ta thôi.

Mọi người vẫn yên lặng. Vợ Hùng phê bình một câu.

- Tưởng ông kể chuyện tình lâm ly, gay cấn lắm, không ngờ chẳng có gì cả. Thế ông có biết bây giờ cô ta ở đâu, ra sao không"

- Câu đó tôi định hỏi vợ chồng bà.

- Cái ông này! Vợ chồng tôi có dính dáng gì đến người ông yêu đâu"

- Sao không" Đó là cô Mai, em gái ông Hùng chứ ai.

Vợ Hùng trợn mắt lên vì ngạc nhiên. Hùng gật gù bảo.

- Tớ nhớ ra rồi, lúc ở trường Hành Chánh, tớ có nghe hình như có cậu nào yêu em tớ, tớ không để ý, hóa ra là cậu.

- Tôi vượt cả nghìn cây số xuống đây chỉ cốt hỏi một câu là bây giờ cô Mai ra sao" Chiến tranh,

ly loạn... Tôi chỉ sợ cô gặp chuyện không may.

- Chồng cô là thiếu tá nhảy dù, tự tử chết trong trại Hoàng Hoa Thám ngày ba mươi tháng tư năm bảy lăm. Hai đứa con tốt nghiệp đại học, đã lập gia đình, hiện cô sống một mình.

Vợ Hùng bảo tôi "Chờ đấy!", rồi vội vã xuống lầu. Một lúc sau, cô đi lên và nói lớn.

- Cô ấy đang ở bên Việt Nam, ông có dám về tỏ tình một lần nữa không?"

- Tôi ước được gặp cô ta một lần nữa, cho đỡ nhớ. Lúc đó có lẽ tôi sẽ liều mạng bảo với cô rằng "Tôi yêu cô" Thế là tôi mãn nguyện rồi. Còn chuyện cô đáp lại, coi bộ khó vì lúc trai trẻ còn bị làm ngơ, bây giờ thì hi vọng gì.

- Nhưng cô ta cũng lớn tuổi rồi, sợ ông không nhận ra nữa đấy.

- Làm sao tôi quên được đôi mắt và miệng cười. Chỉ cần thấy dáng người sau lưng, tôi tin mình sẽ nhận ra cô ngay.

Đã hai mươi năm chúng tôi mới có dịp nhậu nhẹt, cười nói thoải mái với nhau. Tôi không biết uống rượu, chỉ một lon bia là đã mơ màng rồi, nhưng tối đó tôi uống hơn chục lon, quả là một kỷ lục. Có điều sau đó tôi phải chạy vào phòng vệ sinh ói thốc tháo ra. Tôi chỉ kịp giặt nước, rửa mặt qua loa là mắt tối sầm lại, đứng không vững, các bạn vội dìu tôi lên giường. Người tôi toát mồ hôi, nằm bẹp, nhưng một lát sau cũng cảm thấy một bàn tay dịu dàng dùng khăn nóng lau mặt tôi rồi đắp mền cho tôi.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, người vẫn còn ngầy ngật, đầu nhức nhối khó chịu. Tôi nghe tiếng vợ Hùng dặn dò ai đó ở dưới nhà.

- Khi ông ấy dậy nhớ chỉ viên thuốc trên bàn rồi pha cho ông ấy một ly cà phê, hỏi có ăn cháo không thì nấu. Tụi này đi chợ độ một giờ sau sẽ về. Tôi giao ông ấy cho cô trách nhiệm đấy nhé!

Có tiếng đối đáp nho nhỏ rồi tiếng cười rộ lên, tiếng chân xa dần ra phía sân nhà.

Tôi dậy đánh răng, rửa mặt xong lần xuống bếp. Nhà vắng hoe, trên bàn ăn có ly nước lạnh và viên thuốc. Tôi ngồi xuống uống thuốc rồi dùng tay xoa xoa mặt, miết mấy ngón tay lên lồng mày cho bớt nhức đầu. Bỗng tôi nghe tiếng nói.

- Anh uống cà phê nhé!

Tôi ngẩng lên thấy một người đàn bà quay lưng về phía tôi đang vặn bếp ga, tiếng lửa cháy phì phì nho nhỏ.

- Dạ, chị cho xin một ly.

- Anh ăn cháo nhé!

- Dạ không, cảm ơn chị.

- Gớm, lúc tối các ông nhậu nhẹt... Sao mà lảm thế"

Tôi lừ như trả lời.

- Bạn bè lâu ngày mới gặp nhau.

Người đàn bà mặc đồ đen, nhìn sau lưng dáng thon thả, tóc hơi ngắn, đôi vai nhỏ. Tôi chợt rúng động tâm thần, người run lên.

- Cô Mai!

Cô quay nhìn tôi, môi mím lại như đang dọa nạt một em bé, nhưng đôi mắt cô sáng lên một nụ cười triều mến, long lanh niềm vui. Hai tai cô vẫn y nguyên hai đóa hoa vàng, giống như hoa mai, loại hoa chỉ nở vào dịp Tết ở quê nhà. Cô nói chậm rãi.

- Từ nay em cấm anh không được uống rượu nhiều nữa.

Sau này cô ta kể với tôi rằng cô đã khóc khi rình nghe tất cả.

Chim đã bay

Điều hoàn nhân diệc chi

(Người vắng bóng rồi, chim đã bay)

Lý Bạch

Năm 1985, tôi ra khỏi tù cải tạo. Trên xe lửa từ Bắc vô Nam, bạn đồng hành cũng là đồng tù với tôi là anh Thi.

Có một nguyên tắc là trong tù không được hỏi nhau về gốc gác. Làm gì, ở đâu, cấp bậc..." Và chuyện gia đình nữa. Ngay cả khi biết rõ về một người nào đó, tuyệt đối cũng không cho người khác biết. Thế nên, trong tù, tuy cùng chung lán, chung đội lao động, nằm cạnh nhau, tôi cũng không biết gì nhiều về anh Thi. Khi lên xe lửa, tôi mới hỏi "Anh về đâu"" "Tôi về Sài Gòn" "Vợ con còn ở đó"" "Có lẽ vậy".

Nghe "Có lẽ vậy", tôi thấy là có vấn đề nên ngưng ngay và tự giới thiệu "Tôi cũng về Sài Gòn, ngã ba Cây Quáo" "Tôi về Hoàng Hoa Thám" "Vậy là mình ở gần nhau". Trong tù anh Thi lúc nào cũng vui vẻ, nhưng khi ngồi trên xe lửa, anh thường nhìn qua cửa sổ về đêm chiêm. Mỗi hoàn cảnh, người tù phải đối phó một cách riêng. Về đời, bao nhiêu khó khăn đang chờ đợi, khác hẳn trong tù, vì bất lực nên phải gạt hết mọi suy nghĩ để cười mà sống. Người tù, muốn sống sót, nhất là những người không được gia đình thăm nuôi như anh Thi, phải đạt đến cái tâm cảnh của một thiền sư. Phải giữ tinh thần cho vững, phải quên tất cả, không nghĩ đến những gì ngoài tầm tay của mình, phải biết cười với người khác thì mới khỏi âu sầu, sinh bệnh, để rồi bị khiêng đi chôn.

Gần tối, xuống xe lửa, chúng tôi đi bộ về nhà. Ngang qua một tiệm phở, còn chút tiền, chúng tôi ghé vào. Thấy anh Thi có vẻ tư lự, tôi tìm cách cho anh ta vui nên khi phở bưng ra, tôi xoa tay chào tô phở ư "Chà! Hơn mười năm mới gặp lại mày". Anh Thi chỉ mỉm cười nhưng cũng sớt sáng cảm đũa.

Trong lúc trò chuyện với chủ hàng phở, chúng tôi mới biết hôm đó là ngày ba mươi tết. Khi ra đường, tôi đề nghị sẽ cùng đi đến nhà anh trước, để biết nhà, sau này để thăm nhau, sau đó tôi mới về nhà mình. Anh ngăn ngừa một lúc rồi đồng ý.

Đến đường Hoàng Hoa Thám, chúng tôi vào một con hẻm tối mù. Nhờ ánh đèn các nhà hai bên, chúng tôi dò dẫm đi được một quãng ngắn thì anh Thi bảo "Anh đứng đây chờ tôi. Trước đây chúng tôi ở nhờ bên gia đình vợ, hiện nay không hiểu tình trạng ra sao" "Vâng. Có gì anh ra cho tôi hay"

Nói thế nhưng chờ anh ta đi được mấy bước, tôi cũng đi theo, không cho anh ta biết. Anh ta đến một căn nhà gạch nhỏ, còn để đèn, tắt ngấm một lúc rồi gõ cửa, nách vẫn kẹt cái bọc đồ tù. Một chị đàn bà bồng con đi ra, theo sau là một thằng bé trên mười tuổi. Tôi nghĩ, nếu đó là vợ anh Thi, thì chị ta đã có chồng khác rồi, vì đứa bé trên tay chị ta, độ vài tuổi, không thể là con anh Thi được. Chị đàn bà nói gì đó. Anh Thi không trả lời, quay gót bước ra. Tôi lùi lại chỗ cũ, làm như không thấy gì.

Anh ta yên lặng qua mặt tôi. Tôi quay nhìn, thấy chị đàn bà bồng con và thằng bé ra đường đứng nhìn theo. Ra đường lớn, anh Thi hỏi tôi "Anh có thể cho tôi trọ đỡ một đêm được không"" Tôi sớt sáng "Được chứ! Nhưng đây không phải nhà của tôi. Trước ba mươi tháng tư năm 1975, tôi đưa vợ con từ ngoài Trung vào ở nhờ người bà con, sau đó vợ con tôi về lại ngoài Trung, sống với gia đình bên vợ. Tôi sẽ nói với chủ nhà, nếu họ không chịu thì tôi với anh ra ngủ lều đường, rồi sẽ tính sau".

Chúng tôi, mỗi đứa ôm một gói đồ tù, quay lại ngã ba Cây Quáo. Khi tìm được nhà người bà con thì thấy nhà đóng cửa, tắt đèn tối thui. Gõ cửa, không ai mở. Họ đi vắng cả rồi.

Hai đứa tôi trở ra, lang thang xuống chợ Bà Chiểu xem chợ tết. Bánh trái, áo quần đầy chợ, tràn ra cả lề đường, người chen lấn nhau. Chúng tôi qua cầu Sắt, lên chợ Đa Kao, qua chợ Tân Định, ra đường Hai Bà Trưng rồi ngồi nghỉ mệt trên hiên nhà người ta. Chuyện trò một lúc, thấy đã khuya, chúng tôi lấy dép làm gối, rồi mặc cho muỗi đốt, chúng tôi vừa đói vừa mỏi chân, ngủ vùi một giấc. Hôm sau tỉnh dậy thì trời đã sáng.

Ngày tết ở Sài Gòn, đường phố vắng hoe, chỉ mấy gia đình kinh tế mới ngủ lều đường gần đó đang cuốn chiếu, gấp mùng, bỏ vào bị cói, đem gửi đầu đấy rồi tản mác khắp nơi để kiếm sống.

Hai đứa tôi ngồi vắn thuốc hút, chuyện trò một lúc thì đứng lên, đến chợ Tân Định, tìm vòi nước, súc miệng rửa mặt xong mua mỗi đứa một ổ bánh mì không nhân (rẻ tiền), vừa đi vừa trạo trạo nhai. Thật ra, tôi và anh Thi cũng có vài người thân quen ở Sài Gòn, nhưng mừng một Tết mà mang thân tàn ma dại đến nhà người ta, chẳng ai vui. Thời đó, ít ai dám rầy vớ từ cái tạo. Đa số bà con, bạn bè, thấy tù là vội làm mặt lạ, chứa trong nhà thì sợ công an đến hỏi thăm.

Suốt ba ngày Tết, mỗi ngày chúng tôi chỉ ăn một ổ bánh mì không nhân, tối ngủ yên nhà người ta, sáng dậy đi. Đi rã chân thì ngồi bên đường nghỉ một lúc rồi đi tiếp. Cứ lang thang mà chẳng biết đi đâu" Sài Gòn ngày Tết vắng vẻ và buồn quá!

Chiều mừng ba Tết, chúng tôi quyết định trở lại nhà người bà con ở Cây Quáo. Hóa ra, gia đình đó vẫn ở chỗ cũ, những ngày cuối năm mọi người đều ra chợ bán dưa hấu. Họ đang cúng đưa ông bà. Chúng tôi được tiếp đón rất thân tình, vui vẻ. Họ đem thức ăn trên bàn thờ xuống, giục chúng tôi đi tắm. Anh con trai lớn biếu chúng tôi, mỗi người một bộ đồ, cũ nhưng sạch sẽ, mặc vào, soi gương, thấy như vừa lột xác, thành người văn minh, hoạt bát.

Trong lúc ăn uống, chủ nhà hỏi chuyện gia đình, hỏi dự định sinh sống ra sao" Khi nghe anh bạn tôi nói bị vợ bỏ, không cho vô nhà, chủ nhà bảo, nên thông cảm cho người đàn bà, chân yếu tay mềm, chồng bị tù không biết ngày nào về hay bỏ xác trong tù, trong khi con cái phải cần cái ăn mới sống.

Lần đầu tiên, sau hơn mười năm, chúng tôi mới được thưởng thức một bữa cơm ngon lành nhờ không khí thân mật, ân cần của gia đình ân nhân đó. Có một tâm lý kỳ lạ mà phải mấy năm sau, người tù mới bớt bị ám ảnh, đó là thấy dọn nhiều món ăn, cứ thắc mắc sao không để dành cho ngày mai mà lại dọn cả lên, phí quá! Vì trong tù ngày nào cũng chỉ một ít khoai mì (hoa hoàn mới có cơm), cùng với ca nước muối, lổng bống vài cọng rau. (Sau này qua Mỹ, sống sung túc, trong bữa ăn chúng tôi cũng chỉ dọn vài món là tối đa).

Sau bữa ăn, chủ nhà bảo, chúng tôi cứ ở lại đây, khi nào có việc làm, kiếm được tiền thì muốn ở đâu tùy ý. Chúng tôi xin được ngủ dưới đất hay sau hè cũng quý rồi. Chủ nhà cho biết, nhà quá chật, nhưng có cái chuồng heo, nuôi heo nhưng bị bệnh dịch, đã bán hết cả, bây giờ chuồng bỏ trống, sẽ gác trên vách chuồng một cái sạp, làm chỗ ngủ tạm. Chủ nhà cũng quen với công an khu vực, hi vọng sẽ không bị làm khó dễ.

Thế là chỉ vài tuần sau, chúng tôi đã có việc làm. Tôi bán vé số bên đường chỗ Bộ Xã Hội cũ, trước nhà thờ Đức Bà. Anh Thi, vốn cao lớn, lúc ra tù ốm trơ xương, sau nhờ được ăn uống đầy đủ, trở nên mạnh khỏe, nên hành nghề đập xích lô. Tất cả là nhờ mọi người trong gia đình đó tận tâm giúp đỡ.

Sáng sớm, chúng tôi dậy, ra đầu ngõ uống li cà phê rồi lên đường kiếm sống, buổi chiều, chúng tôi về nhà ăn cơm. Mỗi tháng chúng tôi gửi chủ nhà ít tiền. Vợ tôi được tin chồng ra tù, bèn dẫn con vào thăm. Vợ tôi khuyên nên ở lại Sài Gòn, không khí dễ thở hơn (cô sẽ tìm cách vào với tôi sau), đừng về ngoài Trung, chính quyền địa phương rất khó khăn. Bạn tôi thỉnh thoảng có đến trường gặp thằng con, (là thằng bé mà tôi thấy hôm anh ta đến nhà vợ) cho ít tiền ăn quà và dặn đừng cho mẹ nó biết. Anh ta dự định sẽ đón con về ở chung, nhưng không cách nào thực hiện được vì chính bản thân anh ta còn chưa biết sẽ ra sao"

Đến đầu năm 1990, có chương trình HO đi Mỹ. Với tôi thì lo hồ sơ không khó khăn lắm, nhưng anh Thi thì bị kẹt vì vợ anh ta không cho mượn hộ khẩu để làm giấy tờ. Anh ta đến năn nỉ vợ, hứa lập danh sách vợ, các con và cả bà mẹ vợ nữa để cùng đi, khi đến Mỹ anh ta sẽ làm giấy li dị để chị ta về lại Việt Nam làm hôn thú đón chồng sau qua Mỹ. Nhưng nói gì, chị ta cũng nhất quyết lác đầu, mời anh ta ra khỏi nhà. Không cho mượn là không! Cuối cùng nhờ chạy chọt, hồ sơ anh ta cũng được chấp nhận, trong đó có tên thằng con.

Nhờ người bạn tù vượt biên qua trước bảo trợ, gia đình tôi và anh Thi được qua cùng tiểu bang, nhà gần nhau. Vừa đến Mỹ là anh Thi lặn lội vào việc kiếm tiền. Anh ta làm hai jobs "Tôi phải có một căn nhà cho con tôi. Phải chuẩn bị tiền nong khi nó vào đại học. Lúc ở Việt

Nam, nó đã bị đói khổ, bị đánh đập, nay nó phải được đền bù".

Thời đó, khoảng thập niên 1990, nhà ở Mỹ còn rẻ. Bạn tôi mua nhà, sắm xe mới cho con, nhưng anh vẫn lười xùi như lúc còn ở Việt Nam. Anh ta đi làm từ sáng sớm, gần khuya mới về. Thăng con anh ta, đi học về là đến thẳng nhà tôi ăn cơm. Vợ tôi còn bới thức ăn để nó mang về cho bố nó.

Sau bao nhiêu năm tù đầy, nay được đến xứ tự do cùng gia đình, chúng tôi dốc hết sức lực còn lại để kiếm tiền cho con cái theo đuổi việc học hành. Mục tiêu, ước vọng của chúng tôi là các con nên người, đủ sức đua chen với đời. Khi đưa con anh Thi tốt nghiệp đại học, có việc làm ổn định, theo đề nghị của chúng tôi, anh ta chỉ làm một job. Buổi sáng, tôi và anh ta ra tiệm cà phê ngồi chuyện trò, cuối tuần, chúng tôi nấu nướng, cùng với các bạn khác, ra sau nhà ăn uống, chuyện trò.

Thấy anh Thi độc thân, chúng tôi dự định tìm cho anh ta một người đàn bà, làm bạn, để giúp đỡ, nương tựa nhau trong quãng đời còn lại.

Vợ tôi có một cô bạn, chủ một tiệm nail (làm móng tay), tuổi trên bốn mươi, chồng chết đã hơn năm năm nay, tính tình đàng hoàng, hiền lành, dung nhan còn đẹp đẽ, hấp dẫn. Với chủ ý cho anh Thi và cô bạn tìm hiểu nhau nên mỗi khi tổ chức ăn uống cuối tuần, chúng tôi mời cô ta đến chung vui, rồi làm như vô tình, sắp xếp cho hai người ngồi gần nhau.

Khi biết anh Thi còn cô đơn, cô ta không còn e ngại, giữ kẽ nữa mà vui vẻ góp chuyện với mọi người. Anh Thi, đã bớt trầm tư mà trở nên hoạt bát, lịch sự tiếp món ăn cho cô ta, đôi khi lại thì thầm như có chuyện riêng tư với người đẹp. Khoảng vài tháng sau, theo thường lệ, vợ tôi gọi điện thoại mời hai người đến dự bữa cơm gia đình thì cả hai đều trả lời rằng bận việc, không đến được. Hóa ra họ đưa nhau đi nhà hàng.

Cô bạn tâm sự với vợ tôi "Em thấy vẻ mặt ảnh buồn buồn, em thương quá! Em mời ảnh đi ăn riêng để tìm hiểu tâm sự ảnh, nhưng ảnh chỉ cười bảo, tính ảnh vậy thôi chứ không có gì đáng nói." Vợ tôi trấn an "Chị đừng bận tâm. Máy ông "mất nước" lâu lâu xụ mặt, thờ ra, nhưng sau đó lại vui vẻ như thường. Ông xã em cũng vậy. Nhưng theo yêu cầu của chị, để em hỏi ông xã em, xem anh ta có chuyện gì ấp ủ trong lòng mà không nói ra" "Chị có biết gì về cô vợ trước của ảnh không" Theo ảnh kể thì cô ta đối xử rất tệ bạc với ảnh khi ảnh đi tù về. Có thật vậy không"" "Chuyện này thì chắc chắn, vì ông xã em ra tù cùng một ngày, cùng đến nhà vợ anh ta, ông xã em thấy tận mắt chị ta đuổi ảnh, không cho vô nhà. Dù sao em cũng sẽ hỏi lại thằng con ảnh xem nội vụ ra sao rồi sẽ báo với chị sau" "Em thương ảnh thì em cũng chấp nhận hoàn cảnh, tâm sự của ảnh. Em chỉ muốn biết để an ủi ảnh, làm cho ảnh vui. Chị biết không, khi có em bên cạnh, ảnh rất vui, thương em và chiều chuộng em nhiều lắm" "Vậy thì được rồi. Biết ảnh thương yêu chị là đủ rồi. Người đàn ông nào cũng vậy, mình hết lòng, hết dạ với họ thì dù có tâm sự, chuyện riêng tư họ cũng bỏ hết mà về với mình, chỉ biết một mình mình thôi. Chị yên tâm mà vui với ảnh. Cứ thắc mắc, lo lắng hoài chi cho mệt trí. Đời người có bao lâu đâu. Vui lên đi chị ơi!"

Cô bạn nhắc đến chuyện tự lự của anh Thi, chúng tôi mới nhớ lại, khi đến nhà chúng tôi ăn cơm, nhiều lúc, đang chuyện trò, anh ta bỗng nhiên ngưng nói, trông như người mất hồn. Ăn xong, anh ta mang lon bia ra sau nhà, đứng một mình cả giờ đồng hồ.

Tuy nói thế nhưng vợ tôi cũng gọi thằng con anh Thi đến để hỏi về mẹ nó ở Việt Nam hiện nay ra sao, có thường liên lạc với ba nó không" Thăng nhỏ kể "Mấy lần mẹ con bên Việt Nam gọi điện thoại cho con, nhờ con thưa với ba con, xin ba con tha thứ và bảo lãnh cho mẹ con qua đây để săn sóc cho ba con. Mẹ con nói hiện nay ở Việt Nam, mẹ con không có khó khăn gì về đời sống, chỉ sợ ba con đã lớn tuổi, khi đau ốm không ai săn sóc, lo cơm nước. Mẹ con có dặn là đừng gởi tiền về, mẹ con không nhận đâu. Mẹ con cứ nhắc con thưa với ba con nhiều lần mà con không dám. Một lần con chỉ thưa với ba con là mẹ con có gọi điện thoại hỏi thăm. Chỉ mới chừng đó thôi mà ba con nổi nóng, ba con la "Nói bà ấy đừng gọi điện thoại qua đây nữa. "Một buổi tối, mẹ con gọi điện thoại nhằm lúc ba con ở nhà, ba con bắt máy. Không biết mẹ con nói gì mà ba con la hét vào máy như người nổi cơn điên "Xin xỏ gì" "Lỗi phải gì" "Bát nước đổ xuống

đất rồi, có hốt lại được không" Bà đứng hòng năn nỉ, khóc lóc vô ích. Bà thử xét lại lương tâm bà đi. Từ nay tôi cấm bà không được gọi điện thoại cho thằng con tôi, không được gọi điện thoại về nhà này. Bà nhớ chưa" Tôi cấm bà. Tôi cấm bà!..."

Ba con đập cái điện thoại bẻ tan rồi ngồi ôm đầu, gục xuống. Con sợ quá, vào phòng đóng cửa lại. Từ đó, thỉnh thoảng mẹ con chỉ gọi điện thoại cho con hỏi thăm chuyện ăn uống, sức khỏe ba con ra sao, nhưng dặn đừng nói lại với ba con, sợ ba con giận"

"Con có nói với mẹ con về chuyện ba con có bạn gái chưa""Hôm trước con có kể là ba con vừa quen được một bà, hai người thường đưa nhau đi ăn tiệm. Mẹ con hỏi tính tình người đàn bà đó ra sao" Công việc làm ăn của bà ta thế nào" Có để ý săn sóc cho ba con không hay chỉ đưa nhau đi ăn rồi ai về nhà nấy" Mẹ con hỏi nhiều lắm, sau đó mẹ con nói cũng mừng cho ba con, mong cho hai người sống chung để ba con có người săn sóc, lo lắng miếng ăn giấc ngủ. Ba con đi tù về, tuổi cũng lớn rồi, sức khỏe suy yếu, cần có người đàn bà bên cạnh. Mẹ con vừa nói vừa khóc. Không hiểu sao con cũng khóc theo. Con rất nhớ mẹ con nhưng ba con cấm con về Việt Nam thăm mẹ con. Ba con giận mẹ con nhiều lắm"

"Con có biết gì về người chồng sau này của mẹ con không"" Lúc con ở chung với mẹ con, ông chẳng tử tế gì với con. Bị bỏ đói và bị bộp tai, đá dít hoại, nhưng con biết thân phận, im lặng chịu đựng. Lần trước, mẹ con gọi điện thoại kể với con rằng hai người đã chia tay, ông ta đi đâu mất, không hề gặp lại. Con chỉ nghe vậy thôi chứ không hỏi thêm".

Vợ tôi gọi đến cô bạn kể rằng, Anh Thi coi bộ thù chứ không chỉ giận cô vợ ở Việt Nam và đề nghị hai người nên về sống với nhau. Cứ đi ăn tiệm rồi ai về nhà nấy mãi sao" Cô bạn nói "Có mấy lần ảnh mời em về nhà, nhưng em cũng chỉ đến thăm một lát rồi về. Em có bàn với ảnh, nếu muốn sống chung thì nên cưới hỏi đàng hoàng. Em không muốn bị dị nghị này nọ. Ảnh nói cũng được, nhưng còn ngại, nếu cưới hỏi, làm hôn thú thì ảnh không muốn rắc rối chuyện của cải, tài sản của em. Ảnh sợ mang tiếng mà các con em cũng không bằng lòng" "Nếu vậy thì làm một buổi tiệc nho nhỏ ở nhà hàng, mời bà con, bạn bè đến dự, coi như ra mắt để hợp thức hóa chuyện hai người sống chung nhau"

Tiệc cưới hôm đó có khoảng năm mươi người tham dự, gồm bạn bè và cả con cái của hai người. Thế là cô ta dọn về ở với anh Thi. Những ngày đầu, hai người có vẻ hạnh phúc lắm. Cô ta thường gọi điện thoại kể chuyện sinh hoạt trong gia đình, việc nấu nướng, săn sóc, chiều chuộng nhau. Hai người còn đưa nhau đi du lịch bên Châu Âu nữa. Thấy họ vui vẻ, thân ái, quần quít nhau như vợ chồng trẻ, chúng tôi cũng mừng.

Nhưng rồi, khoảng một năm sau, cô ta gọi điện thoại tâm sự với vợ tôi "Lối rày hình như ảnh trở lại vẻ suy tư, lơ đãng. Em nói chuyện với ảnh cả buổi, ảnh ậm ừ mà chẳng biết em nói gì" Buổi tối, ăn cơm xong, ảnh đem bia ra sau nhà, ngồi uống một mình, đến khuya mới vô. Em chẳng hiểu ra sao cả!" Vợ tôi tưởng chuyện chẳng có gì quan trọng nên an ủi "Ông xã em cũng thường uống rượu một mình. Đàn ông đôi khi thích suy nghĩ những chuyện trên trời dưới đất. Em cũng thường để cho ông những phút riêng tư, coi như tôn trọng họ vậy thôi chứ không sao đâu. Chị đừng để ý đến!"

Không ngờ, một buổi chiều, đi làm về, tôi thấy cô vợ của anh Thi ngồi tỉ tê, mếu máo với vợ tôi. Hỏi ra mới biết là vì anh chồng uống rượu mà cô ta giận, xách va li về nhà mình. Khi đi ngang nhà tôi, cô ta ghé vào tâm sự. "Vợ chồng, tuy chưa sống với nhau đủ để có cái nghĩa thì cũng có cái tình. Em thương ảnh, ảnh biết nên cũng tỏ vẻ chiều chuộng, săn sóc, lo lắng cho em, nhưng em linh cảm như ảnh làm bỗ phận. Em thấy như xa cách, như không thật tình. Em với ảnh đâu còn trẻ dại, sống với nhau là để sau này nương tựa nhau, giúp đỡ nhau trong lúc tuổi già, ốm đau, bệnh hoạn, vui buồn có nhau thì những gì riêng tư thầm kín cũng nên cho nhau biết để an ủi, chia sẻ nhau mới nhẹ lòng. Vậy mà em hỏi. Sao ảnh buồn" Ảnh lắc đầu. Em giận quá mới nói "Em về nhà, cho anh được yên tĩnh mà suy tư". Vậy là em xách va li về đây. Có lẽ hôn vía ảnh bị cô, bà nào bắt mất rồi chị ơi!". Vợ tôi vọt miệng "Đám ảnh bị hồn ma bóng quế nào ám rồi. Phải mời thầy đến cúng, cho bùa trừ ma..." "Tôi là vợ tôi" Em hay tin nhảm nhí!" Rồi tôi trấn an cô vợ bạn "Vợ chồng trẻ nhìn tương lai toàn màu hồng, thấy cuộc sống dễ dàng quá,

nhưng đến tuổi gần về chiều thì mất tự tin, bị ám ảnh bởi tuổi già với những bất trắc, bệnh hoạn, tử biệt sanh ly nên thường lo sợ, buồn phiền vu vơ. Tôi với ông xã chị bị tù cả chục năm, tâm trí không còn bình thường nữa, khi về với xã hội vẫn còn vụng về trong cư xử. Hơn nữa ảnh đã trải qua quá nhiều đau khổ vì chuyện gia đình, nay có chị bên cạnh là một an ủi lớn cho ảnh. Chị yên tâm. Ngoài chị ra, ảnh không thương yêu ai đâu. Nên trở về mà lo cơm nước, kéo ảnh bị đói tội nghiệp". Cô có vẻ xiêu lòng nhưng vẫn lắc đầu. Tôi bảo "Hay là chị cứ ngồi đây. Tôi đến kêu ảnh qua rước chị".

Tôi ra xe, vợ tôi chạy theo, thì thầm "Tối nào cũng say mềm rồi lăn ra ngủ! Hỏi ảnh có phải vì chuyện đó thì tìm cho ảnh ít thuốc "Tôi phì cười "Cũng có thể. Để anh xem."

Tôi lái xe qua, đẩy cửa bước vào. Anh Thi đang ngồi uống bia, nhìn cái TV., chỉ chiếu hình chứ không có tiếng nói. Cũng không chắc anh ta nhìn cái màn hình hay nhìn vách tường sau TV. Tôi ngồi xuống bên cạnh. Anh ta mở cho tôi một lon bia. Tôi yên lặng cầm lon bia. Một lát, tôi nói "Bà xã anh qua nhà tôi...".

Anh ta vẫn nhìn cái TV. "Tôi biết. Trước sau gì bà cũng bỏ tôi. Tôi muốn xin lỗi bà từ lâu"

"Tôi thấy hai người đâu có gì trở ngại..."

Anh ta lắc đầu như muốn xua đuổi một ý nghĩ, muốn ngăn mình đừng nói ra một điều gì. Tôi nói "Qua nhà tôi đón bà về", rồi yên lặng chờ đợi.

Anh Thi cầm lon bia lên nhưng lại để xuống, bàn tay rung lên nhẹ nhẹ. Rồi bỗng anh ta ôm mặt, cúi xuống.

Một lúc thật lâu, anh ta thở ra, giọng lạc hẳn "Tôi thương nhớ vợ tôi. Tôi không thể nào nguôi thương nhớ vợ tôi".

Lá số tử vi

Bạn tin có số mạng không" Người tin thì bảo "Giày dép còn có số, huống gì con người" Người không tin, quạt lại "Mấy thầy tướng số có biết được tương lai bản thân mấy thầy không" Hay chỉ nói phét kiếm tiền"" Người tin với người không tin, cãi nhau, có ai chịu thua ai! Nay tôi xin kể, một chuyện về chính bản thân tôi, để nhờ bạn phán xét, rằng con người có số phận hay không" Ông nội tôi là người cựu trào. Sách chữ nho ông để đây một tủ. Ông là người nghiện sách nên suốt ngày cầm quyển sách trên tay. Khi về hưu, ông tôi làm thầy thuốc nam, thuốc bắc kiêm cố vấn cho bà con chòm xóm trong các vụ quan, hôn, tang, tế. Ngay cả khi sinh con, họ cũng đến nhờ ông tôi một lá số để biết tương lai đứa bé ra sao" Dĩ nhiên con cháu trong nhà, ông tôi đều chăm cho mỗi người một lá số, hễ người nào gặp một biến cố gì lớn trong đời, ông tôi lại đem lá số đó ra chứng minh. Ngay cả chuyện bố tôi mất tích, ông tôi cũng đã phân tích sẵn trong lá số của bố tôi nhưng không nói ra trước mà thôi. Bố tôi là con út của ông tôi, tôi lại là con út của bố tôi, là đứa cháu trai nhỏ nhất trong gia đình nên trong nhà, tôi được coi như ông hoàng con, muốn gì được nấy. Thời Pháp thuộc, bố tôi làm "Jeunesse", là làm việc làng nhàng gì đó ở ty thanh niên, thể thao của thị xã. Đến thời kháng chiến chống Pháp, bố tôi theo kháng chiến và mất tích.

Khi kháng chiến bùng nổ thì mọi người phải tiêu thổ và tản cư về vùng nông thôn, ít lâu sau chúng tôi hồi cư về lại thành phố. Đó là một thị trấn miền biển, cách Nha Trang không xa lắm. Khi lên trung học, tôi ra Nha Trang học đệ Nhị và đệ Nhất trường Võ Tánh, vì thị trấn tôi ở không có trường trung học đệ nhị cấp.

Trở lại cái lá số của tôi, ông tôi chăm rất kỹ, nhưng hình như có điều gì khác lạ nên thỉnh thoảng ông tôi lại đem ra chiêm nghiệm, rồi giở sách ra nghiên cứu với vẻ trầm ngâm, suy tư lung lăm. Hễ nghe ai có tài chăm tử vi thì ông tôi lại đem lá số của tôi, tìm đến, nhờ xem giùm, rồi hai người lại bàn cãi, lý luận rất sôi nổi nhưng rốt cuộc cũng chịu thua, không biết có trực trặc ở chỗ nào mà tìm không ra"! Sở dĩ tôi biết được như thế là vì mỗi lần có bạn bè đến, khi bàn chuyện sách vở đông tây, kim cổ, ông tôi thường đem lá số của tôi ra làm đề tài về sự

huyền bí của văn minh cổ của người Tàu. Tôi vốn không tin ở số mạng nên chẳng bận tâm. Đến năm tôi lên trung học thì ông tôi đã trên tám mươi, tuy là người tri thiên mệnh, nhưng ông tôi vẫn bồn chồn, ưu tư cho thằng cháu út, nên một hôm, ông gọi riêng tôi và bảo.

- Ông đã chấm cho con một lá số, theo như lá số, sau này, con có thể làm đến nhất phẩm triều đình, xưa gọi là tể tướng, tướng quốc, nay thì tề ra cũng làm thủ tướng chính phủ, nhưng ông vẫn thấy có sự bất thường nào đó trong lá số"

Tôi đáp cho vui lòng ông tôi.

- Không thủ tướng thì bộ trưởng cũng được, ông đừng lo cho con.

Ông tôi cười.

- Người ta nói, số phận an bài, đâu có kèo nài, thêm bớt được.

- Như vậy tương lai của con ra sao"

Ông tôi trầm ngâm.

- Cái số của con thì luôn luôn được may mắn, đi thi là phải đậu, có dịp là làm lớn ngay, không phải leo lên từng cấp bậc một. Giống như thời Chiến Quốc bên Tàu, mấy ông nho sĩ, từ cùng đinh nhảy lên tướng quốc vậy. Nhưng lá số của con có điềm mờ ảo nào đó mà ông vẫn chưa tìm ra. Dù sao thì cổ nhân có dạy "Đức năng thắng số" sau này, con nên nhớ, phải cố mà giữ cho vững cái đạo của người quân tử.

Tôi tò mò.

- Con thấy, chỉ cần học giỏi là làm lớn. Phải không ông"

Ông tôi lại cười.

- Người xưa nói rằng "Nhất mệnh, nhì vận, tam âm công, tứ phong thổ, ngũ độc thư", ý là số phận con người còn phụ thuộc rất nhiều vào mồ mả và phước đức ông bà, tổ tiên để lại, còn chuyện học hành, cố cho lắm mà không gặp thời vận thì cũng chỉ là tên cuồng nho, một sách mà thôi. Xưa nay, có biết bao người dốt mà làm nên sự nghiệp.

Chuyện dốt mà làm lớn, sau này tôi mới thấy. Lúc đó tôi không tin nhưng vẫn hỏi để tỏ vẻ chú ý lời ông tôi dạy bảo.

- Vậy nhà mình có âm công phong thổ gì không ông"

Ông tôi hào hứng.

- Về mục âm công, phong thổ thì ông đang tiến hành đây. Ông đã tìm được một cuộc đất rất tốt. Ông đã xây sẵn một sinh phần (huyệt mộ), hễ ông nhắm mắt thì đem quan tài đến đó, bỏ xuống, lấp đất lại là xong, và cứ thế mà chờ cho đến khi mộ ông kết phát.

Mấy hôm sau, ông tôi dẫn tôi đi xem cuộc đất, là nơi ông sẽ yên giấc ngàn thu. Huyệt mộ nằm trên một sườn đồi, hướng ra biển. Ông tôi rất vui khi giải thích cho thằng cháu nội sáng giá của ông nghe nào long châu, hổ phục ra sao, đặt biệt, huyệt mộ nằm ngay hãm của con rồng, chỉ chờ bão tố hoặc sóng thần, nước tràn lên, đất sẽ sụp lở, đổ ụp lên mộ, vậy là coi như con rồng đã ngậm miệng lại, lúc đó, con cháu mặc sức mà phát vương, phát tướng. Tôi làm như chăm chú và thích thú lắm để ông tôi vui lòng chứ sự tin tưởng chẳng có bao nhiêu.

Từ nhỏ đến lớn, việc dạy dỗ, học hành của anh chị em tôi trong nhà đều do ông tôi lo. Mẹ tôi phải buôn bán tảo tần, không có thì giờ, vả lại bà rất thương yêu, chiều chuộng chúng tôi, chẳng nặng lời bao giờ nên khi ông tôi mất thì tôi như ngựa không cương, mặc sức leo lồng, chẳng ai quản lý được cả. Đi học về là vất sách vở, nhào ra sân đá banh, đá banh chán, xuống sông tắm. Buổi tối, ăn xong là xách cây đàn guitar đến nhà mấy đứa bạn hát hò đến khuya mới về nhà, lăn ra ngủ. Vì dốt toán nên tôi học ban C (văn chương), ra về ta đây nghệ sĩ.

Đến khi đi thi tú tài một thì trong bụng tôi không có một chữ đề làm "hành trang ứng thí". Sách vở, từ đầu niên học cho đến cuối năm, bài nào tôi cũng thấy mới tinh!

Con người khi gặp khó khăn, không biết giải quyết cách nào mới nghĩ đến những đấng vô hình, năn nỉ cầu xin quý vị đó cứu giúp. Tôi tuy không tin những chuyện mơ hồ, nhưng sẵn có lá số tử vi mà ông tôi chấm cho nên tôi giao trách nhiệm thi cử cho ông tôi đảm trách, dù ông tôi không còn trên cõi đời này nữa. Tôi vẫn tiếp tục lười biếng, tiếp tục ca hát một cách vô tư như con "Ve sàu kêu ve ve, suốt mùa hè..." trong thơ ngụ ngôn của ông La Fontaine. Nhưng đến nhà bạn bè

thì đưa nào cũng bận học thi và cha mẹ chúng thường đuổi khéo tôi, nên tôi về nhà hát một mình, đi cà lơ thút thểu ngoài đường phố, đến khuya, về nhà lăn ra ngủ.

Thực tâm, tôi cũng muốn học như bạn bè, nhưng bài nhiều quá, học sao cho xuể" Thế là tôi đem tất cả sách vở, tài liệu để lên bàn thờ ông nội tôi, thấp nhang rồi quì xuống, long trọng khấn vái "Ông nội chỉ cho con bài nào sẽ ra trong đề thi, con không có thì giờ học hết" Khi ngẩng lên, nhìn ảnh ông tôi, quả nhiên tôi thấy hình như ông tôi mỉm cười, vậy là tôi yên tâm. Mỗi môn học, tôi lấy quyển sách hay quyển vở, vái ông tôi mấy vái và giờ ra, độ năm bài, theo kiểu tình cờ và tôi chỉ học có năm bài đó thôi. Môn học nào tôi cũng làm như thế. Vậy mà đi thi, tôi trúng tủ, đậu bình thứ. Bạn bè thán phục. Chúng biết tôi đã đốt lại lưòi, mà đậu bình thứ, trong khi có nhiều đứa thức khuya dậy sớm, học ngày, học đêm, mặt mũi xanh lè vì mất ngủ mà vẫn rớt" Chúng thắc mắc, tôi phết lác.

- Sang năm, tú tài hai, tao sẽ đậu tối ưu cho tụi bây coi.

Năm sau, thi tú tài hai, tôi vẫn mừng đó mà làm. Tôi tin ở lá số tử vi của ông tôi đã chấm cho tôi - thi đâu đậu đó - và tin nhất là ông tôi vẫn ở bên tôi, phù hộ tôi, dù tôi không thấy được ông.

Thi tú tài hai gồm hai đợt, đợt thi viết mới vào thi vấn đáp. Thi viết thi tôi vẫn trúng tủ, nhưng thi vấn đáp, môn vụn vặt, tôi bị kẹt. Số là, khi vào vấn đáp, giám khảo thường để sẵn một số câu hỏi trong hộp nhỏ, thí sinh bốc trúng câu nào trả lời câu đó. Ông giám khảo môn vụn vặt này nghe nói khó tính lắm. Lặng quạng là ông ta đuổi ra và nói "Anh về học lại, sang năm đi thi. Tôi cho anh không điểm" Buổi sáng đó, tôi để cho mấy đứa vào thi trước. Đứa nào thi xong, bước ra, mặt cũng méo xẹo, khiến tôi mất tinh thần, bụng đánh lô tô, miệng cứ lẩm bẩm kêu cứu ông nội tôi phù hộ, độ trì. Tôi giờ mấy bài tủ ra coi lại, kiểu nhứt chín nhì bù. Đến khi không còn đứa nào nữa tôi mới rón rén bước vào. Ông giám khảo này trẻ nhưng coi bộ hắc ám. Mặt hầm hầm như sắp bọp tai thẳng thí sinh ngồi đối diện. Tôi trình thẻ học sinh, ông không thèm nhìn, chỉ tay vào cái hộp nhỏ đựng câu hỏi. Tôi thò tay bốc một câu, mở ra thấy "Tại sao ban đêm, không nên ngủ dưới tàng cây"" Tôi trình câu hỏi cho ông ta. Ông ta bảo.

- Nói đi!

Tôi lặng người! Câu hỏi, tôi nghĩ, không có trong sách vụn vặt chứ đừng nói trong những bài tủ của tôi. Trong đầu tôi, hoàn toàn không có một chút ý niệm về chuyện đó, nó sạch bóc như tờ giấy trắng. Tôi biết rõ là vong linh ông nội tôi đang ngồi bên cạnh, nhưng chắc chắn ông tôi cũng lắc đầu, thờ dài vì vô phương! Thấy tôi cứ ngồi đực ra, ông giám khảo lại nhắc.

- Nói đi!

Tôi khiếp quá, tự nghĩ nên nói một câu gì đó cho không khí bớt căng thẳng, chứ hột vịt thì chắc chắn tôi đã có sẵn rồi. Bỗng nhiên tôi "liên hệ bản thân" và nói.

- Thưa thầy, ban đêm không nên ngủ dưới tàng cây, vì khi ngủ dậy người uể oải, khó chịu.

Ông ta ngẩng lên nhìn tôi.

- Sao anh biết"

Tôi thấy le lói một tia hy vọng.

- Thưa thầy, buổi tối, em thường đem ghế bố ra sân ngủ, dưới mấy cây vú sữa, sáng dậy, thấy hơi mệt mỏi trong người.

Ông ta ngược nhìn tôi, mặt lạnh tanh.

- Đây là khoa học thực nghiệm chứ không phải khoa học huyền bí. Anh phải chứng minh bằng công thức đàng hoàng. Anh biết khí ốc xi không" Anh biết cạt bô níc là gì không" Viết công thức ra xem"

Tôi gãi đầu! Ốc xi thì tôi viết được, cả đến khí cạt bô níc tôi cũng viết được nữa, nhưng công thức viết thế nào" Thấy đã mớm ý cho mà tôi vẫn ngồi ngẩn ngơ như người thất tình, ông giám khảo mở to mắt, ngạc nhiên, có lẽ nghĩ rằng ông đang gặp người ngoài hành tinh, gì cũng không biết! Ông cầm thẻ học sinh của tôi lên. Đó là cách đuổi lịch sự. Bỗng nhiên ông nhìn vào thẻ học sinh và hỏi.

- Anh học vụn vặt với thầy nào"

- Thưa thầy, em học với thầy Đồng Đen.

Nói xong tôi mới biết mình hớ, biệt danh của các thầy cô là chỉ bọn học trò dùng với nhau để phân biệt thầy cô này với thầy cô khác, đây lại đem ra nói với ông giám khảo của mình, đúng là tội phạm hớ! Ông giám khảo trao tôi thẻ học sinh và bảo.

- Gặp thầy Đồng thì thưa với thầy là thầy Bình gửi lời thăm. Tôi cho anh bảy điểm. Còn người nào ngoài kia thì bảo họ vào ngay. Gần hết giờ rồi!

- Thưa thầy, em là người chót.

Ông giám khảo nhìn lại danh sách và gật đầu. Tôi cúi chào ông ta và đi thụt lùi ra khỏi phòng. Bạn thử tưởng tượng xem, tôi như một người đang bị đày xuống hỏa ngục, đời đời bị lửa đốt, đau đớn mà không thể chết được, rồi thành linh có ông Phật, ông Thánh nào đó cứu ra khỏi hỏa ngục, còn cho lên thiên đường ở nữa. Trước đó, chỉ năm phút thôi, tôi thấy ông giám khảo sao ác ôn quá, ngay sau đó lại thấy ông ta hiền từ như ông Phật! Sướng sao đâu! Tôi sướng đến độ cứ tưởng mình đang bay lơ lửng, tưởng như mình nằm mơ. Năm đó tôi đậu tú tài hai, mà đậu vớt mới đã! Đúng như ông tôi nói "Thi đâu đậu đó!"

Cũng chưa hên bằng kỳ thi vào trường Hành Chánh của tôi sau này. Tôi vào Sài Gòn học Luật và học cả Văn Khoa nữa. Sau thấy trường Hành Chánh tuyển sinh viên ban Đốc Sự, tôi cũng nộp đơn, nghĩ rằng sau này mình làm lớn (!), phải thông thạo luật lệ và rành về hành chánh. Muốn thi vào trường này, tối thiểu phải biết luật Hiến Pháp. Bài bình luận chính trị có đủ điểm, trường mới chấm đến các môn thi khác. Vì tin tưởng ở lá số tử vi của mình nên tôi chẳng thèm để ý đến chuyện bài vở. Một buổi tối, đi coi xi nê về, tiện tay, tôi mua tờ báo Chính Luận, về nằm đọc chờ giấc ngủ. Khi giờ trang trọng, tôi thấy bài "Hành Pháp" của giáo sư Nguyễn Văn Bông. Không biết xui khiến sao, tôi lại học thuộc bài báo này, thuộc từ dàn bài đến từng chữ một. Quả nhiên, mấy hôm sau đi thi, tôi lại trúng tủ, tuy đề thi có hơi khác. Bạn nào học khóa 14 ban Đốc Sự, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh ắt còn nhớ rõ đề thi đó. Mà bạn biết thi vào trường Hành Chánh khó cỡ nào không? Năm tôi thi tổng số hơn sáu nghìn sĩ tử, chen nhau một trăm chỗ ngồi, trong một trăm chỗ đó lại ưu tiên lấy mười sinh viên sắc tộc, mười sinh viên nữ, còn lại chỉ có tám mươi chỗ. Nếu tính tỉ lệ thì còn khó hơn thi tiến sĩ thời xưa nữa. Hên cỡ đó bảo sao tôi không tin tưởng vào lá số tử vi của mình được"

Sau bốn năm đèn sách, tôi ra trường, nhưng học dốt quá nên đội sổ (đứng chót). Khi chọn nhiệm sở, mấy đứa học giỏi chọn trước, còn lại mấy tình khỉ ho cò gáy ở miền giới tuyến và trên cao nguyên cho mấy thằng cầm đèn đỏ, cỡ như tôi. Tôi về địa phương lãnh một chức phó quận ở một quận miền núi. Ngồi trong quận đường nhìn ra chỉ thấy đồng bào Thượng, nhìn xa hơn nữa là núi cao rừng thẳm, thỉnh thoảng nghe vọng về tiếng máy bay, tiếng bom đạn. Vì tin tưởng ở lá số tử vi của mình nên tôi không bao giờ buồn chán. Tôi rất cẩn thận trong cuộc sống cũng như trong công vụ. Tôi đóng đúng vai một ông quan thanh liêm, luôn thương yêu, giúp đỡ đồng bào trong quận. Nói "ông quan thanh liêm" cho oai chứ chức phó quận đâu có quyền hành gì, hơn nữa bọn trẻ chúng tôi đều có lý tưởng, chính phủ đào tạo chúng tôi là để phục vụ tổ quốc, phục vụ đồng bào, chỉ nghĩ đến hai tiếng tham nhũng đã xấu hổ với mọi người rồi. Tôi còn nghiêm khắc với chính mình. Tôi không bao giờ nhìn đàn bà, con gái dù các cô gái thượng đã đẹp lại để ngực trần, căng cứng, nhờn nhờn đi trước mặt. Tôi cũng không rọu chè, cò bạc bao giờ. Chẳng phải tôi thánh thiện gì, nhưng nghĩ đến tương lai sáng lạn (") tôi chẳng dại mà để cho bọn đối lập sau này mang đời tư của tôi ra mà bêu riếu.

Thời gian trôi qua, tôi bắt đầu sốt ruột, không hiểu phải bao lâu nữa tôi mới ngồi vào cái ghế tể tướng (thủ tướng)" Nếu cứ làm việc ở nơi hẻo lánh này mãi, thiên hạ làm sao biết tôi mà mời tôi ra chấp chính"! Rồi thì tôi được lệnh đi học lớp sĩ quan Thủ Đức. Tôi rất hài lòng khi nghĩ rằng, khi tốt nghiệp sĩ quan quân đội, tôi là người "văn võ toàn tài", sẽ không mặc cảm khi (làm lớn) phải chỉ huy mấy ông tướng lãnh.

Mãn khóa sĩ quan, tôi được trả về nhiệm sở cũ. Tình điều tôi về làm trưởng ty công vụ tòa hành chánh tỉnh, là ty chuyên việc quản lý hồ sơ, điều động cán bộ, nhân viên trong tỉnh. Tôi nghĩ bộ máy huyền bí của định mệnh bắt đầu chuyển động và con đường công danh, sự nghiệp của tôi đã mở ra một cách thênh thang đây rồi. Không ngờ ngồi chưa nóng đít ở cái ghế trưởng ty thì

xảy ra vụ sập tiệm năm bảy lăm, tôi chạy thẳng một mạch vô tới Sài Gòn rồi chui vô cái rọ tù cải tạo của việt cộng.

Khi có thông cáo tập trung cải tạo, ủy ban quân quản Sài Gòn ghi rõ là đem một tháng tiền ăn. Ai cũng tưởng học tập một tháng rồi về nên hăng hái xin đi học tập, chen nhau vô cổng (tù) đến nỗi bộ đội phải bắn súng để giữ trật tự. Đến chiều hết giờ, nhiều người ở ngoài cổng, chưa vào kịp, phải trải chiếu nằm ngủ, chờ sáng mai được vô tù sớm! Nơi trình diện học tập cải tạo là các trường học Gia Long, Trưng Vương, Don Bosco (") Ai cũng tưởng sẽ học ở đó, không ngờ mấy hôm sau, lúc nửa khuya, bộ đội dựng đầu dây, lừa ra xe tải, chở đi. Xe nào cũng có bộ đội, sát khí đằng đằng, súng lăm lăm chĩa vào mấy cậu ngục, khiến mấy cậu chơi với.

Xe tụi tôi được đưa lên làng cô nhi Long Thành, có tên mới là trại cải tạo 15 NV. Trước đây, làng cô nhi này nuôi bọn trẻ mồ côi, khi tụi tôi lên thì bọn trẻ biến đâu mất cả, có lẽ đã cho tan hàng. Trại gồm hai dãy nhà dài, mỗi dãy có sáu căn, giống như sáu dãy trường học. Bọn tù được nhốt mỗi dãy khoảng trên ba trăm tù. Lúc đông nhất, cả trại có trên bốn nghìn tù. Giai đoạn đầu, tù được thông thả, ăn xong thì làm bản tự khai, nghĩa là khai gia phả ba đời, khai làm chức vụ gì cho Mỹ, Ngụy, đã phạm tội ác gì với cách mạng và nhân dân. Khai xong nộp cho đội trưởng, đội trưởng (cũng là tù) nộp cho nhà trưởng, nhà trưởng (cũng là tù) nộp cho cán bộ quản giáo phụ trách. Ngoài việc tự khai còn lên hội trường nghe cán bộ chửi Mỹ, Ngụy rồi về làm thu hoạch, nghĩa là tù cải tạo cũng chửi Mỹ, Ngụy, càng giống cán bộ càng tốt. Buổi tối thì học hát, những bài hát cách mạng, cũng chửi Mỹ, Ngụy.

Mấy tên tù này đóng kịch, ra điều ta đây giác ngộ cách mạng để đánh lừa cán bộ coi tù, vì biết ngoài cửa nhà tù làm gì cũng có cán bộ rình. Đúng y bon, một lần bọn tù chúng tôi hát bài "Giải phóng miền Nam", đến câu "Vùng lên, nhân dân miền Nam anh hùng..." thì cán bộ Hai Sự, phụ trách dãy A, thành linh xuất hiện ngoài cửa, nạt vào.

- Đẹp, không được hát bài ấy nữa. Miền Bắc không anh hùng sao" Cấm hát. Ai hát bài ấy, tôi cùm đầu!

Vào nhà tù, tôi chưng hửng! Tề tướng, thủ tướng đầu chẳng thấy mà làm thằng tù không biết ngày nào ra" Khổ nỗi, cán bộ cộng sản lại bảo "Ty Công Vụ" là công an, mặt vụ, kết tội nặng, đày ra Bắc cho chóng chết.

Tháng đầu tiên trong trại cải tạo 15 NV được coi là thời sướng nhất trong đời thằng tù cộng sản. Ăn uống đã có nhà thầu Chợ Lớn lo, vì đã đóng một tháng tiền ăn. Bữa nào cũng thịt cá ngon miệng, lại sẵn căn tin, cậu nào có lặn theo tiền thì mua cà phê, kẹo bánh. Buổi chiều kéo nhau ra bên hông nhà, nấu cà phê, nhâm nhi, tán phét, tự coi như đi nghỉ hè một tháng. Nhiều ông còn bàn chuyện sau một tháng về nhà sẽ làm gì sinh sống, vì cách mạng vô thì coi như bị thất nghiệp. Ngây thơ đến thế, mất nước cũng phải thôi.

Trong trại cải tạo này có rất nhiều tay rành tử vi, đầu số. Những người có học mà nghiên cứu một vấn đề gì, tất phải rộng rãi, sâu sắc lắm. Thế nên, nhân một lúc các tay tử vi họp nhau sau hè, nói chuyện tướng số, tôi mới đem cái lá số của tôi ra và thắc mắc. Ai cũng hỏi tôi có chắc là đúng ngày sinh, tháng đẻ, có đúng giờ chào đời của tôi không" Tôi xác nhận là đúng y trăm phần trăm, họ bấm tay như mấy thầy bói mù, có người đem tờ giấy ra, vẽ ngang, vẽ dọc. Rồi ai cũng ngó ra, lá số của tôi quả có chuyện lạ! Rõ ràng nhất phẩm triều đình nhưng lại ở tù, mà tù cộng sản thì chỉ có nước mục xương, hi vọng gì được thả ra. Họ cãi nhau như mổ bò, cuối cùng một ông hỏi tôi, từ trước đến giờ có đóng kịch, hát bội, cải lương lần nào chưa" Có đóng vai thừa tướng, tướng quốc, thủ tướng lần nào chưa" Tôi quả quyết là chưa. Ông ta bảo, sau này tôi nên theo gánh hát và đóng vai thừa tướng thì xuất sắc lắm. Một ông khác, lớn tuổi, hỏi tôi một cách nghiêm trang.

- Cậu biết hiện nay cậu làm chức vụ gì trong trại này"

- Tôi làm đội trưởng.

- Cậu có biết, dưới tay cậu có những ai không"

Tôi kể tên mấy ông trại viên trong đội tôi. Ông A, ông B, ông C...

Ông ta lại hỏi.

- Mấy ông đó, vì sao vô đây cậu có biết không"

- Thì ông A làm thẩm phán, ông B làm dân biểu, ông C làm giám đốc nha...

Ông bạn tù giải thích.

- Thủ tướng chỉ làm xếp ngành hành pháp thôi. Đây cậu quản lý cả ba ngành hành pháp, lập pháp, tư pháp, lớn hơn thủ tướng. Vậy là cậu làm tướng quốc, tể tướng đúng với cái lá số của cậu rồi, còn phàn nàn gì nữa!"

Tôi nổi xùng.

- Các ông đó đâu còn làm quan chức gì"

- Cậu thấy, thông báo tập trung cải tạo từ phó quận đến tổng thống. Họ nhốt chức vụ vào đây chứ có nhốt tên A, tên B nào đâu. Cậu làm đội trưởng, là làm xếp mấy quan chức đó, vậy cậu không phải tướng quốc thì làm gì"

Cả bọn cười vang, nhưng tôi không cười. Cha lóc cóc tử nào bên Tàu, ngày xưa, đã chơi cho tôi một cú đầu điên. Hay là con rồng chưa khép miệng để nuốt ông tôi vô bụng cho con cháu phát vương, phát tướng" Lúc đầu tôi nghĩ như thế, cho đến khi bị đày ra Bắc tôi mới hoàn toàn thất vọng. Sau một tháng, đã hết tiền ăn mà tù đã nộp, chúng tôi bắt đầu ăn "cơm" tù để hiểu thế nào là thăng tù cải tạo cộng sản.

Từ trại tù Long Thành, chúng tôi lần lượt, mỗi đứa được lãnh một cái bao bố, (là loại bao chỉ xanh có thể chứa đến một trăm ký gạo), nghe cán bộ bảo để đựng vật dụng cá nhân, nhưng có người lại bảo để cho thăng tù vô bao bố, thả xuống biển cho mò tôm được nhanh gọn, vì thực sự, chúng tôi có đem gì theo đâu (một bộ đồ, vài cái quần đùi, bàn chải đánh răng...) mà phải dùng bao bố"

Chúng tôi xuống tàu thủy, ra Bắc. Lúc lên bờ, bị "nhân dân" đứng chờ sẵn, mắng nhiếc và ném đá nữa, nhưng khi tù lên vùng rừng núi, đi lao động, gặt đồng bào, họ lại bảo "Nhân dân miền Bắc chờ các ông ra giải phóng, không ngờ các ông ra làm thăng tù!"

Tôi chẳng bao giờ để ý đến những chuyện đó, cũng chẳng suy nghĩ, lo lắng cho tương lai bản thân. Nhưng có điều lạ là đi đến trại tù nào, tôi cũng bị cán bộ chỉ định làm đội trưởng, từ chối (cái lệnh cán bộ) là đi cùm ngay, mà dưới quyền tôi, bao giờ cũng là các ông, trước đây là quan lớn trong các ngành hành pháp, tư pháp, lập pháp... đủ cả.

Gần mười năm tù, tôi được thả về. Ở Sài Gòn, tôi đạp xích lô, bán vé số, sửa xe đạp sống qua ngày. Tôi cố quên cái lá số tử vi của mình, tôi cũng rất cảnh giác, tuyệt đối không bao giờ thay mặt cho ai, không trường toán, tổ trường nào cả. Tôi sống một mình, và cũng nghĩ rằng cái lá số tử vi của tôi chỉ là những chuyện rắc rối mà mấy chú ba tàu đặt ra để lừa phỉnh, dọa nạt những người ngu dốt, kém hiểu biết để kiếm tiền mà thôi.

Thế rồi có vụ HO, tù được đi Mỹ. Tôi nghĩ, giỏi lắm tôi làm thăng cu ly. Tiếng tây, tiếng u tôi nói như thăng ngọng thì chỉ huy được ai, nên tôi yên trí.

Thị trấn tôi ở, thuộc vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, tuy không đông lắm nhưng rất xô bồ. Đủ thứ người. Da đen cũng có, Mễ cũng có, Á Châu cũng có. Lộn xộn, bát nháo. Tôi ở trong một chung cư đông người Việt, dơ bẩn, nhiều tệ đoan xã hội. Trộm cắp, hút xách, đánh lộn, ngày nào cũng xảy ra. Đạp xe, khóa cẩn thận, nhưng chúng thấy trong xe có gì vừa ý là đạp kiếng xe, lấy đi. Đôi khi chúng ăn cắp xe để chở những thứ quốc cấm như xì ke, súng đạn hoặc để đi ăn cướp, bắt cóc. Nhà có con gái, khuya chúng đập cửa kiếng vô mò con người ta, bọn nhỏ la lên, cha mẹ chạy ra, mở đèn, chúng ngang nhiên mở cửa chính đi ra, chẳng ai dám làm gì vì sợ chúng trả thù. Bọn chúng cùng sắc tộc với nhau thì mặc kệ, nhưng vì người Việt hiền lành, chúng quậy luôn cả người Việt. Thấy thế tôi nổi xùng, vận động đồng bào người Việt tổ chức thành một cộng đồng nhỏ, có gì binh vực, giúp đỡ nhau. Bọn bắt lương động đến người Việt là tất cả đồng lòng chống trả hoặc gọi cảnh sát đến chỉ tận mặt. Từ đó, chúng chừa người Việt, không quấy phá nữa. Các chung cư quanh đấy, người Việt cũng theo gương mà đoàn kết lại. Những dịp lễ, tết, cộng đồng người Việt họp nhau tổ chức chợ tết, tổ chức các ngày kỷ niệm truyền thống... rồi tiến đến thành lập một cộng đồng lớn, bầu cử hội đồng quản trị, ban chấp hành, xin giấy phép lập hội để đủ tư cách liên lạc với chính quyền địa phương. Đến đây thì tôi tự động rút lui. Tôi không muốn đại diện hay chỉ huy ai cả. Tôi ngán chức tước lắm rồi. Nhưng nhiều người thấy tôi còn trẻ lại có thiện chí nên năn nỉ tôi tham gia ban chấp hành. Từ chối mãi

không được, tôi chấp nhận vì nghĩ rằng, mình không đi họp, họ sẽ chán, tìm người khác thay thế. Nhưng rồi vì một nguyên nhân mà tôi lại bon chen, cố cho được chức chủ tịch ban chấp hành.

Số là trong ban chấp hành có một người đẹp. Với người khác, không biết thấy cô ra sao nhưng với tôi, mới gặp lần đầu tôi đã ngớ người, như bị cô bắt mất vía. Người cô cao ráo, trắng trẻo, mắt lá rằm, má lúm đồng tiền, răng trắng đều, môi hồng tự nhiên. Khi cô trò chuyện với ai, tôi la cà đến, nhìn sững miệng cô, mặt ngớ ra, ai cũng thấy. Sở dĩ mấy ông bà mời cô vào hội vì cô rất thiện chí với đồng hương lại rành tiếng Anh, trước đây, khi còn ở Việt nam, cô là giáo sư Anh văn. Cô thường giúp đỡ, hướng dẫn những người mới qua Mỹ đi làm giấy tờ, xin việc làm... Cô được bầu làm phó chủ tịch ngoại vụ, lo liên hệ với chính quyền địa phương và các cộng đồng Á Châu khác. Cô còn độc thân, là con gái một ông cựu thẩm phán (trước bẫy lăm). Gia đình cô có một nhà hàng rất đông khách, nhất là về ban đêm. Ban ngày cô rảnh rỗi, lo việc cộng đồng.

Từ khi lên chức chủ tịch, tôi xin làm buổi tối (tôi làm cu li trong một tiệm buôn), để ban ngày có dịp cùng cô lo việc thiên hạ. Đi đâu tôi cũng năn nỉ cô đi theo, viện lý do không rành tiếng Anh. Lúc nào cô cũng vui vẻ, nhưng khi chỉ có mình tôi với cô trên xe, cô rất nghiêm trang, mắt nhìn thẳng phía trước, tôi pha trò, cô không cười, như đề phòng tôi đi quá trớn điều gì.

Nhưng khi đã yêu mà phải làm thinh mãi, tôi không chịu được nên tìm dịp tỏ tình. Nhân một hôm ra phi trường đón một gia đình HO sắp xuống máy bay, trong lúc chờ đợi, tôi làm bộ buồn rầu báo cho cô biết là tôi sẽ qua tiểu bang khác. "Ở đây buồn quá!" Cô hỏi "Sao lại buồn"" "Tôi thất tình nên buồn" "Anh yêu cô nào mà bị từ chối. Phải không"" "Đúng rồi. Tôi năn nỉ cô ta yêu tôi, nhưng cô lắc đầu" Cô tò mò "Anh có thể cho tôi biết cô nào không" Tên gì" Dung nhan ra sao" Có lẽ đẹp lắm mới lọt mắt xanh một người khô khan như anh" Tôi phịa ra một chuyện tình "Cô ta tên Ni, con gái ông Nam, mới đến Mỹ được ba tháng nay. Cô ta cao ráo, mắt lá rằm, má lúm đồng tiền. Khi cô cười nói thì miệng cô đẹp... như tiên" Cô cười "Anh tả, tôi cũng mê theo anh. Tôi biết gia đình ông Nam, có đưa hai ông bà đi làm giấy tờ, nhưng các con của họ thì tôi không để ý. Khi nào có dịp đến gia đình ông Nam, tôi sẽ tìm hiểu cô Ni và tỏ tình giúp anh lần nữa. Đàn bà, con gái với nhau dễ thông cảm. Nhưng nếu đẹp như anh tả thì anh không nên hi vọng gì" Thấy cô thần nhiên, tôi biết mình đã thất bại nên nín thinh.

Năm đó, khoảng tháng chạp âm lịch, ban chấp hành họp bàn việc tổ chức chợ tết cộng đồng. Sau khi phân công, phân nhiệm, tôi báo sẽ đi tiểu bang khác, đề nghị bầu chủ tịch mới. Mọi người ngạc nhiên hỏi lý do, tôi nói "Cô phó chủ tịch biết rõ chuyện này. Hôm trước tôi có tâm sự với cô. Tôi yêu cô Ni, con gái ông Nam, nhưng bị từ chối. Quê quá, lại buồn nữa nên tôi sẽ qua tiểu bang khác" Mọi người cười nói, bàn tán xôn xao, họ đề nghị cô phó chủ tịch làm bà mai dong, đến nhà ông Nam năn nỉ cô Ni chấp nhận tình yêu của tôi. Tôi cười "Cô phó chủ tịch hay bất cứ ai năn nỉ được cô Ni chấp nhận tôi, tôi xin ghi ơn suốt đời và hứa sẽ ở lại phục vụ đồng hương cho đến khi nào quý vị đuổi tôi ra khỏi hội" Cô phó chủ tịch hứa sẽ cố gắng, nhưng cô phải đến nhà ông Nam tìm hiểu cô Ni ra sao trước đã. Cô hẹn, tuần sau, khi họp ban chấp hành kiểm điểm tiến trình chợ tết, cô sẽ cho biết kết quả.

Tuần sau, mới vào họp mà mọi người đã sốt ruột hỏi công tác xe duyên của cô phó chủ tịch đến đâu" Kết quả ra sao" Cô đứng lên vừa cười vừa hỏi tôi "Anh tả lại cô Ni, người đẹp làm anh say mê, dung nhan ra sao"" Tôi cũng cười và nói "Cô Ni cao ráo, mặt trái xoan, mắt lá rằm, má lúm đồng tiền...Đẹp như tiên" Cô phó chủ tịch, đúng là người vô tình, vẫn cười "Xin thưa với quý vị. Tôi có đến nhà ông Nam, gia đình ông ta có năm người con, chỉ duy nhất một cô con gái, tên là cô Ni. Nhưng quý vị biết sao không" Cô Ni chỉ là con bé năm tuổi. Làm sao mà cao ráo được" Quý vị bị anh chủ tịch đánh lừa rồi. Lý do đi tiểu bang khác không phải vì thất tình cô Ni đâu" Mọi người lao xao bàn tán, bỗng một bà kêu lên "Mắt lá rằm, má lúm đồng tiền, người cao ráo...Đẹp như tiên. Đó là cô phó chủ tịch." Cô phó chủ tịch tái mặt, đứng lên, đến trước mặt tôi, ném mạnh vào tôi quyển sổ tay và cây bút đang cầm trên tay rồi chạy ra khỏi phòng họp. Cô vừa chạy vừa khóc. Từ đó, cô không họp hành, sinh hoạt gì trong cộng đồng nữa.

Sau hôm chợ tết, ban chấp hành lại họp để nghe kết quả chợ tết, rút ưu, khuyết điểm. Xong buổi họp, tôi ngỏ lời từ giả mọi người để ra đi "Xin vị nào, có gặp cô phó chủ tịch, nói giùm tôi lời xin lỗi. Tôi còn ở đây mà gặp cô thì mắc cỡ để đầu cho hết" Bà hôm trước phát giác người đẹp như tiên là cô phó chủ tịch lắc đầu nói "Anh đi đâu" Ở đây, tiếp tục phục vụ cộng đồng với chúng tôi. Mọi việc giải quyết xong cả rồi. Hôm trước tụi tôi đến thăm gia đình cô phó chủ tịch, có nói chuyện của anh. Ông bà cụ thân sinh cô ta coi bộ mến anh lắm. Họ nói cô con gái cũng thường nói về anh, rằng anh đàng hoàng, đứng đắn, có thiện chí, hết lòng giúp đỡ cộng đồng. Họ hứa sẽ thuyết phục cô con gái. Kết quả gần trăm phần trăm rồi. Ít lâu nữa, chồng làm chủ tịch, vợ phó chủ tịch, đúng là ban chấp hành gia đình trị"

Mấy ông kia cũng trấn an tôi "Anh yên tâm. Chúng tôi với bố cô ta là bạn tù cả chục năm với nhau, nói một tiếng là xong ngay. Gia đình đó rất nghiêm khắc, bố mẹ bảo sao con cái phải vâng lời. Hơn nữa, anh được khen là đứng đắn, có tư cách, từ thời còn trong tù..." Tôi phát ngượng "Quý vị có cảm tình mà nói vậy thôi, chứ ông bố cô ta có gặp tôi lần nào đâu mà biết để khen tặng quá lời như vậy!" Họ cười "Anh chỉ thấy người đẹp, biết người đẹp chứ đâu có biết ai. Hay là anh làm bộ không biết tụi này. Ông bố cô phó chủ tịch và tụi này cùng đi tù cải tạo ngoài Bắc với anh. Chuyển trại, đổi trại... đi đâu, anh cũng làm đội trưởng tụi này"

Tôi ngó ra một lúc mới hiểu. Gần hai mươi năm rồi, ai cũng thay đổi, mấy vị này lớn tuổi, nếu tóc không rụng hết thì cũng bạc phơ, hơn nữa, qua xứ Mỹ, các vị không còn là những tù nhân trơ xương, đi đứng xiêu vẹo, lờ quờ mà mập tròn, nhanh nhẹn, hoạt bát. Và lại, không ai muốn kể lại, nhắc lại thời đi tù cộng sản, là những ám ảnh chua cay trong đời, nên tôi không nhận ra (trước đây) họ đều là bạn tù với tôi.

Sau khi cưới vợ, là cô phó chủ tịch ngoại vụ, tôi tiếp tục làm xếp quý vị (cựu) quan lớn đó, cũng đầy đủ hành pháp, tư pháp, lập pháp. Tôi nói với vợ tôi "Anh không phải là chủ tịch cộng đồng. Anh là tể tướng, tướng quốc như thời Đông Châu Liệt Quốc, Tam Quốc bên Tàu ngày xưa. Lá số tử vi của anh khẳng định như vậy".

30 tháng tư: chuyện người nghĩa quân thờ hình của chính mình

Tết năm đó tôi về Việt Nam ghé thăm bạn bè. Đến miền Trung, tôi được một người bạn rủ thăm mộ một người bạn khác. Từ một thị trấn miền biển, chúng tôi ra quốc lộ Một, theo hướng bắc, lên một đèo nhỏ, đến đỉnh đèo, thay vì xuống dốc, bạn tôi cho xe chạy vào một đường mòn dọc theo chân núi. Đây là một vùng hoang vắng, cằn cỗi, toàn đá, cây lưa thưa, cao không quá đầu người. Chiếc xe gắn máy cứ nhảy chồm chồm, như con ngựa trở chứng, mấy lần suýt ngã xuống vực. Cuối cùng chúng tôi cũng đến được một nơi, hơi bằng phẳng, có mươi mấy ngôi mộ đất, nằm rải rác trên một diện tích khoảng một cái sân lớn. Bạn tôi chỉ một mộ đất có miếng gỗ nhỏ ghi chữ Tư bằng hắc ín bạc màu.

– Nó nằm đây!

–

Chúng tôi lấy nhang, đốt lên, đứng trước mộ bạn, khấn vái mấy câu. Trong giây phút tưởng niệm, tôi như hình dung rõ bạn tôi trong những ngày cùng ngồi chung lớp, chung trường. Bạn tôi vui tươi, khỏe mạnh, yêu đời, lúc nào cũng nói chuyện tếu được, khiến cho dù ai có chuyện buồn cũng phải bật cười... Rồi cảm tưởng như tất cả những người nằm trong các ngôi mộ rải rác chung quanh đều là bạn thân thiết, vong linh họ đang đứng bên cạnh, tò mò nhìn xem chúng tôi làm gì? Ý nghĩ đó khiến tôi thêm ngậm ngùi, thương cảm. Tôi khấn làm thầm. "Chúng tôi rất hạnh diện có được những người bạn đã chọn một cái chết hào hùng để bảo vệ tự do, bảo vệ đồng bào. Sự hy sinh của các bạn càng thêm ý nghĩa sau khi cộng sản Bắc Việt chiếm đóng Miền Nam. Dân chủ, tự do không còn nữa!" Tôi cũng trấn an người bạn học quá cố của chúng tôi khi nói về cuộc sống ổn định của vợ và các con của bạn "Anh em đồng môn luôn tìm

cách an ủi, giúp đỡ chị và các cháu”. Khấn xong, chúng tôi đem nhang cắm lên tất cả các ngôi mộ.

– Chị thẳng này là dân hành chánh, còn mấy cậu nằm chung quanh toàn quân nhân. Nhảy dù với nghĩa quân.

– Có lẽ phải xây một cái khung cho tất cả các ngôi mộ này, rồi đổ đất lên mới không bị mồ xiêu mả lạc.

– Lần trước, lên đây, tôi có gặp anh chàng sống một mình trong mái tranh đằng kia, mình có thể nhờ anh ta lo vụ này... Chắc không tốn bao nhiêu.

Mới buổi sáng mà nắng đã gay gắt. Tôi đứng nhìn quanh. Một bên là núi cao, một bên là sườn núi thoải, chạy đến một rừng cây xanh có lẽ là điểm nước, thấp thoáng sau hàng cây là quốc lộ Một, mấy chiếc xe đang chạy trên một cây cầu nhỏ, bắc qua một con suối, về mùa hè nên nước cạn, chỉ thấy lấp lánh ánh nắng qua những gộp đá nhỏ. Bên tôi chỉ tay về hướng bên kia đồi.

– Nhà anh ta dưới tàng cây lớn kia kìa, nếu để ý, quá khỏi tàng cây, có cái gò cao, giống hình người đang ngồi. Bạn thấy chưa? Đó là cái gò mối, nhưng người ta đồn đãi là mộ của một cô gái rất linh thiêng. Bây giờ mình thử đến đó xem sao.

Chúng tôi đi băng qua đồi. Đường rất khó đi nên phải đẩy bộ chiếc xe gắn máy, có khi phải khiêng qua những tảng đá lớn chắn lối hay những rãnh sâu. Cuối cùng thì chúng tôi cũng đến nơi. Đó là một căn nhà tranh vách ván, nằm dưới một cây mít có tàng lớn che gần hết mái nhà. Sau nhà là một khu vườn vuông vức mỗi cạnh độ vài trăm thước, trồng cây lưu niên làm hàng rào, trong vườn là những luống khoai lang, khoai mì và bắp, góc vườn có một giàn bầu hay bí gì đấy. Nhà vắng tanh. Chúng tôi lên tiếng.

– Có ai trong nhà không?

Một người đàn ông từ sau bếp bước ra.

– Có tôi!

Anh ta khoảng trên bốn mươi, người hơi ốm nhưng rắn rỏi, da sạm nắng, tóc cắt ngắn, đôi mắt chơn chất sáng lên niềm vui của kẻ sống cô độc được có người đến thăm.

– Chào quý anh. Quý anh có chuyện gì mà lên chỗ hẻo lánh này?

– Chúng tôi đi thăm mấy cái mộ đằng kia, nhân tiện ghé thăm anh, định nhờ anh chút chuyện. Anh ta cười, đưa hàm răng vàng khè vì khói thuốc.

– Lúc mấy anh đi lên, tôi đã thấy rồi. Vậy chứ mấy anh có thân nhân, bạn bè gì nằm ở đó?

– Có ông bạn học...Lên thăm, và định xây cho nó cái mộ cho tươm tất, để mộ đất, lâu ngày, gió mưa trôi hết, sau này tìm không ra.

– Mời hai anh vô nhà ngồi uống nước.

Chúng tôi bước vào. Đó là một ngôi nhà tranh nhỏ tầm thường. Nhà ba gian, giữa là bàn thờ, có tấm màn che. Bên trái là chiếc giường nhỏ, có lẽ là chỗ ngủ của chủ nhà, bên gối tôi thấy có mấy quyển sách, vì phép lịch sự tôi không nhìn kỹ sách gì nhưng như thế chứng tỏ chủ nhà là người có học và có thú vui đọc sách. Bên phải là một căn buồng đóng cửa. Trước bàn thờ là bàn nước bằng gỗ mộc, cũ kỹ, để một bình tích trong trái dừa khô, giúp cho nước giữ nóng được lâu, mấy cái ly thủy tinh trên một đĩa lớn. Có bốn cái ghế dựa để tiếp khách. Anh kéo ghế mời chúng tôi rồi xuống bếp thổi lửa nấu nước, pha trà. Chúng tôi ngồi nhìn quanh, hỏi vọng xuống bếp.

-Anh sống một mình sao?

Anh ta đi lên nhà trên.

– Tôi sống một mình. Cũng hơn mười năm.

– Không buồn à? Kiếm một bà về ở chung để có người chuyện trò, ốm đau còn nương tựa nhau.

– Tôi có vợ rồi, nhưng vợ mất, tôi ở vậy...thờ vợ.

Tôi pha trà.

– Anh có hiểu với vợ dữ! Cô vợ anh chắc sẽ mỉm cười nơi chín suối khi có được người chồng chung tình như anh.

Anh ta chỉ cười, xuống bếp lấy ấm nước lên, mở nắp bình tích, bỏ trà, chế nước sôi vào.

– Sống một mình cũng quen. Xuống phố thấy xe cộ, người nói, ồn ào, chỉ muốn về nhà cho yên tĩnh.

– Đất vùng này cần cỗi, sao vườn anh tươi tốt vậy?

– Phải xuống suối múc sinh lên đắp, mấy đời như thế nên mới trồng trọt được. Mấy anh đi thăm mộ ai ở đằng đó?

– Thăm người bạn, tử trận hồi bảy lăm. Bởi vậy mới định nhờ anh...

Anh ta ngồi lên giường, gác tréo chân, thông thả vấn điệu thuốc lá.

– Thành thẳng tôi có ghé thăm chừng, thấp nhang, dọn cỏ mấy ngôi mộ đó. Mấy anh định xây cho mộ nào?

– Có ông bạn học nằm đó. Cũng định xây luôn cái khung chung quanh tất cả các ngôi mộ rồi đắp thêm đất lên cho mưa lũ khỏi trôi mất. Anh có thể giúp được không?

– Có phải mấy anh định xây mộ cho ông phó hành chánh nằm đó không?

– Sao anh biết?

– Tôi là lính phòng thủ quận hành chánh. Nghĩa quân tụi tôi với ông phó thân lắm. Đúng ra thì ông phó không có nhiệm vụ tác chiến, thiếu tá quận trưởng bảo ông đưa gia đình về Sài Gòn, mục đích để khỏi phải đánh nhau, nhưng ông phó chỉ gửi vợ con đi còn ông ta thì ở lại. Ông phó bảo đã tốt nghiệp sĩ quan Thủ Đức mà lại trốn chui trốn nhủi thì nhục lắm. Mời mấy anh dùng trà.

Về dè dặt không còn trong cách đối xử của anh ta.

– Các anh yên tâm. Nếu các anh muốn xây thêm cái “khuỷnh” cho tất cả các ngôi mộ thì tôi cũng xin góp chút công. Tôi chỉ tính vật liệu thôi, không tính tiền công. Bây giờ tôi đề nghị thế này. Các anh ở lại đây nghỉ trưa, chúng ta sẽ có thì giờ bàn lại kỹ hơn chuyện mồ mả. Tôi xin mời các anh một bữa trưa. Chỉ kẹt là không có rượu, chớ còn mời thì lúc nào cũng sẵn sàng. Bớt con gà rồi quơ bậy mớ rau thơm là có ngay một nồi cháo. Hai anh cứ ngồi chơi, đợi tôi. Hay là ra sau hè, có gió, mát hơn ở trong nhà.

– Tụi tôi đâu biết nhậu, có cháo gà mà húp cũng đủ khoái rồi.

Hai đứa tôi ra sau hè, tôi nằm đong đưa trên võng, người bạn ngồi trên cái ghế dài, tựa vào vách nhà. Gió biển thổi lên mát rượi, mấy con chim sâu hót trong bụi rậm, tiếng gió rì rào trong cảnh vắng vẻ, tĩnh mịch... Đúng là cõi thần tiên nơi góc núi. Hai đứa tôi chuyện trò linh tinh một lúc, độ hơn nửa giờ thì anh ta bưng nồi cháo ra, đặt trên một cái bàn nhỏ, thêm mớ chén, đũa, vậy là chúng tôi vừa sì sụp vừa chuyện trò.

– Bây giờ anh kể vụ bảy lăm, ở đây, xảy ra những chuyện gì? Tụi tôi chỉ nghe mang máng có đánh nhau dưới cầu kia, anh có tham dự không?

– Có chứ! Khi có vụ di tản từ Cao Nguyên xuống thì ở quận, tụi tôi được lệnh ứng chiến. Ông phó hành chánh, tức bạn của hai anh, dẫn trung đội nghĩa quân tụi tôi lên chốt trên kia. Tụi tôi đóng ở đó được mấy ngày thì có một đại đội dù đến tăng cường. Ông phó phối hợp với bên dù cho gài mìn dưới cầu đằng kia, chờ tụi hấn đến thì giật sập cầu và chặn đánh. Một toán nằm dọc bờ suối, phục ở đó, chờ địch. Tôi và một anh nhảy dù lo việc giật mìn. Nhiệm vụ tôi hể bám xong mìn thì lên chỗ gò kia nằm, theo dõi và gọi máy báo cáo khi thấy địch xung phong lên núi. Thế rồi, địch xuất hiện, chạy một dọc cả chục chiếc xe lớn chở đầy bộ đội. Tôi bám mìn giật sập cầu, mấy anh nhảy dù thụt M72, cháy mấy chiếc xe đi đầu, rồi xả súng như mưa. Từ ngày tôi đi nghĩa quân, thành thẳng có hành quân lùng sục du kích, nhưng việt cộng chỉ bắn mấy phát rồi bỏ chạy, chứ chưa thực sự đụng độ bao giờ. Đến lúc đó tôi mới biết thế nào là đánh nhau. Ôi thôi! Súng nổ khắp nơi, rầm trời, rầm đất. Tôi bò lên chỗ gò mồi nằm dòm chừng để báo cáo tình hình. Đến chiều thì xe tăng tụi nó đến. Đại bác của xe tăng thụt phe ta chạy tứ tán, phải núp sau mấy tảng đá, hi vọng tụi nó xung phong theo bờ suối thì nhào ra. Vậy mà chúng chỉ bắn cầm chừng, đến tối, chúng vào giờ nhà dân bắt cầu, suốt đêm, sáng hôm sau chúng đi mất tiêu. Coi bộ chúng không thiết đánh nhau, chỉ lo chạy vô phía Nam mà thôi. Sáng đó tụi tôi cũng

thu dọn chiến trường, chôn mấy người chết, băng bó người bị thương rồi cũng di chuyển theo đường núi về hướng Nam. Đến tháng Năm thì tan hàng, ai về nhà nấy. Tôi về trình diện chính quyền cộng sản, đi học tập, nghĩa là đi nghe chữ, lao động sản xuất rồi được về nhà. Tôi về đây phụng dưỡng ông bà già. Được năm năm hai ông bà qua đời, tôi vẫn ở đây lo hương khói, chăm nom mồ mả cha mẹ, vợ con cho đến bây giờ.

Ăn xong chúng tôi phụ nhau dọn dẹp chén dĩa. Anh đem bình trà và ly ra.

– Trưa nào tôi cũng ra đây làm một giấc. Gió mát lắm!

Tôi nhìn lên đồi, thấy cái gò mồi giống hình người ngồi xây lưng về phía chúng tôi.

– Tôi có nghe kể về chuyện cô gái chết nhưng linh thiêng lắm. Anh biết chuyện đó không?

– Chuyện linh thiêng thì tôi không tin, vì đôi khi chỉ là sự trùng hợp tình cờ. Nhưng chuyện về cô gái đó thì tôi biết rõ. Vì nó xảy ra cùng lúc với vụ đụng độ mà tôi vừa kể cho mấy anh nghe đó.

– Anh có thể kể vắn tắt cho tụi này nghe được không?

– Chuyện chẳng có gì lạ lùng cả. Lúc đụng độ thì cái gò mồi chưa cao và to như vậy...

Tôi đoán chừng.

– Sau đó cái gò mới nổi lên giống hình cô gái ngồi nên người ta thêu dệt nên một chuyện linh thiêng, phải không?

– Cũng gần như thế. Trong toán nghĩa quân, có một anh chàng là chồng của cô gái ở nhà này, nên ông phó giao cho hai vợ chồng cái chốt đàng kia, canh chừng địch. Coi như vừa làm việc nhà vừa làm việc nước. Hai người mới cưới nhau được có nửa năm.

Anh ta trầm ngâm.

– Cô ta có bầu được ba bốn tháng. Lúc đụng độ, cô ta không ở trên chốt mà ở nhà, ở đây. Cô với cha mẹ nấp dưới hầm nên vẫn bình yên. Sáng hôm sau, sau vụ đụng độ, cả đơn vị, dù và nghĩa quân theo đường núi vào Nam. Anh chàng nghĩa quân có hẹn với vợ là sẽ quay lại. Nếu tình hình khó khăn, nguy hiểm thì anh ta sẽ về ban đêm, điểm hẹn là cái gò đó. Thế nên, khi thành phố bị địch chiếm, làng xã bị kiểm soát, cô ta không hi vọng gặp chồng ban ngày nên buổi tối cô ta thường mang chiếc võng, mùng mền ra ngoài chốt kia ngủ để chờ chồng. Thường thì cô ngủ lại ở đó đến gần trưa mới vô. Cha mẹ thấy cô mang bầu, thương con, cứ để cho cô ngủ, khi nào thức dậy thì vô nhà. Bữa đó đến chiều, không thấy cô vào, bà mẹ mới ra đánh thức con. Không ngờ ra đến nơi thì chỗ con gái nằm, mồi đã đùn lên ngập xác cô, như một nắm mồi. Hai ông bà chưa biết tính sao thì hôm sau, mồi phủ cao lên nữa, đành để vậy. Hôm trước đó, cô gái đã than là trong người khó ở, bị sốt, không chịu ăn uống. Cha mẹ cản ngăn nhưng cô vẫn lên chốt ngủ chờ chồng. Có lẽ cô bị trúng gió hay trở bệnh bất ngờ, không ai cứu giúp nên phải chết, vừa lúc mồi đùn gò ngập luôn xác của cô.

– Nhưng nghe nói cô linh thiêng lắm, anh có biết tại sao không?

– Số là một năm sau đó, có chuyện xảy ra dưới quốc lộ, chỗ đường mòn mà mấy anh dẫn xe vô lúc nãy. Chuyện như thế này. Một buổi tối, trời mưa to, có chiếc xe khách chạy lên đèo. Vì mưa quá lớn không thấy đường sá gì cả, anh tài xế phải lái rất cẩn thận. Lúc xe vừa định quẹo cua, đổ đèo thì thấy một chị đàn bà, bụng mang bầu, đi băng qua đường. Anh tài xế hoảng kinh, vội thắng gấp rồi thò đầu ra cửa xe chửi thề chị đàn bà là đui, là ngu. Chị ta không nói năng gì cả, cứ lẳng lặng đi qua rồi khuất trong mưa. Chửi xong anh ta cho xe chạy. Nhưng chưa kịp sang số thì thấy một chiếc xe tải chết máy, nằm lù lù một đống, không đèn đóm, không dấu hiệu gì cả. Nếu không vì chị đàn bà băng qua đường mà phải thắng gấp, anh ta đã cho xe húc vào đít chiếc xe tải chết máy nằm đó rồi, chắc chắn là xe phải rớt xuống đèo. Thật hú vía! Anh tài xế xuống xe, cứ hướng chị đàn bà đã đi khuất mà vái lạy rồi rít. Không hiểu nghe ai kể mà anh tài xế, ít lâu sau, ra kêu người nhờ xây cái miếu chỗ khúc quanh suýt xảy ra tai nạn. Không may cho anh ta, mới đổ gạch xuống đó thì gặp mấy ông công an xã đi ngang. Họ dừng lại hỏi lý do xây miếu, hỏi giấy phép. Anh tài xế kể lại chuyện xảy ra hôm trước, nhưng chẳng ai tin. Vụ xây miếu bị ngưng. Mấy ông công an kéo nhau lên chỗ gò mồi, ông trưởng công an xã rút súng bắn vào cái mồi để thị uy “Chết là hết. Không có ma quỷ, thần thánh gì cả. Cái mồi này

sẽ bị san bằng nay mai” Vì mấy ông đó đi nhậu về, say quá nên khi xuống đồi, xe bị lọt hố, ông trưởng công an xã bị gãy tay. Thế là người ta đồn rầm lên là ông ta bị “Cô” vật.

– Tôi có đọc một truyện ngắn tương tự. Có lẽ người ta dựa theo đó, cùng với lòng thương cảm cô ta mà thần thánh hóa câu chuyện để người đời truyền tụng.

Anh ta như không để ý lời tôi, kể tiếp.

– Ít lâu sau, anh tài xế được nhắc ra, cho phép tiếp tục xây cái miếu, nhưng không ai dám giúp vì sợ bị bắt. Vừa may gặp tôi, tôi thầu luôn. Xây xong miếu, tôi vào chùa, xin thầy trụ trì viết cho một bài vị bằng chữ nho. Phần trên đề mấy chữ thật lớn Anh Hùng, Liệt Nữ. Dưới đó là tên cô gái và tên mấy anh lính chết trận. Tôi đem đến thợ đá nhò chạm cho một bia nhỏ để thờ trong miếu. Thành ra, ngày rằm, mùng một, xe cộ ngang qua đây thường dâng lễ vật, khăn vái, xin “Cô” phù hộ đi đường bình an.

– Bộ anh nhớ hết tên mọi người chết trên đó sao?

– Nghĩa quân là đồng đội, cùng đơn vị bao nhiêu năm. Với các anh bên nhảy dù, sống với nhau hàng tuần lễ, chỉ cần nghe tiếng nói tôi cũng biết là ai, tên gì. Và lại phải nhớ tên mấy người đã chết, để sau này thân nhân đi tìm mà chỉ cho họ.

Thấy trời đã về chiều, tôi bàn đến chuyện xây má, anh ta đề nghị.

– Nên xây từ từ, không cho chính quyền biết, hết tiền tôi sẽ ghé nhà quý anh lấy thêm.

– Anh đừng lo, tôi là Việt kiều, anh cứ tính công vào cho sòng phẳng. Chẳng bao nhiêu mà ngại. Tôi để tiền lại, anh cứ ghé bạn tôi mà lấy.

Tôi nhờ anh ta đưa chúng tôi ra thăm gò mối là mộ của cô gái. Trông không khác bất cứ gò mối nào ở trong rừng, nhưng rất to, kích thước cũng cỡ một ngôi nhà nhỏ. Đứng gần thì không hình dung được, nhưng nếu lùi ra xa, đi vòng phía bên kia, sẽ thấy giống hình một người đàn bà với mái tóc dài, ngực lớn, ngồi xây mặt vô núi. Có một cái nắm nhỏ hơn, giống đứa bé ngồi tựa vào lòng mẹ. Tôi hỏi.

– Trông giống Hòn Vọng Phu, nhưng sao Hòn Vọng Phu này lại xây mặt vô núi?

Anh ta có vẻ đăm chiêu.

– Hai mẹ con chờ người trong núi ra.

Buổi chiều âm u, cảnh vật im lìm, tôi cảm thấy rờn rợn, tưởng chừng cái nắm mộ vĩ đại giống hình người kia cũng có linh hồn, có cảm giác và đang lắng nghe chúng tôi chuyện trò. Tôi nói.

– Đáng lẽ phải đem nhang ra đây...

– Vô nhà cúng cũng được. Trong đó có thờ cô ta.

Khi vào nhà, chúng tôi xin được thắp nén nhang, lễ trước bàn thờ tổ tiên, thân nhân của chủ nhà. Anh ta vén tấm màn che bàn thờ lên và lấy nhang, quẹt diêm đốt, trao cho chúng tôi. Tôi thấy trên bàn thờ có để hình hai người lớn tuổi, có lẽ là cha mẹ anh ta. Phía trước là hình một cô gái, diện mạo bình thường, hơi mập, mặt tròn, nụ cười hiền lành, chất phác. Cạnh hình cô ta là hình một người thanh niên.

– Có phải hình thờ bên cạnh là chồng cô ta không?

–Đúng rồi! Vợ chồng phải thờ bên nhau cho có đôi.

Tôi nhìn hình người đàn ông, thấy ngờ ngợ như gặp ở đâu? Nghĩ mãi một lúc, quay nhìn anh ta...hóa ra là hình của chính anh.

–Ủa, anh chưa chết mà sao lại thờ, hay là hình người khác?

– Hình của tôi đó! Cô ta là vợ tôi. Khi cô ấy mất, tôi về đây phụng dưỡng cha mẹ vợ.

– Nhưng sao anh lại thờ chính mình?

Anh cười buồn, đôi mắt xa xăm.

– Khi học tập cải tạo, cán bộ bảo rằng nước Việt Nam Cộng Hòa không còn nữa. Tối đó, tôi nằm khóc suốt một đêm. Tôi biết, thế là hết. Đất nước tôi, quê hương, bản quán của tôi đã bị người ta chiếm mất rồi! Cán bộ nói rõ là chúng tôi đáng tội chết, chúng tôi không còn là người dân nước Việt Nam nữa. Chúng tôi sẽ bị kiểm soát, theo dõi như những người tù.

Bạn bè, đồng đội, đũa nào cũng buồn, không muốn gặp mặt nhau! Tôi như người lính duy nhất còn sống sót, lang thang giữa một vùng quen thuộc nhưng không còn nơi để trở về. Cảm tưởng

rõ rệt nhất là khi tôi đứng trước quận hành chánh nhìn vào. Quận đường vẫn nguyên vẹn, vóng gác trước cổng, nơi tôi thường ngồi gác vẫn còn đó, nhưng tôi không còn quyền yêu thương nơi đó nữa. Tôi đã bị xua đuổi khỏi quê hương tôi.

Tôi sống một mình ở đây nhưng lại cảm thấy được gần gũi với bao người thân yêu chung quanh. Thỉnh thoảng tôi ra ngồi tâm sự với vợ con tôi ở gò mả ngoài kia. Khi thì tôi qua bên kia đồi, cạnh các ngôi mộ, chuyện trò với đồng đội nằm dưới đó. Tôi nghe được, hiểu được những gì các bạn nói với tôi. Tôi nghe cả tiếng cười đùa của họ, nghe cả tiếng lách cách của súng đạn va chạm nhau, ngửi được cái mùi lính, mùi quen thuộc của mồ hôi thấm vào áo trận. Tôi ngồi đó để cảm thấy được an toàn đồng đội như những lúc hành quân, những ngày đóng chốt cũng như khi đụng độ với giặc.

Tôi ngồi đó để tưởng nhớ nước Việt Nam Cộng Hòa thân yêu của tôi.

Tôi để hình tôi trên bàn thờ là coi như mình đã chết theo với nước Việt Nam Cộng Hòa của tôi. Tôi chỉ sống lây lất, lo nhang khói cho đồng đội, cho cha mẹ, vợ con. Khi nào thực sự nhắm mắt thì tôi đã có sẵn cái huyệt mộ, gần vợ con tôi, ngoài kia.

Phở Xe Lửa, ông Toàn Bò và chợ Eden

Tiểu bang Virginia và các vùng phụ cận (Washington DC, Maryland) có độ bốn, năm chục nghìn người Việt, có thương xá Eden (gọi là chợ Eden) với hàng trăm cửa tiệm. Mỗi cuối tuần hoặc ngày lễ, người Việt các nơi tụ về chợ Eden để ăn uống, mua sắm và lang thang trên các hành lang chợ...cho vui.

Trước năm 1980, người Việt chưa có bao nhiêu, chợ Eden gần như hoang phế, cỏ mọc trùm lum, vài cửa hàng lèo tèo. Khi người Việt đến mượn chỗ để buôn bán, chợ trở nên sầm uất. Chủ chợ là người Do Thái, bắt đầu lên giá mượn, cứ lên giá liên tục, hiện nay hình như 50 đô la cho mỗi square foot (một năm) và có thể sẽ lên giá nữa. Tôi không biết giá đó mắc hay rẻ, nhưng đã có nhiều bà "tưng bừng khai trương" và ít lâu sau bán nhà để trả tiền mượn chỗ trước khi "âm thầm dẹp tiệm". Bà này rút lui thì bà kia nhào ra làm con thiêu thân. Tôi nói "bà" vì đa số các bà mở tiệm ăn. Ở nhà, nấu dở, nhưng chồng con "phải" khen ngon, các bà tưởng thật, bèn mở tiệm ăn. Để rồi mất ăn, mất ngủ và mất nhà.

Chợ Eden là chợ duy nhất ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ không có "người ngoại quốc", nghĩa là người bán, người mua và người đi chơi toàn người Việt. Hiếm hoi lắm mới thấy một bà dẫn ông chồng Mỹ đi ăn tiệm.

Chợ Eden có nhiều tiệm ăn, trong đó có tiệm phở Xe Lửa của ông Toàn Bò là nhiều người lui tới, vì đó thường được làm điểm hẹn của bạn bè phương xa đến Virginia. Ông từ Florida lên, bà từ California qua, cứ hẹn gặp nhau ở tiệm phở Xe Lửa của ông Toàn Bò là ai cũng biết, cũng đến đúng chỗ. Ông chủ tiệm phở tên Nguyễn Thế Toàn nhưng mọi người gọi ông là Toàn Bò, mặc dù ông ta vẫn đi trên hai chân như người bình thường. Trong tiệm, ông dành sẵn một bàn riêng cho bạn bè. Họa sĩ, nhà báo, nhà thơ, nhà văn...hoặc không "nhà" gì cả cũng có thể đến ngồi tán phét bao lâu cũng được. Lại có sẵn một bàn cờ tướng cho thiên hạ chơi, giống như quán cát tóc bên đường ở Việt Nam vậy. Có điều lạ là ngồi vào bàn đó, không ông nhà báo nào nói về báo chí, không ông văn, thi sĩ nào nói chuyện văn chương, thi phú mà toàn những chuyện tào lao thiên địa, mĩa mai, chọc ghẹo nhau để cười với nhau.

Riêng ông chủ Toàn Bò, vốn là luật sư trước 75, nên khi nói chuyện, ông ta lý luận rất vững chắc, "tam đoạn luận" đàng hoàng, cho nên dù bạn là nhà hùng biện, khi tranh luận với ông ta,

bao giờ bạn cũng đuối lý. Sau khi đã chiếm thượng phong, ông ta bồi thêm một câu mỉa mai để quý vị ngồi quanh bàn cười khà khà. Nhiều ông không biết đó là giỡn chơi nên tự ái, không thèm ghé tiệm nữa.

Ông Toàn Bò không bao giờ bước ra khỏi tiệm phở. Sáng đến mở cửa tiệm, tối đóng cửa tiệm, về nhà. Quan, hôn, tang, tế... không có ông ta. Bạn là bạn thân của ông ta, lẫn ra chết, chưa chắc ông ta đến vĩnh biệt bạn. Lời chia buồn trên báo thì có. Nhưng đừng tưởng ông ta không ra khỏi tiệm mà kiến thức của ông ta không được cập nhật hóa. Cứ thấy ông ta ngồi lim dim mắt mà tưởng ông ta tham thiền nhập định, chuyện thế gian gác bỏ ngoài tai. Không phải vậy. "Thiên lý nhĩ" đấy! Ngồi trong "tiệm phở" mà biết chuyện ngàn dặm. Bạn thử đến và khơi mào "Hôm qua, ông X. bị sao đó, nghe nói đã đưa vô bệnh viện rồi. Tôi định rủ vài ông nữa cùng đến thăm..." Tức khắc bạn sẽ được điều chỉnh "Trễ rồi ông ơi! Vừa tắt thở lúc một giờ sáng, đã đưa sang nhà quàn rồi. Ông có muốn chia buồn thì ghi tên vào tờ giấy đăng kia, để đưa lên báo"...Nhiều lúc thấy một ông, bà nào đó thì thăm với ông Toàn Bò. Rất có thể (có thể thôi), tình báo nước ngoài đến mua tin tối mật của nước Mỹ đấy.

Phở Xe Lửa của ông Toàn Bò là tiệm duy nhất trên nước Mỹ có một tủ sách đồ sộ và trên tường treo đầy tranh. Không phải tranh trang trí như vẽ tô phở, con cá chiên, chùm nho, chai rượu hoặc tranh tào lao, rẻ tiền... mà là tranh nghệ thuật của các họa sĩ danh tiếng. Tranh chính gốc chứ không phải bản sao. Người ta hỏi mua, ông không bán.

Hầu như họa sĩ nào đến tiệm phở của ông Toàn Bò đều phác họa cho ông ta một tấm chân dung. Bức nào cũng vẽ ông ta cười toét miệng đến mang tai. Vì dung nhan mùa hạ ông ta không khá lắm, nên gặp họa sĩ trừu tượng, ấn tượng, biểu tượng, siêu thực hoặc hậu hiện đại... thì dung nhan đó được vẽ thành của người khác. Không giống ai!

"Ủy Ban Thường Trực" (ngồi nhiều nhất) ở phở Xe Lửa cũng khá đông. Ông Cò Ly, nhà (bán) báo, có sạp báo trước cửa phở Xe Lửa, chỉ "mở cửa tiệm" sáng thứ Bảy và Chủ nhật, ngày thường ông bận nhổ lông mày, dặm lưng cho người đẹp. Họa sĩ Tấn Đức có tiệm khung hình giảm giá 75%. Ông Bình Gió Mới đã đóng cửa tờ Gió Mới. Ông Bạch Thái Hồ, gặp ai cũng mở máy ảnh ra, đòi chụp hình "Ngồi yên... Xong rồi! Hình sẽ đẹp lắm đấy!" Ông Ngô Đình Châu, "vũ sư điệu cha cha cha" vì bị stroke, đi lạng quạng như nhảy cha cha cha. Ông này vừa ngồi xuống lại lò mò ra ngoài tiệm "ba mươi giây khói lửa" (hút thuốc). Ông "cựu" dược sĩ Thịnh, vô tiệm, ngồi xuống là mở máy nói. Thấy tôi thì kêu lên "Vua phụ!" (phịa?) Coi bộ ông ta giỏi như bác sĩ, bệnh gì cũng biết, thuốc gì cũng biết. Bệnh hoạn, cứ hỏi ông ta, miễn phí. Ngày xưa, ở Việt Nam, đau đầu, nhức răng, trẻ khóc đêm...cứ bệnh gì, cứ ra tiệm thuốc tây khai bệnh với dược sĩ, mua thuốc về uống, công hiệu như thần. Ông bác sĩ Dương Quang Hón, chuyên về mắt, nhưng bệnh nhân đến chữa trị phải chuẩn bị đôi tai để nghe ông ta nói liên tục những chuyện ít liên quan đến mắt. Trước đây còn có ông Giang Hữu Tuyên, chủ báo Hoa Thịnh Đồn Việt Báo, nổi tiếng với bài thơ "Trời Mưa Đi Phát Báo", chưa vào tiệm đã nghe oang oang giọng ông ta. Năm kia, ông ta bị đứt gân máu và biến mất trên thế gian (quá cố).

Riêng họa sĩ Đinh Cường, tôi xin dài dòng một chút. Ông Đinh Cường rất nổi tiếng, được nhiều người viết và đọc về ông ta trên "net", trên báo vì những chuyện không ăn nhậu gì đến hội họa cả. Ông này ít nói nhưng vẽ thì đẹp. Ở Sài Gòn, đã có tranh giả của Đinh Cường. Người nào ra sách, thơ mà có cái tranh bìa của Đinh Cường thì tác phẩm trở nên sang trọng và giá trị ngay. Ông ta rất thiện chí, ai xin tranh bìa cũng cho, có khi đưa ra nhiều bức để người xin lựa chọn. Tôi hỏi "Phải chụp hình, sang hình tranh mình rồi đưa cho người ta. Có cà phê cà pháo gì không?" "Chỉ có tờ Đặc San Cựu Sinh Viên Hành Chánh Miền Đông có tặng chút chút để uống cà phê thôi. Nhưng tờ đó mỗi năm chỉ ra một lần!" Có thể xếp quý vị xin tranh bìa kiểu "chùa" này (trong đó có tôi) thuộc giai cấp bóc lột và trơ trẽn. Trơ trẽn mà tưởng như mình ban ơn cho

ông ta, chỉ thiếu điều chưa nói "Ông hân hạnh lắm mới được tôi dùng tranh ông làm bìa "đại tác phẩm" của tôi đây nhé!". Nói thế nhưng không phải ai cũng vô ơn cả. Có nhà thơ Thái Thụy Vi, khi xin tranh bìa đều có cà phê, cũng chút chút, để tỏ lòng trân trọng và biết ơn. Ông nhà thơ này yêu màu tím vô cùng. Thi phẩm nào cũng tràn trề màu tím. Cái tranh bìa cũng màu tím. Một lần, đã xin được tranh bìa màu tím cho tác phẩm của mình, mấy hôm sau, nhà thơ lại xin được gặp họa sĩ ở tiệm cà phê. Trò chuyện một lúc, ông Thái Thụy Vi dúi vào tay ông Đinh Cường một tờ bạc "Cái tranh bìa đẹp lắm, nhưng nhờ anh cho thêm màu tím vào cho tím hơn nữa". Màu sắc, đậm nhạt được đánh giá bằng tiền?

Trở lại tiệm phở Xe Lửa của ông Toàn Bò. Chủ nhật nào tôi cũng rủ họa sĩ Đinh Cường ra đó uống cà phê. Tôi có viết linh tinh chút đỉnh, được quý vị ngồi ở bàn thường trực đó vinh danh là "nhà văn". Tôi khoái lắm. Sau lại được thăng cấp thành "nhà tiểu thuyết", tôi càng khoái, mặt vênh lên. Không ngờ cái mỹ danh "nhà tiểu thuyết" bị rút gọn thành "nhà tiểu". Họa sĩ Đinh Cường cũng được vinh danh là "đại họa sĩ". Cũng xứng thôi. Nhưng rồi được rút lại thành "đại họa".

Thế là mỗi khi chúng tôi bước vào tiệm phở Xe Lửa, quý vị đó nhao nhao lên "Chào nhà tiểu. Chào đại họa gia!"

Cà phê cà pháo

Một buổi sáng nào đó, mấy ông bạn gọi nhau đi uống cà phê. Tiệm cà phê có mấy cái bàn đặt ngoài hiên, trên lề đường, kiểu cà phê vỉa hè ở Việt Nam hay cà phê Starbucks ở Mỹ thì càng quý. Ngồi đó cả ngày cũng chẳng ai đuổi mà chuyện trò cũng thoải mái. Ở Âu Mỹ mình nói tiếng Việt. Thỉnh thoảng cười với nhau thì họ biết ngay là mình đang nói chuyện vui. Không bao giờ tôi thấy người Âu Mỹ uống cà phê mà cười. Chuyện họ nói thường là thời tiết, thời sự. Họ không biết cái thú trò chuyện bên ly cà phê của người Việt mình. Họ thường ngồi một mình đọc báo, đọc sách. Nhiều ông cũng làm như ta đã là dân Tây, mũi hết tẹt, da hết vàng, cũng cầm quyển sách ngồi chăm chú đọc, ra vẻ "ta đây" trí thức (trừ những ông nghiên cứu thực). Lớn tuổi, đọc sách, báo (không phải nghiên cứu) phải nằm ườn trên giường hoặc trên ghế xa lông, trên võng..., dang tay, dang chân... rồi ngủ quên. Hạnh phúc vô cùng!

Ra tiệm ngồi uống cà phê một mình là có tâm sự nào đó. Ngồi gặm nhấm nỗi buồn, có khi thờ dài hoặc chết lặng, không biết làm sao cho hết buồn? Cũng có ông, thích ngồi một mình, chả suy tư, ngẫm nghĩ gì. Ở Sài Gòn, đầu hẻm thường có quán cà phê, nhiều ông, bà ra gọi một ly, ngồi "chờ hờ" (hai chân trên ghế, bó gối), chẳng nói năng, nhìn ra đường, thỉnh thoảng, đồ cà phê ra đĩa, bung húp (cho bớt nóng). Bây giờ ở Việt Nam, uống cà phê vỉa hè mà nhìn thiên hạ chạy xe ngoài đường, đông như kiến, khói mù trời, còi bóp inh ỏi... một lát là chóng mặt. Trước 1975, thời còn sinh viên, sáng Chủ Nhật ra Thanh Bạch (Sài Gòn) tôi với vài người bạn kêu bò kho bánh mì, uống ly sữa tươi. Tuổi đó, tụi tôi không biết uống cà phê, hút thuốc, chỉ sau này, đi làm mới sinh tật thuốc lá, cà phê cho ra về người lớn, phong trần.

Rủ nhau đi uống cà phê, càng đông càng vui. Bước chân ra cửa là đã vui rồi. Háo hức như thời trẻ, đi gặp người yêu. Trẻ có bạn. Lớn có gia đình, vợ con. Già... lại có bạn. Ông nào không có bạn cà phê tại vì mình bần tính, thích chê bai, trách móc người này người kia, hoặc tự khoe khoang, mình đã làm việc này việc nọ. Tệ nhất là giành nói, không chịu lắng nghe người khác. Vị nào được mời đi uống cà phê vài lần rồi bạn bè làm lơ vì mình thô lỗ, ăn nói cục cằn. Họ đáng được mời đi nhậu để có dịp gây lộn, đánh chửi nhau. Mấy ông già, cứ thui thủi trong nhà suốt ngày, con cái đã lớn, đã như chim rời tổ, chỉ còn lại mục dzợ già, thấy hoài phát ngán, lại thêm tính lắm cẩm, lâu bầu suốt ngày, nhẩn như khi ăn ớt...Chỉ gặp bạn là vui, càng "nói bậy" càng vui. Mấy bà cũng rứa, nhưng phải thật thân, mới dám nói chuyện bậy bạ mỗi khi tụ tập ăn

uống riêng với nhau, đối đáp trên điện thoại hoặc đi chung xe (không có đàn ông) với nhau. Các ông thì thân, sơ gì cũng xô “tiểu lâm”. Uống cà phê thì không nên nói chính trị, không nói đến chuyên môn, nghề nghiệp. (Xong buổi cà phê, tan hàng, bàn chuyện làm ăn sau. Lúc đó thì nước trà hoặc bia rượu, nước ngọt gì cũng được, đó không phải là “Hội Cà Phê”. Ông chủ gara không nói chuyện sửa xe. Các ông văn, thi sĩ không nói chuyện văn chương. Họa sĩ không nói chuyện tranh. Nhà báo không nói chuyện báo chí.... Họ tối kỵ đem những chuyện đó vào bàn cà phê. Bình luận văn thơ hoặc “mặc áo thụng vái nhau” trên bàn cà phê chỉ làm người khác mất vui. Bàn cà phê thường nói chuyện tào lao để tâm trí thoải mái, vui vẻ với nhau. “Trà Đạo” quy định những kiểu cọ quá rắc rối. Bưng chung trà đưa lên mồm cũng bày đặt này nọ. Trà Đạo chỉ cốt đánh lừa, dụ dỗ những ông bà ảo tưởng là mình quý phái. Người Nhật, gì cũng đạo, giết người cũng là đạo. “Kiếm đạo, Nhu đạo, Không thủ đạo”.... Trà Đạo là để đọc cho vui thôi chứ chẳng ai theo, trong khi dân cà phê, chỉ vài ba người, tâm đầu ý hợp, đã thành “Hội Cà Phê”. Uống cà phê với nhau phải vui, không nghiêm trang, long trọng như “Trà Đạo”. Thông thường, câu chuyện mở màn, (trong khi chờ cà phê đem ra) là tự chế giễu mình, người khác thêm thắt vào cho thêm rôm rả. Mấy ông lớn tuổi thích “khoe” bệnh của mình một cách bình thản. Bệnh này, bệnh kia. Coi như chuyện đương nhiên. Chẳng ông nào sợ chết. Với tuổi già, họ bất lực, không hy vọng thoát khỏi tay tử thần nên chẳng thêm nghĩ đến. Sống lâu thêm chật đất. Càng già càng lú lẫn, càng yếu đuối, lại thêm bệnh tật, chỉ làm khổ người khác.... Ai cũng cầu mong được ngủ một giấc và không thức dậy “Tu mười kiếp mới được như vậy”. Dĩ nhiên có bệnh thì chữa, như ra trận phải cẩn thận trước kẻ thù. Giỡn mặt tử thần đâu có được!

Ra tiệm cà phê với bạn, đôi khi còn thú vị hơn trước kia hẹn hò với người tình. Khi tan hàng (cà phê) tâm trí sáng khoái, yêu đời, yêu người, yêu chung quanh. Gặp ai cũng sẵn nụ cười chào hỏi. Đáng tiếc là quý bà, ít người biết được cái thú này. Tôi nói chung chung về chuyện uống cà phê với mấy ông bạn già chúng tôi chứ mấy cậu sồn sồn ở Mỹ đến tiệm cà phê là để xem football, cá độ và để ngắm các em bưng cà phê. Ở Cali., nhiều tiệm cà phê có các em “áo hai dây, quần một ống” được quảng cáo trên internet, khách đến chật tiệm, đa số là thanh niên chứ mấy ông già, chân tay rũ liệt, đến đây làm gì. Đôi khi muốn giải trí, các cậu đến mấy tiệm “vũ xét xi” xem mấy em “không mảnh vải che thân!” nhảy múa. Nhớ cách nay vài chục năm, khi chúng tôi (còn ở tuổi trung niên) mới qua Mỹ, tiểu bang Virginia, có nhà thơ Hoàng Trung Dương (qua trước) đưa năm bảy người chúng tôi đi xem “vũ xét xi” trên Washington DC.

Chúng tôi ngồi một bàn, mỗi người một chai bia, trước mặt là dãy sân khấu có năm cây cột kim loại sáng bóng. Mỗi em một cây cột. Thật tội nghiệp! Chẳng em nào có áo quần. Các em cứ ôm cây cột mà trèo lên tụt xuống, đánh đu, vặn vẹo, uốn éo quanh cây cột trông rất vui và tức cười chứ chẳng thấy kích thích, ham muốn gì. Ông bạn nhà thơ đưa cho mỗi đứa mấy tờ đô la (chúng tôi mới qua Mỹ, chẳng có xu nào) rồi ông ta làm trước, chúng tôi lần lượt làm theo (mấy khán giả khác cũng làm như vậy), nghĩa là cầm tờ đô la trên hai tay, để trước ngực, đến đứng sát mép sân khấu. Em vũ nữ cười tình rất dễ thương, uốn éo đến gần, thò tay lấy tờ bạc rồi héch chân lên trước mặt người đó một cái. Chỉ tích tắc thôi. Vậy là xong. Phải về chỗ ngồi cho người khác lên “nạp tiền”. Luật “Cấm sờ vào hiện vật” được áp dụng nghiêm ngặt. Ông nào lạng quạng sẽ bị một tên cô hồn, to như con dã nhân, nắm cổ vắt ra đường. Không chỉ các ông đi xem mà các cô, các bà cũng đến uống bia ngắm người đẹp nhảy múa. Các cô quá đẹp! Cao cỡ thước bảy, chân dài, ngực đùi sạch sẽ, thanh cao, nhất là gương mặt, đẹp một cách trong sáng, thánh thiện như thiên thần. Nghe nói (trừ những cô chuyên nghiệp) những cô đó là sinh viên làm thêm để kiếm tiền chi dụng. Xem “vũ xét xi”, đúng nghĩa là ngắm thân thể cô vũ nữ, xem cô múa và tìm thấy niềm vui, chứ chẳng ai có một chút ý nghĩ dung tục nào. Các cô mới đúng là thần vệ nữ. Quý bà chỉ khoe áo quần chứ làm gì có thân hình đẹp như vậy cho thiên hạ chiêm ngưỡng. Tôi thấy, cuối dãy, có sân khấu riêng cho các cô Ả Rập nhảy múa cho các ông Ả Rập xem. Ai này râu ria tùm lum!

Trước 1975, ở Sài Gòn, cũng có “vũ xết xi”, nổi tiếng nhất là cô Xuân Trang, con gái nữ kịch sĩ Xuân Dung. Cũng trống kèn âm ỉ, cũng uốn éo, quần quai, nhưng trên, dưới đều có “lá chắn chống phi đạn liên lục địa”, phòng thủ tươm tất. Chả ra làm sao! Thà đi biển, ngồi ghé dựa, ngắm mấy em tắm biển còn thoải mái hơn!

Trở lại chuyện cà phê của mấy ông già tụi tôi ở tiểu bang Virginia, miền đông bắc Hoa Kỳ. Buổi sáng, bọn già gọi nhau “Cà phê hè!” cũng có nghĩa là đi điếm tâm, đôi khi về nhà khỏi ăn trưa, vì các tiệm cà phê, tiệm ăn ở Virginia, gần 11 giờ mới mở cửa. Và lại, mấy ông già thường thức khuya, dậy trễ, hẹn giờ đó cho thông thả. Nếu ở Cali. Có cà phê Factory là nơi hẹn hò thì ở Virginia có tiệm phở Xe Lửa của ông chủ Toàn Bò trong chợ Eden. Hẹn nhau đến đấy thì có ngồi từ sáng đến chiều vẫn cứ thoải mái, ông chủ Toàn Bò vẫn nhe răng cười, dù khách có đông đến bao nhiêu “Xin quý vị chờ cho chút” chứ không nhăn nhó, ý muốn đuổi mấy vị “ngồi đồng” choán chỗ như những tiệm ăn khác. Ông Toàn Bò có sáng kiến, kê hai cái bàn sát nhau để bạn bè ngồi để chuyện trò.

Thời đó (cách nay hơn chục năm) bọn chúng tôi (chưa già lắm) họp mặt ở đó trên vài chục mạng. Phần đông làm báo, làm văn, làm thơ, làm họa sĩ và... làm thính (không làm gì cả). Tụ tập ăn uống, cà phê cà pháo, tán láo, cười đùa chán chê, đến trưa mới giải tán. Vài ông móc “tờ số” ghi sẵn lời vợ dặn, đi chợ mua những món gì, ở đâu, giá bao nhiêu? Đem về bỏ tủ lạnh hay để trên bàn? Phải tuân hành tỉ mỉ như thế để khỏi bị vợ rầy! Nhiều ông nán lại thách đấu cờ tướng. Hai ông đấu nhau, các ông khác làm khán giả và làm thầy dùi, chỉ chốt, ý kiến ý cò, la hét cười nói, xô xiên om sòm. “Thua ra!” Ai thua thì đứng dậy, nhường chỗ cho người khác. Ông Cò Ly, trình độ cờ tướng cỡ “vịt chặt chân” (đánh thấp như vịt bị chặt chân) mà gặp ai cũng thách đấu. Đi được một nước đắc ý thì huênh hoang, khoe với khán giả là sẽ cho đối phương chết. Nhưng đến các nước cờ sau đó thì ông thừ người, chẳng biết chống đỡ cách nào để rồi bị chiếu bí. “Thua thì sắp ván khác. Sợ gì!” Ông Cò Ly có sạp báo trước tiệm phở, ham đánh cờ đến nỗi quên người mua báo đang đứng chờ ngoài kia. Ông chủ tiệm sửa xe Minh Auto có thể ngồi đánh cờ tướng từ sáng đến chiều. Ăn thua gì cũng cười. “Chơi cho vui!”. Những chuyện tôi kể vừa rồi là thời vàng son của chúng tôi cách nay hơn chục năm. Càng về sau, càng vắng dần. Ông nào cũng trên bảy mươi, tám mươi, bệnh tật cả lô trong người. Chân yếu tay mềm, chán nản, chẳng muốn đi đâu. “Quân số” hao hụt mà không được bổ sung! Cứ lặng lẽ vui đi. Năm này qua năm nọ. Đến nỗi, ông chủ Toàn Bò chỉ để một bàn cho bạn bè, nhưng cũng thưa thớt. Mấy ông lão tóc bạc gặp nhau, chào nhau, kể bệnh tật mình mà cười như mếu. Thỉnh thoảng, ông Toàn Bò thông báo “Ông X. mất rồi. Đêm hôm qua. Quý vị đóng mỗi người mười lăm đô để đăng báo phân ưu. Ghi tên vào tờ giấy này. Vị nào muốn đến viếng người quá cố thì đến nhà quán B. số... đường..... Từ giờ H. đến giờ G. ngày... tháng... năm”. Rồi thì cái danh sách người chia buồn cũng vui đi. Người chia buồn được lần lượt đôn lên thành người quá cố, cho nên chẳng còn ai để ông thông báo, đòi đóng tiền đăng báo phân ưu. Không phải mọi người đều được “Thành kính phân ưu. Vô cùng thương tiếc” Họ còn sống nhưng nằm nhà, chỉ thích quanh quẩn trước sân, sau vườn. Mắt kém. Lái xe chậm chạp. Có ra hàng cà phê cũng chẳng gặp ai! Đáng kinh ngạc nhất là ông cụ thân sinh của ông Bùi Dương Liêm, trên chín mươi tuổi mà vẫn tự lái xe, ra ăn hết một tô phở. Ông Toàn Bò, chủ tiệm phở Xe Lửa thiếu bạn. Một mình đi ra đi vào, mặt buồn xo như người thất tình. Khách đến, ông cũng miễn cưỡng, thờ ơ. Buồn quá! Ông Toàn Bò dẹp tiệm, về hưu.

Trước đây, bạn bè, bà con từ Việt Nam qua, từ Úc Châu, Âu Châu, Canada, các tiểu bang khác đến tiểu bang Virginia, đều lấy tiệm phở Xe Lửa trong chợ Eden là nơi gặp gỡ, chuyện trò. Ở đó khách có thể tình cờ gặp lại bạn cũ đã mất liên lạc từ lâu, tay bắt mặt mừng... Nay tiệm phở Xe Lửa không còn nữa, phải mời bạn đến các tiệm ăn khác. Tiệm khác chỉ có ăn thôi. Ăn xong phải đứng dậy. Không nơi đâu có cái không khí thân mật, thoải mái, vui vẻ như trong tiệm phở Xe Lửa của ông Toàn Bò.

“Ơi ông Toàn Bò! Nay ông nơi đâu?”